

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 46
1985

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2006

định, thông tri... của Bộ Chính trị, Ban Bí thư...

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm tài liệu, biên tập, song không tránh khỏi những thiếu sót, mong bạn đọc góp ý.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2006

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC
GIA

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 46

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 46 phản ánh tình hình đất nước và sự lãnh đạo của Đảng trong năm 1985.

Năm 1985, tình hình kinh tế - xã hội nước ta có nhiều chuyển biến, sôi động. Trung ương Đảng đã ra nhiều nghị quyết, chỉ thị, thông tri cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội V trên các lĩnh vực kinh tế, quân sự, ngoại giao, văn hoá - xã hội..., đặc biệt đã tổ chức Hội nghị lần thứ tám bàn về giá - lương - tiền. Đây là sự đúc kết kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước ta, là sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách của Đảng không những về giá cả, tiền lương, mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, cơ chế kế hoạch hoá và quản lý, nhằm triệt để xoá bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới. Năm 1985, Đảng cũng tổ chức Hội nghị lần thứ chín bàn về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1986 và quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, mở ra thời kỳ đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 46 gồm 53 tài liệu, trong đó có Văn kiện Hội nghị lần thứ tám, thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), các nghị quyết, chỉ thị, quyết

THÔNG BÁO
Số 54-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1985
Ý kiến của Ban Bí thư về một số công tác
của báo *Nhân dân*

Ngày 9-1-1985, Ban Bí thư đã nghe Ban Biên tập báo *Nhân dân* báo cáo công tác năm 1984, chương trình công tác năm 1985, và có những ý kiến chính như sau:

1. Báo *Nhân dân* là cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng, là tiếng nói quan trọng của Đảng đối với trong nước và quốc tế. Năm 1984, báo *Nhân dân* đã quán triệt và thể hiện đúng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, cả về đối nội và đối ngoại; bám sát và phản ánh tốt phong trào của quần chúng trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, phân phối lưu thông, văn hoá xã hội, quốc phòng, an ninh; tích cực tuyên truyền, cổ động cho việc cải tiến quản lý kinh tế.

Tuy nhiên, báo *Nhân dân* còn có những thiếu sót như: chất lượng tuyên truyền, chỉ đạo chưa cao, lượng thông tin chưa nhiều, hình thức còn thiếu hấp dẫn, v.v..

2. Trong năm 1985, báo *Nhân dân* phải tuyên truyền rộng rãi đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước, động viên mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng trên các mặt; chú trọng tuyên truyền tốt hơn cho các vấn đề: cải tiến quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"; đẩy mạnh công tác khoa học, kỹ thuật; giáo dục đạo đức phẩm chất cách

mạng, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Cần mở rộng hơn nữa mục phê bình, tự phê bình và ý kiến của nhân dân trên báo. Nên mở thêm mục tin tức khoa học kỹ thuật.

Từ nay, trên báo *Nhân dân* cần giảm bớt các tin lễ tân, đi thăm, điện mừng, hội nghị, mít tinh. Báo *Nhân dân* và Ban Tổ chức Trung ương Đảng định quy chế cụ thể và hợp lý về việc đăng cáo phó, tin buồn. Trong dịp Quốc khánh, Đại hội Đảng, các ngày lễ lớn của các nước anh em, có thể viết bình luận khi cần thiết, nhưng không cần đăng toàn văn bài phát biểu của các đại sứ.

3. Báo *Nhân dân* cần xây dựng quy hoạch cán bộ, nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viết, nhất là cán bộ viết trẻ, Ban Tổ chức Trung ương cần tạo điều kiện tăng cường cán bộ cho báo.

Bộ Biên tập báo *Nhân dân* cùng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cần nghiên cứu bổ sung những chế độ, chính sách thích hợp với đặc điểm và điều kiện làm việc khẩn trương của báo *Nhân dân*, chú ý bồi dưỡng, chăm sóc sức khoẻ, đời sống của cán bộ, nhân viên trong cơ quan.

4. Do hoàn cảnh kinh tế nước ta hiện nay, quyết định tạm thời đình chỉ việc xây dựng trụ sở và nhà in mới của báo *Nhân dân*. Trước mắt cần tập trung cải tạo trụ sở của Bộ Biên tập ở 71 Hàng Trống, trang bị thêm phương tiện làm việc cho Bộ Biên tập, và cải tạo các nhà in của báo *Nhân dân*,

đổi mới một số thiết bị, máy móc; Bộ Biên tập báo *Nhân dân* trình với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để quyết định cụ thể về việc này.

Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có kế hoạch tăng thêm số lượng giấy in cho báo *Nhân dân* và cung cấp giấy cho báo một cách ổn định.

Tổng cục Bưu điện cần xem xét việc giảm giá cước phát hành báo và giá cước truyền bá, thu tin của báo *Nhân dân*.

T/M BAN BÍ THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THU**
Số 41-TT/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1985

**Về việc tặng "Huy hiệu Đảng" cho các đảng viên
lâu năm**

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 55 ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 – 3-2-1985), để ghi nhớ công lao của các đảng viên hoạt động cách mạng lâu năm, ngày 27-12-1984 Ban Bí thư đã có Thông tri số 40-TT/TW¹, quyết định tặng thưởng Huy hiệu Đảng cho các đảng viên lâu năm. Huy hiệu có hai loại: một loại tặng các đảng viên có 40 năm tuổi Đảng trở lên; một loại tặng các đảng viên có 50 năm tuổi Đảng trở lên. Để thực hiện chủ trương trên, Ban Bí thư quy định một số điểm cụ thể sau đây:

1. Về đối tượng và tiêu chuẩn xét tặng:

Từ nay, hằng năm cứ đến ngày kỷ niệm thành lập Đảng sẽ tặng thưởng Huy hiệu Đảng cho các đảng viên đang sống có đủ 40 năm, 50 năm tuổi Đảng trở lên. Tuổi Đảng tính từ

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.45, tr.502 (B.T).

ngày được công nhận là đảng viên chính thức. Trường hợp chỉ có ngày kết nạp vào Đảng và không có ngày công nhận chính thức thì căn cứ vào Điều lệ Đảng thời kỳ đó để tính thời gian dự bị, và ngày được coi là đảng viên chính thức. Nếu trong quá trình hoạt động có những năm bị cắt tuổi Đảng thì những năm ấy không được tính.

Những trường hợp đang phải xét tư cách đảng viên hoặc đang bị kỷ luật lưu Đảng thì chỉ sau khi được công nhận có đủ tư cách đảng viên hoặc hết thời gian lưu Đảng được công nhận đủ tư cách đảng viên thì mới được xét đề nghị tặng Huy hiệu Đảng.

2. Quyền hạn xét quyết định:

Đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm báo cáo kịp thời và không để sai sót; huyện, quận, thị uỷ và cấp uỷ tương đương xét và đề nghị tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương xét quyết định, báo cáo danh sách về Ban Tổ chức Trung ương để lịnh Huy hiệu Đảng và giấy chứng nhận.

3. Sử dụng và quản lý Huy hiệu Đảng:

Người được tặng thưởng được đeo Huy hiệu Đảng vào các ngày lễ lớn của Đảng, của dân tộc; của phong trào cộng sản quốc tế; ngày sinh hoạt đảng.

Đồng chí được tặng, khi qua đời, gia đình được giữ Huy hiệu Đảng của đồng chí ấy để làm lưu niệm, trường hợp gia đình không có ai thì đảng bộ cơ sở lưu giữ.

Người được tặng huy hiệu phải giữ gìn cẩn thận, nếu để mất không được cấp lại. Trường hợp người được tặng huy hiệu bị kỷ luật phải đưa ra khỏi Đảng thì đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm thu hồi cũng như thu hồi thẻ đảng và gửi về Ban Tổ chức Trung ương.

4. Tổ chức trao tặng Huy hiệu Đảng:

Các huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ có trách nhiệm tổ chức lễ trao tặng; ở các cơ quan trung ương thì đảng uỷ cơ quan tổ chức lễ trao tặng. Đồng chí bí thư cấp uỷ thay mặt đảng bộ trao Huy hiệu Đảng. Ở những địa phương có điều kiện thuận tiện thì có thể tổ chức lễ trao tặng tại tỉnh, thành phố.

Lễ trao tặng Huy hiệu Đảng cần được tổ chức trang nghiêm, trọng thể, song tránh hình thức, phô trương, gây tốn kém.

Năm nay là lần đầu tiên tổ chức tặng Huy hiệu Đảng, cho nên việc tổ chức trao tặng có thể làm kéo dài đến giữa năm 1985.

Thông tri này được phổ biến tới các chi bộ đảng.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 56-CT/TW, ngày 29 tháng 1 năm 1985

**Về việc củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất
xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền núi**

I - TÌNH HÌNH HỢP TÁC HOÁ Ở MIỀN NÚI HIỆN NAY

Những năm qua, nhân dân các dân tộc nước ta đã nhiệt liệt hưởng ứng đường lối, chủ trương của Đảng, hăng hái tham gia phong trào hợp tác hoá, tiến hành ba cuộc cách mạng, đưa miền núi từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền núi phía bắc, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xác lập rộng rãi. Từ sau ngày giải phóng, nhân dân các dân tộc ở miền núi phía nam đã hăng hái tham gia xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã và các nông, lâm trường quốc doanh để phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới. Sự biến đổi về quan hệ sản xuất đã tạo ra sức sản xuất mới, thúc đẩy sản xuất, kỹ thuật, văn hoá phát triển, góp phần tích cực củng cố quốc phòng, an ninh và tăng cường khối đoàn kết nhân dân các dân tộc, làm biến đổi từng bước bộ mặt miền núi.

Tuy vậy, phong trào hợp tác hoá ở miền núi chưa vững chắc, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nhằm cải thiện đời sống nhân dân các dân tộc, tích cực giải quyết hậu cần tại chỗ và cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho xuất khẩu. Nền kinh tế ở nhiều vùng miền núi còn mang nặng tính chất tự nhiên, nông nghiệp độc canh và quảng canh, rừng tiếp tục bị phá, công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển chậm, đời sống nhân dân còn khó khăn, thiếu thốn. Ở nhiều nơi, hợp tác xã yếu kém kéo dài hoặc chỉ có hình thức.

Có tình hình trên là do các cấp, các ngành chưa quán triệt sâu sắc đường lối cải tạo và phát triển nông nghiệp của Đảng, chưa vận dụng đường lối đó sát đúng với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng vùng ở miền núi. *Phương hướng kết hợp nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến* chưa được xác định phù hợp với từng vùng và chưa được thực hiện tốt trong từng cơ sở và trên địa bàn huyện. *Tổ chức hợp tác xã còn máy móc, rập khuôn* theo kinh nghiệm của các hợp tác xã vùng lúa ở đồng bằng cả về phương hướng sản xuất, hình thức, quy mô tổ chức. Phương thức quản lý kinh tế quốc doanh và tập thể còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp. Nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh không mở rộng hoạt động, làm ăn thua lỗ kéo dài. *Đầu tư* cho miền núi để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân chưa đúng mức. Các chính sách kinh tế đã có nhằm phát huy các thế mạnh của miền núi chưa được chấp hành tốt và còn thiếu những chính sách cụ thể thích hợp với

tình hình và nhiệm vụ mới. Công tác *đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và tăng cường cán bộ* cho cơ sở và các huyện miền núi chưa được chỉ đạo chặt chẽ.

II. CHỦ TRƯƠNG CỦNG CỔ VÀ TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NÔNG THÔN MIỀN NÚI

Miền núi nước ta chiếm 3/4 lãnh thổ, có vị trí đặc biệt quan trọng cả về chính trị, kinh tế, quốc phòng an ninh và xã hội; về kinh tế là vùng lâm, nông, công nghiệp quan trọng và có vai trò rất to lớn về phòng hộ, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi sinh cho cả nước. Phát triển mạnh mẽ nông - lâm - công nghiệp ở miền núi là *một mũi nhọn* trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Cần *khẩn trương củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền núi* đi đôi với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, nhằm đạt được *yêu cầu sau đây*:

- Xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân các dân tộc, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc nông, lâm nghiệp, ngành nghề thủ công nghiệp và công nghiệp phù hợp với các thế mạnh của từng vùng, để nâng cao không ngừng đời sống nhân dân các dân tộc, giải quyết hậu cần tại chỗ, xây dựng nông thôn miền núi xã hội chủ nghĩa; cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tăng nhanh hàng xuất khẩu, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Về quan hệ sản xuất, cần vận dụng các hình thức hợp tác

hoá linh hoạt từ thấp lên cao và áp dụng rộng rãi chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động phù hợp với đặc điểm sản xuất của từng đơn vị và từng vùng.

- Tích cực gộp phần củng cố, tăng cường quốc phòng và an ninh.

- Củng cố và tăng cường khối đoàn kết nhân dân các dân tộc.

Để đạt được những yêu cầu đó, cần *thực hiện tốt những chủ trương sau đây*:

1. Hoàn thành dứt điểm việc giao đất, giao rừng:

Căn cứ vào quy hoạch chung và cản đối lao động - đất đai (rừng, đồi, ruộng, mặt nước) của từng xã, từng đơn vị sản xuất, các huyện cần tiến hành ngay việc giao đất, giao rừng cho các đơn vị sản xuất (nông trường, lâm trường quốc doanh, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất, trường học, đơn vị quân đội).

Các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh phải tính toán lại khả năng sản xuất, kinh doanh của mình, định lại quy mô cho hợp lý và kịp thời giao cho huyện những diện tích không sử dụng hết để huyện giao cho các đơn vị khác.

Huyện cần hướng dẫn cụ thể các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất giao đất, giao rừng cho gia đình xã viên và chính quyền xã giao đất, giao rừng cho nông dân cá thể (ở nơi chưa có quan hệ sản xuất tập thể) gieo trồng, chăm sóc với mức độ thích hợp với từng nơi.

2. Xác định và thực hiện cơ cấu kinh tế đúng đắn, phù hợp với tình hình từng vùng và từng cơ sở

Thực hiện phương hướng kết hợp nông - lâm - ngành

nghề ngay trong từng đơn vị sản xuất cơ sở theo quy hoạch và kế hoạch chung của huyện, xoá bỏ tình trạng độc canh; gắn việc tổ chức lại và phát triển sản xuất ở cơ sở với việc tổ chức lại và phát triển nông, lâm, công nghiệp (hoặc lâm, nông, công nghiệp) trên địa bàn huyện và tỉnh.

Tuỳ tình hình cụ thể từng nơi mà lấy nghề rừng, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc hay sản xuất lương thực làm chính, nhưng phải thực hiện sản xuất, kinh doanh tổng hợp; chú trọng tận dụng đất đai để sản xuất các thứ mau thu hoạch, gắn sản xuất với chế biến để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Ở những nơi đất đai làm lúa quá ít và manh mún, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nên giao cho gia đình xã viên canh tác lúa để hợp tác xã, tập đoàn sản xuất tập trung sức phát triển mạnh kinh tế đồi, rừng.

Từng cơ sở sản xuất cần tận dụng đất đai có khả năng làm lương thực và ra sức thâm canh các loại lương thực (bao gồm cả lúa và màu), tổ chức tốt việc chế biến màu và từng bước cải tiến cơ cấu bữa ăn của nhân dân để tăng sản lượng lương thực và giải quyết vấn đề ăn tại chỗ; mặt khác thông qua hợp tác, liên kết kinh tế, trao đổi sản phẩm với các nơi khác và thông qua xuất nhập khẩu để giải quyết vấn đề lương thực; kiên quyết hạn chế di đến xoá bỏ nạn phá rừng làm nương rẫy. Các tỉnh, huyện cần cố gắng tăng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, tăng thêm phương tiện kỹ thuật (giống, phân bón, thuốc trừ sâu) và ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học kỹ thuật để tăng nhanh năng suất, sản lượng lương thực, thực phẩm, phát triển nhanh các thế mạnh của địa phương.

Mở rộng việc giao lưu hàng hoá giữa các đơn vị sản xuất

và các thành phần kinh tế ở miền núi; phát triển các thị trấn, huyện, thị tứ ở các cụm kinh tế - xã hội và các chợ nông thôn; tổ chức hệ thống kho hàng của thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cần làm tốt việc tổ chức mua gom hàng hoá. Mở rộng giao lưu kinh tế giữa miền núi với miền xuôi và các thành phố.

Gắn với tổ chức lại sản xuất và đời sống ở từng cơ sở mà làm tốt công tác *định canh, định cư*.

3. Về hình thức tổ chức sản xuất và phương thức quản lý

Cần sử dụng những hình thức tổ chức sản xuất linh hoạt, thích hợp với đặc điểm từng nơi và từng ngành, từ *quốc doanh, tập thể, gia đình* đến *sản xuất cá thể*; kết hợp chặt chẽ các hình thức tổ chức đó, làm cho kinh tế quốc doanh - tập thể - gia đình - cá thể gắn bó với nhau trong cơ cấu kinh tế xã hội chủ nghĩa.

a) *Đối với những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp* ở vùng thấp có quy mô hợp lý, phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ, thì ổn định quy mô đã có, và tổ chức lại các *đội sản xuất* theo quy mô vừa phải và cải tiến cách quản lý trong hợp tác xã. Hợp tác xã có thể *phân cấp cho đội* một phần quyền điều hành sản xuất, kinh doanh, cho phép đội được quyền thu hút vốn và sức lao động trong đội để mở rộng sản xuất, kinh doanh, tăng thêm thu nhập cho xã viên, tăng thêm sản phẩm bán cho Nhà nước, cho đội được quyền hạch toán nội bộ phần sản xuất của đội. Ban quản trị hợp tác xã làm nhiệm vụ tổng hợp kế hoạch, bảo đảm những cân đối chủ yếu cho các đội theo kế hoạch sản xuất và giao nộp sản phẩm của hợp tác xã, quản lý việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và phúc lợi

chung của toàn hợp tác xã, thực hiện sự liên kết với các cơ sở quốc doanh sản xuất, dịch vụ kỹ thuật, lưu thông, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng để giải quyết những yêu cầu của hợp tác xã về vốn, về vật tư, về hàng tiêu dùng, về tiêu thụ sản phẩm.

- Ở những nơi mới đi vào làm ăn tập thể hoặc mới xây dựng lại hợp tác xã sau nhiều đợt tan rã, thì phải điều chỉnh lại ruộng đất, xác định lại phương hướng sản xuất, cách thức quản lý, suất khoán, mức khoán, tổ chức *hợp tác xã quy mô nhỏ quản lý một cấp như tập đoàn sản xuất ở Nam Bộ*. Nói chung nên tổ chức hợp tác xã với quy mô gọn trong từng thôn, bản để tiện cho việc đi lại làm ăn, sinh hoạt của xã viên và phù hợp với khả năng quản lý của cán bộ. Ở các thôn, bản lớn, có thể tổ chức hai hoặc ba hợp tác xã nhỏ; các hợp tác xã nhỏ này thực hiện liên doanh góp vốn và sức lao động để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và các công trình phúc lợi chung của thôn, bản.

- Trong hợp tác xã, cần thực hiện tốt nguyên tắc phân phối theo lao động và tuỳ tình hình cụ thể có thể thực hiện phân phối theo vốn (chia lãi) để khuyến khích xã viên góp thêm cổ phần vốn ngoài định mức chung.

- Thực hiện chủ trương *khoán sản phẩm* cuối cùng đến nhóm và người lao động phù hợp với từng ngành, nghề sản xuất kinh doanh với trình độ quản lý của cán bộ và điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của hợp tác xã ở từng vùng, không máy móc, rập khuôn. Yêu cầu chung là xác định rõ suất khoán, mức khoán, thời gian khoán phù hợp với từng hạng đất, từng loại cây trồng, vật nuôi và khả năng thực tế về cân đối vật chất của hợp tác xã; cho xã viên được hưởng

quyền thừa kế đối với cây lâu năm trên đất đai giao khoán; ổn định đất khoán, mức khoán trong một thời gian để khuyến khích các gia đình vượt khoán.

Tùy theo điều kiện cụ thể từng vùng, hợp tác xã hoặc đội sản xuất có thể chỉ bảo đảm những khâu dịch vụ kỹ thuật chủ yếu, cung ứng những vật tư thiết yếu, và giao khoán các khâu còn lại cho gia đình xã viên. Trước mắt, cho các gia đình nhận khoán nhiều loại đất đai, nhiều loại sản phẩm, vừa làm nghề rừng, trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề; song cần từng bước giao cho các gia đình nhận khoán một số cây, con, ngành nghề thủ công theo khả năng từng gia đình. Ở những vùng sản xuất lẻ thuộc nhiều vào tự nhiên, hợp tác xã chưa có điều kiện bảo đảm chi phí sản xuất và các khâu dịch vụ kỹ thuật, thì hợp tác xã khoán gọn cho gia đình các chi phí chủ yếu và phần sản phẩm giao nộp cho tập thể. Đối với các vùng đất nghèo kiệt, hợp tác xã có thể giao khoán cho từng hộ hoặc từng nhóm hộ có lao động và kinh nghiệm trồng cây phủ xanh đồi trọc, tái sinh rừng tự nhiên, trồng cây đặc sản theo quy hoạch và được hưởng lợi như đối với kinh tế gia đình.

b) Ở một số vùng rẽo cao dân cư quá thưa thớt, tư liệu sản xuất quá thô sơ và thiếu thốn, giao thông rất khó khăn, hoặc phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, có thể *duy trì hình thức sản xuất cá thể*, không nhất thiết phải xây dựng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, nhưng cần tổ chức nông dân vào các *tổ đoàn kết sản xuất*.

c) Tổ chức rộng khắp mạng lưới *hợp tác xã mua bán* ở miền núi, có cửa hàng đến thôn, bản làm nhiệm vụ mua gom sản phẩm, cung ứng vật tư và hàng tiêu dùng cho hợp

tác xã và các hộ nông dân trong từng thôn, bản, đấu tranh làm chủ thị trường; phát triển và tăng cường hoạt động của các *hợp tác xã tín dụng* để huy động vốn trong nhân dân phục vụ cho sản xuất, kinh doanh tập thể và hỗ trợ cho gia đình neo đơn, thiếu vốn, tạo điều kiện xoá bỏ tệ cho vay nặng lãi ở nông thôn.

d) Đi đôi với củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất tập thể ở nông thôn miền núi, cần đặc biệt chú trọng phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sản xuất công cụ, công nghiệp chế biến; củng cố vững mạnh các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, các nông trường, lâm trường quốc doanh, các cơ sở quốc doanh dịch vụ kỹ thuật nông - lâm - ngư - công nghiệp, dịch vụ thương nghiệp và đời sống, làm cho kinh tế quốc doanh huyện đóng được vai trò trung tâm chỉ đạo và hướng dẫn sản xuất, chế biến, tiêu dùng.

Quan hệ giữa kinh tế quốc doanh huyện với kinh tế hợp tác xã và các hình thức kinh tế khác được thực hiện thông qua các hoạt động dịch vụ kỹ thuật, hợp đồng hai chiều, tổ chức thu mua và tiêu thụ sản phẩm.

e) Các huyện miền núi cần tổ chức tốt việc liên kết kinh tế giữa các đơn vị kinh tế trên địa bàn huyện và chủ động liên kết với các huyện miền xuôi để có vốn và sức lao động khai thác đất đai, phát triển nông, lâm nghiệp, mở mang thêm ngành, nghề và công nghiệp.

g) Các quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp của trung ương và tỉnh ở các vùng chuyên canh lớn nằm trên địa bàn huyện phải chịu sự quản lý về lãnh thổ của Uỷ ban nhân dân huyện, có nhiệm vụ kết hợp với kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và kinh tế cá thể trong sản xuất, kinh doanh để sử dụng hợp lý cơ sở vật chất - kỹ thuật và sức lao động trong vùng.

4. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và đẩy mạnh việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

Cần phổ biến và áp dụng nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là các thành tựu về sinh học, kết hợp phát huy các kinh nghiệm tốt của địa phương để nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu từng vùng.

Hết sức chú trọng xây dựng các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện vừa và nhỏ và các cơ sở chế biến nông, lâm sản.

Ưu tiên đầu tư phát triển *đường giao thông và các phương tiện vận tải*. Cần xây dựng nhanh các tuyến đường trực trên các địa bàn kinh tế quan trọng và xung yếu, các tuyến đường từ tỉnh đến huyện và từ huyện về các cụm kinh tế. Tăng cường các phương tiện vận tải cơ giới trên các trực chính, khuyến khích phát triển các phương tiện vận tải thô sơ, nửa cơ khí, tổ chức các hình thức vận tải tập thể, tư nhân.

5. Phát triển văn hoá, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa

Đi đôi với củng cố, tăng cường quan hệ sản xuất và phát triển sản xuất, cần đẩy mạnh việc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, chú ý xoá nạn mù chữ, bổ túc văn hoá cho nhân dân các dân tộc, tổ chức tốt việc học tập cho con em, phát triển mạng lưới y tế và phong trào vệ sinh, phòng bệnh, vận động đồng bào xoá bỏ hủ tục, mê tín dị đoan.

III - TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Hợp tác hoá và phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến ở miền núi là trách nhiệm chung của cả nước.

1. Trước hết, các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp ở miền núi cần nâng cao hơn nữa tinh thần tự lực, tự cường, chủ động vươn lên, phát huy đầy đủ năng lực của đảng bộ và chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Phải đặc biệt coi trọng kiện toàn và tăng cường cấp huyện, nhanh chóng hoàn thành việc phân cấp cho huyện, làm cho cấp huyện thực sự có đủ sức tổ chức lại và phát triển kinh tế lâm - nông - công nghiệp hoặc nông - lâm - công nghiệp và cải tiến quản lý kinh tế trên địa bàn huyện, có đủ sức chỉ đạo, giúp đỡ các xã và các đơn vị sản xuất cơ sở tổ chức lại và phát triển sản xuất, không ngừng củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền núi.

Phải ra sức củng cố cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở và tăng cường cán bộ cho cơ sở ở những vùng quan trọng, xung yếu nhưng còn yếu; tăng cường vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát động cho được phong trào cách mạng sôi nổi của nhân dân để tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, xã hội chủ nghĩa.

Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân và các ngành ở cấp tỉnh, nhất là các ngành kinh tế, cần có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các huyện, các cơ sở thực hiện tốt việc tổ chức lại và phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế; cần phải đi sát thực tế, tăng cường kiểm tra đôn đốc việc thực hiện ở cấp dưới và cơ sở, thường xuyên sơ kết, tổng kết kinh nghiệm để kịp thời phát huy những điển

hình tốt, những nhân tố mới và uốn nắn, khắc phục những lêch lạc.

2. Các ngành trung ương cần căn cứ vào Chỉ thị này soát xét lại chủ trương, kế hoạch đã có và trách nhiệm của mình đối với việc phát triển kinh tế, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền núi để bổ sung các chủ trương, chính sách cần thiết thuộc phạm vi chỉ đạo của ngành, tích cực chỉ đạo, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương miền núi làm tốt nhiệm vụ này.

Ban Tuyên huấn cần chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền, báo chí tích cực tuyên truyền cho việc củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền núi.

Ban Tổ chức Trung ương cần có kế hoạch khẩn trương bổ sung cán bộ cho các tỉnh, huyện miền núi.

Ban Nông nghiệp Trung ương cùng các ngành trong khối nông nghiệp có trách nhiệm giúp Ban Bí thư triển khai việc thực hiện Chỉ thị này.

*
* * *

Chỉ thị này được phổ biến đến cơ sở.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 57-CT/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1985

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với
các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp**

Trong những năm qua, các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp đã thực hiện tương đối tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, có tiến bộ trên nhiều mặt công tác. Các ngành đã chăm lo xây dựng tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, do đó chất lượng công tác được nâng lên, những thiếu sót trong công tác được khắc phục dần; mặt khác đã phối hợp tốt hơn trong cuộc đấu tranh chống tội phạm, vi phạm, góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng.

Tuy nhiên, trong tình hình cuộc đấu tranh chống các âm mưu và hoạt động phá hoại nhiều mặt của bọn... câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và đấu tranh chống tiêu cực trong nội bộ đang diễn biến phức tạp, pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được tăng cường đúng mức,

sự chỉ đạo đấu tranh chống tội phạm, vi phạm, cả trong cơ quan nhà nước, trong quân đội và ngoài xã hội chưa kiên quyết và kịp thời, còn để lọt nhiều loại tội phạm, nhất là trên lĩnh vực kinh tế.

Một nguyên nhân của tình hình trên đây là các cơ quan bảo vệ pháp luật đang còn những mặt yếu kém, chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ đã được Nhà nước quy định; các cấp uỷ đảng và cơ quan chính quyền địa phương chưa lãnh đạo đúng mức và chưa tạo điều kiện cho các ngành đó thực hiện tốt nhiệm vụ, có nơi còn buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay công việc của cơ quan bảo vệ pháp luật.

Để phát huy chức năng, nhiệm vụ của các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tình hình hiện nay, các cấp uỷ đảng cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực công tác này, trước mắt làm tốt những việc sau đây:

- Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ của ba ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp về đường lối, chủ trương, chính sách đấu tranh chống phản cách mạng, đấu tranh giữa hai con đường, tăng cường quản lý kinh tế, quản lý xã hội, định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo công tác của ba ngành, lãnh đạo chặt chẽ công tác đảng, củng cố tổ chức đảng ở những ngành này.

- Coi trọng củng cố, kiện toàn tổ chức các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp. Các cấp uỷ địa phương cần có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho ba ngành. Trước mắt, cần chọn cán bộ tốt, có triển vọng trong các đoàn thể quần chúng, trong các ngành khác bổ sung cho những ngành này. Đối với

những cán bộ đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng sức khoẻ còn tốt, có năng lực và kinh nghiệm, thì nên giữ lại công tác. Chú ý giải quyết các điều kiện, phương tiện làm việc cho ba ngành.

3. Cấp uỷ đảng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các ngành thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo sự phối hợp công tác giữa các ngành, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương và chấp hành nghiêm pháp luật. Cấp uỷ cần lãnh đạo chặt chẽ việc vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những vụ án mà bị cáo là cán bộ thuộc cấp uỷ quản lý và những vụ án có thể xử đến mức án tù chung thân hoặc mức án tối đa.

Đối với những vụ án có ý kiến khác nhau mà bị cáo không thuộc diện Trung ương quản lý thì Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định theo quyền hạn của mình và theo quy định của pháp luật.

Ban Nội chính hoặc bộ phận cán bộ chuyên trách về công tác nội chính các cấp giúp cấp uỷ theo dõi và tổ chức việc phối hợp các ngành bảo vệ pháp luật trong nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm, vi phạm và trong công tác làm án.

4. Để bảo đảm sự lãnh đạo thường xuyên của cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp tỉnh, thành, quận, huyện, cần bố trí cấp uỷ viên làm viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, chánh án toà án nhân dân địa phương, nên phân công một đồng chí uỷ viên uỷ ban nhân dân làm giám đốc sở tư pháp, trưởng phòng tư pháp địa phương.

Đối với bốn thành phố lớn, Ban Nội chính Trung ương cùng các đồng chí lãnh đạo ba ngành trung ương bàn với cấp

uỷ địa phương thống nhất kế hoạch củng cố ngay các ngành này ở địa phương.

5. Ban Nội chính Trung ương, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao cùng Bộ Quốc phòng nghiên cứu đề xuất với Ban Bí thư những nguyên tắc cụ thể về mối quan hệ giữa Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao với Viện Kiểm sát Quân sự và Toà án Quân sự.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư hướng dẫn và theo dõi việc thi hành Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 60 ngày xuất bản báo *Thanh niên*, tờ báo cách mạng đầu tiên ở nước ta, ngày 21-6-1985 sẽ tổ chức lần đầu "Ngày báo chí Việt Nam". Hội Nhà báo Việt Nam, các bộ biên tập các tờ báo trong cả nước hãy tổ chức *Ngày báo chí Việt Nam* thật tốt, có ý nghĩa và hiệu quả thiết thực.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**
Số 52-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1985
Về Ngày báo chí Việt Nam

Theo đề nghị của Hội Nhà báo Việt Nam, Ban Bí thư quyết định lấy ngày 21-6 hằng năm là "*Ngày báo chí Việt Nam*".

Ngày 21-6-1925, báo *Thanh niên*, do Hồ Chủ tịch sáng lập ra số đầu tiên. Từ đó, báo chí cách mạng Việt Nam ra đời. Để ghi nhớ công ơn của Hồ Chủ tịch sáng lập báo chí cách mạng, phát huy truyền thống tốt đẹp của báo chí cách mạng, nêu cao vai trò của báo chí trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta hiện nay, Ban Bí thư đồng ý hằng năm đến ngày 21-6 thì tổ chức *Ngày báo chí Việt Nam*.

Ngày báo chí Việt Nam là dịp để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, đề cao vai trò của báo chí trong xã hội, nêu cao trách nhiệm của các nhà báo, tăng cường quan hệ giữa báo chí và bạn đọc, v.v.. Thông qua "*Ngày báo chí Việt Nam*", các nhà báo cùng toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển của báo chí, khiến cho báo chí có thể phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 42-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1985

**Về việc động viên, tổ chức thanh niên hưởng ứng
và tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên
và sinh viên thế giới lần thứ 12 và năm Quốc tế
Thanh niên**

Đại hội Liên hoan (Festival) thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 12 sẽ được tổ chức tại Mátxcơva từ ngày 27-7 đến ngày 3-8-1985. Đây là sự biểu dương lực lượng hùng hậu của thanh niên tiến bộ, dân chủ trên thế giới với khẩu hiệu: "Vì tình đoàn kết chống đế quốc, vì hoà bình và hữu nghị". Năm 1985 cũng là năm Quốc tế Thanh niên.

Để tổ chức, động viên thanh niên cả nước hưởng ứng Festival 12 và năm Quốc tế Thanh niên, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Uỷ ban trù bị quốc gia Việt Nam do đồng chí Lê Quang Đạo, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, làm Chủ tịch, đồng chí Vũ Mão, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, làm Phó Chủ tịch.

Xuất phát từ tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước

ta, từ vai trò và trách nhiệm của thanh niên Việt Nam trong phong trào thanh niên dân chủ, tiến bộ thế giới, cần làm tốt những việc sau đây để hưởng ứng và tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 12 và năm Quốc tế Thanh niên:

1. Tăng cường giáo dục thanh niên về chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản trong sáng; làm cho đoàn viên, thanh niên, sinh viên cả nước thấy rõ âm mưu gây chiến tranh hạt nhân của đế quốc Mỹ và nhiệm vụ trọng yếu nhất của nhân dân thế giới hiện nay là đấu tranh bảo vệ hoà bình, thấy rõ sức mạnh của ba dòng thác cách mạng và vai trò to lớn của Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp cách mạng và bảo vệ hoà bình thế giới; nhận thức đầy đủ âm mưu, hành động của ... đối với đất nước ta, nâng cao giác ngộ và tình cảm cách mạng, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và vì nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

2. Tạo nên một phong trào thi đua và hành động cách mạng sôi nổi của thanh niên trong lao động sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong học tập, thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra và các nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

3. Lựa chọn và bồi dưỡng tốt những đại biểu thanh niên và sinh viên Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên thế giới lần thứ 12. Chỉ chọn đủ số lượng cần thiết và phải bảo đảm chất lượng; chú trọng chọn những người thực sự tiêu

biểu cho các phong trào của thanh niên ta và có khả năng hoạt động đối ngoại trong thanh niên quốc tế.

4. Nhân Đại hội Liên hoan, tăng cường hoạt động đối ngoại của thanh niên ta, ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của thanh niên thế giới và loài người tiến bộ đối với sự nghiệp cách mạng của thanh niên và nhân dân ta trong thời kỳ mới.

5. Tăng cường tình đoàn kết chiến đấu đối với thanh niên Lào và Campuchia, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các tổ chức bè bạn, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để thực hiện tốt những việc trên đây, Ban Bí thư yêu cầu các ban Trung ương Đảng, các ngành, các bộ, các đoàn thể phối hợp chặt chẽ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức, động viên thanh niên cả nước chuẩn bị tốt và tham gia có hiệu quả vào Festival 12 cũng như hưởng ứng năm Quốc tế Thanh niên.

Các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo và tạo điều kiện cho các cấp bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai các hoạt động hưởng ứng Festival 12 theo sự hướng dẫn của Trung ương Đoàn, nhất là lựa chọn đại biểu và chuẩn bị chu đáo cho đại biểu địa phương mình tham gia Đoàn đại biểu thanh niên Việt Nam đi dự Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 12.

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cấp bộ đoàn cần có kế hoạch cụ thể triển khai công tác chuẩn bị, chủ động đề xuất ý kiến với các cấp uỷ đảng và

phối hợp với các ban, các ngành, các bộ có liên quan trong việc chuẩn bị tham gia Festival 12 và hưởng ứng năm Quốc tế Thanh niên.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 58-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1985

**Về kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập
Công an nhân dân Việt Nam**

Ngày 19-8-1985 là kỷ niệm lần thứ 40 Ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam, một lực lượng trụ cột của Nhà nước chuyên chính vô sản của nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Lịch sử 40 năm của Công an nhân dân là một bộ phận lịch sử cách mạng anh hùng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Tổ chức tốt ngày kỷ niệm có ý nghĩa quan trọng động viên toàn Đảng, toàn dân ta ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm giữ vững an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ

nghĩa, trước mắt là hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 40 Ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam, nhằm mục đích:

1. Làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đoàn kết một lòng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động tiến công và tiến công liên tục kẻ thù, xây dựng phòng tuyến an ninh vững chắc, làm thất bại mọi âm mưu lấn chiếm, xâm nhập, đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch đối với nước ta, thấy rõ trách nhiệm xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, đầy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống kinh tế, xã hội.

2. Biểu dương những thành tích vẻ vang cũng như truyền thống và bản chất tốt đẹp của Công an nhân dân Việt Nam qua 40 năm xây dựng và trưởng thành. Động viên cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân phấn khởi vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong mọi tình huống.

3. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển sâu rộng với chất lượng mới và hiệu quả cao hơn, nhất là ở các thành phố, thị xã, biên giới, ven biển, trong cơ quan, xí nghiệp và các địa bàn trọng điểm, xung yếu. Đẩy mạnh phong trào học tập thấm nhuần sâu sắc và thực hiện nghiêm túc sáu điều dạy của Bác Hồ kính yêu đối với Công

an nhân dân. Tăng cường xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Các ngành, các cấp, các đơn vị cần thực hiện tốt những việc sau đây:

1- Mở đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong và ngoài lực lượng công an nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới; về ý thức làm chủ của nhân dân trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; về ý thức kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh, sản xuất với bảo vệ sản xuất; về mối quan hệ, hợp đồng chiến đấu giữa công an nhân dân với các ngành, các cơ quan, các đoàn thể, nhất là với quân đội nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2- Cấp uỷ đảng, chính quyền các ngành, các đoàn thể các cấp, trên cơ sở kiểm điểm, sơ kết một cách sâu sắc, có biện pháp đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị về toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta kiên quyết đập tan kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Nghị quyết số 128/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; đồng thời tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với lực lượng công an nhân dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tổ chức các hoạt động có tính quần chúng nhằm nâng cao ý thức làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc bằng nhiều biện pháp, hình thức như: tổ chức học tập truyền thống, nói chuyện cảnh giác, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, cổ động, triển lãm... Tổ chức thăm hỏi, động viên các đơn vị công an nhân dân đang ngày

đêm trực tiếp chiến đấu với kẻ thù, quan tâm chăm sóc các gia đình liệt sĩ công an nhân dân, thương binh, bệnh binh công an nhân dân.

3- Tổ chức khen thưởng tổng hợp đặc biệt cho những địa phương, đơn vị và những cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân, những đơn vị, địa phương, cán bộ, nhân viên và nhân dân có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lực lượng công an nhân dân trong 40 năm qua. Quan tâm chăm lo đời sống tinh thần và vật chất của cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân.

4- Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân và hướng dẫn việc tổ chức kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Công an nhân dân ở các ngành, các địa phương. Bộ Nội vụ có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động kỷ niệm trong lực lượng công an nhân dân.

5- Tổ chức mít tinh trọng thể tại Hà Nội và các địa phương trong cả nước kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam.

Các cấp uỷ đảng, cán bộ lãnh đạo chính quyền các ngành, các đoàn thể và các địa phương cần gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 1985, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 59-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1985

Về công tác của Tạp chí *Công sản*

Trong những năm qua, Tạp chí *Công sản* đã quán triệt và thể hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng, góp phần nâng cao trình độ lý luận, chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của nhân dân.

Nhược điểm của Tạp chí là trình độ lý luận còn bị hạn chế và tính chiến đấu còn kém, nhất là đối với những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, quản lý kinh tế xã hội, xây dựng đảng, công tác quần chúng.

Nhiệm vụ quan trọng của Tạp chí *Công sản* trong thời gian tới là góp phần hướng dẫn về lý luận và hoạt động thực tiễn trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhất là thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, góp phần vào việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Gắn lý luận với thực tiễn,

công tác tuyên truyền của Tạp chí cần làm sáng rõ về mặt lý luận các vấn đề: chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, chiến lược kinh tế - xã hội trong chặng đường đầu tiên, làm chủ tập thể; cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhân những ngày kỷ niệm lớn trong năm 1985, 1986, Tạp chí *Công sản* có nhiệm vụ tham gia tổng kết những thành tựu nhiều mặt của cách mạng nước ta trong 10 năm và trong 40 năm qua là những thành tựu sinh động, phong phú của chủ nghĩa Mác - Lê nin, nhằm nâng cao trình độ lý luận, chính trị của những người cộng sản Việt Nam, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống, chống những biểu hiện tiêu cực, thoái hóa, xây dựng đảng vững mạnh.

Tạp chí *Công sản* có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối quốc tế, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Vạch trần bản chất phản động hiếu chiến và cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa đế quốc, ... nâng cao cảnh giác của nhân dân ta trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chống cuộc chiến tranh lấn chiếm, phá hoại..., chống chủ nghĩa đế quốc chạy đua vũ trang hạt nhân, bảo vệ hòa bình thế giới, ủng hộ phong trào độc lập dân tộc và phong trào công nhân quốc tế. Giới thiệu những thành tựu và những kinh nghiệm của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tuyên truyền những thắng lợi của cách mạng ở hai nước Lào và Campuchia, giáo dục nhân dân nghĩa vụ cung cố tình hữu nghị đặc biệt giữa ba nước Đông Dương.

Để hoàn thành nhiệm vụ của Tạp chí trong giai đoạn cách mạng mới, đội ngũ cán bộ biên tập của Tạp chí phải được không ngừng tăng cường về số lượng và chất lượng. Phải xác định quy hoạch cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu và biên tập, chú ý cán bộ trẻ. Ban Tổ chức Trung ương điều động cán bộ có năng lực nghiên cứu và biên tập cho Tạp chí. Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc giúp Bộ Biên tập Tạp chí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ khoa học. Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cần có chế độ, chính sách và kế hoạch bồi dưỡng sức khoẻ, chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên công tác ở Bộ Biên tập Tạp chí cũng như ở các bộ biên tập của các báo khác của Đảng.

Những năm trước mắt, Tạp chí cần được phát hành đến các đảng uỷ cơ sở và có một số lượng thích đáng bán lẻ cho bạn đọc ngoài Đảng. Các cơ quan có trách nhiệm cần cung cấp thêm phương tiện in và giấy. Phải định lại giá cước hợp lý để có thể phát hành rộng rãi.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản Tạp chí (15-12-1955 - 15-12-1985), Bộ Biên tập Tạp chí cần tổng kết công tác 30 năm qua, cải tiến các mặt công tác của mình nhằm nâng cao chất lượng Tạp chí. Các cấp uỷ đảng cần có kế hoạch tuyên truyền cho Tạp chí và tổ chức tốt việc sử dụng Tạp chí trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thi hành Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 17-2-1984 của Bộ Chính trị¹⁾ "Về tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trong hai năm 1984-1985", Ban Bí thư hướng dẫn việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 10 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

(30-4-1975 – 30-4-1985)

1) Theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 45, trang 54 thì Nghị quyết số 17-NQ/TW là ngày 7-2-1984 (B.T).

Nêu rõ ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân và các lực lượng vũ trang. Tổng kết những thành tựu 10 năm của cả nước và của địa phương trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Biểu dương những tấm gương anh hùng, những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc. Chỉ rõ những nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu của địa phương.

3. Hình thức tổ chức phải vừa trọng thể, vừa giản dị có tính quần chúng rộng rãi, hết sức tiết kiệm.

+ Lễ kỷ niệm lớn tổ chức ở Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Tại thành phố Hồ Chí Minh, thị xã Buôn Ma Thuột, các thành phố Huế và Đà Nẵng, tổ chức lễ kỷ niệm tương đối lớn. Các tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã trong cả nước tổ chức lễ kỷ niệm với quy mô thích hợp, làm giản dị, tiết kiệm theo đúng tinh thần chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng.

Các tỉnh và thành phố (có điều kiện) có thể tổ chức triển lãm thành tích 10 năm chống Mỹ, cứu nước và 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị có tính chất quần chúng ở tất cả các đơn vị cơ sở theo các chủ đề tuyên truyền giáo dục đã nói ở điểm 2. Ban Tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trung ương tổ chức biên soạn để cương tuyên truyền kỷ niệm 10 năm chiến đấu và chiến thắng đế quốc Mỹ. Các địa phương cần cụ thể hóa để cương chung, tổ chức bồi dưỡng báo cáo viên và có kế hoạch hướng dẫn thực hiện.

+ Kết hợp sử dụng các hình thức hoạt động khác như: kể chuyện chiến đấu, thăm viện bảo tàng, nhà truyền thống,

viếng mô liệt sĩ, tổ chức tuần phim, biểu diễn nghệ thuật về đề tài chiến đấu chống Mỹ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cấp uỷ có nhiệm vụ hướng dẫn thi hành đúng Thông tri này.

T/M BAN Bí THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THU**

Số 53-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 1985

**Về việc thành lập Hội đồng Quân sự cấp sư đoàn
và cơ quan quân sự cấp tỉnh, thành phố**

Chấp hành Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Bộ Chính trị số 07-NQ/TW về đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam và sự nghiệp quốc phòng, thực hiện chế độ một người chỉ huy trong quân đội; tiếp theo các quy định đã có, Ban Bí thư quy định bổ sung như sau:

1. Thành lập Hội đồng Quân sự ở cấp sư đoàn, ở cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương:

- Hội đồng Quân sự sư đoàn có từ ba đến bảy người do đồng chí chỉ huy trưởng làm chủ tịch, các đồng chí chủ nhiệm chính trị, phó chỉ huy - tham mưu trưởng và một số đồng chí phụ trách các cơ quan chủ chốt khác là uỷ viên. Riêng Hội đồng Quân sự của sư đoàn làm nhiệm vụ phòng thủ lâu dài trên địa bàn huyện thì có đồng chí bí thư huyện uỷ tham gia.

- Hội đồng Quân sự tỉnh, thành phố có số lượng và thành

phân như Hội đồng Quân sự sư đoàn, trong đó có một đồng chí trong cấp uỷ tỉnh, thành tham gia.

Nhiệm vụ, nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng Quân sự cấp sư đoàn và ở cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh, thành chấp hành theo Quy định số 23-QĐ/TW của Ban Bí thư về tổ chức Hội đồng Quân sự các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Sư đoàn làm nhiệm vụ phòng thủ lâu dài trên địa bàn huyện thì đồng chí sư đoàn trưởng và đồng chí chủ nhiệm chính trị sư đoàn có thể được bầu hoặc được tỉnh uỷ chỉ định vào cấp uỷ huyện.

3. Trường hợp đơn vị quân đội có nhiệm vụ hoạt động bám trụ tại địa phương, xa sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cấp trên và liên lạc khó khăn thì cấp uỷ của tổ chức cơ sở đảng ở đơn vị đó thực hiện sự lãnh đạo của mình theo nguyên tắc "đảng uỷ tập thể lãnh đạo, thủ trưởng tổ chức thực hiện theo chức trách".

Ban Bí thư uỷ quyền cho Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam quyết định việc thực hiện nguyên tắc nói trên ở những đơn vị cụ thể vào thời gian cần thiết.

4. Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, các tỉnh uỷ, thành uỷ có liên quan thi hành Quy định này.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 60-CT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1985

**Về tổ chức, nhiệm vụ và phương pháp làm việc
của Đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam
tại nước Cộng hoà Cuba**

Theo sự thoả thuận giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam - Cuba, Bộ Quốc phòng ta cử đoàn chuyên gia quân sự sang công tác tại nước Cộng hoà Cuba. Đó là một bước phát triển mới của mối quan hệ hữu nghị và đoàn kết chiến đấu giữa hai Đảng, hai Nhà nước, hai quân đội Việt Nam - Cuba.

Đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam tại Cuba là một tổ chức trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ giới thiệu với bạn những kinh nghiệm đã tổng kết của ta về chiến tranh nhân dân, về công tác quân sự địa phương và giúp bạn nghiên cứu vận dụng những kinh nghiệm đó phù hợp với tình hình thực tiễn của Cuba. Về Đảng, là một đảng bộ cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng uỷ ngoài nước của Việt Nam ở Cuba về chính trị, tư tưởng và về thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; đồng thời chịu sự lãnh đạo của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam về việc thực hiện

nhiệm vụ giúp bạn theo đường lối, quan điểm của Đảng, mệnh lệnh, chỉ thị của Bộ trưởng Quốc phòng và về xây dựng đảng theo các quy định của tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong thời gian giúp bạn, các chuyên gia quân sự Việt Nam tại Cuba phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

Luôn luôn nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, tự giác, chủ động, hết lòng, hết sức vì nghĩa vụ quốc tế; không ngừng chăm lo vun đắp, củng cố tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị và sự tin cậy lẫn nhau giữa Việt Nam - Cuba.

Năm vững đường lối, quan điểm của Đảng ta, đồng thời tích cực nghiên cứu tìm hiểu đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Cuba, tình hình thực tiễn của cách mạng bạn để có nội dung, phương pháp giúp bạn có hiệu quả.

Tôn trọng chủ quyền của bạn, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước bạn và tôn trọng phong tục tập quán của nhân dân bạn. Bình đẳng, đoàn kết, chân thành giúp đỡ bạn, chú ý lắng nghe ý kiến và khiêm tốn học hỏi những kinh nghiệm của bạn.

Từng bộ phận, từng người phải nắm vững nội dung, phạm vi trách nhiệm của mình để giúp bạn đạt kết quả và chất lượng cao, tăng cường sự nhất trí, tin cậy giữa ta và bạn, đồng thời giữ mối quan hệ đoàn kết tốt giữa chuyên gia ta với chuyên gia các nước khác ở Cuba.

Giữ vững nguyên tắc tập thể của tổ chức đoàn chuyên gia trong công tác giúp bạn. Mọi vấn đề giúp bạn phải được bàn bạc thống nhất trong nội bộ trước khi phát biểu với bạn. Những vấn đề chưa rõ hoặc quá phạm vi chức năng và quyền hạn, phải xin chỉ thị cấp trên.

Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định, chế độ trong công tác, trong quan hệ nội bộ cũng như trong quan hệ với bạn.

Thường xuyên chăm lo rèn luyện và giữ vững phẩm chất cách mạng trong sáng, nêu gương tốt trong công tác, sinh hoạt và lối sống.

Về phương pháp làm việc cần chú ý:

Từ những kinh nghiệm về chiến tranh nhân dân, về công tác quân sự địa phương đã tổng kết của ta và xuất phát từ thực tiễn của bạn mà nghiên cứu, lựa chọn, đề xuất những vấn đề cần giới thiệu và giúp bạn cho thiết thực và phù hợp, tránh giáo điều, rập khuôn, máy móc, chủ quan, áp đặt.

Hết sức coi trọng công tác làm thí điểm, rút kinh nghiệm, xây dựng điển hình, giúp bạn nắm chắc được nội dung, xác định được những công việc cần làm rồi để bạn tự làm lấy.

Thường xuyên rút kinh nghiệm về công tác giúp bạn để bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho chuyên gia, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giúp bạn.

Đối với những vấn đề thuộc về nguyên tắc, phải xin ý kiến cấp trên, không được tuỳ tiện giải quyết, phát biểu.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 62-CT/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1985

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THU

Về việc thực hiện tiết kiệm

Ngày 24-1-1985, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Chỉ thị số 40-CT về việc thực hiện triệt để tiết kiệm trong những ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn và các chi tiêu khác trong quản lý hành chính. Bản Chỉ thị đã nêu rõ một số việc cụ thể phải làm và yêu cầu thủ trưởng các ngành, các cấp quản lý nghiêm ngặt các chi phí về tài chính, lương thực, vật tư, hàng hoá, xét duyệt chặt chẽ chương trình tổ chức các ngày lễ, ngày kỷ niệm, các cuộc họp,... chống mọi sự lãng phí sức người, sức của.

Ban Bí thư nhận thấy: trong ba tháng qua, nhiều địa phương, cơ quan trung ương chưa nghiêm chỉnh thực hiện Chỉ thị trên của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Trong lúc tình hình kinh tế của đất nước còn nhiều khó khăn, đời sống của công nhân, cán bộ và nhân dân ở một số địa phương còn thiếu thốn thì tình trạng lãng phí, chi tiêu quá mức quy định của Đảng và Nhà nước trong việc hội họp, tiếp khách... vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi. Một số địa phương và cơ quan

trung ương khi tổ chức những ngày kỷ niệm hoặc tổ chức hội nghị đã chi tiêu quá tốn kém, mời quá nhiều khách, có nhiều việc làm mang tính chất phô trương, hình thức. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban, ngành ở trung ương:

1. Nghiên cứu lại Chỉ thị số 40-CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và có kế hoạch cụ thể thực hiện từng việc một đã nêu trong Chỉ thị này.

Các đồng chí bí thư và thường trực cấp ủy, chủ tịch uỷ ban nhân dân các địa phương, trưởng ban và bí thư đảng uỷ các cơ quan trung ương phải trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện Chỉ thị ấy.

2. Soát xét lại ngay kế hoạch tổ chức những ngày lễ lớn trong năm 1985 ở địa phương và cơ quan trung ương. Kiên quyết bỏ hoặc giảm bớt những loại việc, những nghi thức không cần thiết gây tốn kém tiền của của Đảng và Nhà nước, bất kể tiền đó là thuộc ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương.

Các cấp, các ngành cần hết sức hạn chế việc tổ chức những ngày kỷ niệm riêng, như kỷ niệm 40 năm, 30, 20, 10, 5 năm,... ngày thành lập cơ quan, đơn vị. Những nơi nào thấy cần thiết tổ chức ngày kỷ niệm riêng phải xin phép cấp trên trước khi tổ chức. (Các ngành ở trung ương và các tỉnh, thành phải xin phép Hội đồng Bộ trưởng, các đơn vị cơ sở, các huyện, quận, thị xã phải xin phép bộ trưởng, tổng cục trưởng hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành).

3. Các cấp uỷ đảng, các chi bộ đảng có trách nhiệm lãnh đạo và kiểm tra chặt chẽ việc thực hành tiết kiệm theo đúng tinh thần các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), các chỉ thị của Ban Bí

thư và Hội đồng Bộ trưởng. Nghiêm khắc thi hành kỷ luật những cán bộ phụ trách cơ quan, đơn vị đã phạm khuyết điểm về việc gây lãng phí.

Chỉ thị này phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 63-CT/TW, ngày 1 tháng 6 năm 1985

**Về việc thực hiện các thoả thuận giữa
Bộ Chính trị Đảng ta và Bộ Chính trị Đảng
Lào tháng 1-1985**

Trong cuộc hội đàm cuối tháng 1-1985, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta và Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lào đã đánh giá kết quả thực hiện những thoả thuận giữa hai bên trong cuộc hội đàm tháng 1-1984 và đã nhất trí về những công việc lớn cần làm trong những năm trước mắt nhằm tăng cường liên minh, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai nước.

Dựa theo thoả thuận của cuộc hội đàm, Hội đồng Bộ trưởng nước ta đã ra Nghị quyết số 138-HĐBT ngày 20-5-1985 về tổ chức, phân công nhằm thực hiện các nhiệm vụ về liên kết, hợp tác kinh tế giữa hai nước trong năm 1985 và những năm sắp tới.

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp ủy đảng ở các địa phương và các ngành có liên quan làm tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức nghiên cứu kỹ Nghị quyết số 138-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 20-5-1985, đề ra kế hoạch và biện pháp cụ thể thực hiện đầy đủ và khẩn trương Nghị quyết ấy.

2. Lãnh đạo chặt chẽ công tác giáo dục tư tưởng trong nội bộ Đảng và trong nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị nhằm làm cho mọi người, nhất là các cán bộ, đảng viên, nhân viên có trách nhiệm làm công tác giúp đỡ, hợp tác với bạn, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về tăng cường đoàn kết đặc biệt với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chống mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc lớn.

3. Ban Tổ chức Trung ương, Ban công tác giúp Lào, các cấp uỷ địa phương và các ngành hữu quan cần tích cực đáp ứng các yêu cầu của bạn về lực lượng chuyên gia. Hết sức chú trọng về chất lượng chuyên gia, đồng thời thực hiện tốt các chính sách, chế độ đối với chuyên gia và các lực lượng cán bộ, công nhân, chiến sĩ đang làm nhiệm vụ giúp bạn.

Cần hết sức quan tâm thường xuyên bồi dưỡng cho chuyên gia, nhất là đối với số chuyên gia đã công tác giúp Lào lâu năm, nâng cao trình độ về mọi mặt, chú ý bố trí cho chuyên gia đi học các lớp ngắn ngày, đi tham quan nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và ở nước ngoài, nhằm giúp anh em có đủ khả năng làm tốt nhiệm vụ giúp bạn.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Đại học, Bộ Giáo dục, các trường Đảng, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, các ngành khác và các địa phương hữu quan cần bảo đảm các điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ và học sinh cho

bạn. Cần thường xuyên kiểm tra và có biện pháp khắc phục kịp thời các thiếu sót trong công tác này.

5. Các cấp uỷ địa phương cần tăng cường lãnh đạo công tác kết nghĩa với tỉnh bạn, coi đây là nghĩa vụ quốc tế hàng đầu của địa phương, phát huy sự nỗ lực, sáng tạo của địa phương theo đường lối, chủ trương của Đảng và sự quản lý thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc**

Ngày 11 tháng 6 năm 1985

Thưa các đồng chí!

Mấy năm qua có nhiều khó khăn, phức tạp, tình hình đó làm cho chúng ta bức dọc, bản thân tôi cảm thấy không chịu nổi. Vừa qua, tôi đã nghe báo cáo tình hình, nghe các đồng chí phát biểu ý kiến và có kinh nghiệm thực tế của các địa phương làm thí điểm, cho nên chúng ta có cơ sở thực tế để làm chứ không phải chỉ bàn lý luận. Tôi cho là kỳ này chúng ta bàn, vấn đề khó lăm, vì từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Mác, Lênin chưa nói đến, nhưng Việt Nam đang làm trong thực tế. Mác chỉ nói quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất mà chưa có lý luận nói về từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng ta nói đến làm chủ tập thể điều này Mác, Lênin cũng chưa nói đến; trong lý luận của mình, Mác mới nói đến chuyên chính vô sản, Lênin nói đến liên minh công nông, nhưng Việt Nam nói đến làm chủ tập thể. Chúng

ta là học trò của Mác, Lê nin, nhưng không nói như Mác và Lê nin, song chúng ta vẫn rất mácxít. Chúng ta nói làm chủ tập thể là làm chủ thật sự, đã có lịch sử chứng minh, nhờ làm chủ tập thể, chúng ta đã đánh thắng Pháp và Mỹ. Nếu không có làm chủ tập thể, từng người, từng nhà làm chủ thì chúng ta không đánh thắng được tên đế quốc mạnh nhất thế giới ...

Hôm nay chúng ta bàn vấn đề giá, lương, tiền cũng trên cơ sở ý thức làm chủ tập thể để làm chủ thị trường. Chúng ta sản xuất theo kế hoạch, nhưng kế hoạch phải gắn với kinh doanh, muốn kinh doanh được phải nắm giá cả, tiền lương. Vấn đề này đã có nơi làm nhưng về lý luận còn rất phức tạp (nếu còn thì giờ cuối cùng tôi sẽ nói thêm một số vấn đề, không có thì giờ thì thôi).

Nghe các đồng chí nói đến làm chủ tập thể và ba cuộc cách mạng tôi mừng lắm, có thể sống thêm được mươi năm nữa. Nói vậy thôi nhưng đến hôm nay các huyện, các xã vẫn chưa làm tốt ba cuộc cách mạng và chưa làm chủ tập thể đâu.

Tôi phát biểu một số ý kiến như vậy thôi, đề nghị anh Trưởng Chinh điều khiển Hội nghị là chính.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 237/TLHN, ngày 11 tháng 6 năm 1985

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA V)**

Triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp

**giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá - lương -
tiền nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ
thị trường xã hội, ổn định và cải thiện một bước
đời sống nhân dân***

Thưa các đồng chí !

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy (khóa V), Bộ Chính trị đã thành lập Tiểu ban nghiên cứu về vấn đề giá - lương - tiền. Sau quá trình làm việc, Tiểu ban đã báo cáo với Bộ Chính trị kết quả nghiên cứu và phương án điều chỉnh giá - lương - tiền. Bộ Chính trị đã thảo luận, nhất trí trình Ban Chấp hành Trung ương Báo cáo và Dự thảo nghị quyết của Trung ương về vấn đề này. Thay mặt Bộ

* Do đồng chí Tố Hữu trình bày.

Chính trị, tôi xin trình bày bản Báo cáo về các vấn đề giá - lương - tiền.

Báo cáo gồm bốn phần:

- Về tình hình giá - lương - tiền.
- Mục tiêu và phương hướng giải quyết.
- Những chủ trương và biện pháp lớn.
- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện.

*

* * *

I- VỀ TÌNH HÌNH GIÁ - LUƠNG - TIỀN

Trải qua 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nền kinh tế nước ta không có điều kiện phát triển; để bảo đảm nhu cầu về chiến đấu và đời sống của nhân dân, chúng ta đã phải dựa một phần quan trọng vào viện trợ của các nước anh em và nhờ đó giá cả, tiền lương cũng như tài chính, tiền tệ cơ bản giữ được ổn định. Chế độ bao cấp có ý nghĩa cần thiết trong hoàn cảnh kháng chiến trở thành một thói quen trong lối sống và cách quản lý kinh tế - xã hội.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, *điều kiện kinh tế - tài chính của nước ta thay đổi căn bản*: viện trợ không hoàn lại hầu như không còn nữa; số vốn vay dài hạn của các nước anh em và bè bạn phần lớn dành cho các công trình thiết bị toàn bộ. Muốn nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu và hàng tiêu dùng thì phải đẩy mạnh xuất khẩu; từ năm 1981 trở đi, lại không còn sự ưu đãi về giá hàng nhập nữa, giá hàng nhập tăng lên hơn gấp đôi, khối lượng nhiều loại vật tư và hàng tiêu dùng nhập khẩu giảm đáng kể. Mặc dù chúng ta đã ra

sức phát triển sản xuất trong nước theo phương hướng của Nghị quyết Trung ương lần thứ 6 (khóa IV) và đã đạt được một số thành tựu đáng phấn khởi, nhưng số của cải do sản xuất trong nước tăng thêm vẫn chưa nhiều hơn số của cải từ các nguồn bên ngoài giảm đi. Hai cuộc chiến tranh xâm lược ... ở biên giới tây nam và phía bắc năm 1979 đã gây cho ta nhiều thiệt hại. Dân số lại tăng lên quá nhanh. Vì vậy mà thu nhập quốc dân sử dụng bình quân đầu người, sau khi đã giảm đột ngột 20% năm 1975, vẫn tiếp tục giảm mỗi năm 2-3%. Trong khi đó thì nhu cầu về quốc phòng rất lớn, chi về xây dựng cơ bản vẫn phải duy trì ở mức cao.

Năm 1980, trước những khó khăn và mất cân đối lớn trong nền kinh tế và biến động của giá quốc tế, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 26 và sau đó, năm 1981 ra Chỉ thị số 109 về cải tiến phân phôi - lưu thông¹⁾.

Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị (tháng 6-1980) đề ra phương hướng và chủ trương cải tiến phân phôi - lưu thông theo ba bước:

- *Bước một*: Ôn định tình hình kinh tế và đời sống, thực hiện cân bằng ngân sách và tiền mặt, chuẩn bị các điều kiện để cải cách giá và lương.

- *Bước hai*: Cải cách giá bán lẻ và giá thu mua, cải cách tiền lương.

- *Bước ba*: Cải cách giá bán buôn, hoàn chỉnh hệ thống phân phôi lưu thông.

Thực tiễn đã cho thấy phương hướng và chủ trương

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.42, tr.238 (B.T).

chung về điều chỉnh phân phối - lưu thông là đúng đắn và cần thiết, nhưng việc chia ba bước như trên là không đúng: *không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt*, nếu trước hết không tiến hành cải cách giá cả, tiền lương và làm chủ thị trường xã hội, theo quan điểm *triệt để xóa bỏ quan liêu bao cấp*, chuyển toàn bộ cơ chế quản lý sang *hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, mà vẫn duy trì *bao cấp qua giá và lương*.

Phát hiện ra nhược điểm ấy, tháng 5-1981, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 109: đưa hệ thống giá nhà nước lên sát giá trị hàng hóa, phù hợp với sức mua của đồng tiền, thu hẹp diện bao cấp, giảm mạnh số lượng mặt hàng cung cấp bằng hiện vật, phụ cấp tiền lương cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thực hiện các nghị quyết và chỉ thị của Bộ Chính trị, năm 1981 -1982, Nhà nước đã điều chỉnh tương đối toàn diện hệ thống giá (trừ giá cung cấp, chủ yếu đối với 9 mặt hàng thiết yếu). Mặt bằng giá năm 1981 -1982 được nâng lên 5 -7 lần đã phản ánh tương đối sát giá trị hàng hóa, sức mua thực tế của đồng tiền và sát với giá thị trường lúc đó.

Việc điều chỉnh giá năm 1981 đã góp phần mở rộng hoạt động của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thu mua, nắm hàng vào tay Nhà nước, điều chỉnh tỷ giá công - nông hợp lý hơn; làm cho các xí nghiệp (công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải...) từ bị lỗ đã bắt đầu có lãi; giảm bớt khó khăn cho ngân sách nhà nước trong điều kiện nền kinh tế đang có bước chuyển biến quan trọng.

Nhưng vấn đề giá cả, tiền lương là những vấn đề cực kỳ phức tạp, chúng ta lại thiếu kinh nghiệm, cho nên cuộc điều

chỉnh giá - lương năm 1981-1982 cả về *chủ trương, phương án cụ thể* và *tổ chức thực hiện* có nhiều nhược điểm, khuyết điểm, chủ yếu là:

- Chưa nhận rõ căn bệnh sâu xa của cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân là quan liêu bao cấp; chưa quán triệt quan điểm xóa bỏ bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế và công tác quản lý sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Duy trì giá cung cấp quá thấp và chế độ tiền lương thấp làm cho giá thành sản phẩm không phản ánh đúng chi phí về tiền lương, giá cả tuy đã được điều chỉnh lên cao nhưng vẫn chưa phản ánh đúng giá trị và sức mua của đồng tiền đang biến động; ngân sách nhà nước bù lỗ lớn, hoạt động của thương nghiệp gặp nhiều vướng mắc, khó khăn.

- Không đồng bộ trong tính toán cũng như trong việc điều hành: phụ cấp tiền lương không tương ứng với mức tăng giá; điều chỉnh giá mà không đồng thời sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, tăng cường cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường.

- Cơ chế giá - lương cứng nhắc, không phù hợp với tình hình kinh tế - tài chính còn có những mất cân đối lớn và chưa có cơ sở ổn định vững chắc.

Từ sau đợt điều chỉnh giá và phụ cấp lương năm 1981-1982 đến nay, tình hình phân phối, lưu thông không đi vào thế ổn định mà lại tiếp tục diễn biến phức tạp và rối ren; *giá - lương - tiền trả thành những vấn đề nóng bỏng*, chưa đựng *nhiều mâu thuẫn*, cần được *xử lý cấp bách*.

1. Trong tình hình nền kinh tế - tài chính còn nhiều mặt mất cân đối lớn, giá thành và phí lưu thông, giá vốn xuất và giá thị trường tăng nhanh, hệ thống giá nhà nước về vật tư cơ bản và hàng hóa chủ yếu, trong 3 - 4 năm qua *không được*

điều chỉnh kịp thời, giữ lâu ở mức thấp và ngày càng thấp so với giá thành, giá vốn, giá mua thực tế và tỷ giá xuất khẩu, tách rời quá xa giá trị (biểu hiện bằng tiền), sức mua thực tế của đồng tiền và mức giá thị trường (phản ánh quan hệ cung - cầu).

Giá vật tư, hàng hóa nhập khẩu, giá thành sản phẩm và phí lưu thông được định theo một tỷ giá thấp (17-23 đồng/rúp) và ngày càng thấp hơn mức giá thực tế, phản ánh tỷ giá hàng xuất cao (và ngày càng cao hơn), ngân sách nhà nước bù lỗ cho xuất khẩu ngày càng lớn. Năm 1984, tỷ giá hàng xuất khẩu thực tế là hơn 100 đồng/rúp, nhưng vật tư nhập khẩu chỉ tính 25 đồng/rúp. Do giá vật tư tính quá thấp nên giá thành và phí lưu thông của xí nghiệp không phản ánh chi phí thực của nền kinh tế quốc dân, hạch toán kinh tế mang nặng tính hình thức, giả tạo, không đánh giá và phân biệt được hiệu quả kinh tế, lỗ - lãi thực sự.

Trong khi Chính phủ chậm điều chỉnh giá vật tư, hàng công nghiệp, thì nhiều địa phương đã sớm chuyển qua kinh doanh (nhất là sau Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương), chủ động điều chỉnh một phần lớn giá bán theo sức mua của thị trường địa phương, thu về cho ngân sách địa phương đại bộ phận khoản chênh lệch giá (khoảng vài chục tỷ đồng) giữa giá vật tư (gồm cả năng lượng, vận tải) và hàng hóa do trung ương đưa về theo tỷ giá kết toán và mức giá rất thấp, so với giá bán ra ở thị trường địa phương. Chỉ từ tháng 9 -1984, trung ương mới điều chỉnh giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp về hàng công nghiệp; giá bán lẻ kinh doanh mới hình thành phản ánh tỷ giá kết toán khoảng 60-65 đồng/rúp. Nhưng cho đến nay, đại bộ phận vật tư, thiết bị,

năng lượng, vận tải của trung ương cung cấp cho địa phương và cơ sở vẫn theo giá thấp quy định từ những năm 1981 - 1982. Đây là *khoản bao cấp lớn nhất* đối với toàn xã hội mà ngân sách trung ương đang gánh chịu.

Đồng thời, số ngoại tệ do địa phương và một số ngành, cơ sở thu được do tự xuất - nhập (khoảng 150 - 200 triệu đôla/năm) đã được tính theo nguyên tắc giá hàng nhập trang trải đủ vốn xuất, còn thu lãi tùy theo mặt hàng với tỷ giá 250 - 300đồng/đôla, chứ không phải 12 đồng/đôla như tỷ giá và giá hàng do cấp trung ương quy định. Kết quả là các địa phương đẩy mạnh xuất - nhập và thu được chênh lệch xuất - nhập khẩu, tạo ra nguồn thu khá lớn cho ngân sách địa phương, có thêm điều kiện để mở mang xây dựng, nấm hàng, vươn lên làm chủ thị trường và tăng thu nhập cho cán bộ, công nhân, viên chức, giảm bớt khó khăn về đời sống hiện nay.

Hệ thống giá cung cấp theo định lượng và không định lượng (chủ yếu là 9 mặt hàng) vẫn giữ ở mức của năm 1958- 1960, 25 năm nay không thay đổi trong lúc giá trị thực (biểu hiện bằng tiền của giá thu mua, giá thành, giá vốn...) đã tăng, có thứ tăng đến mấy chục lần (gạo 0đ40/kg lên 20đ, thậm chí 40đ/kg). Giá cung cấp thấp quá xa so với sức mua của đồng tiền và chênh lệch quá lớn so với giá thị trường. Hệ quả là lương bằng tiền ngày càng trở nên không có ý nghĩa và phần mua theo giá cung cấp, trên thực tế trở thành lương hiện vật, tính theo giá trị ngày càng tăng và chiếm đến 3/4 tổng thu nhập của người hưởng lương. Bên cạnh xu hướng hiện vật hóa tiền lương và cung cấp tràn lan là một nguyên nhân gây tiêu cực lớn trong hệ thống thương nghiệp, giá quá thấp đối với hàng cung cấp đã làm tăng khoản bù lỗ cho tiền lương trong ngân sách nhà nước (năm 1981 bù giá cung cấp

5,6 tỷ đồng, năm 1984 khoản bù giá này lên đến 32 tỷ, tức 1/3 ngân sách nhà nước, năm 1985 dự kiến khoảng 50 tỷ đồng). Hơn nữa, phần bù giá cung cấp không được phản ánh vào giá thành, làm cho giá thành thấp giả tạo, che đậy hiệu quả thực sự và năng suất lao động thực tế trong khu vực sản xuất vật chất, hạn chế tính tích cực của cơ chế khoán trong khu vực kinh tế nhà nước.

Giá nhà nước giữ ở mức quá thấp (giá cung cấp) trong thời gian quá dài đã ảnh hưởng không tốt đến lưu thông hàng hóa, lưu thông tiền tệ và ngân sách nhà nước và việc phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, vươn lên làm chủ thị trường. Trong khi tỷ trọng của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đang còn thấp thì tỷ trọng của thị trường "tự do" tăng và ngày càng lấn át thị trường có tổ chức. Giá trên thị trường "tự do" cũng từ đó mà lôi kéo giá thu mua, giá công của thị trường có tổ chức, nhất là giá thỏa thuận (từ 1981 đến cuối 1984 giá thị trường tăng hơn bốn lần). Điều đó tác động rất lớn đến toàn bộ hệ thống giá của Nhà nước, đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế, các ngành và các xí nghiệp, tác động tiêu cực đến toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế, làm cho nhiều cơ sở và địa phương bị lôi cuốn một cách không tự giác theo cơ chế thị trường tự phát.

Quỹ vật tư, hàng công nghiệp trong tay Nhà nước dùng để đổi lưu với khối lượng thu mua nông, lâm, hải sản không phải quá thiếu, nhưng do giá quá thấp và do tổ chức phân tán, điều hành kém nên khó đáp ứng được nhu cầu của nông nghiệp và nông dân; phần hàng phải mua theo giá thỏa thuận cũng vì vậy tăng lên qua từng vụ, từng năm, gây thêm mất cân đối tiền - hàng, khó khăn thêm cho tiền mặt và ngân sách.

2. *Tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức không được điều chỉnh tương ứng với mức tăng giá năm 1981 -1982, và sau đó phụ cấp lương không tăng kịp thời và thỏa đáng, trong lúc giá nhà nước có điều chỉnh (từ cuối 1984) và nhất là giá thị trường biến động mạnh (phần quan trọng của tiền lương công nhân, viên chức còn phải chi tiêu trên thị trường).* Do đó, tiền lương thực tế những người ăn lương máy năm qua liên tục bị giảm sút, không đủ tái sản xuất sức lao động, làm phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong nội bộ giai cấp công nhân (lương danh nghĩa năm 1984 tăng khoảng 3 lần so với năm 1981, nhưng giá sinh hoạt tăng 4 - 5 lần). Chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các ngành nghề, các vùng và giữa các tầng lớp dân cư quá bất hợp lý (công nhân = 1; nông dân nói chung = 1,5 -2; thương nhân = 10 -15).

Cùng với chế độ cung cấp hiện vật bình quân với giá thấp, trên thực tế là cấp phát cho không, bản thân chế độ lương hiện hành đã quá lâu không sửa đổi nên không những lạc hậu về mức lương bằng tiền, mà tự thân nó mang nặng tính bao cấp, nhất là phần chi cho yêu cầu xã hội, trợ cấp...; phần "mềm" vượt xa phần "cứng" trong tiền lương, làm cho quy luật phân phối theo lao động bị vi phạm nghiêm trọng, tiền lương không gắn với năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất và công tác của người lao động khu vực nhà nước. Chế độ lương hiện vật với tổ chức bộ máy và sự điều hành kém, một mặt gây ra nhiều lãng phí và tiêu cực, mặt khác vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của người lao động đối với đồng lương và thu nhập của mình.

Trong khi chế độ tiền lương chung chậm sửa đổi, các địa phương và cơ sở đã kịp thời vận dụng các chính sách của

Trung ương, tìm nhiều biện pháp khắc phục các mặt tiêu cực của chế độ tiền lương hiện hành (như mở rộng diện lương khoán, lương sản phẩm, bù giá vào lương ở một số nơi) nhằm kích thích người lao động, tăng năng suất để tăng thu nhập, góp phần giảm bớt khó khăn về đời sống của công nhân, viên chức. Tuy nhiên, bên cạnh các mặt tích cực và kinh nghiệm thực tiễn để nghiên cứu giải quyết vấn đề lương, cách làm của các địa phương và cơ sở, do đó không được giải quyết đồng bộ, tổng hợp, cũng có một số vấn đề cần điều chỉnh, uốn nắn cho phù hợp, như chênh lệch bất hợp lý giữa các địa phương, giữa các bộ phận khác nhau trong nội bộ công nhân, viên chức, một số nhược điểm của chế độ lương chưa được giải quyết đúng đắn, v.v..

3. Ngân sách và tiền tệ: chính cũng do những nhược điểm nói trên về giá và lương, do giữ giá nhà nước ở mức thấp, duy trì lương hiện vật và không làm chủ thị trường, cơ chế tài chính ngân hàng mang nặng tính chất bao cấp không kích thích các ngành, địa phương và cơ sở phát huy tiềm năng, mở rộng sản xuất, kinh doanh linh hoạt, cho nên nguồn thu tăng chậm, bội chi ngân sách và tiền mặt ngày càng lớn. Số bội chi ngân sách trong bốn năm 1981 - 1984 là 15,6 tỷ đồng, số tiền mặt bội chi của ngân hàng cho ngân sách 23,2 tỷ đồng, tổng cộng bội chi gần 40 tỷ đồng. Nhà nước, nhất là trung ương, đứng trước khó khăn rất lớn về ngân sách và tiền mặt, đồng tiền ngày càng mất giá, phát hành bị động, thu chi mất cân đối nghiêm trọng.

Lượng tiền mặt trong lưu thông đến tháng 5 - 1985 tăng gấp 5,7 lần so với cuối năm 1981 và 10 lần so với cuối năm 1980. Tỷ lệ tiền thừa trong lưu thông khoảng 24%; sức mua

của đồng tiền bằng 24% so với năm 1981 và bằng 14,4% so với 1980. Đồng tiền lạm phát và giảm giá, ngân sách liên tục bội chi, càng đẩy giá thị trường tăng nhanh, gây sức ép lên giá nhà nước và đối với ngân sách, làm cho bội chi nặng hơn, thị trường và giá cả hỗn loạn.

Điều đáng chú ý là trong khi ngân sách trung ương bội chi ngày càng lớn thì ngân sách địa phương do sớm thực hiện giá kinh doanh thương nghiệp, thu được phần chênh lệch giữa giá cung và giá kinh doanh (cả vật tư và hàng hóa) và do thu chênh lệch xuất - nhập khẩu, v.v. nên bội thu khá.

Tình hình trên đây chứng tỏ *chính sách giá - lương - tiền* trong mấy năm qua, mặc dù có một số đổi mới từng phần, *nhưng cơ bản vẫn mang nặng tính quan liêu, bao cấp*, trước hết là ở cấp trung ương.

Cơ chế giá - lương - tiền thiếu tính năng động cần thiết, chưa thích ứng với nền kinh tế đang ở trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất chưa hợp lý, kinh tế còn nhiều thành phần, còn diễn ra cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai con đường, giữa địch và ta.

Việc điều chỉnh giá - lương - tiền ba bốn năm qua tiến hành *không đồng bộ* trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, từ sản xuất đến phân phối, lưu thông và tiêu dùng (cả cho sản xuất và tiêu dùng trực tiếp), không gắn việc điều chỉnh giá - lương - tiền với sản xuất và làm chủ thị trường, cải tạo xã hội chủ nghĩa. Khi điều chỉnh giá thì không đồng thời điều chỉnh thỏa đáng tiền lương, cũng không điều chỉnh, sửa đổi chính sách và cơ chế về tài chính và tiền tệ một cách tương ứng. Nhìn chung, *việc điều chỉnh giá - lương - tiền* cũng như toàn

bộ công tác quản lý chưa *thoát ra khỏi cơ chế quan liêu, bao cấp*. Công tác kế hoạch hóa và quản lý vẫn theo kiểu tập trung quan liêu bao cấp, đơn thuần dựa vào cấp phát và giao nộp, cấp phát và giao nộp bất kể với giá nào, lãi thì Nhà nước thu, lỗ đã có Nhà nước chịu, hạch toán kinh tế chỉ toàn là hình thức, giả tạo. Cơ chế đó đặt các cơ sở sản xuất kinh doanh vào tình trạng thụ động, ỷ lại, không kích thích, đồng thời cũng không ràng buộc họ phải quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả. Và cũng chính vì vậy mà những cơ sở nào có tính năng động muốn đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và sản xuất kinh doanh có hiệu quả kinh tế thì phải "xé rào", "làm chui".

Rõ ràng là công tác chỉ đạo và điều hành giá - lương - tiền cũng như cơ chế quản lý kinh tế nói chung không nhạy bén, không sâu sát và kiên quyết, thiếu sự nhất trí trong tư tưởng và hành động; do đó vừa có tình trạng tập trung quan liêu, vừa có tình trạng buông lỏng, phân tán; kỷ luật và pháp luật nhà nước không nghiêm, bộ máy quản lý kém hiệu lực; nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm nghiêm trọng.

Năng lực cán bộ nói chung còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, xóa quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIÁ - LUƠNG - TIỀN

Căn cứ vào tình hình nói trên và nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội do Đại hội V của Đảng và các Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, lần thứ bảy đề ra, việc

giải quyết các vấn đề giá - lương - tiền nhằm đạt các *yêu cầu chủ yếu* sau đây:

- Thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý (ngành, vùng, thành phần); khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có nhằm phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

- Ổn định tình hình phân phối, lưu thông, làm chủ thị trường và giá cả; ổn định đời sống nhân dân lao động nói chung, trước hết là công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

- Góp phần tạo dần nguồn tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Góp phần thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế quốc doanh và tập thể, chống tiêu cực và chống địch phá hoại.

Quan liêu bao cấp là căn bệnh của toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế hiện nay, đặc biệt trên các lĩnh vực giá cả, tiền lương, tài chính - tín dụng, lưu thông tiền tệ, thương nghiệp. Cho nên, lúc này xóa quan liêu bao cấp trong giá - lương - tiền là yêu cầu hết sức cấp bách, là *khâu đột phá có tính quyết định* để đẩy mạnh sản xuất, làm chủ thị trường, ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân lao động, thay đổi toàn bộ cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân.

Nội dung xóa quan liêu bao cấp trong giá - lương - tiền hiện nay chủ yếu là:

1. *Tính đủ chi phí hợp lý* trong giá thành sản phẩm, giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có

lợi nhuận thỏa đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xóa bỏ tình trạng Nhà nước bù lỗ bất hợp lý.

Thực hiện *cơ chế một giá*, khắc phục những sai sót và sơ hở trong việc định giá và quản lý giá, loại trừ những hoạt động đầu cơ.

Thực hiện đúng đắn *việc phân công, phân cấp trong cơ chế quản lý giá*, vừa bảo đảm quyền tập trung thống nhất của trung ương trong việc định giá những vật tư hàng hoá chủ yếu có tính chất toàn quốc; vừa bảo đảm quyền chủ động, linh hoạt của địa phương và cơ sở về những vật tư và hàng hoá có tính chất địa phương. Trên cơ sở phân công, phân cấp hợp lý, phải siết chặt *kỷ luật giá*.

2. *Tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm tái sản xuất sức lao động, phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân*.

Gắn chặt tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động, thực hiện *phân phối theo lao động*.

Thực hiện *chế độ lương thống nhất* trong cả nước có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng, các ngành; ưu đãi thoả đáng các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, có yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật cao.

Thực hiện *trả lương bằng tiền* có quỹ hàng hoá bảo đảm, xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp thoát ly giá trị hàng hoá.

3. Xác lập *quyền tự chủ về tài chính của ngành, địa phương và cơ sở*. Chuyển hẳn mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở sang *hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*; xóa bỏ mọi khoản bù lỗ bất hợp lý của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) về các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trường hợp

có bù lỗ chỉ là cá biệt, tạm thời và phải được xem xét thật nghiêm ngặt. Tất cả các tổ chức kinh tế phải *tự chịu trách nhiệm* về lời - lỗ của ngành, địa phương và đơn vị mình.

Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương và địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan, các khoản chi tiêu không đúng chế độ nhà nước; siết chặt *kỷ luật tài chính*, phấn đấu tích cực thực hiện cân bằng ngân sách trong thời gian ngắn; tạo điều kiện cho ngân sách địa phương có nguồn thu ổn định và phát triển; trung ương không bao cấp cho địa phương.

4. Công tác tiền tệ và tín dụng phải nhanh chóng *chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, làm tốt các chức năng của ngân hàng nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các ngành, địa phương, cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; lấy *hiệu quả kinh tế của đồng vốn* làm tiêu chuẩn hàng đầu trong hoạt động của ngân hàng.

Chủ động phát hành trên cơ sở làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, làm chủ phân phối - lưu thông; *kế hoạch hoá phát hành*, chống phát hành bị động, phấn đấu sớm chấm dứt lạm phát cho chi tiêu ngân sách.

5. Xét về *quy mô và mức độ*, đây là một cuộc *điều chỉnh lớn và toàn diện* về giá - lương - tiền, một sự sắp xếp lại các quan hệ kinh tế giữa các ngành, các địa phương, giữa trung ương, địa phương và cơ sở, giữa các thành phần kinh tế, giữa tích luỹ và tiêu dùng...; tức là liên quan đến cuộc sống của toàn dân, đến toàn bộ nền sản xuất xã hội, không phải chỉ đơn thuần là trong nội bộ kinh tế quốc doanh. Đặt vấn đề đó trong tình hình kinh tế đang trong quá trình chuyển biến,

chưa ổn định, thì thấy cần phải làm ngay, làm tích cực, khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ lưỡng các phương án vững chắc gắn liền với việc phát triển sản xuất, xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới.

Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện ngay trong mỗi bước phải đồng bộ, quán triệt quan điểm xoá bỏ quan liêu bao cấp, phải dựa trên những phương án và kế hoạch hành động được tính toán chu đáo phù hợp với thực tế, không những dự kiến được mặt tích cực mà phải lường trước cả những hệ quả kinh tế, chính trị và xã hội bất lợi nhất thời có thể xảy ra để có biện pháp tích cực đề phòng, uốn nắn.

Vì vậy, phải chống thái độ do dự, chần chờ hoặc nóng vội, giản đơn trong suy nghĩ và hành động.

III- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP LỚN

1. Về giá cả

Căn cứ vào những mục tiêu và phương hướng đã nói trên, việc điều chỉnh mặt bằng giá cả (bao hàm cả việc điều chỉnh các quan hệ tỷ giá) và cơ chế quản lý giá như sau:

Nguyên tắc chung điều chỉnh mặt bằng giá là xác định giá đúng giá trị (mà thực thể là lượng lao động xã hội cần thiết), phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền. Định giá phải trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quan hệ thị trường, quan hệ cung - cầu.

Trong điều kiện nước ta từ sản xuất nhỏ còn phổ biến tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp còn là mặt trận hàng đầu, phải lấy giá lúa làm chuẩn để tính toán các loại giá khác và toàn bộ mặt bằng giá.

a) Tính đủ các yếu tố chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm công nghiệp; cụ thể là:

- Tính đủ chi phí tiền lương mới (V tính theo giá mới) của khu vực sản xuất.

- Tính đủ khấu hao tài sản cố định (C1), theo hướng tính đủ khấu hao sửa chữa lớn; đối với khấu hao cơ bản thì tạm thời tính tỷ lệ khấu hao theo thực tế sử dụng công suất máy móc, thiết bị.

- Tính đúng và đủ giá trị vật tư (C2): vật tư sản xuất trong nước tính đủ giá vốn; vật tư nhập khẩu dựa trên giá vốn nhập tính theo tỷ giá kết toán nội bộ mới và theo chính sách giá trong nước.

Đồng thời với việc tính đủ các chi phí hiện còn để ngoài giá thành làm cho giá bị "hạ thấp" một cách giả tạo, phải loại bỏ ngay các chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ làm cho giá bị "vống lên" một cách giả tạo.

Trong vấn đề tính đủ và tính đúng giá thành sản phẩm, điều hết sức quan trọng là phải *trị giá lại vật tư nhập khẩu* (80-90% vật tư chủ yếu của ta là nhập khẩu). Muốn vậy, cần xác định đúng *tỷ giá kết toán nội bộ* trên cơ sở lấy giá trị dân tộc và quan hệ trong nước làm chính, chủ động phản ánh giá cả quốc tế vào hệ thống giá nội địa thông qua tỷ giá kết toán nội bộ. Tỷ giá kết toán mới phải sát thực tế, bảo đảm kinh doanh xuất - nhập khẩu bình thường có lãi; trên cơ sở tổ chức lại, hình thành từng bước cơ cấu xuất - nhập khẩu có hiệu quả ngày càng cao và tăng cường quản lý xuất - nhập khẩu theo đúng nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và Nhà nước thống nhất quản lý ngoại hối, chống cạnh tranh mua bán đẩy giá vốn xuất lén; có chính sách đúng đắn về

thu bù chênh lệch ngoại thương và thực hiện thuế xuất - nhập khẩu.

Tỷ giá kết toán mới phải khắc phục tình trạng bù lỗ xuất khẩu tràn lan (trừ bộ phận trợ giá hàng xuất theo chính sách), phải bảo đảm vật tư nhập khẩu bán trong nước thu đủ vốn mua hàng xuất để tái tạo và phát triển vốn xuất khẩu, Nhà nước nói chung không lỗ. Phần vốn các nước anh em viện trợ (cho vay dài hạn, vay nhập siêu) phải xem là một nguồn vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản và dự trữ nhà nước.

Phân biệt tỷ giá hối đoái đồng rúp và đồng đôla với đồng tiền của ta. Tỷ giá đồng đôla phải được tính toán và chỉ đạo tương đối linh hoạt. Tỷ giá hối đoái phải do *Nhà nước trung ương định*, có điều chỉnh từng thời kỳ cho phù hợp; các ngành, các cấp không được tự tiện thay đổi. Trong kinh doanh ngoại thương cần chuyển sang cơ chế kết hối ngoại tệ qua ngân hàng dựa vào hệ thống tỷ giá kết toán mới; thực hiện mua ngoại tệ khi nhập khẩu và bán ngoại tệ sau khi xuất khẩu.

Đối với xuất - nhập khẩu trực tiếp của các địa phương, phải có cơ chế chỉ đạo tỷ giá tương đối linh hoạt, khuyến khích các địa phương mở rộng xuất khẩu, nâng cao hiệu quả xuất - nhập; nhưng địa phương phải chấp hành đúng chính sách giá của Nhà nước, chế độ phân cấp quản lý giá, và phải thực hiện đúng giá và khung giá do trung ương quy định.

b) *Điều chỉnh giá bán buôn hàng công nghiệp* (vật tư và hàng tiêu dùng) trên cơ sở giá thành tính đủ chi phí, có lãi thoả đáng cho người sản xuất và thể hiện chính sách kinh tế của Nhà nước.

Giá bán buôn xí nghiệp phải bù đắp chi phí sản xuất trên

cơ sở định mức (vật tư, lao động...) hợp lý, và có lợi nhuận định mức thoả đáng để xí nghiệp có thể tái sản xuất mở rộng và có tích luỹ cho Nhà nước. Giá bán buôn xí nghiệp cùng với chế độ tài chính xí nghiệp phải khuyến khích và tạo điều kiện cho xí nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính, chủ động phát triển sản xuất, kinh doanh, đi vào hạch toán kinh tế thực sự.

Giá bán buôn công nghiệp đối với vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng phải thể hiện chính sách tích luỹ và tiêu dùng của Đảng và Nhà nước: đối với tư liệu sản xuất, Nhà nước không thu quốc doanh hoặc thu có mức độ (đặc biệt đối với tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp Nhà nước không thu quốc doanh, cá biệt có thể còn bù lỗ, xem như là một chính sách đầu tư cho nông nghiệp); đối với hàng công nghiệp tiêu dùng, Nhà nước có thu quốc doanh thoả đáng tuỳ theo tính chất loại hàng hoá. Nhìn chung, việc điều chỉnh giá bán buôn không được làm giảm nguồn thu của Nhà nước mà phải làm cho công nghiệp và Nhà nước ngày càng có thu tài chính lớn hơn. Điều chỉnh giá bán buôn, phải thu lại phần "chênh lệch giá" lâu nay địa phương và cơ sở hưởng do trung ương cung cấp vật tư, năng lượng, nguyên liệu theo giá thấp.

Giá bán vật tư, hàng hoá nhập khẩu phải phù hợp với các quan hệ giá cả và chính sách giá dân tộc; đồng thời khuyến khích sản xuất vật tư trong nước thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng tiết kiệm vật tư nhập khẩu.

Trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu, Nhà nước trung ương định một giá thống nhất (có chênh lệch mức độ theo khu vực).

Phải tính đủ trong giá thành sản phẩm các chi phí về tiền lương (V), khấu hao tài sản cố định (C1) và giá trị vật tư, nhất là vật tư nhập khẩu (C2), bảo đảm lợi nhuận thoả đáng cho các đơn vị sản xuất kinh doanh và tích luỹ cần thiết cho Nhà nước, điều chỉnh giá bán hàng công nghiệp lên cho sát giá trị, nhưng phải xử lý chặt chẽ các yếu tố hình thành nên mức giá mới để nói chung nền kinh tế và xã hội chấp nhận được. Có thể có một số loại hàng hoá Nhà nước chủ động điều chỉnh lên cho phù hợp với giá vốn mới tính đủ chi phí, nhưng không thể một lúc đưa đồng loạt giá bán lẻ của Nhà nước vượt lên trên giá thị trường với mức độ lớn. Vì làm như vậy sẽ dẫn đến những hệ quả hết sức phức tạp đối với sản xuất, kinh doanh của các ngành, địa phương và cơ sở, đối với đời sống và các mặt kinh tế, xã hội. Do vậy, phải quán triệt các nguyên tắc và chủ trương nêu ở phần trên, xác định một cách đúng đắn các yếu tố V, C1, C2, đặc biệt là tỷ giá kết toán - yếu tố rất quan trọng trong việc xác định mặt bằng giá mới và tỷ giá công - nông.

Tỷ giá kết toán phải được tính trên cơ sở thu mua chủ yếu theo *hợp đồng kinh tế với giá cả hợp lý*, người sản xuất bù đắp được chi phí và có lãi thoả đáng, theo *tỷ giá công - nông* đúng đắn; đối với hàng công nghiệp xuất khẩu phải trên cơ sở tổ chức sản xuất và lưu thông hợp lý; sản xuất hàng xuất khẩu có chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Đồng thời, việc tổ chức quản lý xuất - nhập khẩu phải được chấn chỉnh theo nguyên tắc xoá bỏ bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhất thiết phải *sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, sắp xếp lại công tác xuất - nhập khẩu* cho có hiệu quả hơn, chấn

chỉnh lưu thông, tính đúng định mức, loại bỏ chi phí sản xuất và lưu thông bất hợp lý và bất hợp lệ. Điều chỉnh tỷ giá kết toán lên cho phù hợp với tình hình kinh tế - tài chính và sức mua của đồng tiền, khuyến khích xuất khẩu, nhưng nhất định không chấp nhận giá và tỷ giá bị "vống" lên do tranh mua, tranh bán, xuất - nhập khẩu với bất cứ giá nào. Cùng với việc tính lại giá bán buôn, đi vào hạch toán kinh tế, phải xử lý một loạt vấn đề về cơ cấu và tổ chức sản xuất, quản lý ở tầm kinh tế quốc dân cũng như ở từng ngành và từng cơ sở theo quan điểm triệt để xoá bỏ bao cấp, thực hiện kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đối với những xí nghiệp và sản phẩm bị lỗ, phải xem xét lại mặt hàng, nếu cần thì phải chuyển hướng sản xuất, thậm chí đóng cửa. Phải *sắp xếp lại hệ thống lưu thông* (cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương...), *xóa ngay các khâu trung gian* không cần thiết, để hàng hoá có thể đi từ nơi sản xuất đến người tiêu dùng (kể cả tiêu dùng trực tiếp và tiêu dùng cho sản xuất) bằng con đường ngắn nhất với giá cả hợp lý. *Làm tốt các biện pháp trên đồng thời với việc điều chỉnh phân phối, lưu thông cho phép tính tỷ giá kết toán và giá vật tư ở mức thoả đáng mà vẫn có thể không gây ra những đảo lộn lớn đối với sản xuất, kinh doanh, thị trường và giá cả.*

c) Giá bán lẻ

Giá bán lẻ phải được xác định trên cơ sở giá trị hàng hoá, tính đến quan hệ cung - cầu, tiền - hàng, và phải thể hiện chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Chính sách giá bán lẻ hàng tiêu dùng cần phân biệt theo tính chất mặt hàng và đối tượng tiêu dùng.

Hàng công nghiệp thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu

dùng nói chung phải có tích luỹ thoả đáng cho ngân sách, trừ một vài mặt hàng thiết yếu thì tích luỹ ít hoặc không tích luỹ; đối với một số mặt hàng thuộc loại cơ bản, thiết yếu nhất Nhà nước không tích luỹ, thậm chí có thể bù lỗ theo chính sách xã hội (ví dụ thuốc chữa bệnh, sữa cho trẻ em, sách giáo khoa...).

Theo chính sách như trên, trên cơ sở nắm hàng và làm chủ thị trường, thực hiện Nhà nước độc quyền kinh doanh và thống nhất quản lý, *Nhà nước trung ương định một giá thống nhất cho những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu* (có những mặt hàng trung ương định giá khung), có phân biệt thoả đáng về mức giá theo vùng, nhất là về lương thực - thực phẩm, và một số loại vật tư, hàng hoá đòi hỏi vận chuyển xa, chi phí vận tải lớn.

Giá bán lẻ hàng công nghiệp để tính lương cơ bản phải thống nhất cả nước. Giá một số sản phẩm lương thực, thực phẩm như gạo, thịt... tính theo vùng có mức giá thấp nhất (trên cơ sở chi phí sản xuất và lưu thông theo mặt bằng giá mới). Mức chênh lệch giữa giá bán lẻ lương thực, thực phẩm ở các vùng khác cao hơn giá tính lương cơ bản được xử lý bằng cách tính vào khoản phụ cấp đắt đỏ theo khu vực. Mức giá cụ thể và chênh lệch vùng phải trên cơ sở tính toán chặt chẽ giá trị hàng hoá, tính đến giá thị trường nhưng không phải theo giá thị trường hiện nay rất rối loạn và đối với nhiều loại hàng là không bình thường, đang bị hoạt động đầu cơ chi phối. Để hạn chế tác động phức tạp do giá cả còn có thể biến động và để thực hiện việc kế hoạch hoá và hạch toán kinh tế, cần ổn định giá bán lẻ tính lương trong một thời gian nhất định và có quy định thống nhất cho các vùng trong cả nước.

Khi tình hình đòi hỏi phải thay đổi, Nhà nước sẽ chủ động tính toán, điều chỉnh giá và lương cho phù hợp.

Việc thực hiện chính sách và cơ chế giá bán lẻ như trên đòi hỏi tính toán và cân đối quỹ hàng hoá *trên từng địa phương và khu vực*, cân đối với quỹ tiền đưa ra; nhất thiết không "thả nổi" công nhân, viên chức để thị trường điều tiết thu nhập của họ; phải cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do, xoá đầu cơ, buôn lậu. Phải *siết chặt kỷ luật nhà nước về tài chính và giá cả* đối với tất cả các tổ chức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhất là thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán; nghiêm trị mọi hành vi tăng giá trái phép.

d) *Xác định giá mua nông sản* trên cơ sở tính lại giá thành, bảo đảm người sản xuất bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý. Tỷ lệ lợi nhuận trong nông nghiệp ở mức 40-50% tính trên chi phí lao động (V, kể cả phần vật tư nông dân tự lo thực chất cũng là V).

Chính sách giá mua nông sản phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp trong cơ cấu công - nông nghiệp thống nhất, thể hiện quan hệ công - nông, quan hệ tích luỹ - tiêu dùng đúng đắn, làm cho cả công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển và đóng góp đúng mức cho Nhà nước, đời sống nông dân, công nhân đều được cải thiện và có tương quan thoả đáng.

Nông sản nói chung, đặc biệt lúa, là sản phẩm chung của nông dân và công nhân; giá thành nông sản bao hàm cả những yếu tố của bản thân nông nghiệp và của công nghiệp; giá nông sản bao hàm nội dung quan hệ công - nông. Cho nên, giá thành nông sản phải được tính toán căn cứ vào những yếu tố năng suất tự nhiên, hao phí lao động của nông

dân và giá công nghệ phẩm (cả vật tư và hàng tiêu dùng thiết yếu).

Để tính đủ giá thành nông sản, chi phí các vật tư chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp do Nhà nước cung ứng (của trung ương cũng như địa phương) được tính theo giá mới ổn định từng thời kỳ (tính đủ chi phí sản xuất và lưu thông). Phần vật tư nông dân tự lo (không phải hàng Nhà nước tuồn ra ngoài) tính theo giá thực tế. Muốn có giá thành nông sản hợp lý và tương đối ổn định, phải tập trung hàng công nghiệp (nhất là tư liệu sản xuất) để cung ứng cho nông dân thông qua hợp đồng hai chiều, không để tình trạng hiện nay là Nhà nước chỉ bảo đảm 40-50% vật tư cho nông dân sản xuất, còn lại họ phải mua trên thị trường (phần quan trọng cũng là hàng Nhà nước thống nhất quản lý như xăng dầu, phân bón... bị lọt ra ngoài).

Tiền công trong giá thành sản phẩm nông nghiệp tùy thuộc vào giá trị ngày công tính trên cơ sở số ngày công trên 1 hécta, năng suất và sản lượng trên 1 hécta, trừ hao phí vật chất và thuế phải nộp; thu nhập của nông dân, kể cả kinh tế gia đình, cần xác định tương đương với thu nhập của công nhân nông trường (tính theo vùng). Giá trị ngày công cũng phụ thuộc nhiều vào giá bán lẻ hàng công nghiệp tiêu dùng của Nhà nước.

Đối với những vùng điều kiện thiên nhiên không thuận lợi (đất đai, thời tiết...) và cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém, đời sống còn nhiều khó khăn, Nhà nước có chính sách giá mua cao hơn, đi đôi với chính sách đầu tư hoặc trợ giá.

Đối với những vùng có điều kiện thiên nhiên thuận lợi,

cần có chính sách thu phần lớn địa tô chênh lệch I vào Nhà nước thông qua chính sách giá và thuế.

Giá mua nông sản phẩm phải khuyến khích các sản phẩm chủ yếu ở những vùng mà Nhà nước có quy hoạch tạo vùng chuyên canh, khuyến khích các vùng kinh tế mới và khuyến khích thâm canh, tăng vụ; đặc biệt chú trọng những vùng chuyên trồng lúa.

Muốn định giá mua nông sản hợp lý theo vùng, trước tiên phải tính đúng giá thành theo vùng, có tham khảo giá thị trường từng vùng và đặt trong mối quan hệ đúng đắn giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông dân và Nhà nước. Giá đó phải tính đủ giá trị và trao đổi "ngang giá" với hàng công nghệ phẩm của Nhà nước. Đặc biệt đối với lương thực là mặt hàng chiến lược số một, nhất thiết phải do Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh, không để mua bán tự do, cho nên không thể lấy giá thị trường tự do làm chuẩn. Hơn nữa, số lương thực còn lưu thông trên thị trường tự do chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ, và thường xuyên chịu sự chi phối của quy luật cung - cầu, nhất là những lúc mất mùa, cho nên giá đó không thể đại diện cho giá thực, đúng giá trị, mà trong nhiều trường hợp đã tách rời xa giá trị thực.

Để định giá mua nông sản trên cơ sở tính đủ và tính đúng giá trị, thực hiện trao đổi sản phẩm công - nông theo nguyên tắc ngang giá, phải xử lý *quan hệ giá công - nông* hình thành nền hệ thống các quan hệ tỷ giá đúng đắn. Đây là vấn đề hết sức quan trọng và cũng rất phức tạp.

Thực tế mấy năm gần đây chỉ rõ, ta chỉ giữ được tỷ giá trao đổi một số sản phẩm như phân bón hoá học, xăng dầu,

thuốc trừ sâu... lấy lúa; còn lại các sản phẩm khác thì Nhà nước (nhất là trung ương) hoặc là giữ giá hoặc là tăng giá vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng không kịp với tốc độ tăng giá mua, đặc biệt là giá mua thoả thuận bằng tiền (chiếm tỷ trọng 30-40% thu mua lúa và 80-90% thu mua sản phẩm chăn nuôi và cây công nghiệp) làm cho tỷ giá công - nông trở nên bất hợp lý và bị rối loạn. Tình hình trên làm cho sự mất cân đối công - nông vốn gay gắt về hiện vật lại thêm khó khăn về tài chính, ngân sách bội chi lớn. *Nếu điều chỉnh lại giá và tỷ giá công - nông thì quỹ hàng công nghiệp của Nhà nước không đến nỗi mất cân đối lớn với khối lượng mua nông sản như hiện nay.* Từ cuối năm 1984, việc chuyển hàng tiêu dùng sang bán theo giá kinh doanh thương nghiệp đã góp phần điều chỉnh một mức độ nhất định quan hệ giá trị hàng công nghiệp và nông sản phẩm, nhưng chưa khắc phục được tình trạng bất hợp lý về tỷ giá công - nông, không bảo đảm cho công nghiệp có lãi cần thiết để tái sản xuất mở rộng, thậm chí nhiều ngành công nghiệp, vận tải lỗ lớn.

Mặt khác, cũng phải khắc phục ngay tình trạng buông lỏng cải tạo và quản lý thị trường, quản lý nội bộ quốc doanh, các ngành, các cấp, để cho những kẻ trung gian đầu cơ tranh mua, tranh bán, "phết phẩy" qua nhiều khâu, đẩy giá lên một cách giả tạo, vừa bóc lột nông dân, vừa làm thiệt hại cho tài chính nhà nước, làm sai lệch quan hệ tỷ giá đã hình thành sau cuộc tổng điều chỉnh năm 1981 (nhìn chung được nông dân chấp nhận). Không ít trường hợp trong thực tế nông dân "kêu" vì không được mua hàng đúng giá và tỷ giá của Nhà nước.

Trong việc xử lý quan hệ công - nông, quan hệ tích luỹ - tiêu dùng, để xoá bao cấp, phải đưa thêm vào giá thành sản phẩm công nghiệp hàng trăm tỷ đồng (theo phương án tính đủ C1, C2, V) và điều chỉnh giá bán buôn, cước vận tải lên 5 - 7 lần so với hiện nay. Đối với kinh tế quốc doanh, việc tăng giá bán buôn chủ yếu là hạch toán nội bộ; nhưng đối với kinh tế tập thể (nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp) và kinh tế cá thể thì nó sẽ có tác động phức tạp. Vì giá mới của hàng công nghiệp và vật tư nông nghiệp tăng lên cho nên phải xác định quan hệ tỷ giá mới hợp lý giữa hàng công nghiệp và nông sản, trên cơ sở tính đúng và đủ chi phí sản xuất và lợi nhuận thoả đáng cho cả công nghiệp và nông nghiệp.

Đồng thời phải tổ chức lại sản xuất công nghiệp, tổ chức vận tải và hệ thống lưu thông, tăng cường quản lý, siết chặt định mức, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất để có giá sản phẩm công nghiệp hợp lý, vừa bù đắp được chi phí, vừa có tích luỹ cần thiết cho Nhà nước, đồng thời xã hội có thể chấp nhận được.

Phải tăng cường thâm canh trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề ở nông thôn; đồng thời phải phân bổ lại lực lượng lao động, để tăng tỷ suất hàng hoá trao đổi lấy hàng công nghiệp; qua đó mà mở rộng thị trường trong nước, kích thích sản xuất cả công nghiệp và nông nghiệp.

Phải tổ chức lại các hệ thống vật tư, thương nghiệp, tín dụng, vận tải... bảo đảm sự *trao đổi sản phẩm trực tiếp* giữa nông dân và các tổ chức kinh tế nhà nước *chủ yếu thông qua hợp đồng kinh tế* theo giá và tỷ giá của Nhà nước quy định; cấm tư nhân mua bán các sản phẩm quan trọng mà Nhà

nước thống nhất quản lý. Như vậy cũng có nghĩa là không lấy giá và tỷ giá hình thành trên thị trường tự do còn chứa đựng những yếu tố đầu cơ, buôn lậu, tranh mua, tranh bán, làm cơ sở cho việc định giá và tỷ giá trao đổi sản phẩm giữa Nhà nước và nông dân.

Thực hiện ngay việc *Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực và các nông sản chủ yếu*. Thực hiện cơ chế *một giá mua thống nhất* (có phân biệt theo vùng và được điều chỉnh theo từng vụ sản xuất) trên cơ sở thỏa thuận giữa Nhà nước và nông dân. Thông qua hợp đồng kinh tế, *Nhà nước nắm hâu hết lương thực hàng hoá* (sau khi đã để lại phần cần thiết cho nông dân), và đại bộ phận nông sản hàng hoá chủ yếu khác.

d) *Cơ chế quản lý giá*

Trong điều kiện chuyển hẳn cơ chế quản lý kinh tế sang cơ chế mới lấy kế hoạch làm trung tâm, thực hiện hạch toán kinh tế đầy đủ và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cơ chế hình thành và quản lý giá phải là bộ phận cấu thành của cơ chế kinh tế chung.

Phải thực hiện chính sách và cơ chế một giá thống nhất, do Nhà nước (trung ương và địa phương) quy định *trên cơ sở làm chủ kế hoạch sản xuất*, phân phối đối với những sản phẩm quan trọng, thiết yếu, cải tạo, quản lý và *làm chủ thị trường hàng hoá, tiền tệ*.

Thực hiện sự phân công, phân cấp quản lý giá giữa các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương theo Điều lệ quản lý giá đã ban hành. Giá những vật tư quan trọng, giá mua những nông, lâm, hải sản chủ yếu, giá bán những hàng tiêu

dùng thiết yếu phải do *trung ương quy định thống nhất trong cả nước* (có phân biệt theo vùng). Đối với các hàng hoá khác, trung ương quy định *khung giá tối đa* để địa phương vận dụng cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Đối với một số hàng hoá sản xuất bằng nguyên liệu của địa phương, lưu thông chủ yếu trên thị trường địa phương thì giá cả do chính quyền *địa phương quyết định*. Cả ở cấp trung ương và địa phương không nên định giá nhà nước theo hình thức giá tối thiểu, dễ gây tùy tiện và hỗn loạn trong hệ thống giá cả nhà nước.

Sau khi đã tính lại giá thành và định hệ thống giá cả mới, thực hiện phân công, phân cấp hợp lý, phải siết chặt *kỷ luật giá cả*; mọi sự thay đổi giá phải trong khuôn khổ của pháp luật nhà nước.

2. *Tiền lương và đời sống*

a) Cơ sở để giải quyết vấn đề tiền lương và đời sống là phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm, cải tạo và phát huy năng lực các thành phần kinh tế. Bởi vậy phải có phương án và biện pháp đẩy mạnh sản xuất và tăng năng suất, mở mang ngành nghề, kể cả dịch vụ, mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, để có *quỹ hàng hoá* đủ bảo đảm mức sống hợp lý. Trên cơ sở phát triển sản xuất, *Nhà nước phải nắm tuyệt đại bộ phận lực lượng hàng hoá trong xã hội để phân phối một cách có kế hoạch và theo chính sách*.

Yêu cầu cấp bách là bảo đảm lực lượng hàng hoá cần thiết cho các địa bàn trọng điểm, nhất là các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung và vùng biên giới phía bắc. Để giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm là yêu cầu bức thiết nhất hiện nay, cần thực hiện các biện pháp sau đây:

- Đẩy mạnh sản xuất, thâm canh, tăng vụ; tăng cường đầu tư cho các vùng trọng điểm sản xuất lương thực, chú trọng tăng nhanh lương thực hàng hoá ở miền Bắc để đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

- Thực hiện chính sách Nhà nước độc quyền kinh doanh và thống nhất quản lý lương thực, tập trung tuyệt đại bộ phận lương thực, hàng hoá trong tay Nhà nước trên cơ sở giải quyết thoả đáng vấn đề đầu tư, cung ứng vật tư, phân phối hàng tiêu dùng thiết yếu và giá cả.

- Giải quyết tốt vấn đề vận tải, nhất là vận tải Nam - Bắc.

- Kết hợp xuất - nhập đổi hạt xuất khẩu một phần lương thực để nhập thêm vật tư cần thiết cho sản xuất lương thực, bảo đảm cân đối lương thực vững chắc.

Để có nguồn thực phẩm chủ động, cần nhanh chóng phát triển các vành đai thực phẩm xung quanh các thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung. Chú trọng phát triển các cơ sở *chăn nuôi quốc doanh*, mở rộng hình thức *quốc doanh gia công* cho các hợp tác xã và gia đình để nắm được nguồn thực phẩm hàng hoá chủ động đáp ứng nhu cầu tại chỗ, giảm bớt chi phí vận tải và hao hụt.

b) Tiền lương phải bảo đảm *tái sản xuất sức lao động* của người ăn lương và nuôi được con. Trong điều kiện lực lượng hàng hoá và nguồn vốn tài chính của Nhà nước hiện nay, cần thực hiện yêu cầu này từng bước; nhưng ngay trong bước đầu tiên, tiền lương thực tế của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang phải được cải thiện so với hiện nay.

Với mức chi tiêu về ăn chiếm 65 - 70%, tiền lương tối thiểu phải bảo đảm cung cấp ít nhất 2000 calo/ngày cho người lao động.

Căn cứ vào mức nhu cầu đã được xác định như trên, tính lại tiền lương tối thiểu theo mặt bằng giá mới, lấy đó làm cơ sở để tính hệ thống lương cơ bản thống nhất cho cả nước.

Trong tình hình hiện nay cần giữ mức chênh lệch hợp lý giữa các thang lương, bảng lương với hệ số lương trung bình bằng 1,3 lần và lương cao nhất bằng 3,5 lần lương tối thiểu.

c) Xoá bỏ giá cung cấp quá thấp hiện nay, *tính lại tiền lương danh nghĩa theo giá bán lẻ mới và trả lương bằng tiền*

Tiền lương cơ bản theo ngành nghề và cấp bậc công việc được quy định thống nhất trong cả nước, căn cứ vào giá nhà nước ở vùng có giá sinh hoạt thấp nhất.

Ngoài tiền lương cơ bản còn có những khoản phụ cấp như sau: *phụ cấp khu vực* do trung ương quy định cho những vùng có nhiều khó khăn (miền núi, biên giới, hải đảo...) cần thu hút nhiều lao động đến; *phụ cấp đắt đỏ* do trung ương quy định thống nhất cho từng vùng, tuỳ theo chênh lệch giữa mức giá tính lương cơ bản và mức giá Nhà nước định theo vùng và chỉ số sinh hoạt từng quý (ba tháng).

Tiền lương cơ bản và các khoản phụ cấp khu vực, phụ cấp đắt đỏ và các khoản phụ cấp khác (theo chế độ quy định) được hạch toán vào quỹ lương và vào giá thành sản phẩm.

Ở những địa phương nào tình hình cung - cầu đối với một số mặt hàng chủ yếu nhất là lương thực và thực phẩm còn căng thẳng, thì tạm thời còn phải dùng *sổ mua hàng* để bảo đảm cung cấp theo định lượng.

Từ nay các ngành, các cấp và cơ sở không được tuỳ tiện định ra các chế độ phụ cấp bằng tiền hoặc hiện vật ngoài quy định của Nhà nước.

d) Điều kiện bảo đảm thực hiện chế độ tiền lương mới có hiệu quả là bố trí đủ *quỹ hàng và quỹ tiền*, đồng thời Nhà nước làm chủ thị trường và giá cả, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tổ chức tốt việc lưu thông hàng hoá, ổn định từng bước sức mua của đồng tiền.

Đồng thời với việc giải quyết vấn đề tiền lương, các xí nghiệp và cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện và khuyến khích phát triển kinh tế gia đình dưới các hình thức thích hợp (chăn nuôi, trồng trọt, thủ công nghiệp, làm gia công...) để có thêm thu nhập chính đáng.

3. Tài chính và tiền tệ

a) Điều chỉnh giá - lương tác động rất lớn đến tài chính và ngân sách nhà nước, làm cho tài chính và ngân sách nhà nước phản ánh đúng đắn và chân thực hơn hiệu quả của nền sản xuất xã hội của ta (bao gồm cả trong sản xuất và phân phối, lưu thông). Đây chính là một cơ sở rất tốt để tiến lên xây dựng chính sách tài chính quốc gia phù hợp với chặng đường phát triển hiện nay của nền kinh tế quốc dân.

Điều chỉnh giá sẽ làm thay đổi lớn tổng mức và cơ cấu của tài chính nhà nước (nhất là của ngân sách) và các mối quan hệ giữa Nhà nước và đơn vị sản xuất - kinh doanh, giữa trung ương và địa phương, giữa Nhà nước với dân cư. Đi đôi với việc thay đổi tỷ giá kết toán nội bộ và điều chỉnh giá, Nhà nước cần quản lý tài chính chặt chẽ, tăng thu, tiết kiệm chi một cách nghiêm ngặt mới có đủ nguồn vốn đáp ứng các yêu cầu chi tiêu cần thiết tăng lên; tích cực phấn đấu sớm thực hiện cân bằng ngân sách và chấm dứt phát hành cho chi tiêu ngân sách.

Cụ thể là:

- Trên cơ sở phát triển sản xuất và cải tiến quản lý, phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông mà tính toán kỹ và nắm chắc nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Tăng cường kỷ luật tài chính, kỷ luật giao nộp đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh. Cải tiến chế độ thu quốc doanh mang tính chất bao cấp (thu đủ, chi đủ), bảo đảm nguồn thu ổn định của Nhà nước, không phụ thuộc vào giá thành thực tế của xí nghiệp.

- Rà soát lại chính sách thuế, điều chỉnh mức thuế, bổ sung các loại thuế mới.

- Soát xét lại chính sách tiêu dùng, xoá bỏ các chế độ chi tiêu mang nặng tính chất bao cấp, không phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước.

- b) Điều chỉnh giá - lương theo hướng xoá bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở xác định và thực hiện chế độ *tự chủ tài chính của xí nghiệp*, làm cho giá cả, tiền lương, tài chính, tín dụng... phát huy tốt hơn các chức năng thước đo hiệu quả và đòn bẩy kích thích các đơn vị cơ sở phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh và buộc phải làm ăn có tính toán hiệu quả kinh tế.

Toàn bộ chế độ tài chính xí nghiệp (theo Nghị quyết số 156-HĐBT) cần được xem xét lại và sửa đổi cho phù hợp với mặt bằng giá - lương mới và quán triệt tinh thần xoá bao cấp, khuyến khích người sản xuất đi vào kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi xí nghiệp phải kinh doanh có hiệu quả thì mới có lãi và mới có điều kiện phát triển.

Chuyển đổi bộ phận vốn đầu tư và toàn bộ vốn lưu động

của xí nghiệp sang hình thức *tín dụng*, đồng vốn bỏ ra nhất thiết phải đem lại hiệu quả kinh tế cần thiết.

Sau khi điều chỉnh giá nhà nước, các xí nghiệp phải *hạch toán lại giá thành và doanh lợi*, phản ánh đúng đắn hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Những trường hợp lỗ theo chính sách thì Nhà nước bù; những trường hợp lỗ do quản lý kém, làm ăn với bất cứ giá nào, thì phải tìm biện pháp sắp xếp lại sản xuất, chấn chỉnh quản lý để tăng năng suất, hạ giá thành, giảm bớt lỗ và tiến lên có lãi; nếu không thì buộc phải chuyển hướng sản xuất hoặc chuyển thành hợp tác xã, hoặc giải thể.

c) Điều chỉnh giá - lương lần này tác động lớn đến mối quan hệ giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Nguồn thu của ngân sách địa phương sẽ giảm đi (vì đại bộ phận chênh lệch giá - giữa giá vật tư nhà nước cung cấp và giá kinh doanh thương nghiệp ở địa phương - không còn nữa), trong khi các yêu cầu chi lại tăng lên (thí dụ chi cho tiền lương). Do đó Nhà nước cần xem xét lại *các tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương* để bảo đảm các nhu cầu chi tiêu cần thiết trên tinh thần triệt để tiết kiệm.

Chế độ phân cấp quản lý ngân sách trung ương và địa phương phải được giải quyết trên quan điểm ba cấp cùng làm chủ, bảo đảm sự nhất trí giữa các loại lợi ích (xã hội - tập thể - cá nhân), tạo điều kiện và buộc các địa phương phấn đấu tối đa khai thác các tiềm năng của địa phương để tăng nguồn thu đáp ứng các nhu cầu của mình. *Trung ương sẽ không bao cấp đối với địa phương*.

d) Áp dụng đồng bộ các loại biện pháp để *thu hút tiền*

nhàn rỗi, đẩy nhanh tốc độ *vòng quay đồng tiền*, nắm và kiểm soát lượng tiền mặt trong lưu thông:

- Chuyển hoạt động của ngân hàng sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.
- Cải tiến chế độ gửi tiền tiết kiệm, chính sách công trái, xổ số.
- Cải tiến chính sách lãi suất tiền gửi và tín dụng.
- Tăng cường chế độ mở tài khoản và gửi tiền ở ngân hàng đối với các hợp tác xã và hộ sản xuất, kinh doanh.
- Khai thác kho, đẩy mạnh bán ra để thu tiền về.
- Mở rộng hoạt động của các hợp tác xã tín dụng và quỹ tín dụng nhân dân.
- Tăng cường kỷ luật sử dụng tiền mặt trong khu vực nhà nước và kinh tế quốc doanh, hạn chế "toạ chi".

IV. TỔ CHỨC VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Điều chỉnh giá - lương - tiền phải theo đúng đường lối, chính sách, thể hiện trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng và phải được tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, khai thác các tiềm năng ở cơ sở, địa phương, ngành, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng tích luỹ cho Nhà nước. Thực tế về một số mặt điều chỉnh giá - lương ở các địa phương và cơ sở vừa qua theo phuơng hướng của Nghị quyết Trung ương 6 và 7 cho phép rút ra những kinh nghiệm tốt bổ sung cho việc nghiên cứu phuơng án và chuẩn bị tổ chức thực hiện điều chỉnh giá - lương - tiền trong cả nước. Cuộc sống đòi hỏi bức thiết phải điều chỉnh giá -

lương - tiền gắn với điều chỉnh và sắp xếp lại sản xuất, tạo động lực đẩy sản xuất lên. Nhưng cũng phải nhận rõ tình hình kinh tế - tài chính trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn:

- Trình độ sản xuất và quy mô xuất - nhập khẩu với năng suất, chất lượng, hiệu quả hiện nay quá thấp.

- Quỹ hàng trong tay Nhà nước chưa đáp ứng vững chắc nhu cầu tăng lương và cải thiện một bước đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang, cũng như yêu cầu đối lưu với nông dân để thu mua nông sản.

- Nguồn tài chính và quỹ tiền tệ hết sức ngặt nghèo, bội chi và lạm phát còn tiếp tục.

- Công tác cải tạo và quản lý thị trường tuy có tiến bộ, nhưng chưa chuyển biến cơ bản, tư nhân vẫn còn nắm một bộ phận quan trọng hàng hoá và tiền mặt.

- Tổ chức và bộ máy quản lý chung và quản lý phân phối, lưu thông (nhất là vật tư, nội thương, ngoại thương...) còn nhiều bất hợp lý, vừa quan liêu bao cấp vừa thiếu trật tự và kỷ luật, hiệu lực quản lý thấp.

Do vậy, phải *kiên quyết* điều chỉnh giá - lương - tiền theo chủ trương nêu ở phần trên, song phải xác định các chủ trương, biện pháp cụ thể lựa chọn *phương án thích hợp* để thực hiện điều chỉnh có *kết quả vững chắc* đạt các mục tiêu đề ra.

1. Tiếp tục *hoàn chỉnh* các *phương án* trên cơ sở tính toán tổng hợp kinh tế quốc dân, điều chỉnh giá - lương - tiền như đã trình bày ở trên. Khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để có thể bắt đầu thực hiện trong quý IV năm 1985.

Do tính chất nhạy cảm và công phat đối với sản xuất, lưu thông và đời sống, việc điều chỉnh giá - lương phải được cân

nhắc kỹ trên tổng thể, cũng như phải tính toán kỹ với các cơ sở, địa phương, ngành về các sản phẩm quan trọng để xác định mức và phạm vi tăng giá; rà soát kỹ quan hệ giữa giá bán buôn, giá thu mua, giá bán lẻ, không để có những sai khớp lớn trong tính toán cũng như khi thực hiện.

2. *Việc chuẩn bị lực lượng* (hàng hoá, tiền, làm chủ thị trường, tăng cường bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ...) là *rất cần thiết và có ý nghĩa quyết định*:

Phải khẩn trương sắp xếp lại sản xuất ở từng ngành, địa phương và cơ sở.

Cần xác định trách nhiệm của tất cả các ngành (từ các bộ quản lý sản xuất, lưu thông đến các cơ quan tổng hợp), các cấp chính quyền trong việc bảo đảm *lực lượng hàng và tiền*, nghiêm túc và trung thực trong tính toán và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về điều chỉnh giá - lương. Đặc biệt, các bộ: Nội thương, Lương thực cùng các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố phải chuẩn bị kỹ lực lượng hàng hoá hết sức chú trọng việc tập trung hàng cho các địa bàn trọng điểm (thành phố, khu công nghiệp...). Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính phải chuẩn bị và phân phối đủ tiền mặt, vốn cho địa phương và cơ sở.

Phải tổ chức, sắp xếp lại ngay hệ thống lưu thông vật tư, hàng hoá, tăng cường hệ thống vận tải, phát triển mạnh mẽ và rộng khắp thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, làm chủ thị trường... ngay từ bây giờ, cần ráo riết tăng cường *quản lý thị trường*, tăng cường quản lý thu thuế công thương nghiệp, quản lý việc niêm yết giá và bán theo giá niêm yết, ráo riết truy quét và trừng trị bọn đầu cơ, nâng giá, phao tin đồn nhằm gây rối thị trường.

Trước khi công bố giá mới, phải thực hiện chặt chẽ nhanh gọn việc *kiểm kê tồn kho vật tư hàng hoá của Nhà nước* nghiêm trị mọi hành vi lợi dụng việc điều chỉnh giá để ăn cắp, đầu cơ chênh lệch giá mới và giá cũ. Đối với kinh tế tập thể và các hộ tư nhân sản xuất, kinh doanh lớn thì kiểm kê vật tư tồn kho và có biện pháp thích đáng thu hồi về cho Nhà nước chênh lệch giữa giá mới và giá cũ.

Cần rà soát lại đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trên lĩnh vực phân phối, lưu thông: kiên quyết loại bỏ những phần tử thoái hoá, tham ô, vô trách nhiệm; lựa chọn và bố trí cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, phù hợp với cơ chế mới.

3. Cuộc điều chỉnh phân phối, lưu thông có ý nghĩa và tác động không những *đối với kinh tế* mà còn *đối với đời sống chính trị của toàn xã hội*.

Vì vậy, các cấp lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể từ trung ương đến cơ sở phải coi việc thực hiện cuộc điều chỉnh này là công tác *trung tâm đột xuất*, quán triệt sâu sắc những quan điểm cơ bản, thực hiện tốt các yêu cầu, chủ trương, biện pháp điều chỉnh giá - lương - tiền.

Cần phải *quản lý hết sức chặt chẽ và giữ bí mật* khi chuẩn bị các phương án cụ thể, về bước đi, thời gian thi hành...; khi thực hiện, phải tổ chức *tuyên truyền, giải thích rộng rãi* cho toàn Đảng, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân hiểu rõ sự cần thiết, mục tiêu, chủ trương điều chỉnh. *Phát động phong trào quần chúng từ cơ sở* làm chủ sản xuất và phân phối, lưu thông, nghiêm chỉnh thi hành các chính sách, pháp luật nhà nước, ủng hộ Nhà nước thực hiện tốt các chủ trương điều chỉnh, đấu tranh chống tiêu cực, chống địch phá hoại.

4. Trên cơ sở phương án được thông qua, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải vạch ra một *chương trình hành động chặt chẽ* và điều hành các ngành, các cấp thực hiện một cách *kiên quyết, thống nhất, đồng bộ* và rất có *kỷ luật*.

*
* * *

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về giá - lương - tiền là sự đúc kết kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua trên lĩnh vực này, là sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách của Đảng ta không những về giá cả, tiền lương, mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, cơ chế kế hoạch hóa và quản lý, nhằm triệt để xoá bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG (KHOÁ V)**

Bàn về giá cả - tiền lương - tài chính - tiền tệ

Ngày 14 tháng 6 năm 1985

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các đồng chí trung ương,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này bàn và quyết định một vấn đề cực kỳ quan trọng: *Cải cách một bước giá cả, tiền lương, tài chính và tiền tệ để bãi bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.*

Tiếp theo Nghị quyết các Hội nghị lần thứ sáu và lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Hội nghị lần này sẽ tiếp tục cụ thể hoá các nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV và lần thứ V của Đảng, tạo ra chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong nền kinh tế và đời sống xã hội ở nước ta. Với Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, chúng ta sẽ chấm dứt thời kỳ điều khiển nền kinh tế bằng những mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, biểu hiện đặc trưng của cách

quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang thời kỳ điều khiển nền kinh tế trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, thông qua kế hoạch hoá gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) là một cái mốc đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Đảng và nhân dân ta trên mặt trận kinh tế. Với bước trưởng thành đó, chúng ta sẽ giành lại quyền chủ động, làm thay đổi tình thế, chấm dứt những hiện tượng không bình thường, đưa nền kinh tế vào quỹ đạo phù hợp với những quy luật khách quan trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta chắc chắn sẽ khôi phục và giữ vững được nguyên tắc trung dân chủ trong quản lý kinh tế, phát huy được đầy đủ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động trong sản xuất và đời sống.

Trải qua một thời gian khẩn trương chuẩn bị, bản dự thảo nghị quyết trình ra lần này đã đạt được bước tiến rất đáng phấn khởi. Trong thời gian đó, tôi đã phát biểu ý kiến hai lần tại các cuộc họp Bộ Chính trị. Những ý kiến đó đã ghi thành văn bản; ở đây tôi không nhắc lại; chỉ xin đề cập một số vấn đề mới, sau khi đọc báo cáo do đồng chí Tô Hữu trình bày và dự thảo nghị quyết.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này tiến hành trong thời điểm rất thuận lợi. Từ sau Hội nghị lần thứ sáu và Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương, một số địa phương và nhiều cơ sở sản xuất đã mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Từ bốn năm nay, tỉnh Long An đã bù giá vào lương và

gần đây đã làm thử việc tính giá thành đầy đủ trong một số xí nghiệp quốc doanh, đạt kết quả vững chắc, sản xuất được đầy mạnh, đời sống công nhân ổn định, nhân dân lao động thật sự làm chủ sản xuất và phân phối; Nhà nước nắm được hàng, tiền, quản lý tốt thị trường, hạn chế biến động xấu về giá cả. Đến nay, nhiều địa phương trong cả nước đang tiếp tục áp dụng cách làm đó, đã rút ra nhiều kinh nghiệm rất quý báu. Các địa phương khác cũng đang tích cực chuẩn bị để làm. Việc bù giá vào lương và đưa lương vào giá thành là một trường học lớn, tạo điều kiện thuận lợi chuyển sang cơ chế quản lý mới. Từ những kinh nghiệm thực tiễn đó, chắc chắn các địa phương sẽ góp nhiều ý kiến phong phú, giúp cho việc quyết định đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương.

Điều đáng phấn khởi và rất quan trọng bảo đảm sự thành công tốt đẹp của Hội nghị Trung ương lần này là chúng ta *đã nhất trí* về những vấn đề lớn và những quan điểm cơ bản, thể hiện trong báo cáo của đồng chí Tố Hữu và trong dự thảo nghị quyết Hội nghị Trung ương. Tuy nhiên, đến nay, còn ý kiến khác nhau về một số vấn đề cụ thể, thể hiện trong phần II của dự thảo nghị quyết. Những vấn đề cụ thể đó là ở chính sách cụ thể, ở cách làm và bước đi khác nhau, và trong chừng mực nào đó cũng thể hiện ở cách nghĩ còn có chỗ khác nhau.

I - VỀ MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỤ THỂ VỀ GIÁ VÀ LƯƠNG

Để bãi bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, để đẩy mạnh sản xuất, nắm

được hàng, tiền, quản lý và làm chủ được thị trường, một trong những việc đầu tiên là phải xử lý đúng vấn đề giá cả. Cơ chế quản lý mới đề ra yêu cầu khách quan phải chuyển từ hệ thống nhiều giá sang hệ thống *một giá*. Chỉ có như vậy mới có thể mua đúng, bán đúng để hạch toán đúng và kinh doanh đúng. Điều đó đã được nhấn mạnh trong phần I của dự thảo nghị quyết. Song, trong phần II, khi đề cập đến những vấn đề cụ thể thì lại tiếp tục duy trì chính sách hai giá (cả về giá mua nông sản và giá xí nghiệp). Đây là vấn đề mà chúng ta phải giải quyết tại Hội nghị Trung ương lần này để bảo đảm tính nhất quán trong toàn bộ nội dung nghị quyết.

Đặc điểm lớn nhất của nước ta là đi từ một nền tiểu sản xuất hàng hoá là phổ biến tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong điều kiện cụ thể đó, phải xuất phát từ giá nông sản, trước hết là *giá thóc*, để xây dựng hệ thống giá của nước ta. Từ đó, chúng ta sẽ định tỷ giá hối đoái, giá một số vật tư, một số hàng công nghiệp quan trọng nhất, để xác định mặt bằng giá mới. Giá những mặt hàng khác, bao gồm cả giá dịch vụ, sẽ được hình thành trên cơ sở mặt bằng giá mới đó.

Để làm việc đó, trước hết phải xác định giá mua nông sản, *lấy giá thóc làm chuẩn*. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng ta coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đặc biệt là lương thực. Dự thảo nghị quyết đã nêu ra hai mức giá mua thóc: giá trong hợp đồng (giá hợp đồng hai chiều) và giá ngoài hợp đồng (giá thoả thuận như chúng ta thường quen gọi lâu nay).

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Bộ Chính trị bàn về giá - lương - tiền, ngày 31-5-1985, tôi đã đề nghị thi hành

chính sách một giá, nếu còn hai giá thì chắc chắn có một giá là sai, không hạch toán đúng, cũng không kinh doanh đúng được. Sau khi đọc báo cáo về phương án giá, tôi thấy cần nói rõ thêm điều này.

Trong Báo cáo về phương án giá trình Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, các đồng chí đã tính giá thành cộng với 50% lãi trên chi phí lao động (xem trang 2 và phụ lục 1), từ đó mà định giá mua lúa theo hợp đồng ở Hậu Giang là 10 đồng/kg. Để tính toán, các đồng chí đã đưa thông số ban đầu về chi phí vật tư (xăng dầu 40 đồng/kg theo tỷ giá 4: 1, phân bón 30 đồng/kg theo tỷ giá 3: 1... so với lúa) và hao phí lao động (mỗi công là 120 đồng, tương ứng với 10 - 12 kg lúa), nghĩa là nói chung các thông số ban đầu đều mặc nhiên lấy giá thóc là 10 đồng/kg. Làm như vậy, chúng ta đã *sai lầm về phương pháp luận* ngay từ đầu, khi đặt ra bài toán tính giá thành của lúa: chúng ta đã lấy chính cái kết quả cuối cùng làm giả thiết ban đầu; đáp số của bài toán đã nằm ngay trong *donnée¹⁾* của bài toán đó. Vì vậy, toàn bộ các phép tính nêu trong phương án đều trở nên thừa, thậm chí trở nên vô nghĩa; chẳng khác nào ta đặt câu hỏi: "Hãy tính giá mua thóc, biết rằng giá đó là 10 đồng/kg" (!).

Điều phân tích trên đây chứng tỏ rằng giá mua thóc trong hợp đồng 10 đồng/kg là do chúng ta nặn ra ngay từ đầu, chứ không phải là kết quả tính toán dựa trên thực tế.

Hiện nay, giá mua thóc thoả thuận bình quân ở đồng bằng Bắc Bộ là 22 - 25 đồng/kg, ở miền Trung là 18 - 22 đồng/kg, ở đồng bằng sông Cửu Long là 14 - 16 đồng/kg. Giá

1) donnée: dữ liệu (B.T).

đó đã chứa đựng các yếu tố của nền sản xuất hàng hoá có kế hoạch, loại trừ ảnh hưởng đầu cơ, phá hoại; giá đó cũng đã phản ánh kết quả của công tác tư tưởng, tổ chức và bao hàm lòng yêu nước của nông dân. Đó không phải là giá thị trường, mà là giá thực tế do Nhà nước và nông dân đã cùng nhau chấp nhận để tiến hành mua, bán được bình thường. Giá 10 đồng/kg do ta nặn ra không phù hợp với thực tế. Với giá đó không thể mua, bán được bình thường, vẫn phải đệm hàng, phải qua các phép tính ngầm theo giá thoả thuận để bảo đảm quan hệ ngang giá; vẫn làm cho vật tư, nông sản thất thoát ra thị trường, cản trở việc Nhà nước liên hệ trực tiếp với nông dân để thực hiện công nông cùng làm chủ và đẩy mạnh sản xuất.

Về nguyên tắc, chúng ta không thể lấy giá lúa để lại tính ra giá lúa, vì sẽ rơi vào vòng luẩn quẩn như tôi đã nói ở trên. Chính sự chưa thống nhất của chúng ta là ở chỗ: chấp nhận mức giá mua lúa nào là phù hợp? Chúng ta chỉ có thể chọn một giá lúa xuất phát từ thực tế khách quan, đó là mức giá thoả thuận, làm căn cứ để tính ra giá của các loại vật tư, hàng hoá khác. Đó là lý do tôi đề nghị thi hành chính sách *một giá*, tức là giá trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng đều là giá thoả thuận, lấy đó làm cơ sở cho việc hình thành hệ thống giá của nước ta.

Tất nhiên, giá mua đó sẽ được định theo vùng, từ đó mỗi hợp tác xã, mỗi nông dân sẽ tính *giá thành lúa cá biệt* mà mình làm ra: giá thành cá biệt của người nào càng thấp so với giá bình quân trong vùng thì chứng tỏ người đó làm ăn giỏi và càng được lợi. Đó là lợi ích chính đáng mà mỗi hợp tác xã, mỗi nông dân phải phấn đấu để đạt được; Nhà nước hoan nghênh và khuyến khích điều đó.

Nhà nước sẽ ký hợp đồng với nông dân trong từng vụ hoặc từng năm, căn cứ vào mức giá và tỷ giá đã được bàn bạc, thoả thuận. Các bên phải thực hiện những điều cam kết một cách sòng phẳng. Nghĩa vụ đóng góp của nông dân đã được quy định theo hình thức thuế; ngoài ra là mua, bán bình thường, dù trong hay ngoài hợp đồng. Đó chính là con đường khuyến khích nông dân đẩy mạnh sản xuất; đó cũng là cách Nhà nước vươn lên nắm toàn bộ lương thực hàng hoá, chặn đứng đầu cơ, buôn lậu, chặn đứng bọn địch phá hoại.

Trên cơ sở giá mua lúa đề nghị trên đây, chúng ta mới xác định được tỷ giá hối đoái, giá vật tư, hàng hoá, xác định tiền lương. Điều đó có nghĩa là toàn bộ phương án giá và lương mà các đồng chí Uỷ ban Vật giá Nhà nước thiết kế ở đây phải được tiến hành lại từ đầu, và tính lại thì những số liệu sẽ khác. Vì thế, nhiều đồng chí Trung ương đến nay vẫn không đồng tình với những số liệu, phương án được trình ra.

Trong thời gian Hội nghị Trung ương, nếu các đồng chí tính lại được phương án để Trung ương bàn thì tốt; song nếu có khó khăn, cần có thời giờ làm cho tốt, thì tôi đề nghị Trung ương thảo luận và đi đến nhất trí về nguyên tắc: để thật sự chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cần đưa đủ ở đầu vào, có chính sách ở đầu ra khi bán lẻ; thi hành chính sách một giá trên toàn bộ nền kinh tế, cả khi bán và khi mua, cả trong nông nghiệp và công nghiệp, cả trong sản xuất và trong phân phối lưu thông. Sau đó, Tiểu ban giá - lương - tiền của Trung ương tiếp tục làm việc khẩn trương để thiết kế phương án, thể hiện đúng đắn quyết định của Trung ương trong những chủ trương, biện pháp, chính sách cụ thể.

Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị thông qua phương án và quyết định thi hành.

II - VỀ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Thưa các đồng chí,

Để bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế mới ra đời phát huy tác dụng tích cực và ngày càng hoàn chỉnh, chúng ta có rất nhiều việc phải làm, như phần III của dự thảo nghị quyết về tổ chức và chỉ đạo thực hiện đã nêu; các đồng chí Trung ương thảo luận, bổ sung và sáp nhập Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các ngành, các cấp. Tình hình đang phát triển nhanh, công việc lại rất bế bộn và phức tạp, đòi hỏi sự chỉ đạo, điều hành phải kiên quyết và khẩn trương. Phải bắt tay ngay vào việc sửa đổi, bổ sung những chính sách hiện có, bãi bỏ những chính sách không thích hợp nữa, ban hành những chính sách mới. Tóm lại, phải nhanh chóng cụ thể hoá và pháp chế hoá nghị quyết mới của Đảng.

Chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, có rất nhiều vấn đề mới được đặt ra và cần giải quyết, trong đó một vấn đề có *tầm quan trọng quyết định* bảo đảm sự thành công của việc chuyển sang cơ chế mới, nhưng dự thảo nghị quyết lại chưa đề cập đến, đó là *tổ chức, bộ máy và cán bộ*. Cần tiến hành ngay việc kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ đối với những bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Việc kiện toàn một cách cơ bản ở tất cả các bộ phận sẽ tiến hành cùng với việc chuẩn bị Đại hội toàn

quốc lần thứ VI của Đảng. Về vấn đề này, tôi xin phát biểu một số ý kiến sau đây:

Trong nhiều năm qua, chúng ta đã lập ra bộ máy rất cồng kềnh để đáp ứng yêu cầu của chế độ quan liêu bao cấp. Mặc dù đã khẳng định rất nhiều lần về tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, song trên thực tế, chế độ bao cấp càng được củng cố, siết chặt thì càng đòi hỏi bộ máy phải phình ra. Biết bao tiêu cực để ra từ bộ máy và bám vào đó mà sinh sôi, nẩy nở, khiến cho bộ máy lại càng phình ra hơn nữa. Bộ máy rất lớn, nhưng vẫn không sao kiểm soát được nền kinh tế và xã hội, vì các bộ phận trong bộ máy buộc phải quay vào kiểm soát lẫn nhau, giẫm đạp lên nhau; chức năng của các bộ phận trở nên chồng chéo, mất khả năng cơ động, linh hoạt đối phó với các tình huống. Dịch ra sức phá hoại, những kẻ xấu trong nội bộ cũng như ngoài xã hội lợi dụng cơ hội "đục nước béo cò", khiến cho tình hình càng trở nên phức tạp. Bộ máy đông nhưng người trực tiếp làm ra của cải lại ít, khiến năng suất lao động xã hội năm này qua năm khác cứ giảm dần.

Cơ chế mới đòi hỏi một bộ máy tương ứng với nó, gọn, nhẹ, có tính năng động cao, hướng vào năng suất, chất lượng và hiệu quả. Kiến trúc thương tầng phải thích ứng với sự phát triển của nền kinh tế. Cùng với việc chuyển từ bao cấp sang kinh doanh, điều kiện để rà soát lại bộ máy, tinh giản biên chế, bố trí đúng việc, đúng người, đã được mở ra như một tất yếu khách quan, một yêu cầu *khẩn thiết*. Để làm việc đó, cần theo trình tự như sau:

1. Trước hết, cần rà soát lại các bộ phận, *điều chỉnh chức năng* của một số ngành theo hướng bảo đảm tiến hành hạch toán, kinh doanh thuận lợi.

Cần điều chỉnh bắt đầu ngay từ *chức năng kế hoạch hoá*. Lâu nay, chúng ta thường phàn nàn rất nhiều về kế hoạch hoá, ráo riết yêu cầu phải đổi mới; các đồng chí làm kế hoạch cũng có nhiều cố gắng cải tiến công tác, song quanh quẩn một hồi vẫn thấy trở lại như cũ. Có tình trạng đó chính là vì kế hoạch hoá của chúng ta vẫn nằm trong khuôn khổ quan liêu, bao cấp, nên không có cách nào làm khác được. Nay chuyển sang cơ chế mới, sẽ xuất hiện yêu cầu và điều kiện thật sự đổi mới kế hoạch hoá. Cách kế hoạch hoá trực tiếp theo kiểu hành chính, cấp phát và giao nộp, hiện vật hoá phân phối là đặc trưng điển hình của chế độ quan liêu, bao cấp, không thích hợp nữa. Phải chuyển sang *kế hoạch hoá theo cơ chế hạch toán, kinh doanh*, gắn kế hoạch hoá trực tiếp với kế hoạch hoá gián tiếp, thông qua các chính sách đòn bẩy như tài chính (đặc biệt là thuế), tín dụng, giá cả, tiền lương, tiền thưởng... kế hoạch hoá trực tiếp cũng phải tiến hành trên cơ sở bảo đảm hạch toán, kinh doanh, thực hiện việc Nhà nước bán vật tư, năng lượng cho xí nghiệp và mua lại sản phẩm theo kế hoạch, kể cả sản phẩm chính và sản phẩm phụ. Đó là cách thật sự phát huy quyền chủ động của cơ sở, làm cho các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh, phát huy được thế mạnh của mình về năng suất, chất lượng và hiệu quả, đóng được vai trò chủ đạo trong sự liên kết với các thành phần kinh tế khác.

Phải có chính sách đòn bẩy đúng đắn nhằm khuyến khích người lao động và cơ sở phát huy năng lực tiềm tàng, dám đề ra và thực hiện những chỉ tiêu kế hoạch cao, phát huy được tính ưu việt của kế hoạch hoá, làm cho kế hoạch

hoá thật sự là trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế của nước ta.

Chúng ta thường nói phải "kết hợp kế hoạch với thị trường". Cách đây mấy năm, để khắc phục tình trạng cắt rời kế hoạch ra khỏi thị trường thì việc đề ra yêu cầu kết hợp như trên là một tiến bộ so với trước. Nhưng đến nay, khi chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh, cách nói đó không thích hợp nữa, vô hình trung tách kế hoạch ra khỏi thị trường. Đảng và Nhà nước ta phải lãnh đạo không những chỉ khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, mà phải lãnh đạo *toàn xã hội*, quản lý *toàn bộ thị trường*, phải chăm lo đến cuộc sống của mọi người dân. Thị trường không phải chỉ là nơi diễn ra việc mua và bán, mà là nơi diễn ra toàn bộ các mối quan hệ kinh tế phức tạp trong khâu phân phối và trao đổi. Quản lý thị trường là phải quản lý toàn bộ những mối quan hệ kinh tế đó.

Nền sản xuất của ta là một nền sản xuất hàng hoá có kế hoạch, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta phải *kế hoạch hoá toàn bộ nền kinh tế, kế hoạch hoá toàn bộ thị trường*.

Để thực hiện tốt cơ chế quản lý mới *lấy kế hoạch hoá làm trung tâm*, chúng ta phải sử dụng một cách đúng đắn và sáng tạo quan hệ hàng hoá - tiền tệ trong kế hoạch hoá, thực hiện kế hoạch hoá trực tiếp và kế hoạch hoá gián tiếp toàn bộ hoạt động kinh tế của xã hội, bao gồm cả thị trường có tổ chức và thị trường tự do. Chúng ta không thể cắt rời, càng không thể đối lập kế hoạch với thị trường, tự tách mình ra khỏi xã hội, coi kế hoạch là mảnh đất của Nhà nước, còn thị trường là nơi hoạt động của tư nhân. Chúng ta phải nắm lấy,

chiếm lĩnh và làm chủ thị trường, kể cả thị trường tự do, trong đó có chợ nông thôn, là nơi mà nhân dân lao động đang tiến hành những hoạt động trao đổi hằng ngày. Sự thật là kẻ địch, bọn đầu cơ, phá hoại, trực lợi không phải chỉ hoạt động trên thị trường tự do, chúng đang thâm nhập rất sâu, rất mạnh vào các khu vực quốc doanh và tập thể, tức là vào thị trường có tổ chức, bằng cách lôi kéo, mua chuộc, tha hoá nhân viên nhà nước. Bọn buôn bán chợ đen không phải chỉ hoạt động trên thị trường tự do, mà còn hoạt động ngay trong khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa. Chúng ta kiên quyết chống lại một cách có hiệu quả âm mưu và hoạt động phá hoại của chúng, kiên quyết loại trừ nạn chợ đen, đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp, móc ngoặc, tuồn hàng nhà nước ra ngoài..., làm trong sạch ngay từ trong khu vực nhà nước đến ngoài xã hội. Hết sức hạn chế mặt tự phát, tiêu cực của thị trường tự do, đồng thời sử dụng một cách tự giác mặt tích cực của nó là điều hòa phân phối, lưu thông, điều hoà cung cầu, bảo đảm cuộc sống bình thường của xã hội, của người lao động. Để kiểm soát, cải tạo được thị trường tự do, chúng ta phải biết sử dụng nó, chứ không thể phủ nhận nó theo ý muốn chủ quan. Nhất định chúng ta phải đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước thu hẹp thị trường tự do, nhưng không phải bằng những biện pháp hành chính đơn thuần, mà phải bằng cách kết hợp đúng đắn các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính, tư pháp, tổ chức..., trong đó biện pháp kinh tế là chủ yếu. Kế hoạch hoá phải theo hướng thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa, tạo ra sức mạnh áp đảo của khu vực đó đối với toàn bộ nền kinh tế; phần đấu giành quyền làm chủ thị trường, không chỉ đối với thị trường có tổ

chức, mà còn kiểm soát, chi phối cả thị trường tự do. Để làm việc đó, phải nhanh chóng *chuyển từ kế hoạch hoá quan liêu, bao cấp sang kế hoạch hoá theo cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa với trình độ và hình thức sát hợp.*

Đối với *ngành vật giá*, chúng ta nhất thiết không thả nổi giá cả, nhưng cũng không thể duy trì cơ chế định giá trực tiếp, mang nặng tính tập trung quan liêu như bấy lâu nay. Việc giữ giá cứng nhắc không thích hợp với cơ chế mới, trở thành xa lạ với hạch toán, kinh doanh, sẽ không được thực tế chấp nhận. Chúng ta đã muốn ôm tất cả, nhưng không ôm được, nên đành thả nổi. Trong cơ chế mới, ngành vật giá phải vươn lên theo hướng nấm lấy những yết hầu của nền kinh tế, tức là nấm đúng cái gì cần nấm, đã nấm là phải nấm chắc, từ đó mà giúp Nhà nước điều khiển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, điều khiển hoạt động của toàn bộ thị trường. Cái cần nấm cũng không tuỳ thuộc ý muốn chủ quan, mà phải căn cứ vào điều kiện và khả năng thực tế; phấn đấu đưa sức mạnh của khu vực kinh tế - xã hội chủ nghĩa tăng lên đến đâu thì điều kiện và khả năng để nấm sẽ tăng lên đến đó.

Đối với những khâu mà ngành vật giá phải nấm thì việc quy định giá cả cũng không thể tuỳ ý một cách chủ quan, thoát ra ngoài những quy luật kinh tế khách quan được. Cách định giá, giữ giá như lâu nay đã gây ra mâu thuẫn: tuân theo quy định giá cả do ngành vật giá định ra thì trái với quy luật khách quan, không mua được, cũng không bán được, sản xuất sẽ giảm sút, thậm chí đình đốn; còn nếu không tuân theo những quy định đó mà vận dụng đúng quy luật khách quan thì sẽ mua, bán được bình thường, sản xuất sẽ phát triển, thị trường sẽ được quản lý

tốt, Nhà nước nấm được hàng, tiền, song như vậy sẽ thành "vô tổ chức, vô kỷ luật" (đương nhiên, trong trường hợp đơn vị hoặc cá nhân thật sự vô tổ chức, vô kỷ luật thì cần xử lý nghiêm minh). Cơ sở rời vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, không biết thế nào là sai, khen thưởng cũng đúng, mà bồi tù cũng được!

Chúng ta thường ghi trong Nghị quyết là phải giữ vững kỷ luật về giá cả. Tôi hoàn toàn tán thành điều đó, song đây là mới nói về trách nhiệm của người thi hành, còn trách nhiệm của người định giá thì sao? Nếu định giá sai để cho sản xuất giảm sút, thị trường rối loạn thì có kỷ luật gì không, điều đó lại không ghi rõ!

Những điều trên đây không có gì mới, Bác Hồ đã nói từ lâu trong bức thư gửi đồng chí Trần Đăng Ninh mà tôi trích dẫn dưới đây:

"Chú Ninh,

Về vấn đề Cục Cung cấp *tăng giá sản xuất*, Bác có ý kiến.

Cục mua lợn con (cũng có thể bò con), gởi cho dân nuôi. Đến khi lợn to, thì Cục chia cho dân *một nửa thịt*, hoặc chiếu theo giá chợ của con lợn mà trả cho dân một nửa số tiền.

Như thế thì sau 7, 8 tháng, sẽ có thịt lợn cho bộ đội...".

(Tư liệu của Viện Bảo tàng cách mạng, do phụ trương báo *Quân đội nhân dân*,

19-5-1985 đăng lại).

Bức thư ngắn đó chứa đựng tư tưởng sâu xa của Bác Hồ về kinh tế, đối chiếu với tình hình hiện nay vẫn rất phù hợp:

có chính sách đúng thì sản xuất phát triển, Nhà nước nắm được hàng, đời sống quân đội và nhân dân khá hơn.

Tóm lại, ngành vật giá phải nhanh chóng điều chỉnh chức năng, vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan, xuất phát từ thực tế định ra một số giá mà trung ương cần nắm, có cơ chế định giá linh hoạt, phân cấp hợp lý; theo dõi sát tình hình, kịp thời giúp các địa phương, cơ sở điều chỉnh, tháo gỡ vướng mắc gây cản trở hoạt động bình thường của nền kinh tế.

Trên đây, tôi nêu lên hai ngành cần nhanh chóng, điều chỉnh chức năng để làm ví dụ. Theo tinh thần đó, các ngành tổng hợp và các ngành quản lý sản xuất cũng cần rà soát, điều chỉnh lại chức năng của mình cho phù hợp với bước chuyển sang cơ chế mới một cách đồng bộ, tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống, bảo đảm phục vụ tốt sản xuất, kinh doanh.

2. Theo chức năng đã được rà soát và điều chỉnh mà tiến hành *điều chỉnh cơ cấu tổ chức*, bao gồm cơ cấu tổ chức liên ngành và cơ cấu tổ chức bộ phận, từ trung ương, địa phương đến cơ sở. Phải sắp xếp lại các ngành tổng hợp và các ngành sản xuất, kinh doanh, thanh toán tình trạng giẫm đạp lên nhau "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", thực hiện sự chỉ đạo thống nhất và thông suốt toàn bộ các hoạt động kinh tế. Qua điều chỉnh mà tăng cường bộ phận này, giảm bớt hoặc giải thể bộ phận kia, sáp nhập bộ phận nọ..., tuỳ theo yêu cầu cụ thể của sản xuất, kinh doanh.

Cơ chế mới có yêu cầu khách quan phải tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, loại bỏ những bộ phận thừa, những việc thừa, tức là loại bỏ những khâu trung gian bám vào hai đầu

mà sống, chiếm đoạt cả lợi ích của người lao động lẫn lợi ích của Nhà nước; chẳng những không giúp ích, mà còn làm trở ngại sản xuất, kinh doanh, gây nhiều tiêu cực, làm cho giá thành bị vống lên rất cao, hiệu quả giảm sút do bị vướng vào nạn quan liêu, giấy tờ.

Trước kia, chúng ta đã đề cập vấn đề này nhiều lần, nhưng không làm được, vì định mục đích không rõ ràng. Hơn nữa, như tôi nói ở trên, cơ chế quan liêu, bao cấp vừa đòi hỏi bộ máy công kẽm, vừa tạo điều kiện cho việc hình thành những bộ phận sống bám vào người lao động và vào Nhà nước. Chuyển sang cơ chế mới, mục đích của việc làm trở nên rõ ràng, yêu cầu rõ ràng bút thiết, chúng ta cần chủ động, kiên quyết làm cho bằng được.

Có ý kiến băn khoăn về việc làm này, cho rằng loại bỏ những khâu thừa và việc thừa thì người dội ra sẽ đặt vào đâu, tình trạng không có việc làm sẽ tăng lên, chúng ta lại gặp khó khăn về bố trí và sắp xếp công việc. Điều khó khăn này là có thật, song không thể vì thế mà cứ giữ lại những khâu thừa đó. Khó khăn thì ta tìm cách giải quyết, và quyết tâm thì giải quyết được.

Một mặt, chúng ta sẽ hết sức cố gắng phát triển tiểu, thủ công nghiệp, xây dựng những vùng kinh tế mới, mở rộng sản xuất, mở rộng kinh doanh dịch vụ, v.v., tạo ra những việc làm mới, có ích cho xã hội để thu hút lao động. Mặt khác, nếu chưa bố trí hết được thì tạm thời phải chấp nhận chính sách bảo hiểm xã hội tương đối rộng một thời gian, và sẽ sắp xếp dần. Thà làm như vậy để cho những người lao động thật sự hăng hái làm việc, để cho hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt năng suất và hiệu quả cao, còn hơn là duy trì tình trạng

làm việc cầm chừng và tiêu cực như trước. Hơn nữa, cơ chế mới sẽ dứt khoát không chấp nhận những khâu thừa đó.

Ngay từ bây giờ, chúng ta cần suy nghĩ, chuẩn bị và thảo luận về những chủ trương, biện pháp tận dụng mọi tiềm năng về đất đai, lao động, bao gồm cả lao động trí óc và lao động chân tay, cả chất xám và tay nghề, tận dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, giải quyết được việc làm cho những người đến tuổi lao động và những người dôi ra qua việc điều chỉnh lần này.

Giải quyết giá - lương - tiền, chuyển sang cơ chế mới không phải một lần là xong, tự nó sẽ giải quyết mọi vấn đề trong một thời gian ngắn. Trái lại, đây mới là *bước mở đầu* cho một thời kỳ mới trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, cần nói rõ rằng bước mở đầu này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, nhất thiết phải vượt qua để tiếp tục những bước sau, đưa tới sự hình thành đồng bộ và sự vận hành thông suốt của cơ chế quản lý mới.

Trước mắt chúng ta là những việc rất lớn, rất quan trọng mà Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương sẽ phải bàn, chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

3. Đồng thời với việc điều chỉnh chức năng và điều chỉnh cơ cấu tổ chức, cần tiến hành tốt *công tác cán bộ*.

Như tôi đã phát biểu tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), đội ngũ cán bộ của chúng ta được đào tạo theo cơ chế bao cấp, cả về lý luận, kinh nghiệm cũng như trong thực tiễn. Chúng ta đã quá quen với cách nghĩ và cách làm cũ, nay chuyển sang cơ chế mới, không khỏi ngỡ ngàng do cách nghĩ bị đảo lộn, cảm thấy hình như trái với

"đạo lý" thông thường. Trong hoàn cảnh đó, nếu ở chỗ này chỗ khác, trong việc này, việc khác có nổi lên "tiếng kèn ngập ngừng" cũng là điều khó tránh.

Sự thật là, với cơ chế quan liêu, bao cấp, chúng ta đã sống quá lâu trong cái bất thường, bao phủ biết bao điều không công bằng, không hợp lý, trái quy luật trong sản xuất và phân phối mà ta không để ý. Những điều đó, nay đã bộc lộ ra, giúp chúng ta xử lý đúng đắn để quay trở lại cuộc sống bình thường, bảo đảm công bằng xã hội.

Tất nhiên, nếu có một số người còn luyến tiếc cơ chế cũ thì đó cũng là điều dễ hiểu, song đối với đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động thì từ giã quan liêu, bao cấp không phải là điều đáng buồn, đáng tiếc, mà chính là điều đáng phấn khởi, vui mừng.

Trong tình hình đó, một trong những việc đầu tiên cần làm về công tác cán bộ là phải tổ chức việc *đào tạo, huấn luyện cán bộ* theo tinh thần, nội dung của cơ chế mới. Phải huấn luyện lại người đi huấn luyện. Phải soạn lại giáo trình của các trường đảng, các trường nghiệp vụ kinh tế, các khoa kinh tế của các trường đại học, cao đẳng và trường kỹ thuật. Phải bổ sung các công trình nghiên cứu của Viện Mác - Lê nin, của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam và của các cơ quan nghiên cứu khác; xây dựng các giáo trình mới theo quan điểm mới, phù hợp với nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và với thực tế nước ta. Cán bộ của chúng ta có nhiều kinh nghiệm, từng trải trong thực tế, phần đông có ý thức tốt, chắc chắn sẽ tiếp thu nhanh chóng cách nghĩ và cách làm mới.

Song song với việc tổ chức, huấn luyện, cần khẩn trương

sắp xếp, bố trí cán bộ để bắt tay vào việc thực hiện cơ chế mới. Việc bố trí cán bộ lúc này phải đạt hai yêu cầu: yêu cầu chuẩn bị Đại hội lần thứ VI của Đảng và yêu cầu triển khai việc thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ là một việc trọng đại, có ý nghĩa quyết định đối với thành công của sự nghiệp cách mạng nói chung và của cơ chế quản lý mới nói riêng. Tôi đề nghị bổ sung điểm quan trọng đó vào dự thảo Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần này.

*
* *

Thưa các đồng chí,

Trên đây là một số ý kiến đề nghị Ban Chấp hành Trung ương xem xét. Cơ chế mới ra đời sẽ tạo ra nhiều thuận lợi, đồng thời cũng sẽ có nhiều khó khăn mới. Sự nhất trí của Ban Chấp hành Trung ương sẽ là nguồn sức mạnh to lớn động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, để bãi bỏ quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, làm chủ thị trường, ổn định giá cả, cân bằng ngân sách và tiền mặt, tạo nguồn tích luỹ để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng và an ninh.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Số 25-NQ/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1985

Về giá - lương - tiền

I- NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

Trong hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, nền kinh tế nước ta chậm phát triển, để bảo đảm nhu cầu về chiến đấu và đời sống trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã phải dựa một phần quan trọng vào viện trợ của các nước anh em. Nhờ đó, giá cả, tiền lương cũng như tài chính, tiền tệ trong thời kỳ này cơ bản giữ được ổn định.

Từ sau ngày giải phóng miền Nam, *điều kiện kinh tế - tài chính của nước ta thay đổi căn bản*: viện trợ không hoàn lại hầu như không còn nữa; số vốn vay dài hạn của các nước anh em và bè bạn để nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu và hàng tiêu dùng bị giảm đi nhiều. Mặc dù chúng ta đã ra sức phát triển sản xuất trong nước, cố gắng đẩy mạnh xuất, nhập khẩu, và đã đạt được một số thành tựu đáng phấn khởi, nhất là từ năm 1981 trở đi, song số của cải do sản xuất trong nước

tăng thêm vẫn chưa nhiều hơn số của cải từ các nguồn bên ngoài giảm đi. Hai cuộc chiến tranh xâm lược do bọn phản động ... gây ra ở biên giới phía tây nam và phía bắc nước ta cùng những hoạt động phá hoại về nhiều mặt của chúng đã gây cho ta nhiều thiệt hại. Dân số lại tăng lên quá nhanh. Vì vậy, thu nhập quốc dân sử dụng bình quân đầu người, sau khi đã giảm đột ngột 20% năm 1975, vẫn tiếp tục giảm mỗi năm 2-3%. Trong khi đó thì nhu cầu tiêu dùng xã hội tăng hơn trước, nhu cầu quốc phòng và chi về xây dựng cơ bản vẫn phải duy trì ở mức cao.

Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước chưa kiên quyết và kịp thời sáp xếp lại sản xuất và xây dựng, định lại chính sách tài chính quốc gia, lấy nguồn động viên trong nước làm cơ sở; xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu - bao cấp để chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa... Do *bảo thủ, quan liêu, thiếu nhạy bén, chỉ đạo, điều hành có nhiều khuyết điểm, tư tưởng ỷ lại vào viện trợ từ bên ngoài* còn nặng, nên chúng ta đã chậm đổi mới chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế.

Những mất cân đối trong nền kinh tế chậm được khắc phục, tính năng động trong sản xuất kinh doanh không được phát huy, tài chính quốc gia ngày càng thiếu hụt, lạm phát nghiêm trọng, hệ thống giá của Nhà nước ngày càng tách rời giá trị và sức mua của đồng tiền, tiền lương thực tế và đời sống của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang ngày càng giảm sút, gây ra nhiều tiêu cực trong tâm lý và đời sống xã hội.

Từ sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá IV (tháng 9-1979), Đảng và Nhà nước đã đề

ra một số chủ trương, chính sách về sản xuất và phân phối lưu thông; một số ngành, địa phương và cơ sở đã mạnh dạn áp dụng những cách làm mới *nhầm tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy sản xuất phát triển, đẩy mạnh thu mua nắm hàng, cải thiện một bước nền tài chính quốc gia, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá và lương*.

Tuy nhiên, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về vấn đề phân phối lưu thông còn có những mặt hạn chế rất cơ bản:

a) Vẫn giải quyết các vấn đề giá, lương và các vấn đề kinh tế khác trên cơ sở tiếp tục duy trì cơ chế quản lý *tập trung quan liêu - bao cấp*:

Chúng ta đã tiếp tục kế hoạch hóa và quản lý đơn thuần dựa vào chế độ cấp phát và giao nộp, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo; cơ chế ấy đặt các cơ sở sản xuất kinh doanh trong tình trạng bị gò bó, trở nên thụ động, ỷ lại, không kích thích, cũng không ràng buộc họ phải quan tâm đến năng suất, chất lượng, hiệu quả. Duy trì quá lâu chế độ phân phối hiện vật với giá rất thấp, đến mức gần như cho không và diện cung cấp tràn lan. Tiền lương không còn có ý nghĩa kích thích lao động.

Trong các hình thức bao cấp thì bao cấp *qua giá* là nghiêm trọng hơn cả: mua và bán với giá quá thấp; vật tư và hàng hoá Nhà nước bán ra phổ biến là không bù được chi phí sản xuất, có khi dưới giá trị tới 5-10 lần; hàng trăm tỷ đồng chênh lệch giá biến thành nguồn thu nhập bổ sung của nhiều người trong xã hội, biến thành miếng đất nuôi dưỡng thị trường tự do và chợ đen, làm giàu cho bọn gian thương và những phần tử thoái hoá, biến chất trong bộ máy nhà nước.

b) Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị đề ra nội dung cải tiến phân phối lưu thông bao gồm ba bước, mà bước một là ổn định tình hình kinh tế và đời sống, thực hiện cân bằng ngân sách và tiền mặt, chuẩn bị các điều kiện để cải cách giá và lương.

Thực tiễn chứng minh rằng việc chia ra ba bước như vậy là không đúng: *không thể ổn định được tình hình kinh tế và đời sống, cân bằng được ngân sách và tiền mặt, trong khi vẫn duy trì bao cấp qua giá và lương*.

Phát hiện ra thiếu sót ấy, tháng 5-1981, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 109, nhằm điều chỉnh hệ thống giá và định lại một phần tiền lương. Song, khuyết điểm của chúng ta là:

- Do không quán triệt quan điểm xoá bỏ quan liêu bao cấp, chuyển sang hoạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cho nên đã *cải tiến giá và lương một cách nửa vời*: không tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất vào giá thành, còn duy trì bù lỗ tràn lan và hạch toán kinh tế giả tạo; duy trì giá mua và giá bán thấp; duy trì chế độ cung cấp hiện vật là chính với giá cung cấp giả tạo và diện bao cấp quá rộng.

- Sau khi điều chỉnh giá và lương, *vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế "tĩnh" đối với giá và lương*, trong khi tình hình kinh tế chung đòi hỏi một cơ chế "động". Kết quả là: hệ thống giá Nhà nước tiếp tục tách rời giá trị, bù lỗ sản xuất kinh doanh ngày càng lớn, bội chi ngân sách và tiền mặt ngày càng tăng, sức mua của tiền lương danh nghĩa ngày càng giảm sút.

- *Tiến hành điều chỉnh giá, lương một cách đơn độc*, chắp vá, không gắn với cải cách cơ chế quản lý kinh tế, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tạo và quản lý thị trường. Chúng ta đã

buông lỏng quản lý thị trường, không làm chủ được giá cả, để cho giá tăng lên quá nhanh, vượt ra khỏi sự kiểm soát của Nhà nước.

Do phạm những khuyết điểm trên, *tình hình giá cả tiếp tục diễn biến xấu*; giá nhà nước trở nên thấp dưới giá trị quá nhiều.

Hệ thống giá thấp (dưới giá trị) của Nhà nước đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng:

- a) Thu nhập của khu vực kinh tế quốc doanh chỉ đủ trả lương công nhân, viên chức của bản thân nó ở mức rất thấp, không đủ sống, không có đóng góp cho Nhà nước, *không có tích luỹ cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*.

- b) Máy móc, thiết bị, nhà xưởng ngày càng hao mòn, hư hỏng; thu về khấu hao tài sản cố định không đủ chi cho sửa chữa, càng không thể tái tạo, khôi phục tài sản cố định. Chúng ta đang *ăn dần cả vào vốn*.

- c) Việc cấp vật tư với giá thấp, bù lỗ về hàng cung cấp cho công nhân để đổi lại việc giao nộp sản phẩm theo giá thấp làm cho giá thành và giá tiêu thụ sản phẩm thấp xa so với giá trị thực của nó; do đó, mọi tính toán về hiệu quả kinh tế đều bị sai lệch, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo. Đó là *những sợi dây trói buộc xí nghiệp vào cơ chế quan liêu, thủ tiêu quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của xí nghiệp*.

- d) Xuất khẩu càng nhiều thì ngân sách phải bù lỗ càng lớn. Một bộ phận không nhỏ tiền vay nợ nước ngoài đã bị *phung phí qua bao cấp* theo giá quá thấp.

- đ) Duy trì giá mua và giá bán thấp mang tính chất bao cấp làm cho Nhà nước khó nắm hàng, nắm tiền, đó là *nguồn gốc gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực, rối ren trong xã hội*. Vật

tư hàng hoá của Nhà nước biến thành đối tượng mua đi bán lại kiếm chênh lệch giá. Ngân sách và tiền mặt ngày càng bội chi lớn.

Cũng như giá cả, *tiền lương* đã thành vấn đề nóng bỏng trong đời sống xã hội nước ta.

Tiền lương của cán bộ, công nhân, viên chức không được điều chỉnh tương ứng với mức tăng giá năm 1981-1982, và sau đó phụ cấp lương không tăng kịp thời và thoả đáng, trong lúc giá Nhà nước có điều chỉnh (từ cuối 1984) và nhất là giá thị trường biến động mạnh (phần quan trọng của tiền lương công nhân, viên chức còn phải chi tiêu trên thị trường tự do). Do đó, *tiền lương thực tế mấy năm qua liên tục bị giảm sút*, không đủ tái sản xuất sức lao động, làm phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong nội bộ giai cấp công nhân. Sự chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các ngành nghề, các vùng và giữa các tầng lớp dân cư ngày càng bất hợp lý.

Cùng với chế độ cung cấp hiện vật bình quân với giá thấp, trên thực tế là cấp phát cho không, bản thân chế độ lương hiện hành đã quá lâu không sửa đổi cho nên không những lạc hậu về mức lương bằng tiền, mà tự thân nó mang nặng tính bao cấp; quy luật phân phối theo lao động bị vi phạm nghiêm trọng, tiền lương không gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất và công tác. *Chế độ lương hiện vật gây ra nhiều lãng phí và tiêu cực*, vi phạm nghiêm trọng quyền làm chủ của người lao động đối với đồng lương và thu nhập của mình.

Trong khi chế độ tiền lương chung chậm sửa đổi, các địa phương và cơ sở đã kịp thời vận dụng các chính sách của Trung ương, tìm nhiều biện pháp khắc phục các mặt tiêu cực

của chế độ tiền lương hiện hành, một số địa phương và cơ sở đã tiến hành bù giá vào lương và đưa lương vào giá thành sản phẩm, nhằm kích thích người lao động, tăng năng suất để tăng thu nhập, góp phần giảm bớt khó khăn về đời sống của công nhân, viên chức. Kinh nghiệm thực tiễn trong việc bù giá vào lương đang đặt ra *yêu cầu giải quyết đồng bộ trên phạm vi cả nước*.

Từ tình hình trên, cần rút ra *bài học bao trùm là: phải dứt khoát xoá bỏ tập trung quan liêu - bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa* thì mới đẩy mạnh được sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ GIÁ - LUƠNG - TIỀN

Căn cứ vào tình hình nói trên và nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đề ra, việc giải quyết các vấn đề giá - lương - tiền phải nhằm đạt các *mục tiêu chủ yếu* sau đây:

- Thúc đẩy sản xuất phát triển theo cơ cấu hợp lý (ngành, vùng, thành phần), khai thác mọi tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, nhằm phát triển mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn.

- Ốn định đời sống nhân dân lao động, trước hết là đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang. Nhà nước làm chủ sản xuất và phân phối lưu thông, làm chủ thị trường và giá cả; từng bước cân bằng ngân sách và tiền mặt.

- Góp phần tạo dần nguồn tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát triển kinh tế gia đình.

- Góp phần tăng cường quốc phòng và an ninh, kiên quyết chống địch phá hoại; đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực.

Hiện nay, xoá quan liêu bao cấp trong giá và lương là yêu cầu hết sức cấp bách, là *khâu đột phá có tính quyết định* để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế hoạch hoá, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cả nước.

Nội dung xoá quan liêu, bao cấp trong giá - lương - tiền hiện nay chủ yếu là:

1. *Tính đủ chi phí hợp lý* trong giá thành sản phẩm, giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng và Nhà nước từng bước có tích luỹ; xoá bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ bất hợp lý.

Thực hiện *cơ chế một giá* trong toàn bộ hệ thống giá, khắc phục tình trạng "thả nổi" giá cả cũng như việc định giá và quản lý giá cứng nhắc.

Phân công, phân cấp hợp lý trong cơ chế quản lý giá, vừa bảo đảm quyền tập trung thống nhất của trung ương trong việc định giá những vật tư hàng hoá chủ yếu có tính toàn quốc; vừa bảo đảm quyền chủ động, linh hoạt của địa phương

và cơ sở về những vật tư và hàng hoá có tính *địa phương*. Trên cơ sở định giá đúng và phân công, phân cấp hợp lý, phải tăng cường *kỷ luật quản lý giá*.

2. *Tiền lương thực tế phải thực sự bảo đảm cho người ăn lương sống chủ yếu bằng tiền lương, tái sản xuất được sức lao động và phù hợp với khả năng của nền kinh tế quốc dân*.

Gắn chặt tiền lương với năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, thực hiện *phân phối theo lao động*.

Thực hiện *trả lương bằng tiền* có hàng hoá bảo đảm, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hoá.

Thực hiện *chế độ lương thống nhất* trong cả nước có tính đến sự khác biệt hợp lý giữa các vùng, các ngành; ưu đãi thoả đáng các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, có yêu cầu nghiệp vụ, kỹ thuật cao, các ngành giáo dục, y tế, văn hoá, nghệ thuật.

3. Xác lập *quyền tự chủ về tài chính* của các ngành kinh tế - kỹ thuật, các địa phương và đơn vị cơ sở gắn liền với *sửa đổi cơ chế kế hoạch hoá và quản lý*. Chuyển hẳn mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các ngành, địa phương và đơn vị cơ sở sang cơ chế *hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, bắt đầu ngay từ kế hoạch hoá. Tất cả các tổ chức kinh tế phải *tự chịu trách nhiệm* về lời - lỗ của mình; xoá bỏ mọi khoản bù lỗ bất hợp lý của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) về các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Trường hợp có bù lỗ chỉ là cá biệt, tạm thời và phải được xem xét thật nghiêm ngặt.

Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương và địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan; phấn đấu tích cực

thực hiện cân bằng ngân sách trong thời gian ngắn; tạo điều kiện cho ngân sách địa phương có nguồn thu ổn định và phát triển.

4. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang *hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, tạo điều kiện tốt nhất cho các ngành, địa phương, đơn vị cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy *hiệu quả kinh tế của đồng vốn* làm tiêu chuẩn hàng đầu trong hoạt động tín dụng của ngân hàng.

Để làm chủ sản xuất, làm chủ thị trường, làm chủ phân phối - lưu thông, *cần chủ động kế hoạch hóa phát hành*, phấn đấu sớm chấm dứt lạm phát cho chi tiêu ngân sách.

Trong tình hình kinh tế đang chuyển biến, chưa ổn định, cuộc *điều chỉnh lớn và toàn diện* về giá - lương - tiền lần này *phải tiến hành khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ lưỡng* các phương án *vững chắc* gắn với việc xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới.

Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện *ngay trong mỗi bước phải đồng bộ, quán triệt quan điểm xoá bỏ quan liêu bao cấp*. Phải dự kiến được *mặt tích cực*, đồng thời phải lường trước những *hệ quả kinh tế, chính trị và xã hội* bất lợi nhất thời có thể xảy ra để có biện pháp tích cực để phòng và khắc phục.

III- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP LỚN

1. Về giá cả

Căn cứ vào những mục tiêu và phương hướng nói trên, việc *điều chỉnh mặt bằng giá cả* (bao hàm cả việc điều chỉnh

các quan hệ tỷ giá) và *cơ chế quản lý giá* phải dựa trên các *nguyên tắc sau đây*:

- Xác định *giá phù hợp với giá trị* và *với sức mua thực tế của đồng tiền*.

- Định giá trên cơ sở *lấy kế hoạch làm trung tâm*, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chủ động vận dụng quy luật giá trị và quan hệ cung - cầu.

- Trong điều kiện nước ta đi từ một nền kinh tế mà tiểu sản xuất hàng hoá còn phổ biến tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, theo chủ trương của Đảng coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, *phải lấy giá thóc làm chuẩn* để tính toán các loại giá khác và toàn bộ mặt bằng giá.

- Quản lý giá cả phải có phân công, phân cấp hợp lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với thực tế.

a) Giá mua lương thực và nông sản:

Giá mua lương thực và nông sản phải thể hiện và góp phần thực hiện đường lối phát triển nông nghiệp nhằm hình thành cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, thể hiện quan hệ công - nông cùng làm chủ, cả công nghiệp và nông nghiệp đều phát triển và đóng góp đúng mức cho Nhà nước, đời sống công nhân, nông dân đều được cải thiện.

Xác định giá mua lương thực và nông sản trên cơ sở thoả thuận giữa Nhà nước và nông dân, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp đủ chi phí, có lãi hợp lý nhằm khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất.

Đối với những vùng điều kiện thiên nhiên không thuận lợi (đất đai, thời tiết...) và cơ sở vật chất - kỹ thuật thấp kém, đời sống còn nhiều khó khăn, Nhà nước có chính sách giá mua cao hơn, đi đôi với chính sách đầu tư. Đối với những

vùng có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, cần có các chính sách thuế và giá thích hợp.

Giá mua nông sản phẩm phải khuyến khích việc hình thành và phát triển các vùng chuyên canh, các vùng kinh tế mới, chú trọng những vùng chuyên trồng lúa.

Thực hiện ngay việc Nhà nước thống nhất quản lý, độc quyền kinh doanh lương thực và các nông sản chủ yếu, bằng chính sách giá và phương thức mua hợp lý.

Áp dụng cơ chế *một giá mua* (có phân biệt theo vùng và được điều chỉnh theo từng vụ sản xuất) trên cơ sở thoả thuận giữa Nhà nước và nông dân. Thông qua hợp đồng kinh tế, Nhà nước nắm hầu hết lương thực hàng hoá và đại bộ phận nông sản hàng hoá quan trọng. Giá mua thóc do Bộ Chính trị phê chuẩn.

b) *Tính đủ các yếu tố chi phí và xác định đúng giá thành sản phẩm công nghiệp*; cụ thể là:

- Tính đủ chi phí tiền lương mới của khu vực sản xuất.
- Tính đủ khấu hao tài sản cố định, theo hướng: đánh giá lại tài sản cố định, tính đủ khấu hao sửa chữa lớn, tạm thời tính khấu hao cơ bản căn cứ vào tình hình sử dụng thực tế máy móc, thiết bị.

- Tính đúng và đủ giá trị vật tư: vật tư sản xuất trong nước tính đủ giá vốn; vật tư nhập khẩu dựa trên giá vốn nhập tính theo tỷ giá kết toán nội bộ mới và theo chính sách giá trong nước.

Đồng thời với việc tính đủ các chi phí hiện còn để ngoài giá thành, qua thực hiện hạch toán, kinh doanh mà phát hiện và loại bỏ các chi phí bất hợp lý, bất hợp lệ làm cho giá bị "vống lên".

Xác định đúng *tỷ giá kết toán nội bộ* nhằm bảo đảm kinh doanh xuất - nhập khẩu bình thường có lãi, trên cơ sở tổ chức lại và hình thành cơ cấu xuất - nhập khẩu có hiệu quả ngày càng cao và tăng cường quản lý xuất - nhập khẩu theo nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và Nhà nước thống nhất quản lý ngoại hối, chống cạnh tranh mua bán đẩy giá vốn xuất lên; có chính sách đúng đắn về thu bù chênh lệch ngoại thương và thực hiện thuế xuất - nhập khẩu.

Phân biệt tỷ giá hối đoái đồng rúp và đồng đôla với đồng tiền của ta. Tỷ giá hối đoái phải do *Nhà nước trung ương định*, từng thời kỳ có điều chỉnh cho phù hợp; các ngành, các cấp không được tự tiện thay đổi.

c) *Điều chỉnh giá bán buôn hàng công nghiệp* (vật tư và hàng tiêu dùng) trên cơ sở giá thành tính đủ chi phí, có lãi thoả đáng cho người sản xuất và thể hiện chính sách kinh tế của Nhà nước, bảo đảm tính chung có tích luỹ cho Nhà nước.

Giá bán buôn công nghiệp đối với vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng phải thể hiện chính sách tích luỹ và tiêu dùng của Đảng và Nhà nước: đối với tư liệu sản xuất, Nhà nước thu quốc doanh có mức độ (có trường hợp không thu khi cần khuyến khích sản xuất, như đối với một số tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp, cá biệt có thể còn bù lỗ, xem như là một chính sách đầu tư cho nông nghiệp); đối với hàng công nghiệp tiêu dùng, Nhà nước thu quốc doanh tuỳ theo tính chất loại hàng hoá.

Giá bán vật tư, hàng hoá nhập khẩu phải phù hợp với các quan hệ giá cả và chính sách giá trong nước; đồng thời khuyến khích sản xuất vật tư trong nước thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng tiết kiệm vật tư nhập khẩu.

Trên cơ sở Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng chủ yếu, Nhà nước trung ương định giá thống nhất (một số mặt hàng giả định chênh lệch theo vùng) cho những loại hàng này.

Nhất thiết phải tổ chức, sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, sắp xếp lại công tác xuất - nhập khẩu nhằm đạt hiệu quả cao hơn; chấn chỉnh lưu thông, tính đúng định mức, loại bỏ chi phí sản xuất và lưu thông bất hợp lý và bất hợp lệ. Cùng với việc tính lại giá bán buôn, phải xử lý hàng loạt vấn đề về cơ cấu và tổ chức sản xuất, quản lý trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cũng như trong từng ngành và từng cơ sở theo quan điểm triệt để xoá bỏ bao cấp, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đối với những xí nghiệp và sản phẩm bị lỗ, phải xem xét lại mặt hàng, nếu cần thì phải chuyển hướng sản xuất, thậm chí đóng cửa. Phải sắp xếp lại hệ thống lưu thông (cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương...), xoá ngay các khâu trung gian không cần thiết, để hàng hoá có thể đi thẳng từ nơi sản xuất đến người tiêu dùng (kể cả tiêu dùng trực tiếp và tiêu dùng cho sản xuất) bằng con đường ngắn nhất với giá cả hợp lý.

d) Giá bán lẻ

Giá bán lẻ phải được xác định trên cơ sở giá trị hàng hoá, có tính đến quan hệ cung - cầu, tiền - hàng, và phải thể hiện chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Chính sách giá bán lẻ hàng tiêu dùng cần phân biệt theo tính chất mặt hàng.

Hàng công nghiệp thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng nói chung phải có tích luỹ cho ngân sách, trừ một vài

mặt hàng thiết yếu thì tích luỹ ít hoặc không tích luỹ, cá biệt có thể bù lỗ theo chính sách xã hội (ví dụ thuốc chữa bệnh, sữa cho trẻ em, sách giáo khoa...).

Theo chính sách trên, Nhà nước *thực hiện nhất quán cơ chế một giá bán lẻ; trung ương định một giá kinh doanh thống nhất cho những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu* (có những mặt hàng trung ương định giá khung), có phân biệt thoả đáng về mức giá theo vùng, nhất là về lương thực - thực phẩm, và một số loại vật tư hàng hoá đòi hỏi vận chuyển xa, chi phí vận tải lớn.

Khi cân thiết, Nhà nước sẽ chủ động tính toán, điều chỉnh giá cho phù hợp.

Giá bán hàng công nghiệp để tính lương cơ bản phải thống nhất cả nước. Giá lương thực và một số nông sản thực phẩm như gạo, thịt lợn... *tính theo vùng có mức giá thấp nhất* (trên cơ sở chi phí sản xuất và lưu thông theo mặt bằng giá mới). Mức chênh lệch giữa giá bán lẻ lương thực, thực phẩm ở các vùng khác cao hơn giá tính lương cơ bản được xử lý bằng phụ cấp đắt đỏ theo khu vực. Để hạn chế tác động phức tạp do giá cả còn biến động và để thực hiện việc kế hoạch hoá và hạch toán kinh tế, cần *ổn định giá bán để tính lương trong từng thời gian*. Khi điều chỉnh giá thì tính lại tiền lương cho tương ứng.

Việc thực hiện chính sách và cơ chế giá bán lẻ như trên đòi hỏi tính toán, cân đối quỹ hàng hoá xã hội và khối lượng tiền lưu thông *trên từng địa phương và khu vực*; phải đẩy mạnh cải tạo và quản lý chặt chẽ thị trường tự do, nghiêm trị đầu cơ, buôn lậu; bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang.

d) Cơ chế quản lý giá

Thực hiện cơ chế một giá thống nhất, do Nhà nước (trung ương và địa phương) quy định và điều chỉnh kịp thời khi cần thiết; từng bước ổn định giá trên cơ sở làm chủ kế hoạch sản xuất và phân phối, nắm hàng, nắm tiền, cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường.

Thực hiện sự phân công, phân cấp quản lý giá hợp lý giữa các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương. Giá vật tư quan trọng, giá bán hàng tiêu dùng thiết yếu do *trung ương quy định thống nhất trong cả nước* (có phân biệt theo vùng). Trung ương quy định *khung giá* mua nông, lâm, hải sản chủ yếu và giá các hàng hoá khác để địa phương vận dụng cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương. Đối với những hàng hoá có tính địa phương, thì giá cả do chính quyền *địa phương hoặc cơ sở sản xuất quyết định*.

2. Chủ trương, chính sách về lương

Chính sách tiền lương phải *quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động*, xoá bỏ bao cấp, từng bước khắc phục tính chất bùn quân, chênh lệch bất hợp lý; phải nhằm *ổn định và từng bước cải thiện đời sống của công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang; phải khôi phục lại trật tự về tiền lương, tiền thưởng trong phạm vi cả nước*.

Để đạt các yêu cầu trên, cần thực hiện những chủ trương, chính sách như sau:

a) *Bãi bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá bù lỗ, chuyển sang chế độ trả lương bằng tiền; xác định lại hệ thống lương cơ bản thống nhất cả nước*

Tiền lương phải bảo đảm tái sản xuất sức lao động (kể cả phần nuôi người ăn theo). Trong điều kiện cụ thể của nước

ta, *mức lương tối thiểu* phải bảo đảm cung cấp cho người lao động ít nhất 2.000 calo/ngày với mức chi về ăn chiếm khoảng 70% tiền lương.

Căn cứ vào mức trên, tính lại *tiền lương tối thiểu* theo mặt bằng giá mới, lấy đó làm cơ sở để tính hệ thống lương cơ bản thống nhất cho cả nước.

Bãi bỏ chế độ tem phiếu. Riêng về gạo (ở một số thành phố và khu công nghiệp lớn có thể cả chất đốt và một vài mặt hàng thực phẩm thiết yếu), ở những nơi Nhà nước chưa đủ lực lượng hàng hoá để bán lẻ bình thường cho mọi nhu cầu thì *tạm thời còn cấp sổ hoặc phiếu mua hàng* cho công nhân, viên chức.

b) *Sắp xếp lại các mức lương, thang lương, phụ cấp, tiền thưởng*

Tạm thời bố trí mức lương tối đa bằng 3,5 lần mức lương tối thiểu; mức lương tối thiểu do Bộ Chính trị phê chuẩn. Khi có nguồn tài chính khá hơn, sẽ mở rộng dần chênh lệch giữa các bậc lương.

Sắp xếp lại các thang lương, bậc lương phù hợp với trình độ, trách nhiệm và cống hiến của các loại công nhân, viên chức. Bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các ngành nghề, đai ngộ thoả đáng hơn các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, các ngành nghề đòi hỏi trình độ khoa học, kỹ thuật cao, các ngành y tế, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật. Mức lương sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội và công an phải cao hơn một ít so với các cán bộ, nhân viên ở các ngành nghề nặng nhọc.

Phụ cấp thâm niên thoả đáng đối với các ngành nghề đòi hỏi công nhân, viên chức gắn bó lâu dài với ngành nghề. Đối

với tất cả các ngành nghề khác, nếu công nhân, viên chức đã đạt đến bậc cao nhất của thang lương mà vẫn tiếp tục lao động, tiếp tục cống hiến thì được hưởng phụ cấp vượt khung.

Sắp xếp lại hệ thống *phụ cấp khu vực* căn cứ vào điều kiện khí hậu và mức độ xa xôi hẻo lánh, đi lại khó khăn, điều kiện sinh hoạt vật chất và văn hoá thiếu thốn. Không áp dụng phụ cấp khu vực đối với các thành phố, thị xã ở vùng đồng bằng và ven biển.

Thực hiện rộng rãi chế độ *lương sản phẩm* trong các cơ sở sản xuất kinh doanh. Sắp xếp lại các khoản *phụ cấp và tiền thưởng từ quỹ lương*, làm cho lương cơ bản trong khu vực sản xuất kinh doanh chiếm khoảng 70% thu nhập về tiền lương.

Nghiên cứu để quy định các khoản tiền thưởng, các chế độ khuyến khích các hoạt động sáng tạo về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật.

c) *Phụ cấp đắt đỏ*

Để bảo đảm tiền lương thực tế cho công nhân, viên chức, cần xem xét tình hình giá cả *từng quý* (hoặc *đột xuất* khi cần thiết) để định phụ cấp đắt đỏ. Phụ cấp đắt đỏ do *trung ương thống nhất quy định cho từng vùng*.

Phụ cấp đắt đỏ được hạch toán vào quỹ lương và vào giá thành sản phẩm.

d) *Điều chỉnh chế độ trợ cấp xã hội*

Tính lại trợ cấp ưu trí căn cứ vào mức lương cũ (trước khi về hưu) chuyển đổi sang mức lương mới.

Đối với những người nghỉ việc vì mất sức lao động, cần soát xét lại chế độ trợ cấp, bồi bổ bao cấp, và tính lại trợ cấp theo mức lương mới.

Đối với học sinh, bồi bổ chế độ bao cấp về sinh hoạt phí.

Định lại chế độ học bổng theo hướng khuyến khích học sinh giỏi và quan tâm tới học sinh con liệt sĩ và học sinh dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu sửa lại bệnh viện phí.

Đối với gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, thương binh... đang được hưởng chế độ cung cấp theo tem phiếu thì định lại mức trợ cấp bằng tiền theo chế độ thống nhất phù hợp với mặt bằng giá mới.

Bãi bỏ chế độ cung cấp hiện vật cho người ăn theo. Đối với công nhân, viên chức có nhiều người phải nuôi dưỡng mà gấp khó khăn, thì dùng quỹ trợ cấp xã hội để trợ cấp bằng tiền.

3. *Chủ trương, chính sách về tài chính, tiền tệ*

Cùng với việc điều chỉnh giá và lương, cần cải tiến công tác tài chính và lưu thông tiền tệ.

a) Trên cơ sở phát triển sản xuất và cải tiến quản lý, phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông, cần nắm chắc và huy động mạnh mẽ các nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Cải tiến chế độ thu quốc doanh và các loại thuế. Thực hiện tiết kiệm chi một cách nghiêm ngặt; định lại các chế độ chi tiêu phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước. Tích cực phấn đấu tiến tới thực hiện *cân bằng ngân sách*, chấm dứt phát hành cho chi tiêu ngân sách.

b) Thực hiện chế độ *tự chủ tài chính* của xí nghiệp, làm cho giá, lương, tài chính, tín dụng... phát huy đầy đủ chức năng đòn bẩy kinh tế, kích thích và đòi hỏi các đơn vị kinh tế phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh xã hội chủ nghĩa, cải tiến kỹ thuật, làm ăn có hiệu quả.

Chuyển đổi bộ phận vốn đầu tư và toàn bộ vốn lưu động của xí nghiệp sang hình thức *tín dụng*.

c) Điều chỉnh mối quan hệ giữa *ngân sách trung ương và ngân sách địa phương*, thực hiện chế độ phân cấp ngân sách trên cơ sở ba cấp cùng làm chủ, bảo đảm sự nhất trí giữa ba lợi ích (tổn xã hội, tập thể, cá nhân người lao động); tạo điều kiện cho địa phương chủ động hơn nữa trong việc khai thác các tiềm năng để phát triển kinh tế địa phương, tăng nguồn thu, và chủ động bố trí ngân sách địa phương đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cần thiết của mình.

d) Áp dụng các biện pháp có hiệu lực để *cải tiến lưu thông tiền tệ*, thu hút tiền nhàn rỗi, đẩy nhanh nhịp độ quay vòng đồng tiền. Chuyển mạnh hoạt động của ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; kịp thời đáp ứng những nhu cầu về vốn cho sản xuất - kinh doanh theo giá mới.

đ) Tăng cường sự *kiểm soát bằng đồng tiền và kỷ luật về tài chính và tiền mặt*. Sửa đổi chế độ chi tiêu phù hợp với cơ chế mới; trên cơ sở đó, nghiêm cấm mọi sự chi tiêu sai chế độ; chống lãng phí; nghiêm trị mọi hành vi tham ô, lạm quyền. Thực hiện nghiêm ngặt sự kiểm tra và thanh tra tài chính của Nhà nước.

IV. TỔ CHỨC VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Nghị quyết này cần được quán triệt sâu sắc trong cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Khi trung ương công bố thi hành chính sách mới về giá và lương thì phổ biến rộng rãi đến đảng viên và nhân dân, nhằm tạo

ra sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân để bảo đảm thực hiện thắng lợi. Ban Bí thư chỉ đạo chặt chẽ nội dung và kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nghị quyết.

2. Trung ương và tỉnh cần *khẩn trương chuẩn bị về các mặt* như sau:

- Hội đồng Bộ trưởng trình Bộ Chính trị thông qua *giá* những mặt hàng chuẩn, trên cơ sở đó, quyết định giá những mặt hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, rồi thông báo cho các bộ, các tỉnh để bộ và tỉnh có căn cứ quyết định giá những mặt hàng thuộc thẩm quyền của mình.

- Trên cơ sở mức lương tối thiểu được Bộ Chính trị phê chuẩn, Hội đồng Bộ trưởng cùng Ban Bí thư thông qua các mức *lương*, bảng lương, phụ cấp, trợ cấp, rồi thông báo cho các bộ, các tỉnh để chuẩn bị xếp lương cho công nhân, viên chức thuộc quyền quản lý của mình.

- Các Bộ Nội thương, Lương thực cùng các tỉnh chuẩn bị *quỹ hàng hoá và mạng lưới bán lẻ*. Đặc biệt chú ý các *thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung*. Ngay từ bây giờ, cần nhanh chóng mở rộng và đổi mới hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, quản lý giá, tăng cường quản lý chặt chẽ việc thu thuế công thương nghiệp, ráo riết truy quét và trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn phá hoại, phao tin đồn nhảm, gây rối thị trường.

- Ngân hàng Nhà nước chuẩn bị *quỹ tiền mặt* để bảo đảm phát lương và nắm hàng.

- Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo các ngành có biện pháp xử lý các vấn đề đặt ra khi công bố chính sách mới về giá và

lương. Các ngành cần chuẩn bị đầy đủ thông tin hướng dẫn để kịp thời ban hành ngay khi công bố giá và lương mới.

- Các công việc chuẩn bị phải tiến hành chu đáo, nhưng phải hạn chế trong một số cán bộ hết sức cần thiết để *bảo đảm bí mật*.

3. Trước khi công bố giá và lương mới, theo lệnh thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng, phải kiểm kê *tồn kho vật tư hàng hoá* thuộc khu vực nhà nước, tập thể và tư nhân sản xuất, kinh doanh.

4. Việc thi hành Nghị quyết này đòi hỏi thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp; đòi hỏi nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật.

Các ngành, các địa phương phải chuẩn bị chu đáo và vững chắc để thực hiện tốt chính sách mới về giá - lương - tiền. Các cơ quan trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp, giúp đỡ các địa phương và cơ sở đã thực hiện hoặc đang chuẩn bị thực hiện bù giá vào lương và đưa lương vào giá thành. Nơi nào dự định thực hiện bù giá vào lương cần bàn kỹ với các ngành trung ương có liên quan; theo tinh thần và nội dung Nghị quyết mà rà soát phương án cụ thể trước khi tiến hành.

Khi trung ương công bố thi hành chính sách mới về giá và lương, thì tất cả các quy định riêng của địa phương, cơ quan, xí nghiệp phải bãi bỏ để thực hiện thống nhất theo quy định chung.

Các cấp lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể, từ trung ương đến cơ sở, phải coi việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này là *công tác trung tâm đột xuất* từ nay cho đến hết năm 1985.

Các cơ quan thông tin, báo chí dựa vào Nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng để tuyên truyền, giải thích cho toàn dân. Phải tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, nhạy bén, nhưng tránh để lộ bí mật các chủ trương và số liệu cụ thể.

5. Tất cả các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở phải căn cứ vào tinh thần Nghị quyết mà xác định lại chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cán bộ của các cơ quan, kiêm quyết sắp xếp, chấn chỉnh những tổ chức và bộ máy bất hợp lý, loại bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, gây trở ngại cho hoạt động sản xuất, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giảm biên chế bộ máy nhà nước; sửa đổi chương trình, nội dung và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế; điều động và bố trí cán bộ để bảo đảm thực hiện tốt các chủ trương cải cách giá và lương, thực hiện cơ chế quản lý mới.

6. Để chỉ đạo việc chuẩn bị và thực hiện Nghị quyết này, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cần phối hợp chặt chẽ, theo dõi hằng ngày và xử lý kịp thời các vấn đề cụ thể xuất hiện trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách mới về giá - lương - tiền. Cần hướng dẫn, chỉ đạo và giúp đỡ cụ thể Thủ đô Hà Nội, các thành phố, các khu công nghiệp lớn và một số cơ sở kinh tế quan trọng để rút kinh nghiệm, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết này trong phạm vi cả nước.

*
* * *

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này về giá - lương -

tiền là kết quả rút ra từ thực tiễn và kinh nghiệm của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua, thể hiện sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách của Đảng ta không những về giá cả, tiền lương mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, về cơ chế kế hoạch hoá và quản lý kinh tế, nhằm triệt để xoá bỏ quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế nước ta phát triển lên một bước mới.

Việc đổi mới chính sách giá, lương và cơ chế quản lý kinh tế là sự thay đổi lớn có ý nghĩa cách mạng. Ban Chấp hành Trung ương tin tưởng rằng Nghị quyết này sẽ tạo ra sự nhất trí cao trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong cả nước, đẩy lên cao trào cách mạng của quần chúng trong lao động sản xuất và bảo vệ Tổ quốc, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên giành những thắng lợi mới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THU
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN ĐỒNG
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP
HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA V)**

Ngày 17 tháng 6 năm 1985

Thưa các đồng chí!

Bây giờ tôi chỉ có một nhiệm vụ rất giản đơn bởi vì bản thân Hội nghị và Nghị quyết này đã rất tốt, chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh. Tôi chỉ nói thêm một vài ý kiến về hai điểm:

Một là đánh giá Hội nghị và Nghị quyết.

Hai là làm gì để thực hiện Nghị quyết.

Hội nghị và sản phẩm của Hội nghị - nghị quyết là sự thể hiện nhất trí cao trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta. Đó là thắng lợi lớn kết thúc một thời gian khá dài nghiên cứu, bàn bạc, thảo luận. Hôm nay chúng ta nhiệt liệt chào mừng thắng lợi này. Đồng thời Hội nghị và sản phẩm của Hội nghị thể hiện nhiệt tình cách mạng, trí thông minh và tài năng sáng tạo của Đảng ta từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên, nhằm một bước quan trọng giải quyết một vấn đề cực kỳ quan trọng, to lớn. Đó là vấn đề đổi mới quản lý kinh

tế trong giá, lương, tiền trong cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân.

Hai điểm trên chứng tỏ Đảng ta là một đảng luôn luôn lớn lên trong sự nghiệp cách mạng, trước kia, hiện nay và sau này luôn luôn lớn lên trong sự nghiệp vĩ đại của nhân dân.

Nói về thực hiện nghị quyết, đây là một việc cực kỳ quan trọng. Kinh nghiệm cho thấy chúng ta có nhiều khuyết điểm trong việc thực hiện nghị quyết, lần này làm thế nào để thực hiện nghị quyết tốt hơn. Mỗi người trong Ban Chấp hành Trung ương phải hứa trong sự nghiệp chung phấn đấu để thể hiện tài năng sáng tạo trong việc thực hiện tốt Nghị quyết này. Dù khó, chúng ta cũng không sợ. Chúng ta sẽ biến ý chí và nhiệt tình của mình thành ý chí và nhiệt tình của toàn Đảng, toàn dân để biến Nghị quyết này thành động lực góp phần vào phát triển kinh tế, phát triển sản xuất, từ đó để giải quyết những vấn đề của xã hội, trong đó có vấn đề công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa - nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đi đôi với những việc tôi vừa nói, tôi nghĩ cần phải nhắc lại cơ chế tổng hợp của chúng ta là Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý. Tôi không nghĩ trong việc này chúng ta không có sự cần thiết cấp bách và to lớn có chiêu sâu lật lùng là vận dụng cơ chế này để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, vì đó là động lực của cách mạng có sức mạnh vô cùng, vô kể đã làm nên thắng lợi trong bốn năm qua và sẽ làm nên thắng lợi trong những năm tới chống lại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Tất cả những điều kể trên càng chứng minh một cách hùng hồn, Đảng ta - Đảng Cộng sản Việt Nam vũ trang bằng

học thuyết Mác - Lênin là người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của nhân dân Việt Nam ta.

Bây giờ các đồng chí cho phép tôi nói một điều nhỏ nhưng cần nói, rằng các đồng chí ở các ngành trung ương có trách nhiệm (trong đó có các ban của Đảng và các ngành của Chính phủ) đã nghiên cứu, thảo luận và đi đến những văn kiện như kết quả hôm nay. Các đồng chí đã làm ngày, làm đêm với ý thức trách nhiệm cao. Đó là điều rất đáng hoan nghênh.

Với tinh thần của các đồng chí và những điều tôi vừa nói, chúng ta đã kết thúc thắng lợi Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương có tầm quan trọng to lớn và có ý nghĩa lịch sử của Đảng ta.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985

**Về việc phổ biến và tuyên truyền Nghị quyết
Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng***

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương về giá - lương - tiền là sự đổi mới lớn có ý nghĩa cách mạng không những trên lĩnh vực các chính sách giá - lương - tiền mà cả trên các lĩnh vực phân phối lưu thông, cơ chế kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, cách lãnh đạo kinh tế của Đảng nhằm triệt để xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết đó cần được quán triệt sâu sắc trong các cấp, các ngành, trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đẩy lên cao trào cách mạng sôi nổi của nhân dân trong việc đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, xây dựng kinh tế, bảo vệ Tổ quốc, đưa cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nước ta tiến lên một bước mới.

* Để thuận tiện cho bạn đọc, chúng tôi sắp xếp tài liệu theo cụm vấn đề (B.T).

Vì những mục đích quan trọng đó, ngay sau khi Nghị quyết của Trung ương được ban hành, cần làm tốt việc phổ biến và nghiên cứu nghị quyết trong toàn Đảng, trước hết trong các tỉnh ủy, thành ủy, cán bộ phụ trách các ngành trung ương, và kịp thời tuyên truyền rộng rãi tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết trong nhân dân. Việc phổ biến, nghiên cứu nghị quyết và tuyên truyền cho nghị quyết cần được chỉ đạo chặt chẽ, có nội dung phù hợp với từng loại đối tượng để vừa làm quán triệt được những quan điểm, tư tưởng, phương hướng lớn của Nghị quyết trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, vừa giữ được bí mật về những nội dung chủ trương cụ thể trước khi thi hành.

1. Trước mắt, đối với các cơ quan lãnh đạo các bộ, ban, ngành ở trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy và một số cán bộ có trách nhiệm chuẩn bị các phương án cụ thể, cần phổ biến toàn văn nghị quyết, có thảo luận sâu sắc, có liên hệ phê phán, khắc phục những quan điểm, tư tưởng sai trái, xây dựng tư duy kinh tế khoa học để quán triệt Nghị quyết của Trung ương vào việc xác định các phương án cụ thể và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện Nghị quyết.

Đối với toàn thể cán bộ, đảng viên, cần phổ biến có thảo luận Nghị quyết của Trung ương đã lược bớt một số điểm không được và không cần thiết phải phổ biến rộng.

Việc phổ biến Nghị quyết ở các địa phương do các tỉnh ủy, thành ủy phụ trách; ở các ban, các ngành trung ương do các đồng chí lãnh đạo ban, ngành phối hợp với đảng ủy khối và đảng ủy cơ quan ban, ngành phụ trách.

Đối với nhân dân, cần thông qua các phương tiện thông

tin đại chúng và sinh hoạt của các đoàn thể quần chúng để kịp thời tuyên truyền, giải thích rộng rãi những quan điểm, tư tưởng, nguyên tắc cơ bản của nghị quyết Trung ương (theo tài liệu biên soạn và kế hoạch hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương). Ban Tuyên huấn Trung ương dựa vào báo cáo của Bộ Chính trị trình bày trước Hội nghị Trung ương và Nghị quyết chính thức của Trung ương để biên soạn kịp thời tài liệu này.

Các phương tiện thông tin đại chúng cần tuyên truyền, giới thiệu các quan điểm cơ bản trong Nghị quyết Trung ương gắn liền với tình hình thực tiễn. Việc giới thiệu kinh nghiệm các nơi làm thử việc bù giá vào lương, việc hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa ở các đơn vị cơ sở phải theo đúng quan điểm tư tưởng, phương hướng chủ trương đã đề ra trong Nghị quyết Trung ương, không được nói những điều làm trái với Nghị quyết và các chủ trương, biện pháp cụ thể của Nhà nước.

Ban Tuyên huấn Trung ương tổ chức nghiên cứu quán triệt nghị quyết cho các giảng viên môn kinh tế học ở các trường đảng, trường quản lý kinh tế, trường đại học, các cán bộ nghiên cứu ở các viện nghiên cứu kinh tế, để các trường, các viện kịp cải cách chương trình, tài liệu giáo dục, v.v. cho phù hợp với cơ chế hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ quan liêu bao cấp và có kế hoạch mở các đợt bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ quản lý kinh tế các cấp.

Trong khi Nhà nước chưa công bố các phương án cụ thể về giá, lương, tiền, cần nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật giữ bí mật, không phổ biến những dự kiến cụ thể trong các phương án. Các cán bộ tham gia xây dựng các phương án

không được tiết lộ những tài liệu, số liệu kinh tế quan trọng trước lúc công bố. Cần giải đáp kịp thời và đúng đắn những thắc mắc của cán bộ, đảng viên và quần chúng theo quan điểm của Nghị quyết Trung ương, kịp thời ngăn chặn những tin đồn nhảm và những luận điệu phản tuyên truyền và hành động phá hoại của địch.

2. Khi Hội đồng Bộ trưởng chính thức công bố công khai các chủ trương, giải pháp cụ thể về giá, lương, tiền, thì đối với các vấn đề cụ thể, làm đến đâu phổ biến và tuyên truyền đến đó, đồng thời tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và quán triệt toàn diện những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Nghị quyết Trung ương trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Việc phổ biến và tuyên truyền Nghị quyết lần này là một cuộc giáo dục và đấu tranh về một loạt vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội, nâng cao trình độ lý luận và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng nhiệt tình cách mạng và ý thức trách nhiệm của nhân dân lao động, thúc đẩy cao trào cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cấp ủy đảng, các ban, các ngành, các cấp và toàn thể cán bộ, đảng viên có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết Trung ương theo đúng tinh thần và nội dung Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 64-CT/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1985

**Về tăng cường trách nhiệm, nâng cao
sức chiến đấu của các đảng bộ cơ sở phường
và xây dựng các đảng bộ phường, quận
(thị xã, thành phố thuộc tỉnh) vững mạnh**

Mấy năm qua, thi hành Nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Hiến pháp mới, nhiều thành ủy, tỉnh ủy đã có những cố gắng trong việc xây dựng các phường, kiện toàn cấp quận, thành phố, thị xã.

Ở một số quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã (dưới đây gọi tắt là quận) đã có những đảng bộ phường lãnh đạo tốt việc phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đạt những thành tích đáng biểu dương. Qua các phong trào quần chúng, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nhiều phường, đã trưởng thành nhanh chóng.

Nhưng cho đến nay, kết quả xây dựng phường, củng cố cơ sở đảng ở nội thành, nội thị còn chưa cao, chưa đều; những

mặt non kém còn nhiều. Đó là do: việc xây dựng cấp phường còn là vấn đề mới; vị trí, tầm quan trọng của cấp phường, nhất là về kinh tế, chưa được xác định rõ; nhiều vấn đề cụ thể về trách nhiệm quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ và chính sách chế độ đối với cán bộ phường cũng như kiện toàn tổ chức và cải tiến sự lãnh đạo của cấp trên, nhất là cấp quận, chưa được đổi mới cho phù hợp với yêu cầu quản lý đô thị trong tình hình hiện nay và sắp tới.

Để đạt được sự chuyển biến cơ bản trong việc xây dựng phường, quận, kiện toàn cơ sở đảng ở các phường và xây dựng các đảng bộ quận, vững mạnh, cần:

**1. Xác định rõ trách nhiệm và ra sức nâng cao chất lượng
lãnh đạo của đảng bộ phường:**

Là đơn vị hành chính cơ sở ở nội thành, nội thị (những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, của từng vùng hay từng tỉnh), phường giữ vị trí rất quan trọng đối với xây dựng và bảo vệ các đô thị ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Các đảng bộ phường phải quán triệt đường lối, chính sách, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, nắm vững đặc điểm của phường mình và những yêu cầu cấp bách về sản xuất, đời sống của quần chúng và về quốc phòng, an ninh, phải phát huy tinh thần làm chủ tập thể, nêu cao tính năng động, chủ động, tự lực tự cường, để lãnh đạo tốt việc xây dựng phường thành cấp cơ sở có kế hoạch và ngân sách, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ kinh tế, đời sống văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh.

Phường là nơi có nhiều tiềm năng về lao động, tay nghề và vật tư, tiền vốn... Các đảng bộ phường cần lãnh đạo

phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động quần chúng khai thác mọi tiềm năng tại chỗ nhằm phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh tế gia đình, mở mang dịch vụ... tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, tạo việc làm cho những người lao động, từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng, khắc phục các mặt tiêu cực, các tệ nạn xã hội, làm tốt chức năng quản lý hành chính, kinh tế, văn hóa và các mặt đời sống xã hội trong khu vực dân cư.

Phường là nơi cư trú tập trung công nhân, trí thức xã hội chủ nghĩa và nhân dân lao động đô thị, là địa bàn diễn ra hằng ngày cuộc đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, nơi kẻ địch và những phần tử xấu có điều kiện lợi dụng để làm ăn phi pháp, hoạt động chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại về nhiều mặt. Đảng ủy, chi bộ phường cần nắm vững đặc điểm đó để lãnh đạo tốt việc quản lý dân cư, nắm chắc từng tổ dân phố và qua đó nắm chắc từng hộ, từng người dân nhằm đưa đường lối, chính sách của Đảng vào quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc quản lý và bảo vệ đô thị, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng chính quyền nhân dân vững mạnh, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Các đảng bộ, chi bộ phường cần nghiên cứu kỹ và thực hiện đúng quyết định của Ban Bí thư về quy chế làm việc của đảng bộ phường để nâng cao trách nhiệm và cải tiến sự lãnh đạo của mình nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của phường, xây dựng phường thành cấp cơ sở thật sự vững mạnh.

2. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức xây dựng chính quyền, các đoàn thể, các tập thể lao động và các lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh

Xây dựng đảng bộ phường phải gắn chặt với xây dựng chính quyền, xây dựng các đoàn thể quần chúng, các tập thể lao động và xây dựng lực lượng tự vệ, an ninh ở phường.

Phải trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát động các phong trào quần chúng tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, mà xây dựng tổ chức chính quyền và các đoàn thể phường ngày càng vững mạnh.

Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ban của ủy ban nhân dân phường phải được kiện toàn gồm những người có phẩm chất, năng lực, biết quản lý các mặt công tác của phường, chăm lo phục vụ tốt nhân dân trong phường đồng thời tôn trọng sự quản lý thống nhất của thành phố, thị xã.

Trong mỗi kỳ bầu cử hội đồng nhân dân, chính quyền và mặt trận phường cần đưa ra chương trình hành động để nhân dân bàn bạc và trên cơ sở đó giới thiệu, lựa chọn những người có tín nhiệm, có khả năng thực hiện chương trình đó ra ứng cử. Các ban của hội đồng nhân dân cần thật sự hoạt động theo đúng luật, định kỳ nghe báo cáo, góp ý kiến thiết thực với các đồng chí có trách nhiệm trong ủy ban về lĩnh vực công tác của ban.

Phải chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các tổ dân phố, nơi nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của mình, bảo đảm mọi việc do dân làm đều được dân hiểu, dân bàn, và dân kiểm tra. Ủy ban nhân dân định kỳ họp với các tổ trưởng tổ dân phố. Các ủy viên ủy ban nhân dân làm việc trực tiếp với các tổ trưởng dân phố mà mình được phân công phụ trách

(theo từng cụm dân cư); nhưng không được biến cụm dân cư thành một tổ chức trung gian cách bức giữa ủy ban nhân dân với tổ dân phố.

Các lực lượng tự vệ, an ninh (công an, bảo vệ, dân phòng, tổ an ninh nhân dân, đội thanh niên xung kích an ninh...) của phường phải thật sự trong sạch, vững mạnh, đủ sức thực hiện tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, chủ động đối phó với mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của địch.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể (*Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ*) cần được xây dựng vững mạnh để thật sự là đại diện cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đảng ủy, chi ủy phường phải trực tiếp lãnh đạo hoạt động của từng đoàn thể và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, phát huy vai trò và tác dụng của các đoàn thể trên các mặt quản lý kinh tế, quản lý hành chính, trước hết là xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội, thực hiện và kiểm tra thực hiện kế hoạch của phường.

Đảng ủy và ủy ban nhân dân phường cần dựa vào các đoàn thể và giúp cho từng đoàn thể phát huy tính chủ động trong mọi hoạt động tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, phát triển sản xuất, chăm lo đời sống quần chúng. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các đoàn thể. Đi đôi với xây dựng các đoàn thể vững mạnh, phải tập hợp rộng rãi đông đảo quần chúng vào các hình thức tổ chức và hoạt động thích hợp để giáo dục, động viên thực hiện các nhiệm vụ cách mạng.

Các hợp tác xã, tổ hợp lao động, cơ quan, trường học cần phấn đấu để trở thành những tập thể lao động xã hội chủ nghĩa hoặc tiên tiến. Từng cơ sở sản xuất phải được củng cố trên cả ba mặt: chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, chế độ quản lý, chế độ phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa.

3. *Nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ phường, xây dựng đảng bộ phường vững mạnh, trong sạch*

Các đảng bộ phường phải phấn đấu để nhanh chóng trở thành đảng bộ vững mạnh, trong sạch theo năm yêu cầu: - lãnh đạo tốt việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của phường; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, lãnh đạo tốt việc xây dựng chính quyền, các tổ dân phố, các đoàn thể, các tập thể lao động và các lực lượng tự vệ, an ninh ở phường; - xây dựng tốt nội bộ đảng bộ và đội ngũ đảng viên; - đảng ủy, chi ủy đoàn kết, có tín nhiệm, làm việc theo quy chế; - xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ phường.

Các chi bộ phải thực hiện đúng quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng và những nhiệm vụ cơ bản của từng loại chi bộ đã được xác định trong quy chế làm việc của đảng bộ phường. Coi trọng xây dựng tổ chức và chỉ đạo công tác của các tổ đảng.

Các đảng viên là cán bộ làm công tác chuyên trách ở phường phải được phân công về sinh hoạt ở các chi bộ đường phố.

Đảng bộ phường phải coi trọng công tác đảng viên trên cả ba mặt: nâng cao chất lượng đảng viên, khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực; đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; và phát triển đảng viên mới (nhất là trong đoàn thanh niên, cán bộ, nhân viên phường, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp). Phải xây dựng mối liên hệ chặt chẽ với quần chúng; khắc phục các tệ nạn: hối lộ, tham ô, cửa quyền, hóng hách với quần chúng, gây phiền hà cho nhân dân, chè chén bê tha... trong cán bộ, đảng viên.

Đổi mới cách sinh hoạt của các "nhóm đảng viên cùng phố" gồm những đảng viên công tác ở cơ quan, đơn vị không do phường quản lý cư trú ở từng phường. Nhóm có nhiệm vụ: tham gia ý kiến với chi ủy đường phố về công tác trong phường nhất là góp ý kiến về nội dung đại hội chi bộ đường phố và đại hội đảng bộ phường; thường xuyên đôn đốc giúp đỡ, giám sát đảng viên trong nhóm chấp hành chính sách, tham gia công tác ở đường phố và giữ mối quan hệ với quần chúng ở đường phố qua đó góp phần giúp cho các đảng bộ cơ quan quản lý tốt các đảng viên đó theo nơi cư trú. Ban Tổ chức Trung ương sẽ có hướng dẫn cụ thể việc đưa một số đảng viên ở cơ quan cấp trên về sinh hoạt ở chi bộ hoặc tổ đảng nơi cư trú.

4. Bồi dưỡng, sử dụng tốt các lực lượng cán bộ ở phường

Các đảng bộ phường phải coi trọng việc sử dụng cả ba lực lượng cán bộ: cán bộ đương chức từ trong phong trào ở phường, cán bộ hữu trí và cán bộ cơ quan, xí nghiệp cư trú ở phường.

Phương hướng lâu dài là bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ phường nảy nở và trưởng thành từ trong phong trào tại phường; trường hợp cần thiết, cấp ủy, chính quyền cấp trên có thể đưa cán bộ về tăng cường cho phường nhưng cần tạo điều kiện để các đồng chí đó sinh sống tại phường, nhất là đối với các cán bộ giữ cương vị chủ chốt phải tiếp xúc với dân để giải quyết công việc hằng ngày.

Một số cán bộ chủ chốt phường (bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký của ủy ban nhân dân, chủ tịch mặt trận, bí thư thanh niên, hội trưởng phụ nữ và phường đội trưởng) nếu không phải là cán bộ trong biên

chế do cấp trên cử về thì được hưởng phụ cấp định suất, các chế độ và tiêu chuẩn phân phối như đối với cán bộ trong biên chế của Nhà nước theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng, được lựa chọn vào học ở các trường lý luận chính trị, quản lý kinh tế, lớp đại học và trung học chuyên nghiệp tại chức nếu có đủ tiêu chuẩn. Một số cán bộ chủ chốt nói trên (trong đó có bí thư, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký ủy ban nhân dân), và một số cán bộ nghiệp vụ theo quy định cụ thể của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng nếu đã qua công tác thực tế một số năm ở phường, được quần chúng tín nhiệm và đã qua đào tạo, bồi dưỡng tại trường hoặc tại chức thì có thể được cấp trên xét tuyển vào biên chế phường theo đề nghị của đảng ủy, hoặc của ủy ban nhân dân phường. Nhà nước sẽ hướng dẫn biên chế phường phù hợp với từng loại phường, có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho những cán bộ làm công tác ở các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực nhà nước cư trú ở phường hoặc cán bộ hữu trí tham gia công tác ở phường, như làm tổ trưởng tổ dân phố và các trưởng ban của chính quyền phường.

Đảng viên, cán bộ nhà nước cư trú ở phường phải gương mẫu làm tốt nghĩa vụ công dân ở phường, có trách nhiệm tham gia và vận động quần chúng tham gia sinh hoạt ở tổ dân phố.

5. Kiện toàn cấp quận, xây dựng đảng bộ quận vững mạnh và tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên

Cấp quận vừa phải làm tốt chức năng quản lý trực tiếp các đơn vị cơ sở trực thuộc, vừa phải làm tốt trách nhiệm quản lý theo lãnh thổ đối với cơ sở của trung ương và cấp trên đóng ở địa phương. Cần kiện toàn cấp quận, đáp ứng cả hai nhiệm vụ nói trên, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các mặt công tác khác của quận.

Đổi mới cấu tạo của cấp ủy quận. Ở những nơi có nhiều đảng bộ xí nghiệp và đơn vị kinh tế quốc doanh cần tăng thêm nhiều cấp ủy viên là cán bộ lãnh đạo ở các đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh do cấp trên quản lý mà tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy quận, và một số đảng viên là công nhân trực tiếp sản xuất. Theo yêu cầu đó, tỉnh ủy, thành ủy, trực thuộc trung ương có thể quyết định tăng số cấp ủy viên quận, thành phố (thuộc tỉnh) lên không quá 10 người so với số lượng đã được Ban Bí thư quy định.

Trong ban thường vụ quận ủy, cần phân công các ủy viên thường vụ chuyên trách, sử dụng các ban để giúp đỡ, kiểm tra hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo từng loại (xí nghiệp sản xuất, xây dựng, giao thông; các công ty cửa hàng; các bệnh viện, trường học, viện nghiên cứu khoa học). Cần phân công một ủy viên thường vụ phụ trách các vấn đề thuộc về chức năng lãnh đạo kinh tế của cấp ủy đảng; đồng chí này có cán bộ chuyên trách giúp việc và sử dụng cán bộ kiêm chức (ở các cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố và cơ sở đóng ở địa phương) làm cộng tác viên để giúp cấp ủy kiểm tra, giúp đỡ hoạt động của các đảng bộ cơ sở nói trên.

Các giám đốc và bí thư đảng ủy xí nghiệp, công ty ở các đơn vị cơ sở mà tổ chức đảng thuộc đảng bộ quận, cần báo cáo với cấp ủy quận, nhiệm vụ kế hoạch của đơn vị trước và sau khi kế hoạch được duyệt. Cơ quan quản lý cấp trên (bộ, sở...) cần phối hợp chặt chẽ với quận ủy trong việc giúp đỡ cơ sở đảng theo yêu cầu của các cấp ủy đó. Khi đề bạt giám đốc, phó giám đốc các cơ sở phải lấy ý kiến của quận ủy.

Các xí nghiệp do cấp trên quản lý đóng ở quận, cần theo

quy định của Nhà nước, trích quỹ phúc lợi nộp cho quận, để góp phần xây dựng cơ sở phúc lợi của địa phương.

Các cấp ủy quận cần sử dụng các cơ quan có trách nhiệm giúp ủy ban nhân dân (tỉnh, thành phố, quận, thị) quản lý theo lãnh thổ để nắm tình hình ở các đơn vị nói trên giúp cho việc chỉ đạo các đảng bộ cơ sở ở đó được tốt. Lãnh đạo tốt việc áp dụng các hình thức liên kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh và đơn vị cơ sở khác với các cơ sở phường theo sự hướng dẫn của tỉnh, thành phố.

Các tỉnh ủy, thành ủy phải chỉ đạo việc xây dựng đảng bộ quận vững mạnh theo năm yêu cầu sau đây: - Lãnh đạo tốt việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh; - phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng tốt chính quyền, các đoàn thể, các tập thể lao động; - xây dựng tốt cơ sở đảng trực thuộc gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác quản lý của từng loại cơ sở; - nội bộ đoàn kết trên cơ sở đường lối và nguyên tắc của Đảng và thực hiện tốt quy chế làm việc; xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt quận, phường, và cơ sở khác.

Việc nhận xét để tặng danh hiệu và tặng cờ "Đảng bộ vững mạnh" sẽ tiến hành như đối với các đảng bộ huyện.

Các cấp ủy và ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phải cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của mình đối với các quận; tiến hành phân công, phân cấp quản lý các mặt công tác cho phù hợp. Đối với các vấn đề cụ thể, tỉnh ủy, thành ủy sẽ căn cứ vào nguyên tắc chung để vận dụng cho sát hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

Các bộ, tổng cục, theo chức trách của mình hướng dẫn

các vấn đề cần thiết cho địa phương và cơ sở để thi hành Chỉ thị này và các quy định cụ thể của Hội đồng Bộ trưởng về cấp quận, phường.

Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ban Bí thư làm quán triệt và hướng dẫn việc thi hành Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THU

Số 55-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1985

Về quy chế làm việc của đảng bộ phường

Căn cứ vào Điều 35, 37 và các quy định của Điều lệ Đảng, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định quy chế làm việc của đảng bộ phường như sau:

Phần I

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG BỘ PHƯỜNG

A- CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHUNG

Điều 1: Đảng bộ phường có trách nhiệm lãnh đạo các mặt công tác của phường theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho phường thật sự là nơi phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng nhằm phát triển kinh tế, văn hoá, tổ chức đời sống của nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm tốt nhiệm vụ quốc phòng và hậu phương quân đội.

Đảng bộ phường lãnh đạo và phát động phong trào quần chúng thực hiện mọi nhiệm vụ và thông qua đó mà giáo dục bồi dưỡng quần chúng, xây dựng tổ chức, rèn luyện chọn lọc và phát triển đảng viên, tuyển lựa và cất nhắc cán bộ.

Đảng bộ phường lãnh đạo bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt, bảo đảm cho mọi nghĩa vụ và quyền lợi của công dân được thực hiện.

B - NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I- LÃNH ĐẠO CÁC NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG AN NINH

Điều 2: *Lãnh đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội:*

- Đảng uỷ quán triệt quan điểm đường lối, chính sách và pháp luật nhà nước, nắm vững tình hình đặc điểm của phường và sự chỉ đạo của cấp trên để lãnh đạo Uỷ ban nhân dân phường xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội của phường.

Kế hoạch của phường bao gồm: kế hoạch phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp (hướng dẫn và tổng hợp kế hoạch của các hợp tác xã, các tổ hợp tác sản xuất theo phân cấp, các hộ thủ công cá thể... phát triển kinh tế gia đình, phát triển dịch vụ, cải tạo tiểu thương và quản lý thị trường; kế hoạch phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, theo phân cấp quản lý; kế hoạch dân số, lao động và xã hội; kế hoạch thu chi ngân sách của phường, v.v..

- Đảng uỷ có chủ trương, biện pháp lãnh đạo Uỷ ban

nhân dân phường, các đoàn thể kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền chuẩn y.

Đối với những cơ sở và công việc do cấp trên trực tiếp quản lý mà có liên quan đến đời sống của nhân dân trong phường, đảng uỷ lãnh đạo các cơ quan và tổ chức có trách nhiệm của phường làm nhiệm vụ giám sát, tham gia quản lý hoặc phối hợp hoạt động theo quy định của cấp trên.

Trong quá trình lãnh đạo phong trào, phải coi trọng kiểm tra việc thực hiện.

Điều 3: *Lãnh đạo việc tổ chức đời sống vật chất và văn hoá của quần chúng*

- Đảng uỷ có chủ trương, biện pháp giải quyết từng bước những yêu cầu về đời sống vật chất và văn hoá của quần chúng trong khu vực dân cư; chú trọng những nhu cầu bức thiết nhất trong đời sống của quần chúng lao động như: giải quyết việc làm của những người lao động, phục vụ bữa ăn; sửa chữa, cải tạo nhà ở, điện nước, vệ sinh công cộng theo phân cấp; bảo đảm thuận tiện, công bằng trong phân phối hàng hoá; khắc phục mọi sự gây phiền hà cho nhân dân. Chú trọng chăm lo các gia đình liệt sĩ, thương binh, các gia đình có công với cách mạng, những cán bộ, công nhân viên chức ưu tú, những người già cả, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 4: *Lãnh đạo công tác an ninh, quốc phòng và công tác bảo vệ*

- Đảng uỷ lãnh đạo việc xây dựng các lực lượng dân quân tự vệ phường, tự vệ ở các đơn vị hợp tác xã tiểu công nghiệp,

thủ công nghiệp (nếu có) và sự hoạt động của các lực lượng đó; lãnh đạo xây dựng phường chiến đấu, thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và chấp hành tốt các chính sách quốc phòng, chính sách hậu phương quân đội.

- Lãnh đạo việc xây dựng các lực lượng công an, bảo vệ, dân phòng, các tổ an ninh nhân dân và hoạt động của các lực lượng này. Phát động và không ngừng nâng cao phong trào quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch trong khu vực phường.

II- LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN, CÁC ĐOÀN THỂ VÀ TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG, CÁC TẬP THỂ LAO ĐỘNG, BẢO ĐẢM QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA QUẦN CHÚNG.

Điều 5: *Xây dựng chính quyền, các đoàn thể và tổ chức quần chúng, các tập thể lao động ở phường:*

- Không ngừng nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, giáo dục quần chúng về lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, ý thức làm chủ tập thể, về quyền hạn và trách nhiệm của người công dân, về ý thức lao động và tiết kiệm và những phẩm chất đạo đức khác của con người mới xã hội chủ nghĩa.

- Chăm lo xây dựng chính quyền, các tổ dân phố vững mạnh, bảo đảm sự trong sạch của bộ máy phường, cảnh giác đề phòng bọn gián điệp, phản động, tay sai của địch và các phần tử xấu khác tìm cách chui vào nội bộ để phá hoại; giáo

đục quần chúng ý thức tôn trọng Hiến pháp, pháp luật, ý thức xây dựng và bảo vệ chính quyền.

- Xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh đi đôi với việc tập hợp quần chúng vào các hình thức hoạt động thích hợp, đa dạng và hợp pháp, vận động quần chúng làm theo đường lối của Đảng, phục vụ lợi ích thiết thực của quần chúng.

- Lãnh đạo các cơ quan, hợp tác xã, đơn vị sản xuất kinh doanh, sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, v.v. phấn đấu để xây dựng thành các tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xã hội chủ nghĩa, v.v..

Điều 6: *Lãnh đạo bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*

- Đảng uỷ lãnh đạo việc phát huy quyền làm chủ tập thể trực tiếp của nhân dân lao động thông qua các tổ dân phố, các tập thể lao động, bảo đảm cho mọi nghĩa vụ và quyền lợi của công dân được thực hiện.

- Lãnh đạo tốt các đoàn thể, các tập thể lao động thực hiện công tác giám sát cơ quan và cán bộ nhân viên nhà nước công tác trên địa bàn phường chấp hành đúng các chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phục vụ nhân dân; chống cửa quyền, tham ô, lãng phí, làm sai chính sách, chế độ.

III - XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG VỀ MỌI MẶT

Điều 7: *Xây dựng chi bộ vững mạnh, trong sạch:*

- Quán triệt đường lối, nghị quyết của Đảng, ra sức nâng cao sức chiến đấu của chi bộ theo yêu cầu xây dựng chi bộ vững mạnh, trong sạch.

- Giữ vững đều kỳ sinh hoạt *chi bộ, tổ đảng*, tiến hành tự phê bình và phê bình, bảo đảm cho mọi chi bộ thực sự là hạt nhân lãnh đạo và chiến đấu của Đảng trong quần chúng, là trường học giáo dục mọi đảng viên và có đủ sức làm tròn trách nhiệm được giao.

+ *Chi bộ ở các hợp tác xã* (sản xuất, tín dụng, mua bán): phải lãnh đạo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các mặt công tác của hợp tác xã theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hợp tác xã thành những đơn vị tập thể xã hội chủ nghĩa, có năng suất cao, đáp ứng cả ba lợi ích; không để trở thành phường hội hoặc là nơi bóc lột trái hình.

+ *Các chi bộ đường phố* (tùy theo tình hình, tổ chức theo một tổ dân phố, hoặc một số tổ cụm dân cư), có nhiệm vụ:

1. Quán triệt đường lối chính sách và các nghị quyết của Đảng trong chi bộ để thống nhất ý chí và hành động, làm tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

2. Lãnh đạo các tổ dân phố thực hiện những công tác ở đường phố như thực hiện công tác quản lý dân cư, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ở phường về kinh tế gia đình, phát triển dịch vụ, tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự, làm tốt công tác tuyển quân và thực hiện chính sách hậu phương quân đội; xây dựng nếp sống mới, giáo dục thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; chăm sóc người già, cán bộ nhân viên hưu trí; góp phần khắc phục các mặt tiêu cực ngoài xã hội.

3. Lãnh đạo các tổ chức quần chúng ở đường phố. Giám sát và giúp đỡ hoạt động của các cơ quan, đơn vị có trách

nhiệm phục vụ sinh hoạt đời sống nhân dân trong phường (như trường học, cửa hàng, quầy hàng, cơ sở dịch vụ nói ở Điều 6), phê bình cán bộ đảng viên công tác ở phường.

4. Xây dựng tốt nội bộ và làm tốt công tác đảng viên, cán bộ theo Điều lệ Đảng, các quy định trong quy chế này và hướng dẫn của cấp trên.

+ *Các chi bộ khác* như trường học, công an theo chức năng lãnh đạo và kiểm tra của mình để tiến hành các mặt công tác theo Điều 35, 36 của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của các tổ chức đảng nói trên.

Điều 8: Xây dựng đội ngũ đảng viên ở phường:

- Hết sức coi trọng rèn luyện phẩm chất, nâng cao năng lực của đảng viên, quản lý tốt đảng viên, phân công đảng viên làm công tác đảng, công tác quần chúng hoặc công tác xã hội khác phù hợp với khả năng, sức khoẻ của từng người; kịp thời biểu dương và phát huy những đảng viên ưu tú, tích cực; kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời những đảng viên phạm sai lầm khuyết điểm; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên; bồi dưỡng những quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng. Những đảng viên không còn điều kiện sức khoẻ để làm công tác và sinh hoạt chi bộ thì chi bộ xét để quyết định miễn công tác và sinh hoạt. Những cán bộ, đảng viên đã nghỉ hưu thì tùy tình hình sức khoẻ và khả năng từng người mà giao công tác và định chế độ sinh hoạt Đảng cho phù hợp.

Mọi đảng viên dù trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ gìn phẩm chất, xây dựng mối quan hệ tốt với quần chúng, vận động, giải thích cho gia đình, quần chúng làm tròn

nghĩa vụ công dân, thực hiện tốt chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Đảng ủy phường có trách nhiệm tổ chức việc liên hệ công tác giữa chi uỷ, chi bộ đường phố với các "Nhóm đảng viên cùng phố", gồm những đảng viên và cán bộ, công nhân, nhân viên ở các cơ quan, đơn vị xí nghiệp, trường học do trung ương, tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị, v.v. quản lý, hiện cư trú ở phường được giới thiệu về liên hệ hoặc sinh hoạt với tổ chức đảng ở đường phố theo quy định của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 9: Xây dựng các đảng uỷ, chi uỷ:

Đảng uỷ, chi uỷ phải giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng, thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, phân công phụ trách, không ngừng tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng và chi bộ, chống chia rẽ bè phái, bản vị, cục bộ.

Những vấn đề nhất thiết phải đưa ra tập thể đảng uỷ, chi bộ, thảo luận và quyết định là: chương trình hành động của đảng uỷ, chi bộ trong nhiệm kỳ; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm, nhiệm vụ, chủ trương công tác sáu tháng, ba tháng của phường; kế hoạch thi hành các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của Trung ương và của cấp trên, nghị quyết của đại hội đảng bộ quyết định đột bạt, thi hành kỷ luật cán bộ thuộc diện đảng uỷ, chi bộ quản lý; các vấn đề mà Điều lệ Đảng và chỉ thị của cấp trên quy định hoặc đa số cấp uỷ viên yêu cầu phải đưa ra hội nghị toàn thể đảng uỷ (hoặc tập thể đảng uỷ, chi uỷ thông qua và ghi vào chương trình công tác).

Giữa hai kỳ hội nghị toàn thể, ban thường vụ thay mặt

đảng uỷ tiến hành mọi công tác của đảng uỷ; chuẩn bị các kỳ họp đảng uỷ, tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của đảng uỷ. Ban thường vụ báo cáo trước đảng uỷ về công việc đã làm trong các phiên họp thường kỳ của đảng uỷ.

Bí thư đảng uỷ (chi bộ) chủ trì công việc chung của đảng bộ, đảng uỷ và các kỳ họp của đảng uỷ và ban thường vụ; đề xuất chương trình và nám trọng tâm công tác từng thời gian, những khâu trọng yếu có tính chất quyết định tới việc hoàn thành nhiệm vụ của phường, trực tiếp nắm công an, quân sự; cùng phó bí thư chuẩn bị các kỳ họp của đảng uỷ, chi uỷ; chỉ đạo tốt việc phối hợp thống nhất các hoạt động giữa tổ chức chính quyền và các đoàn thể trong đơn vị; nắm chắc công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ.

Phó bí thư: thay mặt bí thư khi bí thư vắng và làm các nhiệm vụ được đảng uỷ phân công.

Các cấp uỷ viên phải tham gia sinh hoạt tập thể cấp uỷ đều đặn và có chuẩn bị chu đáo. Phải gương mẫu tham gia sinh hoạt chi bộ và nghiêm chỉnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết của cấp mình; trong công việc hằng ngày phải theo đúng cương vị công tác được giao trong bộ máy chính quyền chuyên môn, đoàn thể, để tiến hành công tác, không lấy danh nghĩa cấp uỷ nếu không được uỷ nhiệm.

IV- XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ TIẾN HÀNH CÔNG TÁC CÁN BỘ Ở PHƯỜNG

Điều 10: Nguyên tắc:

Đảng uỷ (ban thường vụ) chi uỷ (chi bộ) thực hiện

nguyên tắc tập thể trong công tác cán bộ, quyết định hoặc đề nghị lên cấp trên đềbat, thi hành kỷ luật đối với cán bộ chủ chốt của phường và các đơn vị trực thuộc theo đúng Điều lệ Đảng quy định về nguyên tắc, phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương và hướng dẫn của cấp trên. Lãnh đạo và thực hiện các mặt đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bố trí, đai ngộ đối với cán bộ theo đúng đường lối, chính sách và các quyết định của Đảng, Nhà nước và kiểm tra việc thực hiện.

Điều 11: Thẩm quyền cụ thể:

- Đảng uỷ, chi bộ phải có quy hoạch cán bộ của phường, trước hết là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt trong đảng uỷ, chi uỷ (bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ đảng uỷ), Ủy ban nhân dân (chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân), ban chấp hành các đoàn thể (bí thư, phó bí thư, ủy viên thường trực), các trưởng ban ngành, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ban quản trị hợp tác xã, tổ trưởng tổ dân phố.

Việc đềbat, thi hành kỷ luật, đánh giá cán bộ... đối với số cán bộ chủ chốt nói trên sẽ do tập thể đảng uỷ (hoặc ban thường vụ) hoặc chi bộ thảo luận và quyết định, hoặc đề nghị lên cấp trên theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và của cấp trên. Đối với cán bộ chính quyền, đoàn thể thì khi quyết định cần tôn trọng các thủ tục do Nhà nước hoặc do Điều lệ của đoàn thể quy định.

- Đối với cán bộ do các ngành cấp trên phái về công tác thường xuyên ở phường (như công an, phường đội, thương nghiệp, tài chính), cấp trên cần trực tiếp trao đổi trước với đảng uỷ và chủ tịch uỷ ban nhân dân để biết và góp ý kiến

nếu có; thường vụ đảng uỷ phường (hoặc chi bộ đương phố nơi cán bộ đó làm việc), phải phối hợp quản lý và có quyền nhận xét công tác phục vụ và phẩm chất của người cán bộ qua công tác và quan hệ người đó với quần chúng ở phường, kiến nghị với cơ quan quản lý cấp trên ý kiến của mình về việc đềbat, sử dụng, thi hành kỷ luật với người cán bộ đó.

V - ĐÓNG GÓP Ý KIẾN VỚI CẤP TRÊN

Điều 12: Đảng uỷ, chi bộ, chi uỷ thảo luận và tham gia ý kiến vào việc quyết định các vấn đề về đường lối, chính sách chung của Đảng; tổng hợp ý kiến, kinh nghiệm sáng tạo của cán bộ, đảng viên và quần chúng để phản ánh lên cấp trên theo Điều 35 (điểm 5) của Điều lệ Đảng.

Phân II

**VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ TRONG VIỆC THỰC HIỆN
CƠ CHẾ "ĐẢNG LÃNH ĐẠO, NHÂN DÂN LAO ĐỘNG
LÀM CHỦ TẬP THỂ, NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ" Ở PHƯỜNG**

Điều 13: Sự lãnh đạo của đảng uỷ (chi uỷ, chi bộ¹) đối với chính quyền, các đoàn thể, các tập thể lao động, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, v.v. trong phường:

- Đối với các tổ chức chính quyền (hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân) và Ban Chấp hành các đoàn thể Thanh niên,

1. Dưới đây gọi chung là đảng uỷ.

Phụ nữ, Mặt trận, đảng uỷ lãnh đạo trực tiếp và thông qua các đảng viên trong các tổ chức đó. Đối với các tổ dân phố, các đơn vị sản xuất, kinh doanh (như hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất), các đơn vị sự nghiệp như trường học, trạm xá, v.v. thì đảng uỷ lãnh đạo thông qua chi bộ hoặc các đảng viên ở tổ chức đó. Đối với công an phường, đảng uỷ thông qua trưởng công an phường để lãnh đạo công an phường thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch công tác an ninh, trật tự của đảng uỷ phường. Trưởng công an phường phải báo cáo với đảng uỷ về tình hình an ninh, trật tự và công tác của công an phường theo chế độ quy định.

- Mỗi đảng viên trong các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tập thể lao động ở phường phải làm công tác vận động, thuyết phục quần chúng ở các tổ chức đó và theo chức trách của mình, biến nghị quyết của đảng uỷ, chi bộ, chi uỷ thành quyết định và hành động cách mạng của quần chúng; phải nêu cao vai trò tiền phong gương mẫu trong việc thực hiện các quyết định của Đảng, chính quyền, đoàn thể. Tổ chức đảng cần lắng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng để kịp thời bổ sung, sửa chữa những điều xét thấy cần thiết trong các nghị quyết của mình.

Điều 14: Về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng đoàn thể dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ:

- Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng uỷ, các đoàn thể làm tròn trách nhiệm của mình theo chức năng, nhiệm vụ của từng đoàn thể để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và xây dựng đoàn thể mình vững mạnh.

Phải dựa vào các đoàn thể và bằng nhiều hình thức tổ chức và hoạt động thích hợp (như hội quần chúng, câu lạc bộ các loại, v.v.) tổ chức và phát động phong trào quần chúng làm chủ tập thể trên mọi lĩnh vực, thiết thực chăm lo đời sống và quyền lợi chính đáng của các tầng lớp quần chúng.

- *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh* phải coi trọng xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh, bảo đảm hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được Điều lệ Đoàn quy định và những nhiệm vụ chính trị mà đảng bộ, chi bộ phường giao cho.

Coi trọng giáo dục đoàn viên và thanh niên, thiếu nhi về chính trị, đạo đức; tập hợp các lực lượng thanh niên trong Hội Liên hiệp Thanh niên, tập hợp toàn bộ thiếu nhi vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh để giáo dục; phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở phường theo địa bàn dân cư.

Đoàn thường xuyên kiện toàn tổ chức, giới thiệu đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp vào Đảng; ra sức đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp những cán bộ trẻ, có năng lực, bổ sung vào các cấp lãnh đạo của tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể trong phường.

Các tổ chức đảng và chính quyền phải phát huy vai trò chính trị của Đoàn, quyền làm chủ của thanh niên trong quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. Đại diện của Đoàn được dự các cuộc họp để tham gia xem xét và bàn giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của từng đoàn viên, thanh thiếu niên trong phường. Đoàn phường chú trọng liên kết với Đoàn trường học, cơ quan, xí

nghiệp, hợp tác xã, tham gia xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội của phường; phát huy những hình thức hoạt động xung kích của tuổi trẻ trong sản xuất, phân phối lưu thông, an ninh, quốc phòng, và chăm sóc đời sống thanh niên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ phường: tập hợp chị em sản xuất, công tác và sinh hoạt ở phường; chăm lo giáo dục, vận động hội viên và chị em phụ nữ làm tốt nghĩa vụ của người công dân và người mẹ, tổ chức cuộc sống gia đình nuôi dạy con cái, xây dựng người phụ nữ mới, xây dựng gia đình văn hóa mới. Hội phải chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ, bảo vệ quyền lợi của chị em, đề đạt ý kiến, nguyện vọng của phụ nữ với đảng uỷ, uỷ ban nhân dân và giám sát hoạt động của cơ quan chính quyền theo quy định.

Hội coi trọng vận động chị em tham gia tích cực vào công tác hậu phương quân đội, công tác phân phối lưu thông, cải tạo tiểu thương, quản lý thị trường, phát triển kinh tế gia đình,...

- *Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc phường* vừa phải làm tốt chức năng phối hợp và thống nhất hành động giữa các đoàn thể, giữa mặt trận với chính quyền phường trong việc tuyên truyền, giải thích, động viên các tầng lớp nhân dân làm đúng chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, nhất là những người chưa tham gia đoàn thể nào, vừa trực tiếp vận động phụ lão, nhân sĩ trí thức, người theo đạo, tư sản, người Hoa (nếu có). Uỷ ban Mặt trận phối hợp các đoàn thể để tổ chức giới thiệu người ra ứng cử hội đồng nhân dân và tổ chức thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị phục vụ đời sống nhân dân, nhất là trong

công tác công an, tuyển quân, tuyển sinh, tuyển lao động và trong phân phối lưu thông.

- *Các tổ chức quần chúng khác* được thành lập theo chủ trương của Đảng và pháp luật Nhà nước, phải đi sâu tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức làm chủ tập thể của quần chúng, vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật và kế hoạch nhà nước và chăm lo đời sống vật chất và văn hoá, đáp ứng những lợi ích và nguyện vọng chính đáng của quần chúng.

Điều 15: Về trách nhiệm quản lý của chính quyền phường:

Dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ và sự giám sát của nhân dân, hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân phường phải thể hiện đầy đủ quyền lực quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong phường. Phải làm tốt chức trách quản lý hành chính, kinh tế, xã hội... của mình theo đúng Hiến pháp, pháp luật để thật sự xứng đáng là người đại diện của nhân dân trong phường, do dân, vì dân.

Đối với các nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp lớn đưa ra hội đồng nhân dân quyết định, đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân có trách nhiệm chuẩn bị và xin ý kiến của đảng uỷ (chi bộ). Nếu hội đồng nhân dân có ý kiến khác với ý kiến của đảng uỷ thì phải báo cáo với đảng uỷ (chi bộ) hoặc ban thường vụ đảng uỷ để xem xét lại và sửa đổi quyết định của mình nếu thấy ý kiến đó là đúng. Các đảng viên trong hội đồng nhân dân có trách nhiệm bằng lý lẽ giải thích để vận động thuyết phục các đại biểu, biến quyết định của đảng uỷ thành chủ trương, biện pháp của hội đồng nhân dân.

Uỷ ban nhân dân phường phải chủ động bàn biện pháp thi hành nghị quyết của hội đồng nhân dân. Các vấn đề quan trọng về chủ trương, vận dụng chính sách cần xin ý kiến của đảng uỷ. Các cơ quan giúp việc uỷ ban thường xuyên làm việc trực tiếp với thường trực uỷ ban, chấp hành các quyết định của uỷ ban. Từng thời gian đảng uỷ có thể nghe các tổ chức cần thiết báo cáo để kiểm tra và uốn nắn những việc làm trái với nghị quyết, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; đảng uỷ không quyết định các vấn đề cụ thể thay cho uỷ ban, nếu thấy có vấn đề cụ thể thuộc trách nhiệm của uỷ ban thì thông báo để uỷ ban giải quyết. Đối với công an phường, phường đội, đảng uỷ thường xuyên và trực tiếp chỉ đạo các vấn đề trọng yếu, cơ mật.

Quyết định của hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân phải được mọi công dân chấp hành; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong việc chấp hành.

- Uỷ ban nhân dân phường phải phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể và mặt trận trên các mặt công tác có liên quan và quan tâm *phát huy vai trò của các tổ chức có tính chất quần chúng tham gia quản lý Nhà nước*, quản lý xã hội như tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải, tổ thanh tra nhân dân, v.v. theo quy định của Nhà nước.

- *Tổ dân phố* là tổ chức mang tính chất quần chúng rộng rãi và là chân rết trong hệ thống tổ chức của chính quyền, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của uỷ ban nhân dân phường. Tổ dân phố là nơi nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của mình, mọi công việc liên quan đến đời sống và nghĩa vụ của công dân nói chung phải thông qua tổ dân phố để dân

hiểu, dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra, không biến tổ dân phố thành nơi đơn thuần để giao việc cho quần chúng.

Phân III

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC

Điều 16: Chế độ sinh hoạt:

Đảng uỷ họp thường lệ mỗi tháng một kỳ. Thường vụ đảng uỷ họp mỗi tháng hai kỳ. Chi bộ và tổ đảng sinh hoạt mỗi tháng một kỳ; chi uỷ mỗi tháng họp hai kỳ. Mọi kỳ sinh hoạt phải được chuẩn bị chu đáo.

- Hàng tháng thường trực đảng uỷ phải làm việc với các bí thư chi bộ để kiểm tra tình hình và chỉ đạo công tác.

Điều 17: Chế độ quản lý đảng viên và tổ chức đảng:

Đảng uỷ, chi uỷ thực hiện chế độ quản lý đảng viên về mọi mặt theo quy định của trung ương.

Mỗi đảng viên (trừ những đồng chí được miễn công tác) phải báo cáo với chi uỷ hoặc chi bộ kết quả thực hiện công tác được giao.

Mỗi năm một lần chi uỷ nhận xét đảng viên, đảng uỷ nhận xét chi bộ theo tiêu chuẩn "vững mạnh, trong sạch".

Điều 18: Chế độ tự phê bình và phê bình:

- Đảng uỷ, chi bộ thực hiện tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt thường xuyên của mình theo định kỳ sáu tháng, hàng năm, giáo dục đảng viên thành khẩn tự phê bình, tiếp thu phê bình và chỉ đạo, kiểm tra việc sửa chữa khuyết điểm.

Nghiêm cấm mọi hiện tượng lôi kéo, vây cánh, bày đặt khuyết điểm, tô vẽ ưu điểm không có cho người khác và mọi biểu hiện vi phạm tư cách đảng viên.

- Sáu tháng một lần, gắn với kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, đảng uỷ, chi uỷ tự phê bình và tổ chức việc phê bình từ dưới lên, lấy ý kiến quần chúng phê bình đảng viên, chi uỷ, đảng uỷ.

Điều 19: Chế độ báo cáo:

Đảng uỷ, chi uỷ phải chấp hành chế độ báo cáo thường kỳ hàng tháng, ba tháng, một năm và khi có việc quan trọng đột xuất với cấp uỷ cấp trên. Đảng uỷ định chế độ báo cáo cho các chi bộ, các đồng chí phụ trách cơ quan phường.

Báo cáo phải ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, trung thực; nói đúng ưu điểm, khuyết điểm, chỉ rõ nguyên nhân. Đảng uỷ phải có định kỳ thông báo tình hình chung và báo cáo công việc đã làm cho các chi bộ.

Phân IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20: Các đảng uỷ, chi uỷ và đảng viên ở phường phải nghiên cứu để quán triệt và tổ chức thực hiện bản quy chế này. Các cấp uỷ tỉnh, thành phố và cấp uỷ cấp trên của phường có trách nhiệm nghiên cứu, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện ở cơ sở. Các quy định trước đây khác với Quyết định này đều bãi bỏ.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng với các ban có liên

quan giúp Ban Bí thư Trung ương thống nhất quản lý việc thực hiện quy chế này.

Bản quy chế này được tạm thời ban hành để thực hiện; sau một năm, Ban Tổ chức Trung ương sẽ cùng với các cấp uỷ địa phương, các cơ quan có liên quan tổng kết việc thực hiện và đề nghị những bổ sung cần thiết.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 44-TT/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1985

**Về tổ chức kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng
Tháng Tám và Ngày thành lập nước
(19-8 và 2-9-1945 – 19-8 và 2-9-1985)**

Thi hành Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 17-2-1984 của Bộ Chính trị¹⁾ "Về tổ chức những ngày kỷ niệm lớn trong hai năm 1984-1985", Ban Bí thư quy định một số điểm cụ thể về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và Ngày thành lập nước (19-8 và 2-9-1945 – 19-8 và 2-9-1985) như sau:

1. Kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và Ngày thành lập nước là ngày lễ lớn nhất, kết thúc những ngày kỷ niệm lớn của nước ta trong hai năm 1984-1985, cần được tổ chức trọng thể, có tính quần chúng rộng rãi, có tác dụng thiết thực về giáo dục chính trị và thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện những nhiệm vụ trước mắt.

Từ nay đến ngày Quốc khánh 2-9, các tỉnh, thành phố cần chỉ đạo đợt tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về truyền thống cách mạng; biểu dương những thành tựu của nhân dân ta và những cống hiến của mỗi địa phương, đơn vị đối với sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 40 năm

1) Theo *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 45, trang 54 thì Nghị quyết số 17-NQ/TW là ngày 7-2-1984 (B.T).

qua; bồi dưỡng tinh thần phấn khởi cách mạng và ý thức trách nhiệm của mỗi người và mỗi đơn vị trước những nhiệm vụ mới, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban tổ chức những ngày kỷ niệm lớn của Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương sẽ hướng dẫn cụ thể công tác tuyên truyền về kỷ niệm 19-8 và 2-9.

2. Ngày Quốc khánh 2-9, tại Thủ đô Hà Nội tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể và duyệt binh, diễu hành quân chúng. Các tỉnh, thành phố khác trong cả nước tổ chức mít tinh kỷ niệm trọng thể, có thể mít tinh ngoài trời và diễu hành quân chúng để biểu dương khí thế cách mạng, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, nhưng không tổ chức diễu binh, duyệt binh, không bắn pháo hoa.

Những tỉnh vừa qua chưa làm lễ nhận Huân chương Sao Vàng sẽ tổ chức trong dịp lễ lớn này.

3. Các cấp, các ngành phải thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 62-CT/TW ngày 11-4-1985 của Ban Bí thư và Chỉ thị 40-CT/HĐBT ngày 24-1-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về tiết kiệm trong những ngày lễ lớn.

Các tỉnh, thành phố không mời các đoàn khách từ nước ngoài vào dự lễ và rất hạn chế mời khách trong nước. Các địa phương và các ngành không tổ chức chiêu đãi nhân ngày kỷ niệm này.

Các địa phương và các ngành cần rút kinh nghiệm tổ chức những ngày kỷ niệm vừa qua để chỉ đạo tốt hơn lễ kỷ niệm 19-8 và 2-9.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 65-CT/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1985

**Về việc tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ
sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế
thuỷ sản, nông - lâm - diêm nghiệp và ngành nghề
miền biển**

I

Miền biển nước ta bao gồm biển và ven biển là một trong những vùng chiến lược của cả nước về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, là vùng có tiềm năng to lớn cho sự phát triển lâu dài của đất nước và dân tộc ta. *Kinh tế biển, trong đó kinh tế thuỷ sản, giữ vị trí đặc biệt quan trọng*, với đặc trưng đa dạng, phong phú; chu kỳ sản xuất ngắn, hiệu quả nhanh và lớn. Ngoài giá trị kinh tế trực tiếp, miền biển còn chứa đựng khả năng phòng hộ, bồi tụ đất đai, bảo vệ môi sinh, cảnh quan, nghiên cứu khoa học. Ở miền biển, bên cạnh các ngành nghề trong ngư nghiệp và nông nghiệp, còn có nhiều khả năng phát triển tiểu thủ công nghiệp, công

nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, thương nghiệp, dịch vụ, du lịch...

Những năm qua thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng, vùng biển miền Bắc đã cơ bản tập hợp người dân, nông dân trong các hợp tác xã; ở miền Nam đang từng bước cải tạo và xây dựng nghề thủy sản. Từ năm 1981 đến nay, kinh tế miền biển có những tiến bộ, nhiều nhân tố mới đã xuất hiện, nhất là ngành thủy sản. Một số huyện ven biển đã tích cực và chủ động chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

Nhìn chung đời sống vật chất của nhân dân miền biển đã được cải thiện một phần, an ninh quốc phòng được củng cố, song tiềm năng to lớn và vị trí trọng yếu của miền biển chưa được phát huy. Lực lượng sản xuất phát triển chậm. Mặt nước và đất đai, lao động ven biển chưa được sử dụng tốt, tài nguyên biển chưa được khai thác hợp lý. Năng suất nuôi trồng và khai thác thủy sản, lâm - nông nghiệp còn thấp, tổ chức và quản lý của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất chưa ổn định và hiệu quả thấp. Đời sống văn hoá của nhân dân chậm được đổi mới, còn nhiều phong tục, tập quán lạc hậu.

Miền biển chưa thực sự trở thành vùng kinh tế chính trị, an ninh quốc phòng, văn hoá - xã hội vững mạnh. Kinh tế miền biển, đặc biệt là thuỷ sản, chưa thực sự trở thành một mũi nhọn góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Nguyên nhân của tình hình trên là:

1. Phương hướng sản xuất và cơ cấu kinh tế miền biển chưa được xác định hợp lý. Tuy có chú trọng thủy sản, nhưng

chỉ chú ý khai thác, còn xem nhẹ nuôi trồng; không kết hợp tổ chức sản xuất kinh doanh tổng hợp dưới biển trên bờ, trong từng ngành nghề, từng cơ sở, từng tàu thuyền, giữa thuỷ sản - nông - lâm - công - thương tín, xuất nhập khẩu.

2. Quan hệ sản xuất mới đã hình thành nhưng còn mang nặng hình thức, đơn điệu, gò bó, chưa thúc đẩy sản xuất phát triển. Tổ chức lại sản xuất các ngành nghề còn lúng túng.

3. Các chính sách đã ban hành chưa thực sự khuyến khích sản xuất và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội miền biển, nhất là chính sách đầu tư, giá cả, tín dụng, thuế...

II

1. Trên mặt trận nông nghiệp (ngư - nông - lâm - diêm), tiến hành công tác cải tạo và xây dựng phải nhằm đạt những yêu cầu sau:

- Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, để phát huy được tiềm năng to lớn về thủy sản, về nông nghiệp, về trồng rừng và xây dựng cuộc sống mới, xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền biển.

- Hình thành ngay từ đầu cơ cấu ngư - nông - công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến, bảo quản, vận tải và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong từng cơ sở sản xuất và trên địa bàn huyện.

- Phát huy cao độ phương hướng kinh doanh tổng hợp, trong đó lấy thuỷ sản làm chính, để sử dụng tốt lao động miền biển.

2. *Những nhiệm vụ chủ yếu đối với miền biển trong thời gian tới là:*

- a) Phát triển mạnh sản xuất thuỷ sản trên các mặt khai thác, nuôi trồng (tôm, cá, rau câu...), chế biến, vận tải, tiêu thụ. Tập trung các mặt hàng thủy sản có giá trị để xuất khẩu và cung cấp ngày càng nhiều nguồn đậm cho đời sống và chăn nuôi, nhất là các thành phố, và khu công nghiệp, các tỉnh miền núi, quân đội. Tận dụng tối đa đất đai để phát triển nông nghiệp, trồng rừng, làm muối.

- b) Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới thông qua nhiều hình thức, nhiều trình độ từ thấp đến cao, từ nhỏ lên lớn (tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã...) phù hợp với tình hình dân cư và yêu cầu của sản xuất, nhằm mục tiêu là đạt hiệu quả kinh tế cao.

- c) Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho miền biển, nhất là tàu thuyền, công cụ, nguyên liệu, nhiên liệu, cơ sở chế biến bảo quản, vận tải, các công trình phúc lợi công cộng.

- Tích cực áp dụng các thành tựu của cách mạng sinh học để phát triển ngư - nông - lâm nghiệp miền biển.

- d) Xây dựng các làng, xã các thị trấn ven biển, hải đảo có cuộc sống vật chất và văn hoá tươi vui lành mạnh; xoá bỏ mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu.

- e) Tăng cường an ninh, quốc phòng, làm cho miền biển thực sự trở thành tuyến vững chắc bảo vệ Tổ quốc.

- g) Xây dựng huyệns vững mạnh đủ sức chỉ đạo cơ sở thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trên. Xây dựng các cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tăng cường hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

3. Những chính sách và biện pháp:

a) Kết hợp các thành phần kinh tế và các lực lượng làm kinh tế miền biển.

Phát triển kinh tế tập thể (tập đoàn sản xuất, hợp tác xã...) với quy mô nhỏ và vừa phù hợp với trình độ quản lý và tính chất của từng ngành nghề. Đối với những hợp tác xã có quy mô lớn khó quản lý, hiệu quả kinh tế thấp, cần tổ chức lại cho phù hợp.

Trong các cơ sở kinh tế thuỷ sản, cần thực hiện rộng rãi khoán sản phẩm cuối cùng cho nhóm và người lao động, theo từng ngành nghề, từng tàu, thuyền, từng công cụ trong các tập đoàn sản xuất. Kết hợp phân phối theo lao động với trả hoa lợi, chia lãi theo cổ phần ngoài định mức.

Xây dựng các cơ sở quốc doanh một cách hợp lý, có trọng điểm, theo cơ cấu ngành nghề, ngư trường, thị trường, vùng kinh tế. Hết sức chú trọng các quốc doanh dịch vụ, cung ứng tư liệu cho sản xuất, đời sống và các quốc doanh bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đối với một số ngành nghề ở từng vùng không nhất thiết phải tập thể hoá thì để cho hộ cá thể sản xuất, kinh doanh dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước. Vận dụng tốt Chỉ thị 35-CT/TW về kinh tế gia đình ở miền biển. Gắn kinh tế quốc doanh với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình trong một cơ chế quản lý hợp lý thống nhất.

Đối với những tiểu chủ chưa tham gia các tổ chức kinh tế tập thể thì khuyến khích họ đưa vốn, tay nghề, công cụ hợp tác với lao động, trên nguyên tắc cùng có lợi, Nhà nước nắm sản phẩm thông qua hợp đồng kinh tế và điều tiết thu nhập bằng thuế. Ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức quốc doanh

hoặc tập thể, cần sử dụng các chủ vừa và tổ chức họ hợp doanh với Nhà nước và tập thể, chia lãi theo cổ phần và trả công theo lao động.

Cần huy động và có chính sách khuyến khích các lực lượng quân đội, công an làm kinh tế biển, như nuôi tôm, đánh cá, trồng rừng, chế biến, vận tải,... kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ miền biển và nội địa.

Có kế hoạch và chính sách thích hợp để huy động vốn, lao động, vật tư của các tỉnh, huyện, xã trong nội địa để khai thác kinh tế biển.

b) Trong các cơ sở quốc doanh và tập thể, cần tổ chức kết hợp kinh doanh tổng hợp ngư - lâm - nông nghiệp và ngành nghề. Trừ một số nơi, do điều kiện sản xuất cụ thể, cần tổ chức chuyên sản xuất thuỷ sản, còn nói chung thì *tổ chức kinh doanh tổng hợp*, cả dưới nước, trên bờ, trong từng cơ sở, từng gia đình.

Ở các ngư trường lớn, các vùng tôm lớn, trung ương cùng các địa phương và cơ sở tập trung lực lượng đánh bắt, nuôi trồng, khai thác theo mùa vụ và kế hoạch thống nhất. Tại đó cần xây dựng các căn cứ dịch vụ kỹ thuật, thương nghiệp, chế biến, vận tải... của quốc doanh và tập thể. Các vật tư chuyên ngành thủy sản do ngành chủ quản phụ trách.

Các địa phương, các cơ sở sản xuất cần có sự phối hợp chặt chẽ để khai thác hợp lý các nguồn cá, tôm, và các hải sản khác theo mùa vụ, nhằm đạt tổng sản lượng cao nhất. Nghiêm cấm việc chia cắt ngư trường ra theo từng tỉnh, từng vùng.

c) Trong cơ sở sản xuất tập thể thuỷ sản, áp dụng phương thức hạch toán, ăn chia theo ngành nghề, đóng góp các quỹ phúc lợi chung.

Thống nhất thu *một loại thuế* đối với khu vực đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Thống nhất hệ thống giá thu mua thủy sản và bán tư liệu sản xuất theo hợp đồng kinh tế. Cơ sở sản xuất và người sản xuất được tự do trao đổi các sản phẩm ngoài hợp đồng và vượt kế hoạch với các cơ sở sản xuất khác hoặc các cơ quan thương nghiệp và người tiêu dùng.

Có chính sách khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu thuỷ sản, giải quyết thoả đáng vấn đề phân phối lợi nhuận, kết hối và tỷ giá hối đoái theo hướng tăng thêm quyền sử dụng ngoại tệ và lợi nhuận cho địa phương và cơ sở.

Nghiên cứu và làm thử việc xây dựng quỹ dự trữ sản xuất, quỹ bảo hiểm của cơ sở, địa phương và ngành.

Nhà nước cần sớm ban hành luật bảo vệ quyền lợi, sinh vật biển. Tăng thêm vốn đầu tư của Nhà nước đồng thời với huy động vốn của nhân dân để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất và chế biến thuỷ sản và tổ chức phúc lợi cho nhân dân ở các làng, xã, thị trấn ven biển, các đảo.

Tích cực bồi dưỡng, đào tạo và có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý công tác ở miền biển. Trong việc đào tạo cán bộ, cần ưu tiên tuyển chọn những người có đủ điều kiện tại các địa phương miền biển.

*

* *

Các cấp uỷ đảng, các ngành và đoàn thể trung ương đặc biệt là các tỉnh, thành có biển, phải xem việc thực hiện Chỉ thị này là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên. Các tỉnh, huyện ven biển phải xây dựng ngay đề án cụ thể về phát triển kinh tế biển và cải tạo, củng cố quan hệ sản xuất xã hội

chủ nghĩa ở miền biển. Các ngành kinh tế, quốc phòng, nội vụ cần phối hợp để nghiên cứu giúp Hội đồng Bộ trưởng ban hành một số quy chế về xây dựng, cải tạo, bảo vệ kinh tế miền biển; Bộ Thuỷ sản cùng các ngành kinh tế ở trung ương cần kịp thời giải quyết những vấn đề còn vướng mắc giữa các địa phương trong việc khai thác, đánh bắt thuỷ sản.

Ban Nông nghiệp Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này phổ biến đến các đảng bộ cơ sở.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

5. Trường hợp xét có thể và cần chuyển những tài liệu thuộc các loại nói trên sang Kho Lưu trữ Viện Mác - Lê nin, phải có quyết định của Ban Bí thư.

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN KHÁNH

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 56-QĐ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985

**Những tài liệu lịch sử lưu trữ lâu dài tại
Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng**

Những tài liệu lịch sử sau đây được lưu trữ lâu dài tại Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng:

1. Toàn bộ biên bản các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Trung ương.
2. Những tài liệu về nhân sự cấp cao, bao gồm tài liệu của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Kiểm tra Trung ương và các hồ sơ khác có liên quan đến nhân sự cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước (các bản nhận xét cán bộ, các hồ sơ kỷ luật, đề bạt, các bản tự phê bình của các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng...).
3. Những tài liệu mật của Ban Đối ngoại, Ban Công tác giúp Lào, Ban lãnh đạo đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia và những biên bản hội đàm giữa Đảng ta với các đảng khác.
4. Các nghị quyết, chỉ thị, văn bản tuyệt mật (kể cả điện qua cơ yếu) về an ninh, quốc phòng, bảo vệ Đảng và kinh tế.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 60-TB/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985

**Về việc bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Linh
vào Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng
(khoá V)**

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) họp từ ngày 10-6-1985 đến ngày 17-6-1985 đã bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh làm Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Thông báo này phổ biến trong nội bộ đến các chi bộ đảng.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 67-CT/TW, ngày 22 tháng 6 năm 1985

**Về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế
khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người
lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn
sản xuất nông nghiệp¹**

I

Từ sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV), nhất là từ khi có Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư, quan hệ sản xuất mới ở nông thôn được củng cố và tăng cường một bước, công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ tiến triển tốt; sản xuất nông nghiệp phát triển, đời sống nông dân ổn định và có mặt được cải thiện; lương thực cung cấp cho Nhà nước và nông sản xuất khẩu tăng khá.

Cùng với việc thay đổi một số chính sách về sản xuất và

1. Dưới đây gọi tắt "khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động" là "khoán sản phẩm", gọi chung "hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp" là "hợp tác xã".

phân phối lưu thông, cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã đã phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của người lao động, trở thành một động lực thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác xã và nông dân tập thể nước ta tận dụng đất đai, lao động, các điều kiện vật chất - kỹ thuật sẵn có, tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để tăng nhanh sản lượng lương thực, nông sản, vật nuôi, chuyển dần sang sản xuất kinh doanh tổng hợp, mở rộng ngành nghề.

Quá trình thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã đồng thời cũng là quá trình từng bước cải tiến chế độ quản lý, đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hóa ở cơ sở; mặt khác có tác động đến công tác quản lý của Nhà nước, của cấp huyện đối với hợp tác xã theo hướng từng bước đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tuy vậy, hiện nay công tác quản lý kinh tế cũng như việc thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã còn những khuyết điểm quan trọng.

Nhiều hợp tác xã chưa tạo được cơ cấu sản xuất hợp lý để chuyên canh, thâm canh và kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao; chậm chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chưa áp dụng rộng rãi cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong tất cả ngành nghề sản xuất, kinh doanh trên cơ sở có định mức công bằng, hợp lý giữa các loại công việc và có các quy định cụ thể về khoán thích hợp với từng loại việc, từng ngành nghề.

Trong việc khoán sản phẩm cây lúa, việc phân công và hợp tác giữa các khâu trong quá trình sản xuất ở nhiều hợp

tác xã chưa hợp lý; nhiều nơi buông trôi chỉ đạo, nhất là các khâu dịch vụ - kỹ thuật đối với người nhận khoán; trong phân phối, phần dành cho các quỹ tái sản xuất mở rộng, phúc lợi và bảo hiểm của tập thể tăng chậm, chưa giải quyết tốt vấn đề xã viên nợ của hợp tác xã.

Ở nhiều nơi việc quản lý kinh tế và khoán sản phẩm trong hợp tác xã chưa gắn chặt với việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã và giáo dục nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của xã viên; nhiều hợp tác xã để cho một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết đã có bị hư hỏng.

Bộ máy quản lý của hợp tác xã cồng kềnh nặng nề, không phù hợp với cách thức quản lý mới, nhưng chưa được thay đổi.

Nhiều nơi chưa làm cho cấp huyện đủ sức phát huy mạnh mẽ tác dụng chỉ đạo và phục vụ việc củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, ngành nghề ở nông thôn. Một số chính sách của Nhà nước còn mang nặng tính tập trung quan liêu, bao cấp đã và đang làm ảnh hưởng đến việc chuyển công tác quản lý hợp tác xã sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Do những khuyết điểm trên, nhiều hợp tác xã chưa được củng cố và tăng cường đúng mức, sản xuất của các hợp tác xã chưa phát triển tương xứng với điều kiện kinh tế - xã hội sẵn có. Ở miền Bắc, thu nhập từ ngày công lao động theo kế hoạch của xã viên còn thấp, một bộ phận nông dân vẫn thiếu ăn, nhiều gia đình thương binh, liệt sĩ, neo đơn còn gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống.

II

Cần chuyển hẳn công tác quản lý hợp tác xã sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đi đôi với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện và sửa đổi một số chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã, nhằm đạt các yêu cầu sau đây:

a) Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của hợp tác xã và của xã viên, đẩy mạnh đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, sử dụng tốt hơn nữa lao động, đất đai, mặt nước, đồi rừng, ngành nghề và điều kiện vật chất - kỹ thuật sẵn có để tăng nhanh khối lượng lương thực, nông sản cho tiêu dùng trong nước và hàng hoá cho xuất khẩu.

b) Không ngừng củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn trên cả ba mặt quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối, làm cho hợp tác xã phát triển mạnh mẽ sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, kết hợp được hài hoà ba loại lợi ích (lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể, lợi ích của người lao động); đồng thời giúp đỡ xã viên phát triển kinh tế gia đình.

c) Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã, sử dụng tốt các cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có và đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

d) Tăng cường xây dựng huyện, làm cho cấp huyện thực sự có đủ sức trực tiếp chỉ đạo và phục vụ đắc lực các đơn vị cơ sở trên địa bàn huyện.

Để đạt các yêu cầu trên, cần thực hiện tốt những nội dung sau đây:

1. Xác định và thực hiện cơ cấu kinh tế đúng đắn

Các hợp tác xã thực hiện phương hướng chuyên canh, thâm canh đồng thời sản xuất, kinh doanh tổng hợp, xoá bỏ tình trạng độc canh, nhằm sử dụng tốt lao động, đất đai, ngành nghề và điều kiện vật chất - kỹ thuật sẵn có để tăng thêm việc làm cho xã viên, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và ngày càng đóng góp nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

2. Xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, thực sự chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa

Hợp tác xã phát huy đầy đủ quyền tự chủ của cơ sở, chủ động tính toán khả năng lao động, đất đai, ngành nghề mà xây dựng kế hoạch sản xuất, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng các chính sách của Nhà nước; làm tròn nghĩa vụ nộp thuế và thực hiện đầy đủ các hợp đồng kinh tế với Nhà nước và các tổ chức kinh tế khác.

Phải tăng cường quản lý đất đai và các tư liệu sản xuất chủ yếu của tập thể; thực hiện kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ, đề cao trách nhiệm của các đội sản xuất và người lao động trong việc thực hiện phương hướng sản xuất, quy trình kỹ thuật, sử dụng và bảo vệ tài sản chung của hợp tác xã.

Phải tính toán lại định mức kinh tế kỹ thuật, tính lại giá thành đầy đủ, nhằm sản xuất, kinh doanh có năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Cải tiến một bước việc kế hoạch hoá và hạch toán kinh tế theo ngành nghề, trong từng đội sản xuất và trong toàn hợp tác xã.

Trong phân phối, phải bảo đảm cho các quỹ tái sản xuất mở rộng, phúc lợi và bảo hiểm của hợp tác xã được tăng lên không ngừng một cách hợp lý; thực hiện phân phối cho xã viên theo hiệu quả sản xuất - kinh doanh của từng ngành, nghề, từng đội sản xuất và từng người lao động.

Riêng về lương thực, không thực hiện việc phân phối bình quân cho mọi loại ngày công, chỉ bảo đảm cho người lao động làm các ngành nghề khác theo yêu cầu, tính chất của từng loại lao động và khả năng lương thực của hợp tác xã, để người trực tiếp sản xuất lương thực được hưởng sản phẩm mình làm ra một cách thoả đáng hơn. Hợp tác xã và gia đình xã viên bán hầu hết lương thực hàng hoá cho Nhà nước với giá cả hợp lý dựa trên cơ sở có sự thoả thuận giữa đôi bên và thông qua phương thức mua bán thích hợp.

Để tăng vốn lưu động đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, các hợp tác xã có thể huy động vốn nhàn rỗi của xã viên với lãi suất hợp lý do tập thể quy định.

Ở những nơi đang ở trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, cần kết hợp giữa phân phối theo lao động với trả hoa lợi ruộng đất và chia lãi theo cổ phần ngoài định mức.

3. Hoàn thiện và mở rộng việc áp dụng cơ chế khoán sản phẩm

Mở rộng việc thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong tất cả các ngành trồng trọt, chăn nuôi (kể cả trồng rừng, nuôi trồng thuỷ sản), tiểu thủ công nghiệp trong hợp tác xã. Thực hiện hợp đồng giao khoán có thưởng phạt nghiêm chỉnh về vật chất cho đội và xã viên trong sản xuất cũng như trong bảo quản, sử dụng tư liệu sản xuất; làm tốt việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế giữa các đội, tổ chuyên khâu với

đội sản xuất cơ bản và gia đình xã viên để tăng cường bằng được chất lượng hoạt động của các đội, tổ chuyên khâu. Ban quản trị hợp tác xã, cán bộ đội sản xuất phải kiểm tra, nghiệm thu chặt chẽ nhằm làm cho mọi người, mọi tổ chức đều có trách nhiệm và quyền lợi cụ thể đối với sản phẩm cuối cùng, bảo đảm thu nhập hợp lý giữa mọi người lao động, giữa các ngành nghề trên cơ sở sức lao động đã bỏ ra.

Để khuyến khích mọi người an tâm sản xuất và mạnh dạn đầu tư thêm công sức, vật tư, vốn để vượt khoán, cần ổn định mức khoán. Trong ngành trồng trọt, nên ổn định khoán theo chu kỳ sinh trưởng đối với cây công nghiệp dài ngày và ổn định sản lượng khoán đối với các loại cây trồng ngắn ngày, chỉ điều chỉnh khi đã có thay đổi về các yếu tố sản xuất và đã bàn bạc với xã viên. Hợp tác xã phải nắm vững tinh thần chủ yếu và cung ứng kịp thời cho xã viên đúng kế hoạch giao khoán; mặt khác, khuyến khích, giúp đỡ và hợp tác xã với hộ xã viên¹⁾ làm phân chuồng, phân xanh, mua sắm thêm công cụ cầm tay, phát triển trâu bò cày kéo, nhằm thoả mãn nhu cầu về tư liệu sản xuất của tập thể và hộ xã viên.

Kiên quyết giảm nhẹ bộ máy và giảm công gián tiếp tối mức thấp nhất, loại bỏ mọi chi phí bất hợp lý và bất hợp lệ, tạo điều kiện nâng cao giá trị ngày công và đơn giá việc làm trong khoán.

Thực hiện chế độ thù lao cho cán bộ quản trị và cán bộ đội sản xuất theo mức thực hiện kế hoạch của hợp tác xã, của đội sản xuất và theo tỷ lệ các gia đình làm vượt khoán và giao nộp đủ, đúng thời gian sản phẩm giao khoán cho hợp tác xã và đội sản xuất.

1) Theo chúng tôi là hợp tác với hộ xã viên (B.T).

Trong việc điều hành các khâu trong quá trình sản xuất, cần vận dụng linh hoạt việc phân công, hợp tác giữa tập thể và cá nhân sát hợp với tình hình cụ thể từng hợp tác xã, từng cây, con, ngành nghề, theo nguyên tắc chung là tập thể phải quán xuyến điều hành (trực tiếp hay gián tiếp) toàn bộ các khâu. Ngay đối với cây lúa, tuỳ theo điều kiện cụ thể mà thực hiện sự phân công, hợp tác giữa tập thể và người lao động trong việc thực hiện các khâu canh tác cho thích hợp, không nhất thiết cứng nhắc ở đâu tập thể cũng làm nǎm khâu và xã viên làm ba khâu.

Phải khắc phục ngay hiện tượng hợp tác xã không tích cực tổ chức sử dụng tốt các yếu tố của quá trình sản xuất mà tập thể có và phải có để tác động đến quá trình sản xuất, bỏ mặc cho xã viên tự lo liệu lấy tất cả mọi thứ rồi nộp lại cho tập thể một số sản phẩm nhất định. Trong trường hợp hợp tác xã chưa có đủ điều kiện vật tư - kỹ thuật cần thiết để bảo đảm một số nhu cầu của quá trình sản xuất (như: khâu nước trong vùng không có công trình thuỷ lợi hoặc thiếu năng lượng; khâu giống trong trường hợp gấp thiên tai nặng, hợp tác xã không còn giống; khâu làm đất ở các hợp tác xã không có đủ sức kéo hoặc không thể thuê cày máy cày bừa kịp thời vụ...), thì phải phát huy tinh thần chủ động tự lo liệu của xã viên cùng hợp tác xã khắc phục khó khăn; hợp tác xã sẽ tính chi phí sản xuất và công lao động cho người nhận khoán.

Trong việc giải quyết vấn đề xã viên nợ sản phẩm, cần phân biệt những hộ xã viên thu hoạch không kém sản lượng khoán nhưng cố ý không giao nộp đủ mức nhận khoán và những hộ vì gặp thiên tai, khó khăn, sản xuất không bảo đảm mà không có đủ sản phẩm giao nộp, để có biện pháp xử lý sát đúng với từng trường hợp.

Nói chung, hợp tác xã không nên giao khoán ruộng cho các gia đình tính theo bình quân đầu người mà giao theo khả năng lao động và sở trường nghề nghiệp của từng người; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cụ thể những gia đình có khó khăn thực hiện đạt và vượt mức khoán; khi xảy ra thiên tai, cần nghiêm thu thiệt hại, thi hành miễn giảm công bằng và kịp thời.

4. Kết hợp chặt chẽ việc cải tiến quản lý kinh tế và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm với tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã

Trước hết chú trọng tăng cường những cơ sở vật chất - kỹ thuật có tác động trực tiếp và chi phối mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh, nhằm làm cho hợp tác xã điều hành chủ động được quá trình sản xuất và tạo ra năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao. Đặc biệt chú trọng máy móc làm đất và trâu bò cày kéo, các công trình tưới nước, cơ sở làm phân bón, cơ sở làm giống cây con, cơ sở bảo vệ thực vật, thú y, cơ sở chế biến, các phương tiện vận chuyển.

5. Củng cố hợp tác xã nông nghiệp về mặt tổ chức và phối hợp chặt chẽ hoạt động của các hợp tác xã sản xuất, mua bán, tín dụng ở nông thôn

Củng cố các đội và tổ chuyên khâu đủ mạnh về cán bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật. Đặc biệt, coi trọng tăng cường đội sản xuất cơ bản để bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch nhận khoán với hợp tác xã và chủ động khai thác tốt tiềm năng kinh tế trong đội. Củng cố ban quản trị hợp tác xã đủ sức điều hành công việc quản lý sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Đối với miền núi, thực hiện đúng Chỉ thị 56-CT/TW, và

đối với miền biển, thực hiện đúng Chỉ thị 65-CT/TW của Ban Bí thư.

Nhanh chóng chuyển hướng tổ chức và hoạt động của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng theo cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa; gắn chặt hoạt động giữa hai loại hợp tác xã nói trên với hợp tác xã sản xuất nông nghiệp để phục vụ tốt sản xuất và đời sống.

6. Tăng cường xây dựng huyện, làm cho cấp huyện có đủ sức chỉ đạo và phục vụ các hợp tác xã đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm, phát triển sản xuất nông nghiệp

Hoàn thành việc phân cấp cho huyện và chuyển toàn bộ các cơ quan làm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ của huyện sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy hợp đồng kinh tế - kỹ thuật (hợp đồng dịch vụ và bảo hiểm sản xuất, tiêu thụ sản phẩm) làm phương thức hoạt động nhằm gắn trách nhiệm và quyền lợi của các cơ quan này với kết quả sản xuất cuối cùng của hợp tác xã.

Kiện toàn và nâng cao chất lượng các cơ sở quốc doanh sản xuất, dịch vụ huyện để tác động kịp thời, có hiệu lực vào quá trình sản xuất, phân phối lưu thông của các đơn vị cơ sở. Đặc biệt chú trọng các khâu làm đất, tưới nước, giống cây, con, phòng trừ dịch bệnh, cung ứng tư liệu sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ.

Huyện cần tổ chức tốt sự hợp tác, liên kết kinh tế giữa các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện để kết hợp nông - công nghiệp ngay từ đầu và từng bước tạo ra nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa.

III

Để thực hiện tốt Chỉ thị này:

1. Bộ Nông nghiệp và các ngành, các cấp phải quán triệt chỉ thị, kiểm tra tình hình cải tiến quản lý kinh tế và thực hiện cơ chế khoán sản phẩm của các địa phương và các cơ sở; rút kinh nghiệm của những nơi làm tốt để phổ biến rộng rãi.

Các huyện uỷ và uỷ ban nhân dân huyện phải xem đây là công tác quan trọng thường xuyên, thực hiện kiểm tra chặt chẽ, sơ kết sau mỗi vụ sản xuất để kịp thời khắc phục khuyết điểm, uốn nắn lệch lạc và cổ vũ các điển hình, các nhân tố mới.

Rà soát lại đội ngũ cán bộ chỉ đạo và quản lý nông nghiệp tỉnh, huyện, đặc biệt là cán bộ cơ sở. Kiên quyết bố trí lại những cán bộ không thích ứng với cơ chế quản lý mới.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật cho hợp tác xã bằng nhiều phương thức thiết thực. Coi trọng tăng cường bố trí đúng và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đội sản xuất.

Có kỷ luật nghiêm minh với những đảng bộ, cán bộ, đảng viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng công tác quản lý hợp tác xã.

2. Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Nông nghiệp nghiên cứu biên soạn lại giáo trình quản lý hợp tác xã, đặc biệt là cơ chế khoán sản phẩm đối với các loại hình sản xuất kinh doanh ở các vùng khác nhau; tổng kết sớm mô hình hợp tác xã nông - công - thương - tín (bao gồm cả kinh doanh xuất nhập khẩu).

Ban Tổ chức Trung ương tăng cường công tác xây dựng cơ

sở đảng ở nông thôn trên cơ sở vận dụng các chỉ thị về nông thôn, nông nghiệp của Đảng, tạo ra sự chuyển biến mới về lãnh đạo sản xuất, kinh doanh của các đảng bộ nông thôn.

Các trường đảng, trường tuyên huấn và trường ngành phải bổ sung giáo trình về mặt quản lý kinh tế nông nghiệp và mở các lớp chuyên đề phục vụ triển khai Chỉ thị này.

3. Các ngành phải cải tiến tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nhằm phục vụ đắc lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tạo điều kiện cho các hợp tác xã xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt việc hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm.

Chỉ thị này được phổ biến rộng rãi trong Đảng và nhân dân.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Sáng ngày 20-6-1985, Ban Bí thư đã làm việc với Thường trực Thành uỷ Hà Nội về việc chuẩn bị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và xem xét một số đề nghị của Thành uỷ Hà Nội.

Xét thấy tình hình đòi hỏi phải giải quyết sớm và căn cứ vào sự chuẩn bị của thành phố, Ban Bí thư đồng ý để thành phố Hà Nội thực hiện nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương ở huyện điểm Mê Linh từ tháng 7 và mở rộng việc bù giá vào lương ra toàn thành phố từ tháng 8-1985 sau khi bàn bạc với các ngành có liên quan ở trung ương về các phương án cụ thể như Nghị quyết 8 của Trung ương quy định. Trong khi chờ đợi chủ trương chung, để giảm bớt khó khăn cho công nhân, viên chức và những người hưởng lương, Ban Bí thư chấp nhận đề nghị của Hà Nội tiếp tục phụ cấp thêm 15% trên khoản lương đã được bù giá.

Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban

THÔNG BÁO

Số 62-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 1985

**Ý kiến của Ban Bí thư về việc cho phép
thành phố Hà Nội thực hiện việc bù giá vào lương
cho người hưởng lương**

Chấp hành Trung ương ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa rất quan trọng. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định chỉ đạo điểm hai thành phố này. Số lượng công nhân, viên chức của các cơ quan, xí nghiệp trung ương trên địa bàn Hà Nội rất lớn. Vì vậy, ngoài trách nhiệm của thành phố, các ngành trung ương có trách nhiệm cùng thành phố thực hiện tốt nghị quyết của Trung ương theo đúng chức năng của từng ngành.

Ban Bí thư yêu cầu các ngành trung ương có liên quan ngay từ bây giờ cùng thành phố và giúp thành phố tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện bù giá vào lương, trước hết và quan trọng nhất là chuẩn bị về lương thực, hàng, tiền và tăng cường quản lý thị trường. Các bộ, các ngành trung ương phải cử cán bộ có thẩm quyền, có năng lực, thông suốt quan điểm, chủ trương, và có nhiệt tình về giúp thành phố xúc tiến các mặt công tác chuẩn bị, chỉ đạo tốt việc làm điểm ở Mê Linh, mở rộng việc bù giá vào lương ra toàn thành phố và thực hiện toàn diện nghị quyết Trung ương sau khi Nhà nước công bố các chủ trương, chính sách cụ thể.

Ban Bí thư phân công đồng chí Nguyễn Lam trực tiếp chỉ đạo Hà Nội thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương và giao cho Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các bộ, các ngành trung ương giúp thành phố chuẩn bị và thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương ngay từ điểm mở đầu Mê Linh cho đến khi triển khai xong về cơ bản việc tổ chức thực hiện Nghị quyết trên phạm vi toàn thành phố.

Cuối tháng 7-1985, Ban Bí thư sẽ cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng nghe Hà Nội, Ban Kinh tế Trung ương và các

ngành kinh tế, tài chính ở trung ương báo cáo để kiểm tra lại việc chuẩn bị trước khi Hà Nội mở rộng việc bù giá vào lương ra toàn thành phố.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 26-NQ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 1985

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên

Vận động thanh niên là một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng của Đảng. Làm tốt công tác thanh niên là bảo đảm sự kế tục và phát triển không ngừng của chế độ ta, bảo đảm hiện tại cũng như tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam. Qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta và Bác Hồ vĩ đại luôn coi trọng công tác thanh niên, chăm sóc, giáo dục và động viên thế hệ trẻ hăng hái đấu tranh góp phần quan trọng làm nên những thắng lợi lịch sử vẻ vang của đất nước.

Hiện nay, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cuộc đấu tranh giữa hai con đường để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" đang diễn ra gay gắt. Đất nước ta vừa có hoà bình, vừa phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn... câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác. Trên thế giới, cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ba dòng thác cách mạng

với chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, phản động đang diễn ra quyết liệt. Kẻ địch đang ra sức lôi kéo, đầu độc thanh niên.

Tình hình và nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi Đảng ta phải tăng cường lãnh đạo công tác thanh niên.

I - TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Thanh niên ta ngày nay lớn lên trong thời kỳ lịch sử vĩ đại của dân tộc, được Đảng và chế độ mới đào tạo, bồi dưỡng đã phát huy truyền thống anh hùng của dân tộc, có những cống hiến xuất sắc và trưởng thành nhanh chóng.

Trên mặt trận quốc phòng và an ninh, lớp lớp cán bộ, đoàn viên thanh niên đã nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng, ngoan cường, vượt mọi khó khăn, gian khổ, đánh thắng mọi kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và hăng hái thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả.

Trên mặt trận *lao động sản xuất*, xây dựng đất nước, với tinh thần "đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên", hàng chục triệu đoàn viên, thanh niên đang đi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Các tập thể và cá nhân tiên tiến phát triển ngày càng nhiều.

Trên mặt trận *văn hoá, giáo dục, khoa học, kỹ thuật*, đông đảo thanh niên đã hăng hái tham gia xây dựng cuộc sống mới, nền văn hoá mới, con người mới. Tuổi trẻ trong các trường học đã vượt qua nhiều khó khăn, cố gắng "dạy tốt, học tốt" và xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa. Trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật của thế hệ trẻ ngày nay đã được

nâng lên một bước. Nhiều tài năng trẻ trên các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và văn hoá, nghệ thuật đã góp phần làm rạng rỡ gương mặt của Tổ quốc ta.

Nhiều tấm gương tiêu biểu về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thế hệ trẻ Việt Nam đã xuất hiện trên các lĩnh vực, cả trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã có những cố gắng trong việc tổ chức, giáo dục, động viên thanh niên hăng hái thi đua thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Hình thức, phương pháp công tác vận động thanh niên có tiến bộ. Đảng đánh giá cao và biểu dương những cống hiến, thành tích của thanh niên và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới của cách mạng nước ta, trước tình hình và nhiệm vụ mới, bên cạnh những ưu điểm là cơ bản, trong thanh niên đang bộc lộ những mặt yếu kém sau đây:

Trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật của thanh niên nói chung còn thấp. Không ít thanh niên ta chưa xác định được đúng lý tưởng và mục tiêu phấn đấu; ý thức làm chủ tập thể xã hội, làm chủ bản thân còn kém; còn mơ hồ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường, dao động trước những khó khăn trước mắt của đất nước, chưa vững lòng tin vào lý tưởng cách mạng, ý chí phấn đấu giảm sút. Một số thanh niên trốn tránh nghĩa vụ đối với Tổ quốc, lười lao động và học tập, mê tín dị đoan, chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ, buông thả, sa đọa, vi phạm pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức đoàn ở cơ sở còn yếu, số lượng đoàn viên còn ít và chất lượng chưa cao. Nhiều thanh niên chưa được thu hút vào các tổ chức của Hội Liên hiệp Thanh niên. Đội ngũ cán bộ đoàn thiếu và yếu, chưa được lựa chọn và đào tạo tốt; nội dung, hình thức, phương pháp công tác đoàn chậm được đổi mới, bệnh quan liêu, hành chính còn phổ biến.

Có những nguyên nhân khách quan dẫn tới những mặt yếu kém nói trên, như: trong lúc đất nước đang ra sức khắc phục hậu quả của chiến tranh lâu dài thì lại phải đương đầu với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của bọn ... câu kết với đế quốc Mỹ; nền kinh tế nước ta còn những khó khăn lớn, mất cân đối nghiêm trọng; tàn dư tư tưởng văn hoá của xã hội cũ chưa bị quét sạch; kẻ thù đang tìm cách lôi kéo, đầu độc thanh niên nhằm thực hiện âm mưu cơ bản và lâu dài của chúng. Song chủ yếu là do công tác quản lý kinh tế - xã hội cũng như công tác tổ chức và tư tưởng của ta còn nhiều khuyết điểm. Nhiều cấp uỷ đảng và chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng chiến lược của công tác vận động thanh niên, cho nên coi thường và buông lỏng công tác này, mất cảnh giác với kẻ thù. Nhiều cán bộ, đảng viên thiếu ý thức trách nhiệm, có thái độ hẹp hòi, không đánh giá đúng bản chất của thanh niên, thường chỉ thấy mặt non kém của một số thanh niên, chưa coi trọng phát huy năng lực sáng tạo của thanh niên, chưa cố gắng đáp ứng những yêu cầu phát triển lành mạnh của tuổi trẻ. Đảng chưa chỉ đạo tốt sự phân công và phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản để chăm sóc và bồi dưỡng thế hệ trẻ; chưa phát huy đầy đủ vai trò chính trị của tổ chức đoàn. Nhiều cơ quan nhà nước chỉ nặng về động viên, sử dụng thanh niên mà coi

nhiệt tình, bồi dưỡng thanh niên. Những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất cũng như sự thiếu trách nhiệm của nhiều gia đình đã ảnh hưởng xấu đến công tác giáo dục thanh thiếu nhi.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC THANH NIÊN VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG THANH NIÊN

1. Phương hướng công tác thanh niên

Tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng, nâng cao trách nhiệm của hệ thống chuyên chính vô sản đối với công tác thanh niên.

Nâng cao lòng yêu nước và trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, làm cho thanh niên nhận thức đúng đắn về cuộc đấu tranh giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, giữa địch và ta; xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật và nâng cao thể lực, phát triển khả năng sáng tạo của tuổi trẻ.

Đẩy mạnh phong trào thanh niên làm chủ tập thể, xung kích thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, tiến hành ba cuộc cách mạng, sẵn sàng "đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân".

Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò chính trị của Đoàn, mở rộng việc tập hợp toàn bộ thanh niên vào các tổ chức cách mạng và các hình thức sinh hoạt xã hội phù hợp với tuổi trẻ.

Thông qua lao động, chiến đấu, học tập và hoạt động xã

hội mà đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ nước ta thành lớp người mới xã hội chủ nghĩa, kế tục trung thành và xuất sắc sụ nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

2. Nhiệm vụ công tác thanh niên

a) Giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tinh thần và năng lực làm chủ tập thể cho thế hệ trẻ

Giáo dục cho thanh niên lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thế giới quan Mác - Lênin, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của Đảng, làm cho thanh niên hiểu sâu sắc đường lối, nhiệm vụ cách mạng để xác định đúng và rõ lý tưởng phấn đấu, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước, thấy rõ hạnh phúc và hoài bão của thanh niên gắn liền với hạnh phúc của toàn dân, với tương lai của đất nước. Xây dựng cho thanh niên biết "sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Giáo dục, bồi dưỡng cho thanh niên trình độ văn hóa, chính trị, khoa học, kỹ thuật, lao động và nghề nghiệp, kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, trở thành lớp người lao động mới có kỹ thuật, có kỷ luật và năng suất lao động cao.

Rèn luyện lối sống và nếp sống xã hội chủ nghĩa trong sáng, lành mạnh, biết yêu lao động, ham tiến bộ, tôn trọng kỷ luật và pháp luật, biết tự trọng; làm chủ được bản thân, trung thực, khiêm tốn, giản dị; biết xử lý đúng đắn các mối quan hệ trong gia đình, ngoài xã hội, trong tình bạn, tình yêu và tình đồng chí; dũng cảm đấu tranh loại trừ lối sống lạc hậu, đồi bại.

b) *Tạo ra phong trào hành động cách mạng sôi nổi và rộng khắp trong thanh niên*

Trên mặt trận kinh tế:

Động viên thanh niên thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng nền kinh tế - xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đang tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá. Với sự hăng hái và nhạy bén của tuổi trẻ, thanh niên phải là người đi đầu trong việc thực hiện ba cuộc cách mạng đó. Phát huy tính chủ động của Đoàn, ủng hộ mọi sáng kiến của thanh niên trong việc tham gia cải tiến quản lý kinh tế, khắc phục bệnh quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; sáng tạo khoa học, kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nhằm đạt năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao.

Thanh niên, trước hết là thanh niên nông thôn, phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực; dẫn đầu thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, phát triển nông nghiệp toàn diện; hoàn thành cải tạo nông nghiệp ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước, ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp. Phát huy tinh thần chủ động và tích cực của thanh niên xây dựng 400 huyện thành pháo đài xã hội chủ nghĩa, tạo ra cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hợp lý, kết hợp kinh tế với quốc

phòng an ninh, kết hợp kinh tế với văn hoá xã hội; xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Thanh niên đi đầu trong phân bổ lại lao động, tổ chức lại sản xuất ở địa phương và trên quy mô cả nước. Mở rộng đội hình thanh niên xung phong, thu hút hàng triệu thanh niên đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, vùng núi phía bắc và tiến công ra biển,... tạo ra những vùng chuyên canh rộng lớn.

Trong sản xuất công nghiệp, thanh niên phải nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, sáng kiến và sáng chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước. Đặc biệt phát huy vai trò xung kích của thanh niên trong các ngành kinh tế trọng điểm: điện, than, dầu khí, cơ khí, hoá chất, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải... Tổ chức những đội lao động trẻ đi vào các khâu mới, khâu khó trong sản xuất, phát triển hình thức công trình thanh niên cộng sản, tổ đội sản xuất, xe, máy thanh niên. Khuyến khích thanh niên tham gia phát triển tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, kinh tế gia đình.

Thanh niên phải là lực lượng xung kích trên mặt trận phân phối lưu thông, phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, làm chủ thị trường, thông qua các hình thức phong phú và có hiệu quả để cải tạo thương nghiệp tư nhân. Giáo dục tinh thần phục vụ tận tụy, trung thực, công bằng và thái độ văn minh thương nghiệp cho mậu dịch viên trẻ. Phát triển các cửa hàng kiểu mẫu do thanh niên đảm nhiệm. Kiên quyết đấu tranh chống tệ cửa quyền, tham ô, móc ngoặc, đầu cơ, buôn lậu.

Trên mặt trận quốc phòng và an ninh:

Giáo dục cho thanh niên nhận rõ âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù; phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc. Chuẩn bị cho tuổi trẻ ở mọi địa bàn, đơn vị sản xuất và công tác, trong nhà trường về ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, ý thức tổ chức, kỷ luật, kỹ thuật quân sự phổ thông, sức khoẻ và khả năng thích ứng với đời sống chiến sĩ. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng đối với thanh niên trong lực lượng vũ trang, phát huy chức năng của quân đội nhân dân là một trường học lớn để rèn luyện các thế hệ trẻ thành những con người mới xã hội chủ nghĩa vừa đánh giặc giỏi, vừa sản xuất tốt. Thanh niên trong quân đội phải có ý chí chiến đấu cao, kỹ thuật giỏi, lao động tốt, kỷ luật nghiêm, nếp sống lành mạnh, phát huy truyền thống tốt đẹp anh "bộ đội Cụ Hồ".

Đẩy mạnh công tác hậu phương quân đội, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, mở rộng phong trào "Vì tuyến đầu Tổ quốc", "Vì điểm tựa tiền tiêu". Tổ chức tốt việc đón nhận và sắp xếp việc làm cho bộ đội xuất ngũ.

Thanh niên là lực lượng đi đầu đập tan các thủ đoạn chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, bảo vệ những thành quả cách mạng và bảo đảm sự phát triển lành mạnh của tuổi trẻ. Đẩy mạnh cuộc vận động học tập và thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân. Phát triển mạng lưới các đội thanh niên xung kích an ninh, thanh niên kiểm tra ở cơ sở.

Ngành công an và các cơ quan, các đoàn thể có liên quan cần phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên tiến hành tốt công tác giáo dục thanh thiếu niên chậm tiến; chấn chỉnh các

trường, trại, tổ chức lao động, học tập và sinh hoạt tập thể nhằm cải tạo số thanh niên, thiếu niên phạm pháp trở thành những người có ích cho xã hội.

Trên mặt trận văn hoá xã hội:

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục lao động và hướng nghiệp trong các trường phổ thông. Tích cực bồi dưỡng nghề nghiệp cho công nhân trẻ. Phát triển phong trào bổ túc văn hoá trong thanh niên, đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt", xây dựng "tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa".

Đề cao vị trí và trách nhiệm của tổ chức đoàn, đội trong nhà trường. Chăm sóc, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các ngành và các cấp học, nhất là cán bộ quản lý và giáo viên chính trị, làm cho mỗi trường học là một trung tâm giáo dục thế hệ trẻ, mỗi giáo viên là một cán bộ vận động thanh niên.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch, nhằm đáp ứng sinh hoạt tinh thần và nâng cao thể lực của tuổi trẻ, góp phần phục vụ công cuộc lao động, sản xuất và chiến đấu, rèn luyện con người mới. Động viên thanh niên đi đầu trong cuộc đấu tranh xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, xoá bỏ mọi tàn dư của văn hoá lạc hậu, mê tín dị đoan, quét sạch văn hoá phản động và đồi trụy.

c) Chăm lo lợi ích của thanh niên

Đi đôi với việc động viên thanh niên cống hiến ngày càng nhiều cho sự nghiệp cách mạng, các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể phải chú ý đến lợi ích chính đáng của thanh niên.

Cần đặt vấn đề chăm lo lợi ích của thanh niên trong kế hoạch kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", từng bước mở rộng và phát triển những cơ sở vật chất cần thiết phục vụ cho các nhu cầu hoạt động giáo dục thanh thiếu nhi.

Các ngành, các cấp cần có kế hoạch tích cực giải quyết việc làm cho thanh niên, trước hết là những người đã được đào tạo và bộ đội xuất ngũ. Phát triển các trường vừa học vừa làm, các trung tâm dạy nghề, khai thác mọi khả năng của địa phương và cơ sở sản xuất để mở rộng ngành nghề thu hút lao động trẻ.

Nhà nước cần ban hành những chính sách cụ thể về các vấn đề thiết thân của tuổi trẻ, bảo đảm quyền làm chủ tập thể trên các lĩnh vực hoạt động xã hội, quyền của thanh niên tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

d) *Chăm sóc thiếu niên, nhi đồng*

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và ngành giáo dục phải làm tốt hơn nữa công tác xây dựng Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh, đưa toàn bộ thiếu nhi vào Đội. Nâng cao chất lượng giáo dục của tổ chức đội, rèn luyện các em trở thành "cháu ngoan Bác Hồ", bồi dưỡng số thiếu niên hết tuổi đội trở thành đoàn viên thanh niên cộng sản. Đẩy mạnh các hoạt động của Đội trong và ngoài nhà trường, phát triển hình thức kết nghĩa giữa trường học với các cơ sở sản xuất, đơn vị bộ đội, công an. Các trường sư phạm có trách nhiệm bồi dưỡng công tác đoàn - đội cho giáo sinh. Chú trọng đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tổng phụ trách đội và có chính sách thoả đáng đối với số cán bộ này.

Tăng cường chỉ đạo việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; đặc biệt coi trọng phối hợp giữa gia đình, nhà trường, đoàn thể và xã hội để làm tốt công tác này. Các ngành, các cấp ưu tiên dành những cơ sở vật chất tốt cho thiếu nhi học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập thể và vui chơi, giải trí.

đ) Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại của thanh niên

Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa thanh niên ta với thanh niên Liên Xô, Lào, Campuchia và thanh niên các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác; tăng cường quan hệ hữu nghị với thanh niên các nước Đông Nam Á; đoàn kết chặt chẽ với thanh niên dân chủ, tiến bộ trên thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, ... và các thế lực phản động quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vì tương lai tươi sáng của tuổi trẻ.

Tăng cường phối hợp hành động với thanh niên và nhân dân thế giới, nhằm đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống các thế lực hiếu chiến và phản động do Mỹ cầm đầu; chống những âm mưu của chúng nhằm phá hoại, chia rẽ phong trào cách mạng, phong trào thanh niên dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Ra sức tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của thanh niên và nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

III - TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của phong trào thanh niên.

1. Các cấp ủy đảng trực tiếp chăm lo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để Đoàn thật sự là đội quân xung kích cách mạng, là đội dự bị chiến đấu của Đảng, là trường học cộng sản chủ nghĩa của thanh niên, đại diện cho lợi ích và quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ, phát huy vai trò của Đoàn tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh.

Cần có kế hoạch và biện pháp xây dựng, củng cố các cơ sở đoàn vững mạnh, trước hết cần lãnh đạo tổ chức đoàn tiến hành tốt việc nâng cao chất lượng đoàn viên, thu hẹp và không để còn cơ sở yếu kém.

Lựa chọn, bồi dưỡng những thanh niên tiên tiến kết nạp vào Đoàn, tăng nhanh số lượng đoàn viên, nhất là ở các địa bàn xung yếu; bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu kết nạp vào Đảng, góp ý kiến phê bình đảng viên và sự lãnh đạo của Đảng.

Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. Đoàn kết, tập hợp nam nữ thanh niên vào các loại hình hoạt động ở cơ sở do Đoàn tổ chức.

Việc xây dựng Đoàn vững mạnh đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ đoàn hăng hái, nhiệt tình, có khả năng nắm vững và vận dụng đường lối, chính sách của Đảng vào công tác đoàn, được quần chúng trẻ tuổi tin yêu, mến phục. Cần chú ý vai trò của bí thư đoàn các cấp.

Ban tổ chức các cấp phải có quy hoạch lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo và luân chuyển cán bộ đoàn để vừa làm tốt việc xây dựng bộ máy của Đoàn, vừa tăng cường lực lượng

cán bộ trẻ cho Đảng và cho các ngành. Các trường đảng cần có chương trình giảng dạy về công tác thanh niên và dành một tỷ lệ thích đáng để đào tạo cán bộ cho Đoàn. Xây dựng hệ thống trường đoàn các cấp, nâng cao chất lượng, đào tạo của trường đoàn cao cấp ở trung ương, trường đoàn trung cấp ở tỉnh và trường đoàn sơ cấp ở huyện. Sớm có chính sách đối với cán bộ đoàn, tạo điều kiện để có nhiều cán bộ ưu tú làm công tác thanh niên. Lập Viện nghiên cứu thanh niên trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đoàn để tổ chức và phối hợp với các cơ quan khoa học, giáo dục nghiên cứu công tác thanh niên.

2. Nhà nước coi công tác thanh niên là một bộ phận quan trọng của chiến lược kinh tế - xã hội. Trong các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn cần có nội dung, biện pháp và có sự đầu tư thích đáng cho công tác này. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành lao động, tài chính, kinh tế... ban hành các chế độ, chính sách để phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên trong lao động sản xuất, quản lý kinh tế, nâng cao trình độ nghề nghiệp và chăm lo lợi ích của lao động trẻ. Đặc biệt tích cực giải quyết việc làm cho thanh niên đến tuổi lao động. Các ngành giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao, y tế... phải chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng, đồng thời đáp ứng những nhu cầu về học tập, nâng cao sức khoẻ, sinh hoạt văn hoá cho tuổi trẻ. Ban hành Luật Thanh niên để bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của tuổi trẻ.

Trong Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp phải có tỷ lệ thích đáng số đại biểu thanh niên. Các cuộc họp của Hội đồng Bộ trưởng và Uỷ ban nhân dân các cấp có bí thư của Đoàn Thanh niên tham gia. Cần có đại diện của Đoàn trong

các hội đồng có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của tuổi trẻ, như các hội đồng thi đua, tuyển quân, tuyển sinh...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Công đoàn, Phụ nữ, Nông dân tập thể... coi công tác thanh niên là một nhiệm vụ quan trọng để xây dựng và phát triển tổ chức của mình. Các trường học, tập thể lao động, tổ chức xã hội, đặc biệt là gia đình, có trách nhiệm lớn trong việc đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Các đồng chí lão thành cách mạng, các anh hùng, nhà giáo dục, nhà khoa học, văn nghệ sĩ..., bằng trí tuệ, kinh nghiệm, trách nhiệm, tình cảm và uy tín của mình, tích cực tham gia vào sự nghiệp giáo dục thanh thiếu nhi.

3. Xây dựng chế độ và nền nếp lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên

Các cấp uỷ đảng đưa công tác thanh niên vào chương trình công tác thường xuyên của mình, lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, các đoàn thể thực hiện có kết quả. Ban thường vụ cấp uỷ cần có chế độ định kỳ làm việc tập thể với Ban Chấp hành Đoàn. Từng thời gian, tổ chức đảng các cấp mở hội nghị bàn và ra những nghị quyết cần thiết về công tác thanh niên. Cần chọn những cán bộ trẻ tuổi có phẩm chất và năng lực được thử thách qua phong trào cách mạng của quần chúng thanh niên, thật sự được thanh niên quý mến, tin cậy làm bí thư đoàn, tích cực bồi dưỡng để có đủ điều kiện đưa vào cấp uỷ.

Mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm nêu gương cho tuổi trẻ noi theo, đi sâu, đi sát, lắng nghe ý kiến, bàn bạc và giải đáp những vấn đề đặt ra trong cuộc sống của thanh niên. Đảng viên ở độ tuổi thanh niên phải tham gia sinh hoạt đoàn và làm tốt nhiệm vụ đoàn viên, phải là đoàn viên tiên tiến.

4. Thường xuyên rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ khoa học và hiệu quả của phương pháp vận động thanh niên.
Chú trọng những điểm như sau:

Phong trào thanh niên phải có mục tiêu cụ thể đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng và quyền lợi chính đáng của tuổi trẻ, có khẩu hiệu hành động và hình thức tổ chức thích hợp. Động viên thanh niên thực hiện những nhiệm vụ quan trọng nhằm vào những việc khó, việc mới. Sử dụng các hình thức như công trình thanh niên cộng sản, đội thanh niên xung phong, đội thanh niên xung kích, tổ, đội sản xuất thanh niên, xây dựng tập thể thanh niên xã hội chủ nghĩa, phong trào tuổi trẻ sáng tạo, luyện tay nghề, thi thợ giỏi...

Xây dựng và nhân điển hình tập thể và cá nhân, nêu gương người tốt, việc tốt. Động viên phong trào vươn lên không ngừng theo gương các điển hình tiên tiến.

Liên kết, phối hợp các lực lượng giáo dục thanh niên. Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, cơ sở sản xuất và xã hội, tạo môi trường tốt để thanh niên phát triển lành mạnh. Sử dụng đồng bộ các phương tiện thông tin đại chúng nâng cao chất lượng giáo dục thanh thiếu nhi. Phát triển những hình thức tuyên truyền, giáo dục thích hợp với tuổi trẻ, như diễn đàn, đối thoại, tìm hiểu lịch sử và truyền thống, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao...

Tập hợp thanh niên một cách rộng rãi bằng nhiều loại hình tổ chức linh hoạt khác nhau theo đối tượng, nghề nghiệp, nhu cầu và sở thích để làm những việc có ích cho xã hội và cho tuổi trẻ. Chú ý thích đáng những đặc điểm của nữ thanh niên, của thanh niên các dân tộc, các tôn giáo, thanh

niên quân đội, thanh niên học sinh, thanh niên các vùng khác nhau của đất nước.

Khuyến khích tinh thần và vật chất. Kết hợp chặt chẽ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, sử dụng và bồi dưỡng, đánh giá công bằng, biểu dương khen thưởng kịp thời những thành tích, tiến bộ nhằm phát huy lòng hăng hái và nhiệt tình cách mạng của tuổi trẻ.

*
* * *

Ban Bí thư Trung ương Đảng sẽ có chỉ thị hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này. Hội đồng Bộ trưởng sẽ có văn bản về những chủ trương và biện pháp nhằm phát huy tác dụng của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỞNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Đảng lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất, toàn diện các lực lượng vũ trang, không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân của quân đội, làm cho quân đội trung thành vô hạn với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân lao động, nội bộ đoàn kết keo sơn, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 15-12-1982¹⁾ về

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.762 (B.T).

đổi mới, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, sự nghiệp quốc phòng và thực hiện chế độ một người chỉ huy trong quân đội.

Qua một thời gian thực hiện, Bộ Chính trị xác định những vấn đề cơ bản để tiếp tục kiện toàn cơ chế lãnh đạo của Đảng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc của Đảng trong mọi tình huống, giữ vững nguyên tắc lãnh đạo tập thể, phát huy cao độ trách nhiệm của người chỉ huy và hiệu lực công tác đảng - công tác chính trị, không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội. Bộ Chính trị xác định những vấn đề cơ bản sau đây:

**I- NHỮNG NGUYÊN TẮC CHỦ YẾU TRONG CƠ CHẾ
LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VIỆT NAM**

1. Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên và trực tiếp là Bộ Chính trị lãnh đạo trực tiếp, tập trung, thống nhất về mọi mặt Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo hệ thống dọc từ cơ sở lên đến toàn quân.

Bộ Chính trị chỉ định Đảng ủy Quân sự Trung ương để lãnh đạo mọi mặt công tác trong quân đội theo sự ủy nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Chấp hành đảng bộ các cấp do bầu cử dân chủ, trong trường hợp đặc biệt thì do cấp trên chỉ định.

3. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng phải thực hiện đúng nguyên tắc lãnh đạo tập thể. Lãnh đạo tập thể phải đi

đối với phân công cá nhân phụ trách, phát huy tinh thần trách nhiệm cá nhân.

4. Trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo vững chắc, xuyên suốt của các tổ chức đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy ở tất cả các cấp trong quân đội.

5. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác đảng - công tác chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

II- ỦY BAN QUỐC PHÒNG CỦA ĐẢNG

Ủy ban Quốc phòng của Đảng là cơ quan thường trực của Bộ Chính trị về công tác quân sự và quốc phòng. Ủy ban Quốc phòng có chức năng giúp Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị lãnh đạo chặt chẽ công cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và chỉ đạo tiến hành thắng lợi chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Ủy ban có nhiệm vụ:

- Giúp Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cụ thể hóa các vấn đề về đường lối và nhiệm vụ quân sự.
- Giải quyết những vấn đề lớn về quốc phòng để thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Các quyết định của Ủy ban Quốc phòng sẽ được thể chế hóa thành lệnh của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, hoặc nghị định, chỉ thị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và phổ biến cho các bộ, các ngành, các địa phương có liên quan để chấp

hành. Những vấn đề trong phạm vi quân đội thì do Bộ trưởng Quốc phòng tổ chức thực hiện.

Ủy ban Quốc phòng của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư làm Chủ tịch.

Ủy ban sinh hoạt theo định kỳ và bất thường khi cần thiết.

III- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM, NHIỆM VỤ CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG

Toàn quân có *Đảng ủy Quân sự Trung ương* do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp lãnh đạo.

Đảng ủy Quân sự Trung ương có hai chức năng chủ yếu:

- *Nghiên cứu và đề đạt với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị* những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội, xây dựng thế trận và hậu phương chiến lược của chiến tranh nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng. *Đề đạt với Ủy ban Quốc phòng* những nội dung và biện pháp lớn để thực hiện các chủ trương trên. *Đề đạt với Ban Bí thư* những vấn đề lớn về xây dựng Đảng, về công tác đảng - công tác chính trị, các chế độ, chính sách đối với lực lượng vũ trang và công tác quân sự địa phương.

- *Lãnh đạo toàn quân* chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự và các nhiệm vụ khác của Đảng và Nhà nước giao cho; xây dựng đảng bộ quân đội vững mạnh, có sức chiến đấu cao.

Đảng ủy Quân sự Trung ương, do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác trong quân đội. Ban Thường vụ có năm đồng chí, gồm bí thư, một hoặc hai phó bí thư và các ủy viên.

2. *Đảng ủy các cấp* có trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các đơn vị thuộc quyền theo phạm vi chức năng và nội dung quy định cho từng cấp.

Đảng ủy thảo luận để quán triệt các nhiệm vụ do cấp trên giao, đánh giá tình hình đơn vị về mọi mặt và ra nghị quyết về chủ trương và biện pháp lãnh đạo để chấp hành tốt nhiệm vụ.

Đảng ủy căn cứ vào nhiệm vụ cấp trên giao, tình hình đơn vị và đặc điểm chiến trường, thông qua quyết tâm tác chiến của người chỉ huy và xác định các biện pháp lớn để giành thắng lợi.

Đảng ủy giám sát, kiểm tra các tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên, cán bộ, cơ quan thực hiện nhiệm vụ theo đúng đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước, nghị quyết, mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết của cấp mình; xây dựng đảng ủy các cấp có năng lực lãnh đạo toàn diện, có sức chiến đấu cao, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Đảng ủy quân khu, đi đôi với chức năng lãnh đạo toàn diện các đơn vị quân đội thuộc quyền, còn có chức năng chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn quân khu. Các cấp ủy địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy quân khu về công tác quân sự địa phương.

Thành phần của Đảng ủy quân khu, ngoài các đồng chí

là đảng viên, cán bộ công tác trong quân khu, còn có các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu ủy trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu tham gia.

3. Tổ chức cơ sở của Đảng được thành lập ở trung đoàn và đơn vị tương đương; ở các tiểu đoàn và đại đội độc lập thuộc cấp sư đoàn trở lên; ở các hệ, tiểu đoàn, đại đội học viên trong các học viện và trường sĩ quan; ở các bệnh viện và xí nghiệp quốc phòng... Những trường hợp khác do Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định.

Các bí thư đảng ủy cơ sở là những đồng chí kiêm chức. Riêng Đảng ủy xí nghiệp quốc phòng có bí thư chuyên trách.

4. Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng thành lập theo đúng các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, hoạt động dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, đồng thời chịu sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự, sự hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên.

IV- CHẾ ĐỘ MỘT NGƯỜI CHỈ HUY là một nguyên tắc tổ chức của quân đội. Chế độ một người chỉ huy được thực hiện ở tất cả các cấp trong quân đội trên cơ sở sự lãnh đạo vững chắc, xuyên suốt của các tổ chức đảng.

Người chỉ huy được Đảng và Nhà nước giao cho những quyền hạn đầy đủ trong phạm vi chức trách và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đảng, Nhà nước, người chỉ huy cấp trên và đảng ủy cấp mình về tình hình và kết quả chấp hành nhiệm vụ mọi mặt của đơn vị: chiến đấu, công tác, xây dựng, kỷ luật, quản lý bộ đội chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Người chỉ huy hoạt động trong mối quan

hệ tổ chức gắn bó với đảng ủy cấp mình, kịp thời báo cáo với đảng ủy về các nhiệm vụ cấp trên giao, về ý định chấp hành của mình và đề xuất các chủ trương, biện pháp lãnh đạo để đảng ủy quyết định. Người chỉ huy có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết lãnh đạo của đảng ủy trên cương vị công tác của mình, ra các mệnh lệnh, chỉ thị khi cần thiết và kiểm tra, đôn đốc chấp hành tốt nhiệm vụ. Khi có tình huống khẩn trương, người chỉ huy phải chủ động quyết đoán, xử trí kịp thời để hoàn thành nhiệm vụ thắng lợi, sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với đảng ủy.

Người chỉ huy đơn vị bộ đội chủ lực phải tôn trọng và giữ mối quan hệ chặt chẽ với đảng bộ, chính quyền địa phương nơi đóng quân.

Người chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội biên phòng, thực hiện nhiệm vụ dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, đảng ủy cấp mình và sự chỉ huy của cơ quan quân sự cấp trên.

V- CÔNG TÁC ĐẢNG - CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG QUÂN ĐỘI là một bộ phận rất quan trọng của những hoạt động của Đảng nhằm lãnh đạo các lực lượng vũ trang trung thành vô hạn với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với nhân dân, với lý tưởng của Đảng, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

Tiến hành công tác đảng - công tác chính trị là một nguyên tắc trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng.

Công tác đảng - công tác chính trị trong quân đội phải bám chắc yêu cầu, nhiệm vụ chính trị và quân sự, gắn chặt

với công tác quân sự, công tác khoa học, kỹ thuật và công tác hậu cần.

Hệ thống cơ quan chính trị và cán bộ chính trị trong quân đội gồm có:

- Tổng cục Chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác đảng - công tác chính trị của toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Quân sự Trung ương, đồng thời dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng và sự hướng dẫn của Ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Quân khu, quân chủng, quân đoàn và đơn vị tương đương có cục chính trị; binh chủng, sư đoàn, lữ đoàn và đơn vị tương đương có phòng chính trị; trung đoàn và đơn vị tương đương có ban chính trị. Người phụ trách cơ quan chính trị là chủ nhiệm chính trị. Cơ quan chính trị các cấp tiến hành công tác đảng - công tác chính trị dưới sự lãnh đạo của đảng ủy cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Về mặt công tác chính trị, cơ quan chính trị còn chịu sự chỉ đạo trực tiếp của người chỉ huy cấp mình. Phó tư lệnh hoặc phó chỉ huy về chính trị kiêm nhiệm chức chủ nhiệm chính trị.

Cơ quan chính trị quân khu còn có nhiệm vụ chỉ đạo công tác đảng - công tác chính trị đối với lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội biên phòng.

- Ở tiểu đoàn, đại đội và đơn vị tương đương có phó chỉ huy về chính trị.

*

* * *

Nghị quyết này quy định những vấn đề cơ bản của việc tiếp tục kiện toàn cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam và sự nghiệp quốc phòng.

Ban Bí thư Trung ương Đảng sẽ ra những quy định cụ thể cần thiết theo đề nghị của Đảng ủy Quân sự Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 68-CT/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1985

**Về việc tăng cường chăm sóc thương binh,
gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng**

Trong những năm qua, việc thực hiện chế độ, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ ưu trí (gọi chung là người và gia đình có công với cách mạng) có nhiều tiến bộ. Phong trào thi đua phấn đấu giành danh hiệu "Người công dân kiểu mẫu", "Gia đình cách mạng gương mẫu" phát triển ở nhiều địa phương, có tác dụng cổ vũ, động viên những người và gia đình có công phát huy truyền thống cách mạng, gương mẫu khắc phục khó khăn, đóng góp tốt cho quê hương, đất nước.

Hiện nay, số người được hưởng các chính sách, chế độ đãi ngộ của Đảng, Nhà nước ngày càng nhiều, nhưng công tác quản lý, chăm sóc, động viên, thực hiện chính sách, chế độ... đối với người và gia đình có công với cách mạng còn nhiều thiếu sót cần được nhanh chóng khắc phục, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ "toàn Đảng, toàn dân chăm sóc, bảo vệ người và gia đình có công với cách mạng".

Nhân dịp kỷ niệm Ngày thương binh, liệt sĩ năm nay (27-7-1985), kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Bí thư yêu cầu các địa phương, các ngành, các đoàn thể làm tốt những công tác sau đây:

1. Tổ chức kiểm điểm ở các cấp, các ngành về công tác quản lý, chăm sóc, động viên, thực hiện chế độ, chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng. Trên cơ sở đó, có biện pháp thiết thực phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm; biểu dương những người và gia đình có công, những tổ chức, địa phương (tỉnh, huyện, quận, phường, xã) có nhiều thành tích; đồng thời nhắc nhở phê bình hoặc xử lý kỷ luật những trường hợp vi phạm nghiêm trọng chế độ, chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng.

2. Đầu mạnh cuộc vận động xây dựng "Người công dân kiểu mẫu", "Gia đình cách mạng gương mẫu", thu hút nhiều người, nhiều gia đình có công ở cơ sở tham gia, đồng thời phát động phong trào toàn dân, nhất là thế hệ trẻ, học tập và làm theo những gương tốt. Chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt chính trị ở các cấp của những người và gia đình có công, nhất là đối với cán bộ, bộ đội ưu trí, nhằm thường xuyên và kịp thời phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thời sự cần thiết cho anh chị em. Sử dụng hợp lý trình độ, khả năng đóng góp của anh chị em vào công tác ở cơ sở. Mặt khác, cần chống luận điệu chiến tranh tâm lý, phá hoại của địch, ngăn ngừa và xử lý kịp thời những trường hợp lợi dụng danh nghĩa người có công mà hành động phi pháp làm mất uy tín và phá hoại truyền thống cách mạng.

3. Chăm sóc chu đáo, thiết thực đời sống tinh thần, vật chất, thực hiện tốt các chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước đối với người và gia đình có công. Đặc biệt quan tâm những người, những gia đình có nhiều cống hiến, có nhiều khó khăn; cán bộ lão thành cách mạng; gia đình có nhiều liệt sĩ; thương binh, bệnh binh nặng; cán bộ ưu trí già yếu, neo đơn; con liệt sĩ không có người chăm sóc.

Trong việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương về giá, lương, tiền, các cơ quan nhà nước các cấp cần trả gọn trợ cấp cùng với bù giá vào lương; Bộ Thương binh và Xã hội cần khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Hội đồng Bộ trưởng cải tiến chế độ, chính sách cho phù hợp, vừa bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, vừa thể hiện được chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước.

4. Tổ chức chu đáo Ngày thương binh, liệt sĩ năm nay nhằm động viên, cổ vũ cho người có công và động viên nhân dân thực hiện chính sách, chế độ đối với người có công; kiện toàn tổ chức thương binh và xã hội ở các cấp, nhất là cấp huyện, quận và cơ sở bảo đảm được nhiệm vụ công tác. Xúc tiến việc xét thưởng Huân chương Độc lập cho những gia đình có nhiều liệt sĩ theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; tổ chức trao tặng trong dịp này những trường hợp đã được duyệt.

Các địa phương, các ngành, các đoàn thể cần có kế hoạch cụ thể thi hành Chỉ thị này. Bộ Thương binh và Xã hội phối hợp với các Ban Tổ chức Trung ương, Tuyên huấn Trung ương, Dân vận Trung ương, Thi đua Trung ương hướng dẫn thực hiện. Bộ Thương binh và Xã hội nghiên cứu trình sớm

Nhà nước cải tiến, bổ sung chính sách, chế độ đối với người và gia đình có công theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 70-CT/TW, ngày 23 tháng 7 năm 1985
Về việc lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự

Bộ luật Hình sự đầu tiên của nước ta đã được công bố. Việc ban hành Bộ luật này là một bước quan trọng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta, tạo điều kiện ngăn ngừa và đấu tranh chống các hành động phạm tội, vi phạm pháp luật, lập lại trật tự pháp luật trong quản lý Nhà nước, quản lý xã hội.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt những công tác sau đây để thi hành Bộ luật này:

1. Các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang và các cơ quan nhà nước từ trung ương đến cơ sở cần có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ việc phổ biến nghiên cứu, làm quán triệt tư tưởng, nội dung cơ bản của Bộ luật Hình sự trong toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ, toàn thể nhân dân.

Ban Tuyên huấn Trung ương cùng Bộ Tư pháp và các cơ quan trong khối nội chính chuẩn bị để cung giới thiệu, tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn đội ngũ báo cáo viên (chú ý chọn những cán bộ có trình độ pháp lý ở các ngành tư pháp, kiểm sát, tòa án, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước...) làm nhiệm vụ giới thiệu nội dung Bộ luật Hình sự ở các ngành trung ương và ở các địa phương.

Các báo, đài phát thanh, đài truyền hình ở trung ương và

địa phương phải có chương trình giới thiệu, giải thích có hệ thống nội dung Bộ luật này, mở chuyên mục "Hỏi đáp pháp luật" trên báo hàng ngày và phát hành rộng rãi loại sách bìa túi giải thích về Bộ luật. Ở các tỉnh miền núi, cần có những hình thức tuyên truyền giải thích thích hợp đối với đồng bào các dân tộc.

2. Hội đồng Bộ trưởng cần ra sớm văn bản hướng dẫn thi hành những điều khoản cụ thể trong Bộ luật này. Các ngành quản lý kinh tế, xã hội soát lại những văn bản quan hệ đến hình sự đã ban hành và kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Các ngành kiểm sát, ngành tòa án, ngành công an (kể cả trong quân đội) cần nghiên cứu kỹ để nắm vững nội dung các điều luật có quan hệ trực tiếp đến nhiệm vụ công tác của ngành. Trong khi nghiên cứu, cần có liên hệ, kiểm điểm những khuyết điểm về thi hành pháp luật trong thời gian qua, định kế hoạch thực hiện Bộ luật trong ngành.

Tổ chức một đợt kiểm tra các công tác khám xét, bắt giữ, truy tố, xét xử, thi hành án ở các địa phương, trọng điểm là Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh, nhằm giải quyết ngay những trường hợp vi phạm pháp luật. Hội đồng Bộ trưởng và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì đợt kiểm tra này.

4. Các cấp uỷ địa phương và các ngành trung ương cần

tăng cường lãnh đạo việc thi hành Bộ luật Hình sự ở cấp mình, ngành mình, địa phương mình; chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong cán bộ và trong nhân dân; thường kỳ kiểm tra, uốn nắn những lệch lạc, khắc phục những vi phạm pháp luật. Các ngành bảo vệ pháp chế vừa phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật trong hoạt động của ngành, vừa phải tích cực kiểm tra, xem xét các cấp, các ngành thi hành pháp luật.

Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi việc tổ chức thi hành Bộ luật này.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ngày 4-7-1985, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên".

Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị phải nhằm đạt được yêu cầu là:

a) Tạo ra sự chuyển mới về nhận thức, quan điểm đối với công tác vận động thanh niên trong các cấp bộ đảng, các tổ chức chính quyền, lực lượng vũ trang và các đoàn thể xã hội, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

b) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, phối hợp đồng bộ các ngành, các cấp, phát huy chức năng của các đoàn thể, tạo ra được phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ sôi nổi, rộng khắp nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội V và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đề ra, trước mắt là thực

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 71-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1985

**Về việc phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết
của Bộ Chính trị "Tăng cường sự lãnh đạo của
Đảng đối với công tác thanh niên"**

hiện Nghị quyết lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước 1985.

c) Xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, nền nếp chỉ đạo công tác thanh niên ở các cấp, phát huy vai trò chính trị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Để đạt được những yêu cầu nói trên, các cấp uỷ đảng và các ngành cần làm tốt *những công việc chính* sau đây:

1. Chỉ đạo chặt chẽ việc phổ biến và nghiên cứu nghị quyết. Cán bộ lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể ở các cấp phải nắm vững nội dung toàn diện của nghị quyết, những quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ và phương pháp vận động thanh niên trong giai đoạn mới. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết, các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở phải đề ra kế hoạch thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong kế hoạch phải nêu rõ những việc làm cụ thể nhằm đạt hiệu quả thiết thực; từng thời gian phải kiểm điểm, đánh giá kết quả từng việc.

2. Việc giáo dục lý tưởng cách mạng phải kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức phong trào hành động cách mạng của thanh niên thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, trước mắt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương. Các cấp, các ngành và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải chỉ đạo cụ thể công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho thanh niên hiểu rõ tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết 8 của Trung ương. Phong trào thanh niên và tổ chức đoàn ở từng ngành, từng cơ sở phải đề ra các sáng kiến và kế hoạch hành động nhằm tích

cực góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết, đấu tranh khắc phục các ảnh hưởng tiêu cực của tệ quan liêu bao cấp, xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý mới, trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng phong cách mới trong lao động, công tác và học tập.

3. Các cấp uỷ đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải thường xuyên nắm vững tình hình các tổ chức cơ sở đoàn, có biện pháp khẩn trương và tích cực nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở, làm cho Đoàn thực sự là hạt nhân tập hợp, đoàn kết, giáo dục và tổ chức thanh niên trong các phong trào cách mạng ở từng đơn vị và trên các mặt hoạt động. Đây là nội dung quan trọng để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên. Cấp uỷ đảng cần định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo cụ thể về nâng cao chất lượng tổ chức đoàn, cải tiến phương pháp công tác đoàn và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn.

4. Các cơ quan nhà nước ở các cấp, tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ của mình, cần ban hành và thực hiện các chính sách, chế độ cần thiết để tạo điều kiện cho Đoàn tổ chức các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, phát huy quyền làm chủ tập thể của thanh niên và chăm lo các lợi ích chính đáng của thanh niên.

5. Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần chỉ đạo cụ thể các cấp bộ đoàn xây dựng và thực hiện chương trình hành động của thanh niên, nhất là ở cơ sở, để thực hiện đầy đủ tinh thần và nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị. Đến cuối năm 1985, sơ kết những kết quả và kinh nghiệm bước đầu thi hành Nghị quyết trong cả nước.

Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc thi hành Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

T/M BAN BÍ THU'

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 28-NQ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1985

Về việc phê chuẩn các phương án giá và lương

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

Theo đề nghị của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư;

Bộ Chính trị quyết định:

I - VỀ GIÁ

1. Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương là một quá trình phấn đấu toàn diện, đồng bộ, kiên quyết, khẩn trương, có bước đi vững chắc; việc tính đủ chi phí, xoá bỏ bao cấp, xoá bỏ bù lỗ trong nền kinh tế quốc dân cũng phải làm từng bước, phù hợp với tình hình cụ thể trước mắt, tiến lên thực hiện đầy đủ các nguyên tắc mà Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

Theo tinh thần đó, việc định hệ thống giá của Nhà nước trước mắt phải: lấy giá thóc làm chuẩn; giữ tương quan hợp

lý giữa giá thóc và giá các nông sản khác, giữa giá nông sản với giá hàng công nghiệp theo mức đã hình thành được nông dân đồng tình; tỷ giá kết toán nội bộ và giá vật tư nhập khẩu được định trên cơ sở chính sách tài chính và giá cả của Đảng và Nhà nước và hệ thống giá trong nước phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm cho các xí nghiệp hoạt động bình thường không bị lỗ, thực hiện được hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; giá bán nói chung không đội giá thị trường xã hội, và sản phẩm làm ra tiêu thụ được; Nhà nước có thể bù lỗ cho một số mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu và cho một số mặt hàng bán lẻ trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của nền kinh tế quốc dân, trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và lưu thông, phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông, tiến tới giảm dần và xoá bỏ bù lỗ đối với những mặt hàng tạm thời còn bù lỗ; tạo dần nguồn tích luỹ cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

2. Phê chuẩn mức giá mua thóc (giá chuẩn) áp dụng từ vụ mùa năm 1985 như sau:

- Vùng thuận lợi nhất: 15 đồng - 18 đồng/kg tuỳ theo loại thóc và theo mùa vụ.

- Vùng khó khăn nhất: 26 đồng - 28 đồng/kg tuỳ theo loại thóc và theo mùa vụ.

Căn cứ mức giá chuẩn trên đây, Hội đồng Bộ trưởng định mức giá và khung giá cho loại thóc chuẩn ở các vùng. Hội đồng Bộ trưởng giao cho Uỷ ban Vật giá Nhà nước phối hợp với Bộ Lương thực, Bộ Nông nghiệp cùng uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố định giá cụ thể các loại thóc trong từng vùng, chú ý tương quan hợp lý giữa các vùng giáp ranh.

Tuỳ theo tình hình cụ thể của mùa màng và quan hệ cung cầu ở từng vùng, Hội đồng Bộ trưởng điều chỉnh mức giá mua thóc theo từng vụ sản xuất cho phù hợp; bảo đảm việc Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực trong phạm vi cả nước.

Dựa vào giá thóc ở từng vùng làm chuẩn, Hội đồng Bộ trưởng định khung giá mua các loại nông sản, lâm sản, thuỷ sản chủ yếu, bảo đảm quan hệ thoả đáng giữa giá thóc và giá các loại sản phẩm đó trong vùng, cũng như giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp, khuyến khích thích đáng các loại cây trồng, vật nuôi ở những vùng sản xuất tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

3. Căn cứ vào giá mua thóc, Hội đồng Bộ trưởng định giá bán một số vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm hoà vốn, *không lấy lãi, cá biệt có thứ còn bù lỗ*, xem như đầu tư cho nông nghiệp; bảo đảm tỷ giá so với thóc đã hình thành được nông dân đồng tình.

4. Hội đồng Bộ trưởng quy định tỷ giá kết toán nội bộ cho từng thời kỳ; tỷ giá kết toán nội bộ hàng xuất theo các nhóm hàng phải có tác dụng khuyến khích xuất khẩu; tỷ giá kết toán nội bộ hàng nhập theo các nhóm hàng phải xuất phát từ hệ thống giá trong nước và bảo đảm cho các xí nghiệp sản xuất và kinh doanh bình thường có lãi, giá Nhà nước nói chung không đội giá thị trường xã hội đã hình thành.

Hội đồng Bộ trưởng cần xúc tiến nghiên cứu để trình Hội đồng Nhà nước ban hành Pháp lệnh về thuế xuất nhập khẩu. Hội đồng Bộ trưởng ban hành chính sách và cơ chế thu bù chênh lệch ngoại thương, trên nguyên tắc: trung ương thống

nhất quản lý về chính sách, chế độ và tỷ giá kết hối theo nhóm hàng.

5. Hội đồng Bộ trưởng định giá bán buôn vật tư, cước vận tải hàng hoá, giá bán lẻ các hàng tiêu dùng và dịch vụ thiết yếu theo chính sách giá cả của Nhà nước và theo chế độ phân cấp định giá và quản lý giá, bảo đảm ổn định đời sống, phát triển sản xuất và lưu thông, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Giá bán lẻ hàng tiêu dùng và giá dịch vụ được quy định trên nguyên tắc tính đủ các chi phí cần thiết theo những quy định của cơ quan có thẩm quyền về hạch toán giá thành và định giá, dựa trên các định mức hợp lý về tiêu hao vật tư, lao động, loại trừ tất cả các chi phí bất hợp lý; nhìn chung không đội giá thị trường xã hội hiện nay; bảo đảm cho xí nghiệp hoạt động bình thường có lãi, ngân sách nhà nước có mức tích luỹ cần thiết; những trường hợp nào Nhà nước còn phải bù lỗ (như đối với những mặt hàng cần bán giá hạ theo chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước), cần được Hội đồng Bộ trưởng (đối với những mặt hàng do Trung ương định giá) hoặc uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố (đối với những mặt hàng do địa phương định giá) xét duyệt chặt chẽ.

Đối với một số giá bán buôn vật tư, giá bán lẻ hàng thiết yếu, giá thu mua, trong tình hình giá cả chưa ổn định, giá thị trường hình thành ở các khu vực còn chênh lệch nhau nhiều, Hội đồng Bộ trưởng được phép căn cứ vào tình hình cụ thể mà định giá mua hoặc giá bán khác nhau cho một sản phẩm tuỳ theo khu vực, có thứ còn tuỳ theo đối tượng tiêu dùng; phải quản lý chặt chẽ để không bị đầu cơ lợi dụng, tìm mọi biện pháp ổn định thị trường và giá cả; phấn đấu tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

II - VỀ LƯƠNG

1. Phê chuẩn mức lương tối thiểu 2.200 đồng/tháng. Mức lương này tính theo giá ở vùng có mức giá sinh hoạt thấp nhất; ở những vùng có giá sinh hoạt cao hơn thì mức lương được tính thêm phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng.

Mức lương tối thiểu trên đây được dùng làm căn cứ để tính hệ thống lương cơ bản thống nhất trong cả nước, với hệ số giữa tối thiểu và tối đa là 1 - 3,5.

Mức lương của sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân, của sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân bằng mức lương của cán bộ, viên chức nhà nước có trình độ, chức vụ tương đương, đồng thời được phụ cấp ưu đãi 20% trên lương chính. Mức lương của công nhân trong các xí nghiệp quốc phòng và công an tương đương mức lương của công nhân cùng ngành, nghề trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời được phụ cấp ưu đãi 5% trên lương chính.

2. Căn cứ mức lương tối thiểu và các quy định ở điểm 1 trên đây, Hội đồng Bộ trưởng ban hành các thang lương, bảng lương áp dụng trong khu vực sản xuất, kinh doanh, khu vực hành chính, sự nghiệp và trong các lực lượng vũ trang, các chế độ phụ cấp theo lương, các chế độ trợ cấp xã hội và chế độ học bổng.

3. Chế độ lương và trợ cấp xã hội mới được áp dụng thống nhất trong cả nước kể từ ngày 1-9-1985.

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết này của Bộ Chính trị, Hội đồng Bộ trưởng ban hành các loại giá (giá thu mua, giá bán buôn vật tư, giá bán lẻ hàng tiêu dùng và dịch vụ) hình

thành một hệ thống các mức giá và các quan hệ tỷ giá hợp lý, ăn khớp với nhau. Phải phấn đấu giữ cho được hệ thống giá mới, trước hết là giá thóc, gạo, gắn liền với việc kiên quyết thực hiện trong năm nay chính sách Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực, đẩy mạnh cải tạo và quản lý thị trường, hết sức đề cao cảnh giác, đề phòng và chống mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, nhất là phá hoại giá lương thực.

Các ngành, nhất là những ngành có liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực giá - lương - tiền, phải nhanh chóng nghiên cứu những chính sách, chế độ mới và đề ra *kế hoạch thực hiện nghị quyết* của Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng. Điều quan trọng nhất là các ngành, các cấp thực hiện cho được việc Nhà nước làm chủ thị trường, trước hết về lương thực và các hàng hoá, vật tư thiết yếu khác, bảo đảm nắm chắc được các nguồn hàng tận gốc, phân phối đến tận tay người tiêu dùng, quản lý chặt chẽ và phấn đấu ổn định thị trường và giá cả.

Các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở phải khẩn trương sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và lưu thông để phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao hơn, tính toán lại chặt chẽ và phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông, khắc phục tình trạng lỗ, phấn đấu để có lãi cho đơn vị và có tích luỹ tập trung cho Nhà nước. Phải tận thu các nguồn thu tài chính, triệt để tiết kiệm chi, phấn đấu giảm bội chi ngân sách, tiến tới *cân bằng ngân sách*.

Điều chỉnh hệ thống giá - lương - tiền là một vấn đề hết sức phức tạp. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Hội đồng Bộ trưởng cùng với Ban Bí thư phải theo dõi sát tình hình, đi sát

cơ sở, nắm vững diễn biến của tình hình để kịp thời phát huy những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, và chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết này của Bộ Chính trị.

Tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở phải nghiêm chỉnh chấp hành *kỷ luật* của Nhà nước về giá, lương, tài chính, tiền mặt, nghiêm trị mọi hành vi tuỳ tiện thay đổi mức giá và tỷ giá do Trung ương quy định.

Đồng thời với việc thực hiện chính sách mới về giá - lương - tiền, cần đổi mới cơ chế quản lý để chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, sớm hình thành cơ chế quản lý mới nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân đi vào chiều sâu, khai thác tốt hơn hệ thống sản xuất hiện có nhằm các mục tiêu: nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, giảm mạnh tiêu hao vật chất, hạ giá thành và phí lưu thông; tận dụng các nguồn lao động, đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật và các tài nguyên khác của đất nước; tăng nhanh sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, quỹ tích luỹ và quỹ tiêu dùng, tạo ra cơ sở vững chắc để hoàn thiện từng bước hệ thống giá - lương - tiền, đạt được những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra.

Hội đồng Bộ trưởng cùng Ban Bí thư phải có *chương trình hành động* cụ thể từ nay đến cuối năm 1985 để chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai một cách đồng bộ các mặt công tác mà Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra, theo phương châm khẩn trương, kiên quyết, có bước đi vững chắc. Trước mắt, Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư

cần chỉ đạo các ngành, các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đồng thời khẩn trương chuẩn bị đề án về vấn đề *quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất và kinh doanh*, chỉ đạo các ngành liên quan, các địa phương và cơ sở đóng góp vào đề án, và trình Bộ Chính trị ra quyết nghị về vấn đề này trong thời gian tới.

Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng và các đoàn thể cần tăng cường công tác, tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân, tăng cường công tác tổ chức và cán bộ phù hợp với yêu cầu của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, và phát động một phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng lao động tích cực phấn đấu thực hiện những chính sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Trong mấy năm qua, việc tăng cường cán bộ xuất thân công nhân đã có những chuyển biến tích cực. Một số nơi như Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Tổng cục Địa chất... có nhiều cố gắng và kinh nghiệm tốt về vấn đề này. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh bước đầu làm tốt việc phát triển Đảng trong công nhân, tạo cơ sở để xây dựng đội ngũ cán bộ xuất thân công nhân.

Tuy nhiên việc tăng cường cán bộ xuất thân công nhân ở nhiều ngành, nhiều cấp còn chậm chạp, nhìn chung đang có hiện tượng sút giảm.

Điều đó có những nguyên nhân:

- Chưa quán triệt đầy đủ đường lối, quan điểm công tác cán bộ của Đảng, quan niệm về giai cấp công nhân chưa đúng, chưa thấy hết ý nghĩa quan trọng của vấn đề tăng cường thành phần công nhân trong Đảng, nhất là trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Vì vậy ít quan tâm xây dựng đội ngũ

giai cấp công nhân vững mạnh, trong việc đào tạo bồi dưỡng, bố trí để bạt cán bộ, thiếu xem xét đúng mức vấn đề lựa chọn cán bộ từ giai cấp công nhân. Chỉ thị 77 của Ban Bí thư về đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng cán bộ thành phần công nhân nhiều nơi không triển khai thực hiện. Việc kiểm tra đôn đốc của các cơ quan lãnh đạo cấp trên thiếu chặt chẽ.

- Thiếu quy hoạch đối với cán bộ xuất thân công nhân, thiếu biện pháp tích cực và thiết thực để thu hút công nhân vào các trường lớp bổ túc văn hoá, trường lớp đại học, trung học; chế độ tuyển sinh chậm cải tiến.

- Chế độ tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp cho công nhân đi học chưa được giải quyết thoả đáng nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân học tập.

Để khắc phục những thiếu sót trên, tăng cường ngày càng nhiều cán bộ xuất thân công nhân trong đội ngũ cán bộ đáp ứng cho yêu cầu trước mắt và lâu dài, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân chỉ đạo tốt một số vấn đề sau:

1. Trước hết cần nhận rõ bên cạnh việc phải thường xuyên rèn luyện xây dựng lập trường tư tưởng của giai cấp công nhân trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của Đảng, việc tăng cường thành phần công nhân trong đội ngũ đảng viên và cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, là vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc xây dựng đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần quan trọng bảo đảm tính chất giai cấp công nhân, nâng cao tính chiến đấu, tính tiên phong của Đảng.

Phải gắn việc tăng cường cán bộ xuất thân công nhân với việc thúc đẩy phong trào cách mạng của giai cấp công nhân

thực hiện các nhiệm vụ chính trị; xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn lớn mạnh.

Phải đẩy mạnh phát triển Đảng trong công nhân tạo ra nguồn dồi dào cho việc lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành những cán bộ lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước ở các cấp, các ngành.

Chú trọng lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xuất thân công nhân *đại công nghiệp và công nhân nhiều đời*.

Phương hướng chủ yếu tăng cường cán bộ xuất thân công nhân trong những năm trước mắt là các đảng uỷ xí nghiệp, công, nông, lâm trường, các tỉnh uỷ, thành uỷ, quận uỷ, cán bộ lãnh đạo các xí nghiệp, các bộ, tổng cục thuộc khối công nghiệp, các ban của Đảng, cán bộ lãnh đạo các đoàn thể quần chúng, các cơ quan nội chính.

Các xí nghiệp, công, nông, lâm trường cần phấn đấu trong một số năm đạt phần lớn thư ký công đoàn, bí thư đoàn thanh niên và đại bộ phận các giám đốc, bí thư đảng uỷ phải là cán bộ xuất thân công nhân. Các đảng uỷ, ban chấp hành công đoàn, đoàn thanh niên ở các cơ sở trên phải có tỷ lệ thích đáng uỷ viên ban chấp hành là công nhân trực tiếp sản xuất.

Trên cơ sở những quan điểm và phương hướng trên, các cấp uỷ đảng, các ban, bộ, tổng cục, các cơ sở, các trường đào tạo cán bộ, công nhân cần kiểm điểm, phê phán nghiêm khắc những thiếu sót vừa qua, kịp thời khắc phục những quan điểm chưa đúng, có biện pháp tích cực, thiết thực đẩy mạnh việc tăng cường cán bộ xuất thân công nhân trong đội ngũ cán bộ của Đảng và của Nhà nước.

2. *Tăng cường công tác quy hoạch*, làm tốt việc lựa chọn,

đào tạo bồi dưỡng và sử dụng, đề bạt cán bộ xuất thân công nhân để mở rộng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ này một cách nhanh chóng và vững chắc.

Trong quy hoạch cán bộ chung của các địa phương, các ngành, trước hết là ở các thành phố, các tỉnh có nhiều cơ sở công nghiệp, các bộ công nghiệp, các xí nghiệp, phải coi trọng việc tăng cường cán bộ xuất thân công nhân là một nội dung quan trọng bậc nhất. Trong quy hoạch cán bộ chung đó, phải xác định mục tiêu phấn đấu nâng cao số lượng và chất lượng cán bộ xuất thân công nhân trong những năm tới, phải vạch rõ những biện pháp cụ thể, thiết thực về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt cán bộ nhằm đạt mục tiêu đó.

Phải lựa chọn và quản lý tốt *nguồn công nhân ưu tú*. Đó là những con người mới xã hội chủ nghĩa, có giác ngộ chính trị, lao động nhiệt tình, có năng suất, có hiệu quả, có ý thức tập thể, tham gia hoạt động xã hội tích cực, cầu tiến bộ.

Cần xem xét điều kiện và khả năng phát triển cụ thể của từng công nhân ưu tú mà đưa họ vào quy hoạch đào tạo trở thành công nhân bậc cao, hoặc cán bộ khoa học kỹ thuật, hoặc cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Chỉ những công nhân ưu tú qua hoạt động trong phong trào quần chúng từ tổ sản xuất, công đoàn, đoàn thanh niên hoặc các công tác xã hội khác, khả năng quản lý, khả năng tập hợp và lãnh đạo quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, có nhiệt tình công tác và học tập có triển vọng vươn lên, mới đưa vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo.

Bên cạnh việc chọn những công nhân ưu tú để đào tạo cán bộ từ thấp đến cao, cần chọn những học sinh mới tốt nghiệp kỹ sư đưa xuống cơ sở sản xuất trực tiếp đúng máy

hoặc làm trưởng ca, trưởng kíp phù hợp với nghề nghiệp đã đào tạo, rèn luyện trong thực tiễn lao động sản xuất rồi tiếp đó lựa chọn đào tạo trở thành cán bộ lãnh đạo.

Từng đơn vị sản xuất, từng cơ quan phải làm tốt việc lựa chọn, lên danh sách quản lý nguồn và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thật cụ thể đối với từng người.

3. Đổi mới và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xuất thân công nhân

- Khôi phục và phát triển trường lớp bổ túc văn hoá tại xí nghiệp cho công nhân viên chức, trước hết cho công nhân trong diện quy hoạch. Những công nhân ưu tú từ 35 tuổi trở xuống nhất thiết phải học xong trung học phổ thông tại xí nghiệp bằng hình thức tập trung hoặc tại chức. Bộ Giáo dục cùng với Đảng đoàn Tổng Công đoàn có kế hoạch phối hợp với các địa phương, các bộ, tổng cục để thực hiện tốt chủ trương này.

- Xây dựng và mở rộng hệ thống lớp dự bị đại học tại các trường đại học và cao đẳng, ưu tiên thu hút công nhân ưu tú đã tốt nghiệp trung học phổ thông từ các xí nghiệp gửi đến học theo quy hoạch. Và sau đó chỉ cần qua một kỳ kiểm tra văn hoá, nếu thấy đủ điều kiện tiếp thu thì nhận vào học đại học hoặc cao đẳng. Phấn đấu tăng nhanh tỷ lệ sinh viên là công nhân ưu tú trong tổng số sinh viên được tuyển vào đại học, (kể cả trên đại học), cao đẳng và trung học hàng năm, nhất là các trường đại học kỹ thuật và kinh tế. Trong quá trình học tập, các xí nghiệp, các bộ, tổng cục, các tỉnh, thành, đặc khu có trách nhiệm theo dõi giúp đỡ, thực hiện các chính sách chế độ cần thiết đối với công nhân thuộc đơn vị mình cử đi học và phân phối sử dụng họ khi tốt nghiệp. Trung ương sẽ

điều động một số để tăng cường cho các ngành và địa phương không có nguồn cán bộ là công nhân.

Các trường bổ túc văn hoá công nhân trung ương trước mắt cần làm tốt nhiệm vụ của mình và dần dần chuyển giao việc này cho các lớp dự bị đại học sau khi các lớp này bảo đảm tốt nhiệm vụ.

Cần mở rộng hệ thống đào tạo tại chức trong các trường đại học, các trung tâm công nghiệp lớn để đào tạo cán bộ thành phần công nhân có trình độ đại học và trên đại học.

- Từ năm 1986 trở đi, việc đào tạo cán bộ đại học, cao đẳng, trung học cho yêu cầu của các cơ sở sản xuất, trước hết cần tuyển những người đã qua sản xuất.

Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cùng các cơ quan có liên quan sớm thể chế hoá việc đổi mới phương thức tuyển sinh và nguồn tuyển này trình Hội đồng Bộ trưởng thông qua.

- Các trường đảng, trường đoàn thể, trường quản lý kinh tế, quản lý nhà nước của trung ương và các ngành cần có những lớp bồi dưỡng riêng hoặc bảo đảm tỷ lệ thích hợp chiêu sinh số học viên là công nhân đáp ứng yêu cầu quy hoạch cán bộ của các ngành, các cấp.

4. Bổ sung và cải tiến các chế độ chính sách đối với công nhân được cử đi học

Cần coi nhiệm vụ học tập của công nhân quan trọng như nhiệm vụ lao động sản xuất. Nhà nước cần có chính sách đầu tư thích đáng vào việc đào tạo, bồi dưỡng những công nhân ưu tú trở thành cán bộ.

Bộ Lao động cùng các cơ quan có liên quan nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng bổ sung và cải tiến chế độ đối với

cán bộ công nhân, viên chức đi học cho phù hợp với tình hình mới bảo đảm cho những công nhân được cử đi học không bị tụt thu nhập.

5. Tăng cường chỉ đạo thực hiện

- Các cấp uỷ đảng, các ban của Đảng, các bộ, tổng cục, các xí nghiệp, công, nông, lâm trường, các cơ sở đào tạo cán bộ cần kiểm điểm lại việc thực hiện công tác, rút ra những việc làm được, những gì chưa làm được, tìm nguyên nhân và có kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị này. Hàng năm trong việc kiểm điểm công tác cán bộ của các cấp, các ngành cần có phần kiểm điểm kỹ công tác đào tạo, sử dụng cán bộ thành phần công nhân và báo cáo lên cấp trên và Trung ương.

- Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Đảng đoàn Tổng Công đoàn hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị và từng thời gian báo cáo kết quả lên Ban Bí thư. Cần kịp thời biểu dương và phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt cũng như cần nhắc nhở, đôn đốc những nơi làm kém.

Gắn với việc tổ chức thực hiện Chỉ thị này, Ban Tổ chức Trung ương cần hướng dẫn chấn chỉnh một bước việc kê khai trong lý lịch về thành phần xã hội xuất thân.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 73-CT/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1985

**Về việc thi hành Hiệp ước hoạch định biên giới
quốc gia giữa Việt Nam và Campuchia**

Bộ Chính trị đã nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo về việc đàm phán với bạn Campuchia để giải quyết vấn đề biên giới và đã nhất trí thông qua dự thảo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước mà hai đoàn đại biểu Việt Nam và Campuchia đã soạn thảo.

Bản hiệp ước này giải quyết xong việc hoạch định đường biên giới trên đất liền và nêu cao nguyên tắc để hoạch định đường biên giới trên biển. Đây là một thắng lợi to lớn, giải quyết tận gốc cuộc tranh chấp lãnh thổ kéo dài từ lâu giữa nước ta và Campuchia, góp phần quan trọng củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia.

Hiệp ước sẽ có hiệu lực sau khi hai bên ký kết và trao đổi thư phê chuẩn. Việc thi hành hiệp ước này đặt ra một khối lượng công việc rất lớn liên quan đến nhiều ngành.

Trên đất liền: hai bên sẽ tiến hành phân vạch đường biên giới trên thực địa và cắm mốc quốc giới.

Trên biển: hai bên sẽ cùng tiến hành khảo sát vùng biển giữa hai nước và hoạch định đường biên giới trên biển trong vùng biển đó.

Đây là những công việc cần làm khẩn trương để hoàn thành càng nhanh gọn càng tốt.

Ban Bí thư yêu cầu các bộ, các ngành ở trung ương có liên quan (Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Vật tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Cục Đo đạc và bản đồ Nhà nước...) và các tỉnh biên giới phía tây nam (Gia Lai - Kon Tum, Đắc Lắc, Sông Bé, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang) phối hợp chặt chẽ, dành mọi thuận lợi trong việc cung cấp tài chính, vật tư, huy động nhân lực... để cùng bạn sớm hoàn thành các công việc nói trên.

Các tỉnh biên giới phía tây nam có nhiệm vụ tổ chức lực lượng, bảo đảm vật chất, lãnh đạo thực hiện công tác phân vạch và cắm mốc trên biên giới đất liền và công tác khảo sát trên biển thuộc phạm vi địa phương mình theo kế hoạch chung thoả thuận với bạn.

Ban Biên giới của Hội đồng Bộ trưởng giúp Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn kế hoạch và chỉ đạo chặt chẽ công tác này.

T/M BAN Bí THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 64-TB/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1985

Quyết định của Bộ Chính trị về việc xét khen thưởng huân chương cao và tặng danh hiệu Anh hùng nhân dân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập nước

Ngày 6-8-1985, sau khi nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo về việc tặng thưởng huân chương cao cho các ngành và đoàn thể trung ương, tặng danh hiệu Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang cho tập thể và cá nhân nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập nước, Bộ Chính trị đã quyết định:

1. Tặng thưởng Huân chương Sao Vàng:
 - Ngành công an nhân dân (tặng thưởng Huân chương Sao Vàng lần thứ hai).
 - Bảy quân khu và ba quân chủng Quân đội nhân dân Việt Nam.
 - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.
 - Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
2. Tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh:
 - 50 đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

- 43 đơn vị thuộc lực lượng công an nhân dân.

- Ngành cơ yếu.

3. Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất:

- 15 đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

(Danh sách theo tờ trình của Ban Bí thư).

4. Tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang:

- 75 đơn vị tập thể và 20 cá nhân thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam.

- 34 đơn vị tập thể và 8 cá nhân thuộc lực lượng công an nhân dân.

- Tặng danh hiệu Anh hùng lao động cho 106 đơn vị tập thể và 93 cá nhân.

(Danh sách theo tờ trình của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng).

5. Trong dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 năm nay, chưa xét thưởng huân chương cao cho các ngành kinh tế, khoa học, y tế, giáo dục, văn hoá.

6. Từ nay, Bộ Chính trị xét duyệt thưởng Huân chương Sao Vàng. Bộ Chính trị uỷ nhiệm Ban Bí thư duyệt thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và Độc lập hạng Nhất, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt Huân chương Độc lập hạng Hai và hạng Ba và trình Hội đồng Nhà nước quyết định.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 58-QĐ/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1985

**Về việc ban hành các bảng lương cho cán bộ,
nhân viên công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể
quân chung từ trung ương đến huyện**

Trên cơ sở lương tối thiểu đã được Bộ Chính trị phê chuẩn, căn cứ vào hệ thống bảng lương của Nhà nước, Ban Bí thư Trung ương quyết định ban hành các bảng lương chức vụ cho cán bộ, nhân viên công tác ở cơ quan đảng và đoàn thể quân chung từ trung ương đến huyện như sau:

BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO

I- BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG

Chức vụ	Mức lương
- Trưởng ban ¹	770
- Phó trưởng ban	668 - 718
- Uỷ viên uỷ ban kiểm tra	621 - 668 - 718

1. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Mác - Lênin xếp cùng bảng lương của trưởng ban, phó trưởng ban của Trung ương Đảng.

- Vụ trưởng và tương đương	533 - 576 - 621
- Phó vụ trưởng và tương đương	474 - 513 - 555
- Trưởng phòng nghiệp vụ	405 - 438 - 474
- Phó phòng nghiệp vụ	359 - 388 - 420
- Trưởng phòng hành chính quản trị	346 - 374 - 405
- Phó phòng hành chính quản trị	310 - 333 - 359

II- BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CÁC CƠ QUAN ĐẢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Cán bộ lãnh đạo đảng thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ	Mức lương
- Bí thư	770
- Phó bí thư	668 - 718
- Uỷ viên thường vụ làm trưởng ban, trưởng các đoàn thể	576 - 621 - 668
- Trưởng ban và tương đương	533 - 576 - 621
- Phó trưởng ban và tương đương	474 - 513 - 555
- Uỷ viên uỷ ban kiểm tra	438 - 474 - 513
- Trưởng phòng nghiệp vụ	388 - 420 - 455
- Phó phòng nghiệp vụ	346 - 374 - 405
- Trưởng phòng hành chính quản trị	346 - 374 - 405
- Phó phòng hành chính quản trị	310 - 333 - 359

2. Cán bộ lãnh đạo đảng thành phố Hải Phòng, các tỉnh, đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo

Chức vụ	Mức lương
- Bí thư	718
- Phó bí thư	621 - 668

- Uỷ viên thường vụ làm trưởng ban, trưởng các đoàn thể	513 - 555 - 599
- Trưởng ban và tương đương	474 - 513 - 555
- Phó trưởng ban và tương đương	420 - 455 - 493
	trưởng hợp đặc biệt ¹ 513
- Uỷ viên uỷ ban kiểm tra	388 - 420 - 455
- Trưởng phòng nghiệp vụ	374 - 405 - 438
- Phó phòng nghiệp vụ	333 - 359 - 388
- Trưởng phòng hành chính quản trị	333 - 359 - 388
- Phó phòng hành chính quản trị	300 - 320 - 346

3. Cán bộ lãnh đạo đảng thành phố thuộc tỉnh, các quận của Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ	Mức lương
- Bí thư	533 - 576
- Phó bí thư	474 - 513
- Uỷ viên thường vụ làm trưởng ban, trưởng các đoàn thể	388 - 420 - 455
- Trưởng ban và tương đương	359 - 388 - 420
- Phó trưởng ban và tương đương	322 - 346 - 374

4. Cán bộ lãnh đạo đảng ở huyện, thị xã

Chức vụ	Mức lương
- Bí thư	513 - 555
- Phó bí thư	455 - 493

1. Trường hợp như: bí thư huyện uỷ điều động làm Phó ban của tỉnh uỷ...

- Uỷ viên thường vụ làm trưởng ban, trưởng các đoàn thể	374 - 405 - 438
- Trưởng ban và tương đương	346 - 374 - 405
- Phó trưởng ban và tương đương	310 - 333- 359

**III- BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO
ĐẢNG UỶ KHỐI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

Chức vụ	Mức lương
- Bí thư	621 - 668
- Phó bí thư	576 - 621

**BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
SỰ NGHIỆP**

I- CÁN BỘ LÃNH ĐẠO TRƯỜNG ĐẢNG Ở TRUNG ƯƠNG

Chức vụ	Trưởng Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc	Trưởng Đảng khu vực Trưởng Tuyên huấn Trung ương	Trưởng Đảng thuộc ban ngành trung ương
- Hiệu trưởng	770	576 - 621 - 668	533 - 576 - 621
- Phó hiệu trưởng	668 - 718	513 - 555 - 599	474 - 513 - 555
- Vụ trưởng và tương đương	533 - 576 - 621	- - -	- - -
- Phó vụ trưởng và tương đương	474 - 513 - 555	- - -	- - -
- Trưởng phòng nghiệp vụ	405 - 438 - 474	405 - 438 - 474	405 - 438 - 474
- Phó phòng nghiệp vụ	359 - 388 - 420	359 - 388 - 420	346 - 374 - 405

- Trưởng phòng hành chính quản trị	346 - 374 - 405	346 - 374 - 405	346 - 374 - 405
- Phó phòng hành chính quản trị	310 - 333- 359	310 - 333- 359	310 - 333- 359

II- CÁN BỘ LÃNH ĐẠO TRƯỞNG ĐẢNG ĐỊA PHƯƠNG

Chức vụ	Trưởng Đảng thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh	Trưởng Đảng Hải Phòng các tỉnh, thành	Trưởng Đảng huyện, thị xã
- Hiệu trưởng	533 - 576 - 621	474 - 513 - 555	346 - 374 - 405
- Phó hiệu trưởng	474 - 513 - 555	420 - 455 - 493	310 - 333 - 359
- Trưởng phòng nghiệp vụ	388 - 420 - 455	374 - 405 - 438	
- Phó phòng nghiệp vụ	346 - 374 - 405	333 - 359 - 388	
- Trưởng phòng hành chính quản trị	346 - 374 - 405	333 - 359 - 388	
- Phó phòng hành chính quản trị	310 - 333 - 359	300 - 322 - 346	

III- CÁC TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP KHÁC

- Báo Nhân dân,
- Tạp chí Công sản,
- Nhà xuất bản Sự thật.

Theo quy định về bảng lương báo chí, xuất bản.

BẢNG LƯƠNG CHỨC VỤ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CÁC
ĐOÀN THỂ QUÂN CHÚNG TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN HUYỆN
(Mặt trận Tổ quốc, Tổng Công đoàn, Hội Phụ nữ,
Đoàn Thanh niên)

I- CÁN BỘ LÃNH ĐẠO ĐOÀN THỂ Ở TRUNG ƯƠNG

Chức vụ	Mức lương
- Chủ tịch ⁽¹⁾ , hội trưởng, bí thư I	718 - 770
- Phó chủ tịch, phó hội trưởng, tổng thư ký	621 - 668 - 718
- Uỷ viên ban thư ký (bí thư)	533 - 576 - 621 - 668
- Trưởng ban và tương đương	493 - 533- 576 - 621
- Phó trưởng ban và tương đương	438 - 474 - 513 - 555
- Trưởng phòng nghiệp vụ	374 - 405 - 438 - 474
- Phó phòng nghiệp vụ	333 - 359 - 388 - 420
- Trưởng phòng hành chính - quản trị	346 - 374 - 405
- Phó phòng hành chính - quản trị	310 - 333 - 359

Ghi chú (1) đối với Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tuỳ tình hình nhân sự cụ thể, do Ban Bí thư quyết định mức lương.

II- CÁC ĐOÀN THỂ Ở TỈNH, THÀNH, ĐẶC KHU

1. Cán bộ lãnh đạo đoàn thể ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh

Chức vụ	Mức lương
- Chủ tịch mặt trận, chánh thư ký, hội trưởng, bí thư thanh niên	493 - 533 - 576 - 621
- Phó...	438 - 474 - 513 - 555
- Trưởng ban và tương đương	359 - 388 - 420 - 455
- Phó trưởng ban và tương đương	322 - 346 - 374 - 405

- Trưởng phòng hành chính - quản trị	346 - 374 - 405
- Phó phòng hành chính - quản trị	310 - 333 - 359

2. Cán bộ lãnh đạo đoàn thể ở Hải Phòng và các tỉnh, đặc khu

Chức vụ	Mức lương
- Chánh	438 - 474 - 513 - 555
- Phó	388 - 420 - 455 - 493
- Trưởng ban và tương đương	346 - 374 - 405 - 438
- Phó trưởng ban và tương đương	310 - 333 - 359 - 388
- Trưởng phòng hành chính - quản trị	333 - 359 - 388
- Phó phòng hành chính - quản trị	300 - 322 - 346

3. Cán bộ lãnh đạo đoàn thể huyện, quận, thị xã

Chức vụ	Mức lương
- Chánh	346 - 374 - 405
- Phó	310 - 333 - 359

III- CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CÔNG ĐOÀN NGÀNH TRUNG ƯƠNG

Chức vụ	Mức lương
- Chánh thư ký	533 - 576 - 621
- Phó thư ký	474 - 513 - 555
- Trưởng ban	374 - 405 - 438 - 474
- Phó trưởng ban	333 - 359 - 388 - 420

**BẢNG LƯƠNG CỦA CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÔNG TÁC
Ở CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG**

- Cán bộ chuyên môn và nhân viên nghiệp vụ công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể quần chúng từ trung ương đến cơ sở, thống

nất áp dụng các bảng lương chuyên môn - nghiệp vụ của Nhà nước đã ban hành cho cán bộ, nhân viên cơ quan chính quyền.

Cán bộ trực tiếp giảng dạy ở hệ thống trường đảng, đoàn thể áp dụng theo quy định của bảng lương cán bộ giảng dạy.

- Ngoài hệ thống lương chính trên đây, đối với các đảng ủy trên cơ sở, các công đoàn ngành địa phương... vận dụng các khung, bậc lương của chính quyền cùng cấp, các bảng lương của Đảng, đoàn thể đã được ban hành để xếp lương cho cán bộ chuyên trách công tác đảng, đoàn thể theo tương quan nội bộ từng nơi.

- Cán bộ chuyên trách công tác đảng và đoàn thể ở các xí nghiệp và cơ sở kinh tế quốc doanh thì tiến hành xếp lương theo Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 29-9-1984 của Ban Bí thư¹⁾.

- Ban Tổ chức Trung ương cùng với các cơ quan có liên quan, hướng dẫn việc xếp lương cho cán bộ chuyên trách các hội quần chúng khác (Hội Liên hiệp Văn học - nghệ thuật, Hội nhà báo, v.v.).

- Các chế độ phụ cấp, các khoản bảo lưu và chính sách chế độ khác: phúc lợi xã hội, bảo hiểm lao động, v.v. áp dụng thống nhất như quy định của Nhà nước.

- Việc chuyển từ khung, bậc lương hiện nay sang khung, bậc lương mới thực hiện thống nhất theo hướng dẫn của Bộ Lao động.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.45, tr.374 (B.T).

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 59-QĐ/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1985

**Về việc sửa đổi một số chính sách, chế độ đối với
cán bộ cũ và cán bộ cao cấp**

Để thực hiện cải tiến một bước chế độ tiền lương và các chế độ chính sách có liên quan đến tiền lương, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định sửa đổi một số chính sách đối với cán bộ cũ và cán bộ cao cấp như sau:

1. Về chính sách ưu đãi cán bộ cũ trước Cách mạng Tháng Tám 1945:

- Cán bộ cũ (cả đương chức và nghỉ hưu) đều được trợ cấp ưu đãi hàng tháng theo số năm hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám 1945, cứ mỗi thâm niên được 20 đồng.

- Cán bộ cũ khi mất, được hưởng trợ cấp một số tháng lương và tiền tuất như quy định đối với liệt sĩ.

- Đối với cán bộ cũ ở xã, phường, thì có hai mức trợ cấp: 220 đồng/tháng cho số đồng chí hoạt động trước 1935, và 160 đồng/tháng cho số đồng chí hoạt động từ 1936 đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Chế độ đối với cán bộ cao cấp (bộ trưởng, thứ trưởng, trưởng và phó ban của Trung ương...):

a) Quy định lại chế độ người giúp việc như sau:

- Bộ trưởng và tương đương được trợ cấp về người giúp việc là 220 đồng/tháng.

- Thứ trưởng, phó ban và tương đương được trợ cấp về người giúp việc là 110 đồng/tháng.

Số tiền trợ cấp này được cộng vào lương và nhân với hệ số phụ cấp đắt đỏ (nếu có).

- Khi nghỉ hưu thì thôi trợ cấp người giúp việc (trừ trường hợp thật đặc biệt).

b) Cán bộ cao cấp khi mất, hưởng các chế độ như mọi cán bộ (số tháng lương được hưởng, tiền tuất...) từng thời gian nếu xét thấy gia đình có khó khăn thì sẽ trợ cấp.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành chế độ lương mới.

T/M BAN Bí THU
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THU**

Số 46-TT/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1985

Về việc tổ chức viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và công tác tuyên truyền văn hoá tại Lăng của Người

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công trình kiến trúc có ý nghĩa chính trị và tư tưởng to lớn. Đây là nơi nhân dân ta từ thế hệ này đến thế hệ khác đến viếng Người để tỏ lòng biết ơn và nguyện tiếp bước theo con đường cách mạng do Đảng và Người đã vạch ra.

Trong gần 10 năm qua, chúng ta đã làm tốt việc quản lý Lăng, cố gắng phục vụ thuận tiện, chu đáo cho nhân dân ta và khách nước ngoài đến viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần vào sự nghiệp giáo dục truyền thống cách mạng của dân tộc và Đảng ta. Tuy vậy, công tác tổ chức để đồng bào các địa phương trong cả nước về Hà Nội viếng Bác Hồ cũng còn một số thiếu sót; việc tổ chức sinh hoạt văn hoá ở Lăng thiếu sự chỉ đạo và sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành.

Để đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân muốn về Lăng viếng Bác và thăm khu di tích Người ở và làm việc, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ địa phương và các ngành:

1. Có kế hoạch tổ chức để cán bộ và nhân dân các tỉnh, thành phố lần lượt về Hà Nội viếng Bác Hồ. Chú ý các gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, các đồng chí cách mạng lão thành, đồng bào các dân tộc thiểu số, thương binh và cá nhân có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu.

Thành phố Hà Nội cần cải tiến công tác dịch vụ đối với nhân dân các tỉnh, thành trong nước về Thủ đô viếng Bác Hồ.

Ban phụ trách quản lý Lăng, dựa trên cơ sở kế hoạch của các địa phương và các ngành đăng ký, tổ chức chu đáo việc đón tiếp và hướng dẫn nhân dân viếng Lăng và thăm khu di tích của Người.

2. Ban Tuyên huấn, Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Bộ Văn hoá có trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn việc tổ chức sinh hoạt tuyên truyền văn hoá tại khu vực Lăng.

T/M BAN BÍ THU

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 74-CT/TW, ngày 19 tháng 9 năm 1985

**Về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động
kế hoạch hoá gia đình¹ nhằm hạ tỷ lệ phát triển
dân số**

Từ sau Đại hội lần thứ V của Đảng, nhiều địa phương và cơ sở đã tích cực lãnh đạo đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch và đã đạt được một số kết quả. Tuy vậy, tỷ lệ phát triển dân số trong phạm vi cả nước vẫn còn cao (2,3%). Tốc độ tăng dân số nhanh hơn tăng sản xuất đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội. Ở nhiều nơi, cấp uỷ đảng, chính quyền và đoàn thể chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa quan trọng của vấn đề, chưa kết hợp chặt chẽ chỉ đạo phát triển dân số với phát triển kinh tế - xã hội; còn thiếu biện pháp đồng bộ, chưa phối hợp tốt các lực lượng và thiếu thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện. Cấp cơ sở chưa có kế hoạch cụ thể về dân số. Các đoàn thể chưa làm tốt việc giáo dục, vận động quần chúng tích cực

1. Trước đây gọi là cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch.

thực hiện kế hoạch hoá gia đình về sinh đẻ có kế hoạch. Ngành y tế chưa có tổ chức và lực lượng đủ sức đáp ứng nhu cầu của cuộc vận động. Nhà nước còn thiếu những chính sách, chế độ khuyến khích việc sinh đẻ có kế hoạch.

Để chấp hành tốt nghị quyết của Đại hội về vấn đề dân số, phải có sự chuyển biến mạnh mẽ của các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong việc lãnh đạo cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình, và phải sử dụng đồng bộ các biện pháp, phải huy động lực lượng đông đảo của các ngành và các đoàn thể tham gia cuộc vận động.

Trước mắt, cần giải quyết tốt một số vấn đề sau đây:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục văn đê dân số và kế hoạch hoá gia đình, làm cho mọi người hiểu rõ ý nghĩa chiến lược, tính chất nhân đạo của chính sách, khắc phục những tư tưởng, nhận thức và tập quán lạc hậu. Phát động phong trào quần chúng rộng rãi tham gia cuộc vận động, làm cho những đôi vợ chồng trong tuổi còn sinh đẻ tự giác, tự nguyện áp dụng các biện pháp thực hiện sinh đẻ có kế hoạch theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Các cơ quan tuyên truyền, báo chí, văn hoá văn nghệ cần đưa vấn đề này vào chương trình hoạt động thường xuyên và có nội dung tuyên truyền thích hợp với từng đối tượng ở từng vùng.

Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề cần đưa việc giáo dục vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình vào chương trình chính khoá của các trường. Hệ thống các trường của Đảng, các đoàn thể, các ngành (kể cả quân đội) phải có kế hoạch và nội dung giáo dục vấn đề này cho học viên.

2. Cấp ủy đảng, cơ quan chính quyền ở cơ sở phải có kế hoạch cụ thể về dân số và kế hoạch hoá gia đình và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đó.

Các tổ chức đảng và các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các cấp phải coi việc vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của mình để có kế hoạch tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên tích cực tham gia cuộc vận động, gương mẫu và làm nòng cốt cho phong trào. Các cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện cuộc vận động.

Các cơ quan khoa học cần tổ chức nghiên cứu khoa học dân số, để phục vụ thiết thực cho công tác tuyên truyền giáo dục và cho việc xây dựng chính sách dân số của Đảng và Nhà nước.

3. Ngành y tế, từ bộ đến các cơ sở, cần chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp chuyên môn bảo đảm cho quân chúng áp dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình được thuận tiện và an toàn. Cần củng cố mạng lưới và tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, công tác kế hoạch hoá gia đình ở các cấp, nhất là ở các huyện, quận, xã, phường. Cùng với việc tiếp tục tranh thủ viện trợ quốc tế, cần khẩn trương nghiên cứu tổ chức sản xuất trong nước các dụng cụ tránh thai và thuốc tránh thai để chủ động đáp ứng từng bước yêu cầu của nhân dân.

4. Uỷ ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình cần hoàn thành sớm việc chuẩn bị để đề nghị với Hội đồng Bộ trưởng ban hành các chế độ, chính sách cụ thể nhằm khuyến khích cán bộ công nhân, viên chức và nhân dân thực hiện tốt sinh đẻ có kế hoạch.

Các ngành, các địa phương, khi ban hành các chủ trương, các quy định về kinh tế, xã hội cần chú ý tránh những điều trái với chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và sự chỉ đạo của uỷ ban nhân dân các cấp, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các đoàn thể, làm cho cuộc vận động được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục gắn liền với các mặt công tác khác, bảo đảm thực hiện tốt chỉ tiêu hạ tỷ lệ phát triển dân số.

Cần đưa chỉ tiêu đó vào nội dung thi đua của các địa phương và cơ sở.

Ban Khoa giáo Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 75-CT/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1985

**Một số vấn đề trước mắt về công tác tư tưởng
và công tác tổ chức để bảo đảm thi hành
Nghị quyết 8 của Trung ương**

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương là sự đổi mới có ý nghĩa cách mạng trong quản lý nền kinh tế nước ta và có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội. Thực hiện Nghị quyết là một quá trình phấn đấu toàn diện, đòi hỏi phải có những biện pháp đồng bộ về kinh tế, tư tưởng và tổ chức, với những bước đi thích hợp.

Những việc đã làm trong mấy tháng qua về tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Trung ương, bù giá vào lương, quản lý thị trường, đổi tiền... tuy đã đem lại những kết quả tích cực, nhưng mới là bước đầu. Sắp tới, còn có nhiều vấn đề lớn phải giải quyết, như thực hiện chính sách giá mới và lương mới, tổ chức lại sản xuất, đổi mới công tác kế hoạch hoá và cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện quyền chủ động của cơ sở sản xuất và kinh doanh... Quá trình nghiên cứu và thi hành Nghị quyết vừa qua đã cho thấy có nhiều

vấn đề về tư tưởng và tổ chức cần được khẩn trương nghiên cứu và giải quyết tốt hơn.

Để bảo đảm thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và những quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về giá, lương, tiền, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, các ban, các ngành, các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở làm tốt một số việc sau đây về công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

I- TIẾP TỤC QUÁN TRIỆT NHỮNG TƯ TUỞNG, QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT 8 GẮN LIỀN VỚI VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT BỘ CHÍNH TRỊ VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỀ GIÁ, LƯƠNG, TIỀN

1. Công tác tư tưởng trong thời gian tới vẫn phải coi trọng việc nghiên cứu và quán triệt sâu sắc, toàn diện những nội dung cơ bản của Nghị quyết 8. Trước mắt, cần tiến hành ngay một đợt tuyên truyền, giải thích và thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị, các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về giá và lương.

Các tổ chức đảng cần đánh giá lại việc nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết 8 trong ba tháng qua, trên cơ sở đó tổ chức cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể từ trung ương đến cơ sở nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính trị, các quyết định cụ thể của Hội đồng Bộ trưởng về giá, lương và bàn kế hoạch thực hiện trong ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Phải thông qua các cuộc sinh hoạt này của tổ chức đảng mà làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu thêm về nội dung Nghị quyết 8.

Đối với công nhân, viên chức và nhân dân, dùng những hình thức phù hợp với từng đối tượng để tuyên truyền, giải thích tinh thần cơ bản Nghị quyết 8 gắn với các quyết định cụ thể về giá và lương. Các đoàn thể cần hướng dẫn tổ chức cơ sở sinh hoạt để thảo luận nắm được chủ trương, chính sách và định ra chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

Các báo, đài không công bố những quyết định cụ thể về giá và lương mới (cả ở trung ương và ở địa phương), mà căn cứ vào nghị quyết Bộ Chính trị để tiếp tục tuyên truyền, giải thích tư tưởng, quan điểm cơ bản của Nghị quyết 8, giới thiệu những kinh nghiệm và những kết quả đã đạt được trong quá trình thực hiện nghị quyết, đặc biệt là của các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Trong việc giới thiệu những kinh nghiệm tốt, những nơi làm tốt, cần có sự phối hợp, thống nhất về nhận định, đánh giá giữa các báo, đài với các cơ quan quản lý sản xuất, kinh doanh, và chú ý: làm đến đâu nói đến đấy.

Công tác tư tưởng phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức thực hiện, có tính chiến đấu, nồng động, nhạy bén, có hiệu quả.

2. Về nội dung tuyên truyền, phổ biến nghị quyết cần chú ý:

a) Làm rõ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương là một sự chuyển hướng mạnh mẽ, sâu sắc trong chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta không những về giá cả, tiền lương mà cả về thương nghiệp, tài chính, tiền tệ, về cơ chế kế hoạch hóa và quản lý kinh tế. Tinh thần cơ bản của nghị quyết là *kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà giá, lương, tiền là khâu*

đột phá. Việc điều chỉnh giá, lương, tiền nhằm tạo điều kiện cho các xí nghiệp hoạt động được bình thường, thực hiện được hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

b) *Năm vững 5 mục tiêu chủ yếu* đề ra trong nghị quyết, không coi nhẹ mục tiêu nào, nhưng phải nhấn mạnh mục tiêu thúc đẩy sản xuất, khai thác mọi khả năng với năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế cao hơn, để xem xét kết quả giải quyết các vấn đề cụ thể về giá và lương.

c) Làm cho mọi người hiểu rõ việc thực hiện Nghị quyết 8 là *một quá trình phấn đấu toàn diện, đồng bộ, kiên quyết, khẩn trương và có bước đi vững chắc*. Việc tính đủ chi phí, xoá bỏ bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ bù lỗ trong nền kinh tế quốc dân, cũng như việc xây dựng cơ chế quản lý mới, thực hiện đầy đủ quy luật phân phối theo lao động, phải làm từng bước, phù hợp với tình hình cụ thể trước mắt và trình độ phát triển của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm phát triển sản xuất và lưu thông, bảo đảm đời sống ổn định; không bảo thủ, do dự, cũng không giản đơn, nóng vội. Sự chỉ đạo, điều hành việc xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý mới phải rất năng động, linh hoạt, theo đúng những nguyên tắc đã xác định trong nghị quyết của Trung ương.

Cần thấy rõ những điều kiện thuận lợi nhưng cũng phải lường hết những hệ quả kinh tế, xã hội bất lợi nhất thời và cục bộ có thể xảy ra. Các cấp bộ đảng và chính quyền phải nắm chắc diễn biến của tình hình để phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm tốt, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh, tăng cường thống nhất nhận thức tư tưởng và hành động. Phải

nâng cao cảnh giác, kịp thời phát hiện và đập tan những hành động phá hoại của địch.

d) *Phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, phát huy tính chủ động của cấp dưới và cơ sở, đề cao ý thức tổ chức và kỷ luật của cán bộ, đảng viên, làm rõ trách nhiệm cụ thể của các ngành, các cấp, của từng đơn vị, từng người, kết hợp tốt hai động lực tư tưởng và lợi ích kinh tế để phát động phong trào quần chúng sôi nổi thực hiện nghị quyết.

Phải chủ động và kịp thời khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong tư tưởng và hành động của một số cán bộ, đảng viên, đoàn viên, nhân viên, bảo đảm cho các chính sách giá, lương, tiền được thực hiện tốt, xây dựng được cơ chế quản lý mới, đồng thời giữ gìn, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và củng cố tổ chức đảng.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế và các ban kinh tế của Trung ương phối hợp tổ chức nghiên cứu, sửa đổi ngay nội dung giảng dạy và học tập môn quản lý kinh tế ở các trường đảng và trường quản lý theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương. Qua việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 8, qua tổng kết kinh nghiệm thực tế, giải quyết các vấn đề về giá - lương - tiền, về đổi mới cơ chế quản lý mà xây dựng tư duy kinh tế mới, nâng cao năng lực tổ chức, năng lực quản lý của cán bộ, đảng viên.

II- GIỮ NGHIÊM KỶ LUẬT CHẤP HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ TĂNG CƯỜNG KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Các cấp uỷ đảng phải chỉ đạo giữ nghiêm kỷ luật chấp

hành nghị quyết; thông qua việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương, Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị mà lập lại trật tự, kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở. Trong trường hợp thấy cần xem xét lại để sửa đổi, bổ sung một chủ trương, chính sách cụ thể nào đó, thì cấp dưới phải báo cáo, xin chỉ thị và phải chờ quyết định của cấp trên, không được tuỳ tiện thay đổi. Cơ quan lãnh đạo cấp trên có trách nhiệm trả lời và giải quyết kịp thời những yêu cầu, kiến nghị của cấp dưới và đơn vị cơ sở. Kiên quyết khắc phục những hiện tượng tự do chủ nghĩa, thiếu ý thức trách nhiệm, nghiêm trị những người cố ý làm sai nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vì lợi ích cục bộ, bản位 và lợi ích cá nhân.

Tăng cường công tác kiểm tra từ trên xuống và kiểm tra từ dưới lên ở tất cả các cấp, các ngành để kịp thời phát hiện và cổ vũ, phát huy những nơi làm tốt, những kinh nghiệm tốt cũng như phát hiện những nơi làm kém, làm sai và kịp thời uốn nắn, bồi khuyết, đồng thời qua kiểm tra thực tế thi hành nghị quyết ở cơ sở mà phát hiện những vấn đề về chủ trương, chính sách cần bổ sung, sửa đổi.

Trong việc thực hiện các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về giá và lương, cần đặc biệt chú trọng các hoạt động kiểm tra, thanh tra của quần chúng. Các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ cần phối hợp với cơ quan thanh tra nhà nước, chỉ đạo các cấp bộ đoàn, hội lập các tổ kiểm tra nhân dân ở từng phường, xã; trước mắt tập trung kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về giá cả, kể cả tư thương và các đơn vị sản xuất, kinh doanh của Nhà nước và hợp tác xã.

Các cơ quan chính quyền phải tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ kiểm tra nhân dân làm tốt nhiệm vụ.

III- TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC CHẨN CHỈNH TỔ CHỨC, BỒI DƯỠNG VÀ BỐ TRÍ CÁN BỘ

Theo tinh thần Nghị quyết 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, và trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn và khả năng cụ thể của mình, mỗi cấp uỷ đảng, mỗi cơ quan, đơn vị cần chủ động xác định lại chức năng, nhiệm vụ, phương pháp công tác, trên cơ sở ấy, chấn chỉnh lại tổ chức bộ máy và biên chế cho hợp lý hơn. Những việc có thể làm ngay là: bỏ bớt những tổ chức trùng thửa, chuyển những người không cần thiết trong bộ máy hành chính và quản lý sang trực tiếp sản xuất, kinh doanh, loại bỏ những phần tử xấu, những phần tử thoái hoá, biến chất ra khỏi các cơ quan của Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng.

Ban Tổ chức Trung ương cùng Tổng Công đoàn, Bộ Lao động nghiên cứu để Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định các chính sách, chế độ cụ thể giải quyết việc làm và bảo đảm đời sống cho những người dôi ra ở bộ máy hành chính và quản lý.

Các ban và các đoàn thể cần nghiên cứu và đề xuất ý kiến để Ban Bí thư quyết định về tổ chức bộ máy của các ban, các đoàn thể ở trung ương và các cấp.

Các cấp uỷ đảng và các đồng chí lãnh đạo các ngành phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý mà kiểm tra, đánh giá lại đội ngũ cán bộ cốt cán ở địa phương và ngành, trước hết là những cán bộ lãnh đạo các cơ quan kinh

tế và cán bộ quản lý các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở đánh giá đúng chỗ mạnh, chỗ yếu của cán bộ mà định ra kế hoạch cụ thể bồi dưỡng cán bộ về chính sách kinh tế, về những kiến thức kinh nghiệm mới trong công tác quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương. Đối với những cán bộ qua thực tế thi hành các nghị quyết của Đảng tỏ ra thiếu ý thức trách nhiệm và không đủ năng lực làm tốt trách nhiệm được giao thì cần điều chỉnh, bố trí lại.

IV- NÂNG CAO VAI TRÒ LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Các đảng uỷ và chi bộ đảng ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh cũng như các cơ quan, đơn vị khác, phải phối hợp chặt chẽ với các cán bộ phụ trách chuyên môn tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng và các quyết định của Nhà nước. Cụ thể là:

Góp sức cùng cán bộ phụ trách cơ quan, đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận dụng các chủ trương, chính sách, chế độ, quy định chung sát hợp với tình hình thực hiện của từng cơ quan, đơn vị.

Nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng và thực hiện các phương án đổi mới quản lý, cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới nhằm tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, chấn chỉnh tổ chức và biên chế, làm cho sản xuất và kinh doanh có hiệu quả ngày càng cao, vừa tăng thu nhập cho người lao động, vừa tăng tích luỹ cho Nhà nước.

Phẩm chất cán bộ, đảng viên phải thể hiện rõ rệt trong cuộc đấu tranh xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chống bảo thủ trì trệ, xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý mới, đấu tranh khắc phục những hiện tượng tự do chủ nghĩa, cục bộ, bản vị, ở tất cả các cơ quan, đơn vị, chi bộ đảng phải làm tốt nhiệm vụ giáo dục và kiểm tra đảng viên nghiêm chỉnh thi hành nghị quyết; phát hiện và xử lý kịp thời những đảng viên sai phạm nghiêm trọng trong việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước, những hành động xâm phạm của công, làm ăn phi pháp, giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và bảo đảm cho tổ chức đảng được vững mạnh, trong sạch.

Tăng cường công tác giáo dục, vận động quần chúng, tạo ra phong trào quần chúng hăng hái thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và chủ trương, kế hoạch của đơn vị, chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của những người lao động, xây dựng đơn vị và từng bộ phận trong đơn vị thành những tập thể lao động xã hội chủ nghĩa làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

*

* *

Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc việc thi hành Chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 76-CT/TW, ngày 9 tháng 10 năm 1985

Một số chủ trương về vấn đề nhà ở của cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay

Trong thời gian qua ở nhiều nơi đã xảy ra những sự việc tiêu cực trong vấn đề nhà ở: lấy vốn và vật tư của Nhà nước làm nhà cấp cho cán bộ lãnh đạo làm sở hữu riêng; lợi dụng chức quyền tham ô hoặc mua rẻ nhiều vật tư, nguyên liệu để xây cất nhà riêng; chiếm dụng nhà ở nhiều nơi và quá rộng so với tiêu chuẩn cho phép; mua bán, nhượng đổi nhà của Nhà nước để kiếm lời, v.v..

Đây là một dạng tiêu cực khá phổ biến, kéo dài và có mặt nghiêm trọng, lại xảy ra trong một số cán bộ có chức, có quyền đã gây nhiều tác hại: uy tín của Đảng trong quần chúng bị giảm sút; tài sản, vật tư của Nhà nước bị tổn thất; không ít cán bộ, đảng viên bị hư hỏng, nội bộ lục đục, mất đoàn kết.

Nguyên nhân của tình hình trên có phần do khó khăn về thiếu nhà hiện nay, có phần do chế độ, chính sách về nhà đất

chậm được bổ sung, sửa đổi, nhưng trước hết là do kỷ luật không nghiêm, một số cán bộ lanh đạo thiếu gương mẫu.

Để khắc phục tình hình trên, Ban Bí thư chỉ thị một số điểm sau đây:

1. Cần sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ về nhà ở cho phù hợp với tình hình mới và đưa việc quản lý nhà đất đi vào nền nếp

Nhà ở là một trong những nhu cầu cơ bản và cấp thiết của cán bộ, công nhân, viên chức. Đảng và Nhà nước ta cần có chính sách cơ bản và toàn diện đồng thời có kế hoạch cụ thể giải quyết từng bước.

Các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước cần sớm nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách xây dựng, sửa chữa, phân phối, quản lý nhà ở và giá thuê nhà trong phạm vi cả nước, đưa việc quản lý nhà ở đi vào nền nếp.

Nhà nước phấn đấu bảo đảm cho cán bộ, công nhân, viên chức đều có nhà ở theo tiêu chuẩn quy định.

Nhà nước cần có kế hoạch tích cực điều chỉnh lại diện tích nhà ở lâu nay sử dụng không hợp lý (kể cả nhà ở, nhà dùng cho sản xuất, kinh doanh, kho tàng, v.v.) đồng thời đầu tư vốn thích đáng xây cất nhà mới, sửa chữa nhà cũ, để có thêm điều kiện giải quyết nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức.

Hướng chủ yếu là xây cất những ngôi nhà ở tập thể, thiết kế phù hợp với yêu cầu bố trí được cho các loại cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp.

Cần có chính sách huy động vốn tự có của địa phương, của ngành, vốn của tập thể hoặc cá nhân cán bộ, công nhân, viên chức để cùng Nhà nước xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở,

thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", "trung ương và địa phương cùng làm" một cách có tổ chức.

Nhà nước cần có chính sách hàng năm dành một số nguyên vật liệu (gỗ, xi măng, vôi, gạch, ngói...) để bán cho cán bộ, công nhân, viên chức có khả năng tự làm nhà để ở, theo nguyên tắc: được mua một số nguyên vật liệu đủ để làm một nhà cấp bốn phù hợp với diện tích được ở theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

Đối tượng được ưu tiên mua nguyên vật liệu làm nhà là: cán bộ được quy định là cán bộ cũ; gia đình có công với cách mạng; gia đình liệt sĩ; cán bộ, công nhân, viên chức (kể cả cán bộ, công nhân viên quốc phòng) chiến đấu lâu năm trong hậu địch hồi chống Pháp hoặc chống Mỹ hoặc công tác lâu năm ở miền núi, hải đảo, các chiến trường xa; cán bộ khoa học kỹ thuật tiêu biểu và công nhân lành nghề có nhiều cống hiến; cán bộ công tác ở đô thị nay về hưu ở nông thôn đã trả nhà cho Nhà nước và có nhu cầu sửa chữa nhà cũ ở quê. Những đối tượng này phải ở trong diện chưa có nhà ở hoặc nhà ở quá chật chội, dột nát. Tuỳ theo khả năng của từng địa phương và hoàn cảnh cụ thể từng người mà sắp xếp giải quyết trước hoặc sau cho hợp lý.

Cần nghiên cứu việc Nhà nước làm nhà bán lại cho cán bộ theo tiêu chuẩn được ở hoặc hoá giá bán những ngôi nhà cũ cấp ba, cấp bốn cho cán bộ, nhân viên.

2. Một số quy định về xây cất, sửa chữa, sử dụng nhà ở đối với cán bộ, đảng viên

Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành các chính sách, chế độ về nhà đất do Nhà nước ban hành. Phải đấu

tranh chống các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau đây:

- Nghiêm cấm việc dùng quỹ công, nguyên vật liệu, phương tiện của Nhà nước để làm nhà riêng dưới hình thức cho không hoặc cho vay trả dần.

- Không được lợi dụng chức quyền lấy đất, mua nguyên vật liệu quá tiêu chuẩn quy định, không được lợi dụng phương tiện, nhân công của Nhà nước để làm nhà riêng cho mình hoặc con cái. Cán bộ lãnh đạo không được dành phần mua nguyên vật liệu trước các đối tượng cần ưu tiên đã nói ở trên.

- Cán bộ không được lợi dụng chức quyền để cải tạo lại nhà đã được Nhà nước phân phối cho với yêu cầu quá cao so với kiến trúc cũ, ảnh hưởng đến cấu trúc và tính vững bền của ngôi nhà, gây tổn kém cho công quỹ quá nhiều.

- Mỗi cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước chỉ được phân phối một chỗ ở ổn định theo tiêu chuẩn quy định, không được lợi dụng chức quyền chiếm nhiều nhà, nhiều chỗ ở, diện tích rộng quá tiêu chuẩn quy định, không được biến nhà của Nhà nước thành sở hữu riêng. Không được dùng nhà của Nhà nước phân phối cho để cho thuê lại, đổi chác, mua bán kiếm lời. Không được sửa chữa biệt thự thành khu nhà tập thể dành cho người thân trong gia đình hoặc cán bộ, công nhân trong cơ quan sử dụng, hoặc biến thành cơ sở sản xuất của tư nhân hoặc tập thể.

- Khi chuyển công tác đi nơi khác hoặc được phân phối chỗ ở khác, phải trả nhà cũ cho cơ quan quản lý, không được nhượng bán, đổi chác cho người khác. Nếu còn người thân ở lại (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) thì cũng phải báo với cơ quan quản lý nhà đất để làm thủ tục thuê nhà theo quy định

chung và những người đó cũng chỉ được phân phối diện tích ở theo tiêu chuẩn quy định. Diện tích còn thừa phải trả lại cho Nhà nước.

- Những cán bộ, đảng viên ưu trí nay về nông thôn phải trả lại nhà cho Nhà nước và nếu nhà ở quê dột nát có nhu cầu sửa chữa thì được Nhà nước trợ cấp cho một số tiền hoặc bán cho một số nguyên vật liệu. Nếu nhà ở quê đã được cơ quan ở địa phương giúp đỡ xây dựng, sửa chữa rồi thì nay không được nhận trợ cấp về việc trả lại nhà cho Nhà nước.

- Đối với gia đình những cán bộ đã mất, cơ quan quản lý cần xem xét sau một thời gian nhất định điều chỉnh lại nhà. Tuỳ tình hình cụ thể hoặc vấn đề gia đình ở như cũ hoặc điều chỉnh hợp lý, thu hẹp bớt diện tích theo chính sách. Nếu ở biệt thự thì Nhà nước cấp diện tích mới ở nơi khác cho phù hợp.

- Từ nay cán bộ, đảng viên, nhất là ở thành phố, thị trấn, muốn làm nhà riêng phải báo cáo với chi bộ và cơ quan công tác về: mục đích làm nhà, diện tích xây dựng và nguồn vốn, vật tư để xây nhà. Nếu tổ chức xét thấy hợp lý, chính đáng, đồng ý thì cán bộ, đảng viên mới được làm nhà.

Cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã nếu muốn làm nhà càng phải cân nhắc thận trọng, báo cáo và xin phép tập thể cấp uỷ, gương mẫu giữ gìn kỷ luật tài chính và vật tư.

- Đối với một số trường hợp đặc biệt là cán bộ cách mạng lão thành có nhiều công hiến, là cán bộ dân tộc tiêu biểu, cán bộ lãnh đạo hoạt động lâu năm ở miền núi, nay về hưu mà chưa có nhà ở thì do tỉnh uỷ, thành uỷ cân nhắc quyết định, có thể phân phối nhà ở, giúp làm nhà hoặc cấp biếu một số nguyên vật liệu.

3. Xử lý những vụ vi phạm chính sách nhà ở

Từ nay về sau, cán bộ, đảng viên nào còn vi phạm những điều quy định trên, đều phải được kiểm điểm nghiêm khắc và tuỳ theo tính chất từng vụ việc vi phạm mà xử lý thích đáng.

Đối với những vụ việc đã xảy ra lâu nay, quần chúng có dư luận thắc mắc, các ngành, các cấp cần rà soát lại một cách có trọng điểm, đối với những vụ sai phạm nghiêm trọng phải xử lý nghiêm túc. Cụ thể là:

- Đối với những ngôi nhà hoàn toàn dùng quỹ công, vật tư, phương tiện... của Nhà nước để xây dựng thành nhà riêng của cá nhân thì thu hồi lại làm nhà công, có thể vẫn để cho cán bộ đó ở theo tiêu chuẩn và trả tiền thuê nhà hoặc bố trí để cán bộ ở nơi khác cho phù hợp tiêu chuẩn. Nếu ngôi nhà không lớn, dùng nguyên vật liệu không nhiều thì có thể hoá giá theo giá hiện hành và bán lại, nếu cán bộ đó yêu cầu.

- Đối với những ngôi nhà dùng một phần công quỹ hoặc dùng quyền lực để chiếm nhiều đất, mua nhiều nguyên vật liệu với giá rẻ, dùng phương tiện và nhân công của Nhà nước để vận chuyển và xây dựng, thì phải bồi hoàn lại cho Nhà nước phần mua và sử dụng ngoài quy định. Phần đất chiếm quá quy định thì phải trả lại cho Nhà nước. Nếu không đủ khả năng bồi hoàn thì chuyển thành nhà công; Nhà nước trả lại phần tiền và công cán bộ đã bỏ ra và phân phôi cho cán bộ đó một nơi ở theo tiêu chuẩn quy định.

- Những cán bộ được phân phôi nhà nhưng lại đem nhượng bán lấy hoa hồng thì thu lại toàn bộ số tiền đó cùng với nhà đó.

- Những cán bộ ở nhiều nơi, nhiều nhà thì thu hồi theo chính sách quy định; ở rộng quá tiêu chuẩn thì phải điều

chỉnh lại, hoặc phải trả tiền thuê nhà theo giá cao hơn đối với phần diện tích ở quá tiêu chuẩn.

- Những cán bộ đang quản lý nhà vắng chủ mà không phải là người thừa kế hợp pháp thì phải giao lại nhà đó cho Nhà nước quản lý và xử lý theo chế độ chính sách chung về nhà ở.

Trên đây là một số quy định về nhà ở trong tình hình trước mắt. Các ngành, các cấp phải kiểm tra lại, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này, trước mắt cần xử lý dứt điểm và nghiêm túc những vụ vi phạm lớn và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

Cần kiện toàn cơ quan quản lý nhà đất các cấp đủ mạnh, loại bỏ phần tử xấu, lợi dụng chức quyền, tham ô, hối lộ.

Các chi bộ có trách nhiệm quản lý đảng viên trong việc xây cất, sửa chữa lớn và sử dụng nhà cửa, làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành Chỉ thị này. Những cán bộ, đảng viên vi phạm hoặc có dư luận vi phạm những quy định trên đây đều phải báo cáo rõ và kiểm điểm trước chi bộ.

Hội đồng Bộ trưởng căn cứ Chỉ thị này chỉ đạo các bộ, tổng cục có trách nhiệm nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ về nhà ở trong phạm vi cả nước và đưa việc quản lý nhà đi vào nền nếp.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 66-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1985

**Về mức lương của các đồng chí lãnh đạo cao cấp
của Đảng**

Tiếp theo Quyết định số 58-QĐ/TW ngày 18-9-1985 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về mức lương của cán bộ lãnh đạo hệ thống Đảng, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định mức lương hàng tháng của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| - Tổng Bí thư | 1.100 đồng |
| - Uỷ viên Bộ Chính trị | 950 đồng |
| - Bí thư Trung ương Đảng | 870 đồng. |

Ngoài lương chính, các đồng chí lãnh đạo trên còn được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định chung của Nhà nước.

T/M BAN Bí THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 67-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1985

**Ý kiến của Ban Bí thư về tình hình xây dựng
Nhà máy thủy điện Hoà Bình**

Cuối tháng 9-1985, Ban Bí thư đã nghe Bộ Điện lực và Bộ Xây dựng báo cáo tình hình thi công và những khó khăn của công trường xây dựng Nhà máy thủy điện Hoà Bình trên sông Đà. Ban Bí thư có một số ý kiến như sau:

Nhà máy thủy điện Hoà Bình là một công trình có vị trí và ý nghĩa to lớn về nhiều mặt; riêng về điện, mỗi năm cung cấp cho nền kinh tế quốc dân trên 7 tỷ kWh; nếu thực hiện đúng tiến độ đã được thoả thuận giữa hai đảng và hai nhà nước, tổ máy đầu tiên hoàn thành vào cuối năm 1987 sẽ cung cấp cho lưới điện miền Bắc trong năm 1988 1 tỷ kWh, tương đương với 40-50 vạn tấn than dùng cho nhiệt điện.

Thời gian vừa qua, cán bộ, công nhân và chiến sĩ trên công trường, được sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Bộ trưởng, sự chi viện về vật chất và tinh thần của các ngành, các địa phương, nhất là của tỉnh Hà Sơn Bình, đã lao động tích cực, khẩn trương, khởi công xây dựng và lấp sông đợt 1 đúng tiến độ; nay đang nỗ lực

thực hiện mục tiêu lắp sông đợt 2 vào cuối năm 1985, hoàn thành xây lắp và đưa tổ máy đầu tiên vào phát điện từ cuối năm 1987. Nhưng, khối lượng phải thi công trong hai năm 1986-1987 lớn hơn nhiều so với khối lượng đã thực hiện trong hai năm trước; công trường lại đang gặp khó khăn về thiết bị, vật tư và về các điều kiện bảo đảm đời sống cho công nhân.

Để khắc phục khó khăn, bảo đảm tiến độ thi công, Ban Bí thư yêu cầu các ban trung ương, các đoàn thể, các ngành và các cấp uỷ địa phương có liên quan làm tốt mấy việc cấp bách sau đây:

Bộ Điện lực, Bộ Xây dựng phải tích cực cải tiến công tác quản lý, tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao ngày công, thời gian sử dụng xe, máy trên công trường; tranh thủ sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô để đào tạo nhanh và tốt đội ngũ cán bộ, công nhân xây lắp, vận hành đáp ứng yêu cầu của công trình này và cho những công trình tiếp sau. Các bộ cần làm việc chặt chẽ với các cơ quan của Liên Xô về việc tổ chức thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị, vật tư cho công trường. Nếu có khó khăn, phải kịp thời báo cáo để Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giải quyết. Trong trường hợp thật cần thiết, có thể liên hệ về mặt đảng với Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô để tác động thêm về vấn đề này.

Bộ Lương thực, Bộ Nội thương phải cung cấp đủ và đúng hạn lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu cho công trường theo chỉ tiêu Nhà nước giao; nghiên cứu cách tổ chức giao hàng trực tiếp cho công trường từ các ngành, các địa phương được phân công. Tỉnh Hà Sơn Bình cần có kế hoạch và

chính sách cụ thể khuyến khích nhân dân trong tỉnh trồng rau, chăn nuôi cung cấp thực phẩm cho công trường.

Tổng Công đoàn và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải tăng cường chỉ đạo tổ chức thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phong trào thanh niên và chăm lo đời sống vật chất, văn hoá của cán bộ và công nhân trên công trường.

Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các công việc trên công trường liên quan đến phạm vi phụ trách của từng ban. Từ nay, Ban Công nghiệp Trung ương và Tỉnh uỷ Hà Sơn Bình hằng tháng báo cáo với Ban Bí thư tình hình thi công và phục vụ thi công trên công trường thuỷ điện Hoà Bình.

T/M BAN Bí THU
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 68-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 1985

Ý kiến Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 29 tháng 10 – 1 tháng 11 năm 1985, về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Trong bốn ngày 29, 30, 31 tháng 10 và 1 tháng 11, Bộ Chính trị đã họp nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị về giá - lương - tiền. Sau khi thảo luận, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận như sau:

I- NHẬN XÉT CHUNG VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 8

1. Sau khi ban hành Nghị quyết 8 của Trung ương, các tỉnh, thành trong cả nước đã tiến hành bù giá vào lương; một số địa phương làm thủ việc đưa tiền lương được bù vào giá thành sản phẩm. Trong thời gian gần bốn tháng, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã khẩn trương chỉ đạo

làm ba việc: đổi tiền, thực hiện hệ thống giá mới, và hệ thống lương mới, là những việc có tầm quan trọng lớn để thực hiện chủ trương xoá bỏ tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là một vấn đề rất phức tạp, khó khăn, việc thực hiện mới được một thời gian ngắn, nên tuy có việc làm tốt, bước đầu có kết quả, tạo ra phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ và nhân dân, nhưng còn nhiều việc chưa làm được, và trong khi thực hiện lại phạm phải một số khuyết điểm.

Các phương án cụ thể hoá Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị về giá - lương - tiền đã được nghiên cứu, thảo luận ở các ngành và các địa phương nhiều lần. Song các phương án ấy, khi thi hành, đã bộc lộ một số khuyết điểm, chưa sát với thực tế, nhất là thực tế ở cơ sở. Trong tổ chức chỉ đạo việc thực hiện, khuyết điểm bao trùm nhất là chủ quan, nóng vội, tiến hành dồn dập một lúc cả ba vấn đề lớn giá - lương - tiền trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ, chưa đao về điều kiện vật chất, về chính sách chế độ, về tổ chức và cán bộ, về tuyên truyền giáo dục, về đánh địch.

Việc triển khai các phương án giá - lương - tiền chưa gắn chặt với việc tổ chức lại sản xuất, khẩn trương xây dựng cơ chế quản lý mới, nhất là việc xác lập quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở để đẩy mạnh sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao hơn.

2. Về đổi tiền: việc đổi tiền đã thay đổi đơn vị tiền tệ, bảo đảm quỹ tiền tệ phục vụ sản xuất, lưu thông và đời sống; tổng kiểm kê tiền mặt của toàn xã hội. Nhưng có nhiều khuyết điểm, như: kế hoạch đổi tiền bị lộ sớm, nhiều nơi lộ cả thời gian, mức đổi, loại tiền không đổi; mức đổi cho hộ độc

thân và cá nhân quá cao, do đó tạo sơ hở cho bọn đầu cơ, bọn xấu và những người có nhiều tiền lợi dụng phân tán tiền, mua vét hàng, làm hỗn loạn thị trường, giả cả và trật tự xã hội; cách làm nặng về hành chính, về nghiệp vụ ngành dọc, không dựa vào các tổ chức đảng để triển khai công tác tư tưởng, giáo dục trong Đảng và trong nhân dân trong và sau khi thực hiện việc đổi tiền. Tiền lẻ quá ít, lại phân bố, điêu hoà không kịp thời; kẻ địch đã lợi dụng sơ hở này để phá ta, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh; chúng tung ra nhiều tin có tính chất chiến tranh tâm lý như Nhà nước "sắp huỷ các loại tiền lớn", làm cho quần chúng hoang mang, chạy mua hàng, đổi tiền lớn lấy tiền nhỏ, gây rối loạn thị trường và giá cả.

Những khuyết điểm trong việc đổi tiền và trong việc quản lý thị trường, giá cả đã gây ra những hậu quả phức tạp về kinh tế và xã hội.

3. Về *giá cả*: hệ thống giá mới của Nhà nước mới bắt đầu thực hiện, nhưng đã diễn ra những mặt phức tạp:

Giá nhiều loại hàng thiết yếu, nhất là giá cước vận tải (hành khách và hàng hoá), cước bưu điện, giá một số thuốc chữa bệnh, giá muối, giá giấy... tăng lên cao và đột ngột, trong đó có những giá quá cao, trái với chính sách của Đảng và Nhà nước, đã gây tác động mạnh đến tâm lý, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Việc tính giá thành và giá bán buôn chưa được chỉ đạo chặt chẽ, chưa gắn với việc phấn đấu nhằm loại bỏ các chi phí bất hợp lý để hạ giá thành. Đến nay, do giá tính chưa xong, nhiều thứ hàng chưa có giá, nên nhiều xí nghiệp và cửa hàng

phải chờ giá, gây ra tình trạng đình đốn trong sản xuất và lưu thông ở một số địa phương.

Nhiều nơi đã tự động nâng giá làm cho giá Nhà nước đội giá thị trường; cộng thêm với tình hình cung - cầu mất cân đối, kẻ địch và bọn đầu cơ phá rối, mậu dịch quốc doanh chờ giá giữ hàng không bán ra, hiện tượng tiêu cực trong nội bộ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa lại phát triển; do đó, tình hình thị trường và giá cả sau khi đổi tiền và công bố giá mới biến động xấu hơn khi bù giá vào lương, gây lo lắng phổ biến trong cán bộ và nhân dân.

4. Về *tiền lương*: việc công bố hệ thống lương mới và trả lương bằng tiền theo chính sách một giá, bãi bỏ tem phiếu là bước tiến quan trọng trong quá trình xoá bỏ bao cấp, đã mang lại kết quả bước đầu.

Song việc chuyển sang hệ thống lương mới có nhiều thay đổi phức tạp, gây khó khăn cho việc xếp lương mới; trong hệ thống thang - bậc lương mới có những chỗ chưa hợp lý. Các chính sách xã hội kèm theo lương làm chậm hoặc chưa thỏa đáng (học bổng, viện phí, trợ cấp đồng con...). Đặc biệt là đến nay lương và giá không ăn khớp, khi có lương mới thì giá cả đã tăng hơn giá làm căn cứ để tính lương, ảnh hưởng đến thu nhập thực tế của người ăn lương.

5. Việc đổi tiền và thực hiện hệ thống giá mới thiếu kết hợp chặt chẽ với cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường. *Không kịp thời phát hiện và trùng triết đúng mức* những kẻ địch phá hoại tiền tệ và bọn đầu cơ, buôn lậu, tích trữ, ăn cắp.

6. Việc sửa đổi các chính sách, chế độ về *tài chính, ngân hàng* làm chậm. Ngân sách Nhà nước (cả trung ương và địa

phương) thiếu hụt nghiêm trọng, có khả năng dẫn đến tình trạng bị động, bội chi lớn về ngân sách và phát hành tiền, gây ra những hệ quả rất xấu và phức tạp trong thời gian tới.

Tình hình thực tế chứng tỏ Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị là rất đúng đắn. Những khuyết điểm đã gây thêm khó khăn, phức tạp trong sản xuất và đời sống, ảnh hưởng đến lòng tin của đảng viên và quần chúng đối với việc thực hiện nghị quyết chủ yếu là do tổ chức và chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành, trước hết là sự chỉ đạo, điều hành của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Ban Bí thư về mặt quản lý nhà nước cũng như về công tác đảng, công tác quần chúng.

II- PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ QUYẾT 8 CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ NGHỊ QUYẾT 28 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị là một quá trình phấn đấu cách mạng toàn diện, rất phức tạp, phải qua nhiều bước theo những phương án vững chắc mới đi đến thắng lợi hoàn toàn. Qua một thời gian ngắn thực hiện, chưa triển khai đầy đủ các mặt, chưa thể mang hết lại kết quả mong muốn ngay được. Tuy có một số khuyết điểm trong các phương án cũng như trong chỉ đạo thực hiện, song phải kiên trì những phương hướng, chủ trương rất đúng đắn của Nghị quyết 8 Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, quyết tâm chỉ đạo thực hiện các hệ thống giá - lương đã được xác định. Phải kiên quyết và kịp thời sửa chữa những thiếu sót đã nói trên;

nhưng không phải sửa lại toàn bộ, mà sửa chữa những cái rõ ràng không đúng và cần sửa.

Cần nắm vững những quan điểm cơ bản của Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị là phải xuất phát từ tình hình chung và trình độ phát triển kinh tế của ta, trên tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy những tiềm năng lao động, đất đai, ngành nghề, cơ sở vật chất - kỹ thuật, ra sức phát triển sản xuất và xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp và các mối quan hệ khác mà xác định giá trị của hàng hoá và xác định giá cả sát với thực tế nước ta, phù hợp với sức mua của đồng tiền Việt Nam.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, phải kiên quyết giữ vững nguyên tắc *lấy giá thóc làm chuẩn*. Trong khi xác định hệ thống giá cả trong nước, phải tính đến các hoạt động kinh tế đối ngoại, kết quả kinh doanh xuất - nhập khẩu.

Để cho hệ thống giá Nhà nước nói chung không đội giá thị trường xã hội đã hình thành, giá cả phù hợp với sức mua của xã hội, cần phải:

- Một mặt, xác định giá vật tư, nguyên liệu, năng lượng (đầu vào) sao cho các xí nghiệp hoạt động bình thường có giá thành và giá tiêu thụ (đầu ra) hợp lý, tiêu thụ được sản phẩm, có lãi thoả đáng, mở rộng được sản xuất và kinh doanh, phấn đấu để có tích luỹ ngày càng tăng cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Mặt khác, phải làm tốt khâu sản xuất, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, giảm biên chế, giảm định mức tiêu hao vật tư, để từ đó mà có giá thành hạ, không đội giá tiêu thụ

và xã hội có thể chấp nhận được. Trong điều kiện hiện nay, tiềm năng hạ giá thành và phí lưu thông còn rất nhiều. Chỉ có ra sức phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao thì mới có hệ thống giá - lương - tiền hợp lý và đi dần vào thế ổn định.

Giá - lương - tiền là khâu đột phá nhằm xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang thực hiện ngày càng hoàn chỉnh cơ chế quản lý hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương một cách đồng bộ, cơ bản, gắn với các Nghị quyết 6 và 7 của Trung ương, phải tiến hành khẩn trương chuẩn bị việc cải tiến cơ chế quản lý, đồng thời với cải cách giá - lương - tiền, đặc biệt là thực hiện *quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của cơ sở*. Sau khi công bố hệ thống giá - lương mới, để tiếp tục chống bao cấp và đẩy mạnh chống tập trung quan liêu, vấn đề này đã trở thành hết sức bức xúc trong việc thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội nói chung.

III- MỘT SỐ ĐIỂM CỤ THỂ CẦN SỬA ĐỔI

Giữ hệ thống giá - lương - tiền mới công bố, đồng thời khẩn trương sửa một số điều cần thiết, nhưng không thay đổi mặt bằng đã hình thành hiện nay.

1. Về tiền

- Khẩn trương phát hành thêm tiền nhỏ; điều phối tốt các loại tiền giữa các vùng. Kiên quyết đánh trả và làm thất bại âm mưu và các hành động phá hoại của địch và của bọn xấu.

- Từng bước khẩn trương chuyển hoạt động của ngân

hàng sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa và chấn chỉnh tổ chức ngân hàng, sửa đổi các chế độ, quy tắc bất hợp lý về tín dụng và quản lý tiền mặt đang gây trở ngại cho hoạt động sản xuất - kinh doanh.

2. Về giá

- Phấn đấu *giữ mặt bằng giá thị trường xã hội đã hình thành*, thể hiện ở hệ thống giá Nhà nước mới ban hành, đặc biệt là giữ tỷ giá hàng nông sản và hàng công nghiệp; giá Nhà nước (do trung ương hay địa phương công bố theo thẩm quyền đã quy định) nói chung *không được đội giá thị trường*. Khâu quyết định để giữ được mặt bằng giá thị trường xã hội là giữ giá thóc gạo như Trung ương đã quy định.

- Điều chỉnh xuống một số giá quá cao không hợp lý như: cước vận tải hành khách và hàng hoá, cước bưu điện, một số thuốc chữa bệnh, giấy, muối...

- Nhanh chóng tính toán giá thành và các loại giá bán buôn trên tinh thần khai thác mọi khả năng để hạ giá thành và phí lưu thông; xác định giá bán buôn để các xí nghiệp hoạt động mua bán được bình thường, nói chung là làm ăn có lãi. Trường hợp Nhà nước phải bù lỗ thì phải được xét duyệt chặt chẽ.

- Vấn đề *giữ mặt bằng giá*, trước hết là về những hàng chủ yếu (có điều chỉnh lên xuống một ít tuỳ từng mặt hàng và tuỳ vùng khác nhau), là một yêu cầu rất cấp thiết và là nguyện vọng thiêng tha của nhân dân lao động. Phải kiên quyết chống việc đầu cơ nâng giá của bọn gian thương cũng như chống tiêu cực trong nội bộ các cơ quan, xí nghiệp và công ty thương nghiệp quốc doanh.

- Kiên quyết giữ vững *chính sách một giá*. Không được vì

những khó khăn trước mắt mà trở lại chính sách hai giá, vì sẽ lại gây ra bao cấp qua giá, đầu cơ ăn chênh lệch giá... Trường hợp phải định giá mua, giá bán khác nhau cho một sản phẩm (như Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị đã nói) chỉ là cá biệt và tạm thời.

- Cải tiến *cơ chế định giá*, thực hiện phân công phân cấp hợp lý để định giá được sát đúng, vừa bảo đảm quyền chủ động của địa phương và của cơ sở, vừa bảo đảm việc quản lý thống nhất và tập trung của trung ương về giá những mặt hàng chủ yếu. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề cao kỷ luật giá trong các cơ quan nhà nước, trong khu vực kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và quản lý chặt chẽ giá cả trên thị trường tự do. Trừng trị nghiêm khắc bọn gian thương, đầu cơ nâng giá. Uỷ ban Vật giá các cấp có trách nhiệm kiểm tra các cơ quan, xí nghiệp và xem xét sự chấp hành chính sách giá của Đảng và Nhà nước, không để mỗi ngành, mỗi cấp tùy tiện định giá và công bố giá sai chính sách.

3. Về lương

Xem xét lại hệ thống các thang lương, bậc lương để sửa những chỗ quá bất hợp lý, nhưng chỉ sửa cục bộ, không làm tràn lan.

Khẩn trương sáp xếp lương và trả lương cho cán bộ, công nhân viên. Bộ Lao động phải hướng dẫn chu đáo, giữ nguyên tắc, nhưng không được cứng nhắc, thoát ly thực tế.

Tính toán lại phụ cấp chênh lệch giá khu vực và thực hiện ngay chế độ phụ cấp đắt đỏ để khắc phục tình trạng vênh nhau giữa giá và lương hiện nay.

Khẩn trương cụ thể hóa và công bố các chính sách xã hội (trợ cấp đồng con, học bổng, viện phí...).

4. Về tài chính

Điều chỉnh các chính sách, chế độ tài chính thích hợp với hệ thống giá mới, lương mới. Tính toán lại ngân sách nhà nước và giải quyết các vấn đề liên quan đến điều tiết nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; bằng mọi biện pháp thu hẹp bội chi ngân sách và phát hành tiền mặt; phấn đấu thực hiện có hiệu quả chủ trương tiết kiệm chi (kể cả chi trong xây dựng cơ bản).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN TỐT HƠN NỮA CÁC NGHỊ QUYẾT 6, 7, 8 CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Cần khẳng định Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị là rất cơ bản và đúng đắn:

"Trong tình hình kinh tế đang chuyển biến, chưa ổn định, cuộc điều chỉnh lớn, toàn diện về giá - lương - tiền lần này phải tiến hành khẩn trương, kiên quyết, nhưng phải tính toán kỹ lưỡng các phương án vững chắc gắn với việc xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới".

"Các chủ trương và việc tổ chức thực hiện *ngay trong mỗi bước* phải đồng bộ, quán triệt quan điểm xoá bỏ quan liêu, bao cấp" (Nghị quyết 8 của Trung ương).

"Việc thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương là một quá trình phấn đấu toàn diện, đồng bộ, kiên quyết, khẩn trương, có bước đi vững chắc; việc tính đủ chi phí, xoá bỏ bao cấp, xoá bỏ bù lỗ trong nền kinh tế quốc dân cũng phải làm từng bước, phù hợp với tình hình cụ thể trước mắt, tiến lên thực hiện đầy đủ các nguyên tắc mà Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương đã đề ra" (Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị).

Phải kiên quyết thực hiện phương hướng mà hai nghị quyết đó đã nêu. Kiểm điểm việc làm vừa qua, rút kinh nghiệm và sửa chữa, điều chỉnh một số điểm là để xác định bước đi và cách làm thích hợp hơn, tốt hơn trong thời gian tới.

Trong mỗi bước đi phải luôn luôn gắn việc điều chỉnh giá - lương - tiền với xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới, tức là phải làm đồng bộ cả hai mặt:

- Xoá bỏ bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Xoá bỏ tập trung quan liêu, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh.

2. Sản xuất là gốc; giá - lương - tiền là động lực để thúc đẩy sản xuất; sản xuất phát triển tốt là cơ sở cho giá - lương - tiền. Cho nên tập trung sức *phát triển sản xuất, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất*, tăng năng suất, hạ giá thành vẫn là điều cơ bản để thực hiện thắng lợi việc điều chỉnh giá - lương - tiền.

3. Kiên quyết tiếp tục đẩy mạnh *cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường*; làm một cách khẩn trương, nhưng có thực chất, vận dụng các hình thức quá độ thích hợp, chống lối cải tạo một cách hình thức, giả tạo.

Làm chủ từ khâu sản xuất đến phân phối - lưu thông, làm chủ thị trường, nắm hàng, nắm tiền là một yêu cầu hết sức cấp bách để làm chủ giá cả. Trong bất kỳ tình huống nào, không được buông lỏng cho tình hình thị trường, tiền tệ, giá cả, tiền lương biến động một cách tự phát, làm rối loạn nền kinh tế và trật tự xã hội.

4. Phải phát động *phong trào cách mạng của quần chúng*, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, khiến cho mọi người dân, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ hiểu rõ, hiểu đúng và phấn đấu gop phần thực hiện đường lối, chính sách của Đảng thể hiện trong Nghị quyết 8, uốn nắn những lệch lạc về tư tưởng, quan điểm, về cách nghĩ, cách làm để thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương, đi đôi với chống tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội. Phải xem đây là một cuộc đấu tranh cách mạng toàn diện và gian khổ để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chống tư tưởng cục bộ, bản vị; chống bảo thủ, trì trệ, ngại khó; nhưng đồng thời chống lối suy nghĩ giản đơn, mệt mỏi, sốt ruột, không thấy hết khó khăn, phức tạp.

Phải giáo dục toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đề cao cảnh giác cách mạng, không mắc mưu địch, kịp thời chống lại một cách có hiệu quả các tin đồn nhảm kiểu tâm lý chiến và các hành động phá hoại của địch; cùng với tuyên truyền giáo dục, phải làm tốt công tác thực tiễn để ổn định lòng dân, làm cho dân hiểu và tin vào chính sách của Đảng và Nhà nước và hiệu quả của việc thực hiện chính sách mới vì cuộc sống trước mắt và lâu dài, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

5. Phải khẳng định quyết tâm thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương cùng với các Nghị quyết 6, 7 của Trung ương, làm cho nền kinh tế chuyển động theo hướng tích cực đi lên, tạo ra nhiều sản phẩm xã hội và tăng thu nhập quốc dân, từ đó mà phân phối tốt hơn, vừa ổn định và cải thiện đời

sống, bảo đảm quốc phòng, an ninh, vừa từng bước tạo ra nguồn tích luỹ cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

6. Bộ Chính trị quyết định thành lập một *tiểu ban* nghiên cứu cơ chế quản lý mới, cụ thể là cơ chế phát huy quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh, và chỉ đạo làm thủ cơ chế mới ở một số xí nghiệp trung ương và địa phương trước khi trình Bộ Chính trị thảo luận và quyết định vào đầu năm 1986. Tiểu ban này do một số đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phụ trách và có một số đồng chí lãnh đạo tỉnh, thành, lãnh đạo các ban, bộ có liên quan, một số giám đốc xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp cùng tham gia.

7. Bộ Chính trị giao cho Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thực hiện những việc điều chỉnh cần thiết, triệu tập hội nghị các bí thư, chủ tịch tỉnh và lãnh đạo các ngành để truyền đạt ý kiến của Bộ Chính trị và bàn việc tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị.

T/M BAN Bí THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Trong 40 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được đồng đảo cộng tác viên nhiệt tình giúp đỡ, Nhà xuất bản Sự thật đã từng bước trưởng thành, tích cực làm tốt nhiệm vụ được giao.

Đến nay, Nhà xuất bản đã tổ chức biên tập và xuất bản được hầu hết các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các văn kiện cơ bản của Đảng và Nhà nước, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Nhiều công trình nghiên cứu về lý luận và thực tiễn cách mạng nước ta đã được xuất bản. Hoạt động của Nhà xuất bản Sự thật đã góp phần vào công tác lý luận và công tác tư tưởng của Đảng, động viên phong trào cách mạng của quần chúng và tăng cường tình đoàn kết quốc tế giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với các đảng, nhà nước và nhân dân các nước anh em.

Nhược điểm của Nhà xuất bản là chưa có kế hoạch dài hạn vững chắc. Hiệu quả phục vụ của sách chính trị còn bị

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 78-CT/TW, ngày 2 tháng 12 năm 1985

Về công tác của Nhà xuất bản Sự thật

hạn chế. Một số sách xuất bản chưa kịp thời. Sách phổ thông chưa được tổ chức biên soạn có hệ thống và sát với đối tượng. Tất cả các khâu biên tập, xuất bản, tổ chức bộ máy và đào tạo cán bộ đều cần được cải tiến theo phương châm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Nhà xuất bản cần tổng kết công tác của mình, rút ra những bài học kinh nghiệm, nhất là về quán triệt và thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của công tác xuất bản là gắn liền việc phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin với việc làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ trước mắt, nhất là những vấn đề xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng cơ chế quản lý mới, thực hiện chương trình kinh tế - xã hội 5 năm 1986-1990, v.v..

Nhà xuất bản cần tiếp tục xuất bản và giới thiệu có hệ thống các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là các Toàn tập và Tuyển tập của Người, cùng các tác phẩm quan trọng của các đồng chí lãnh đạo của Đảng.

Nhà xuất bản còn cần chú ý xuất bản mấy loại sách sau đây:

1. Sách nghiên cứu về những vấn đề lý luận cơ bản của cách mạng Việt Nam, sách tổng kết những kinh nghiệm phong phú, nhiều mặt của cách mạng nước ta.

2. Chọn lọc và xuất bản các sách phổ biến kinh nghiệm của các nước anh em. Xuất bản kịp thời các văn kiện có tính tổng kết và sách lý luận của Liên Xô và các nước xã hội chủ

nghĩa khác, nhất là những tác phẩm viết về kinh nghiệm quản lý kinh tế phù hợp với yêu cầu của nước ta.

3. Sách về những vấn đề chính trị quốc tế, về cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng trên thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

4. Sách phổ biến lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, trước hết là cho các đảng viên mới, các đoàn viên, công nhân, nông dân, học sinh đại học, thanh niên.

Nhà xuất bản phải cải tiến tổ chức và công tác nhằm nâng cao hiệu quả công tác biên tập và xuất bản. Cần thành lập các hội đồng xuất bản tham gia xây dựng kế hoạch đề tài, duyệt sách, mở rộng đội ngũ cộng tác viên, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Bộ Văn hoá cần ban hành những chế độ, chính sách mới nhằm thúc đẩy và quản lý tốt công tác biên tập và xuất bản sách chính trị, lý luận, cải tiến công tác phát hành sách, đưa sách đến đúng đối tượng.

Các cấp uỷ đảng có nhiệm vụ lãnh đạo, kiểm tra việc phổ biến và đọc sách chính trị, lý luận trong đảng viên và quần chúng ở địa phương và đơn vị.

Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ theo dõi và giúp đỡ Nhà xuất bản hoàn thành tốt nhiệm vụ.

T/M BAN BÍ THƯ

VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

LỜI KHAI MẠC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)
do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc

Ngày 9 tháng 12 năm 1985

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này họp để thảo luận và giải quyết nhiều vấn đề quan trọng.

Một là, Trung ương sẽ nghe trình bày và thảo luận về phương hướng chiến lược kinh tế, xã hội và kế hoạch nhà nước 5 năm 1986-1990. Đây là nội dung kinh tế quan trọng nhất sẽ được trình bày tại Đại hội lần thứ VI của Đảng sắp tới.

Hai là, Trung ương sẽ thảo luận và quyết định về nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước năm 1986, năm mở đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ tư - kế hoạch 5 năm có ý nghĩa quyết định đối với việc thực hiện những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ.

Ba là, Trung ương sẽ ra nghị quyết về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đại hội mà toàn Đảng, toàn dân đang mong đợi.

Thời gian qua, kể từ các Đại hội lần thứ IV và lần thứ V

của Đảng đến nay, nhất là những năm gần đây, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã có nhiều cố gắng để vượt qua những gay go, thử thách đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên. Chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực từ quốc phòng, an ninh đến xây dựng kinh tế, văn hoá. Nhưng trong công tác của chúng ta, nhất là trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội, cũng còn rất nhiều khó khăn và khuyết điểm, kể cả những vấp váp, sai lầm. Hội nghị Trung ương lần này cần dành nhiều thời gian để phân tích kỹ tình hình, đánh giá thật đúng, thật sâu sắc thành tích và thiếu sót của thời kỳ vừa qua, rút ra cho được những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo và chỉ đạo, đồng thời định rõ phương hướng và những nhiệm vụ để tiến lên mạnh mẽ trong thời kỳ tới.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của chúng ta rất vẻ vang nhưng không dễ dàng chút nào. Thực tiễn cách mạng là sinh động và phong phú. Trong cương vị công tác của mình, mỗi đồng chí trung ương, ở ngành hay ở địa phương, đều cần nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, xuất phát từ tình hình thực tế, đóng góp thật nhiều ý kiến, thảo luận sôi nổi, phát huy trí tuệ tập thể để Trung ương đi đến những kết luận và nghị quyết đúng đắn về các vấn đề mà Hội nghị lần này giải quyết.

Sự nhất trí trong Trung ương sẽ đưa đến sự nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân, trong tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Sự nhất trí đó sẽ là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Hội nghị Trung ương chúng ta nhất định sẽ thành công trong nhiệm vụ trực tiếp chuẩn bị công việc của Đại hội Đảng sắp tới. Với niềm tin vững chắc đó, tôi xin khai mạc Hội nghị.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍNH BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Ngày 9 tháng 12 năm 1985

**Về chiến lược phát triển kinh tế, xã hội
và kế hoạch 5 năm 1986-1990***

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận hai nội dung chính: Phương hướng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và kế hoạch 5 năm 1986-1990 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1986.

Trong phần đầu của chương trình, hội nghị sẽ thảo luận về tình hình phát triển kinh tế, xã hội 10 năm qua, phương hướng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1986-1990.

Những vấn đề này có tầm quan trọng lớn:

Đây là nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị mà Ban

* Do đồng chí Tố Hữu trình bày.

Chấp hành Trung ương chúng ta sẽ trình ra Đại hội Đảng lần thứ VI.

Đây cũng là cơ sở để xác định nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1986, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ tư.

Hiện nay chúng ta chưa có điều kiện xem xét các mặt cân đối cụ thể, chưa thể quyết định được các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm. Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương sẽ cho những ý kiến về mục tiêu, phương hướng, chủ trương, xác định những tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch để sau đây các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp căn cứ vào đó tiếp tục nghiên cứu, xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm và từng năm.

Những kết luận rút ra từ việc tổng kết tình hình và những phương hướng, chủ trương chiến lược về phát triển kinh tế, xã hội và về kế hoạch 5 năm 1986-1990 mà Hội nghị Trung ương lần này xác định, sẽ được cụ thể hóa và hoàn chỉnh thêm trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị đã lập ra một tiểu ban với 13 tổ nghiên cứu chuyên đề. Báo cáo của Bộ Chính trị trình ra Hội nghị Trung ương hôm nay là dựa vào ý kiến thảo luận của Bộ Chính trị về các kết quả nghiên cứu của tiểu ban và các tổ nghiên cứu chuyên đề đó. Báo cáo cũng đã tiếp thu, phản ánh một số ý kiến lớn mà các đồng chí Trung ương đã phát biểu sau khi nghiên cứu lần đầu. Được sự uỷ nhiệm của Bộ Chính trị, tôi xin trình bày với Trung ương một số ý kiến nhằm làm sáng tỏ thêm một số quan điểm trong báo cáo, cung cấp thêm cơ sở để Trung ương thảo luận.

I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI 1976-1985

Việc đánh giá tình hình 10 năm qua không thể tách rời bối cảnh lịch sử cụ thể. Phải đứng trên quan điểm lịch sử mà xem xét những thuận lợi và những khó khăn, những thành công và những khuyết điểm.

Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước ta được hoàn toàn độc lập và thống nhất, dân tộc ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là chiến công vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Song mới ra khỏi chiến tranh, nhân dân ta đã phải đương đầu với biết bao khó khăn tai hoạ! Chưa kịp khôi phục đất nước bị chiến tranh tàn phá ác liệt, vực dậy nền kinh tế nghèo nàn kiệt quệ, chúng ta đã phải đối phó với hai cuộc chiến tranh xâm lược ở hai đầu biên giới phía tây nam và phía bắc, của bọn..., cùng sự phá hoại điên cuồng nhiều mặt của chúng trong nội địa và sự bao vây của các loại đế quốc và phản động khác. Chúng ta lại đã phải chịu đựng biết bao thiên tai, nhất là ở miền Bắc và miền Trung. Mặc dù vậy, 10 năm qua, vượt qua mọi địch họa, thiên tai, nhân dân ta đã chiến đấu vô cùng kiên cường và dũng cảm, giành được *những thành tựu to lớn trên cả hai nhiệm vụ chiến lược*, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; lại đã hết lòng hết sức giúp đỡ hai nước anh em Campuchia và Lào vượt qua những thử thách cực kỳ nghiêm trọng, giành những thắng lợi vẻ vang, *tạo ra cục diện cách mạng chung của cả ba nước Đông Dương vững mạnh hơn bao giờ hết*.

Đó là điều rất đáng phấn khởi, rất đáng tự hào.

Nói riêng 5 năm vừa qua (1981-1985), thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, chúng ta đã đạt được những tiến bộ và thành tích quan trọng, đánh dấu một bước chuyển biến mới trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Về kinh tế, chúng ta đã chặn đứng đà giảm sút của sản xuất trong những năm 1979-1980; đưa nền kinh tế từng bước đi lên cả nông nghiệp và công nghiệp, mà nổi bật là phát triển sản xuất lương thực. Trong 10 năm qua, chúng ta đã và đang xây dựng thêm được không ít cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng của chủ nghĩa xã hội, sẽ phát huy tác dụng lớn trong những năm tới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành thắng lợi lớn, xoá bỏ vê cơ bản các giai cấp bóc lột; công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam sắp hoàn thành, đại bộ phận nông dân đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Về quản lý, những năm qua chúng ta đã tiến từng bước và đang cố gắng phấn đấu theo hướng xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu và bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mặc dù trước mắt còn có những khuyết điểm, vấp váp, song sự đổi mới cực kỳ quan trọng này đang ngày càng phát huy tác dụng và chắc chắn thời gian tới sẽ tạo những chuyển động tích cực trong toàn bộ tình hình kinh tế và xã hội.

Về đời sống nhân dân, tuy còn nhiều thiếu thốn, song nói chung, về cơ bản đã bảo đảm được về ăn, mặc, sức khoẻ, học

hành; cuộc sống ở nông thôn có tiến bộ rõ, trừ những lúc, những nơi bị thiên tai nặng.

Tóm lại, so với bốn mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng lần thứ V đã đề ra, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Song cũng rõ ràng là so với nhu cầu và khả năng, chúng ta làm được còn ít và chưa thật tốt. Kinh tế phát triển chậm, hiệu quả rất thấp. Chúng ta đã phải trả giá quá đắt về hao phí vật tư, lao động, về vốn đầu tư, và chung lại là về thời gian, cho những gì đã đạt được. Những khó khăn và mất cân đối trong nền kinh tế vẫn còn nghiêm trọng, có mặt gay gắt, căng thẳng hơn trước. Tình hình kinh tế và xã hội chưa ổn định; những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước còn nhiều.

Một số vấn đề đặc biệt là thời gian gần đây, từ khi đổi tiền và thực hiện giá, lương mới, trong tình hình kinh tế, xã hội, bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu, đã xuất hiện những khó khăn, phức tạp mới. Tuy các chủ trương, chính sách và những phương án cụ thể đã cố gắng quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, nhưng việc chỉ đạo thực hiện đã phạm nhiều khuyết điểm, làm cho tình hình sản xuất, lưu thông bị rối ren, ách tắc, đến nay vẫn chưa trở lại bình thường; hoạt động đầu cơ, nâng giá của tư thương và các phần tử xấu tăng lên, nhiều lúc, nhiều nơi gây ra sự hỗn loạn trên thị trường; điều đáng lo ngại nhất là giá cả tăng nhanh, không chỉ trên thị trường tự do, mà cả trong khu vực kinh tế nhà nước và tập thể. Giá mua lúa mà chúng ta lấy làm gốc của hệ thống giá nhà nước đang bị chi phối bởi giá thị trường và đang bị đẩy lên vượt xa mức chỉ đạo ở nhiều nơi. Mặt bằng giá đã được thiết kế và mới

được công bố với giá thóc, gạo làm chuẩn và với những quan hệ giữa giá mua nông sản và giá bán vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng, giữa giá với tiền lương của công nhân, viên chức đang có nguy cơ bị phá vỡ ở khá nhiều nơi, Nhà nước không làm chủ được thị trường và giá cả, ngân sách nhà nước và tiền mặt thâm hụt với mức độ lớn. Tình hình này đòi hỏi cấp bách phải kiên trì những nguyên tắc và chính sách của Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, *kiên quyết giữ mặt bằng giá đã thiết kế với giá thóc làm chuẩn* và quan hệ tỷ giá công - nông đã được bố trí trên cơ sở phát triển sản xuất và làm chủ thị trường, nếu không như vậy thì nền kinh tế sẽ lâm vào thế không ổn định hơn trước, các cơ sở sản xuất sẽ không có điều kiện hạch toán kinh tế nghiêm túc và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thuận lợi, đời sống của người lao động, cả cán bộ, công nhân, viên chức cũng như nông dân, sẽ càng khó khăn, Nhà nước chúng ta sẽ không có tích luỹ để công nghiệp hóa.

Tình hình 10 năm qua, nhất là của thời gian gần đây, đòi hỏi phải làm rõ nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết. Trong báo cáo đã phân tích vấn đề này, khẳng định đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng được vạch ra suốt thời kỳ quá độ là đúng đắn, nhưng trong việc vận dụng đường lối ấy vào chặng đường trước mắt, chúng ta đã có những sai lầm, khuyết điểm. Đó là những sai lầm và khuyết điểm về *chỉ đạo chiến lược* thể hiện trong đánh giá tình hình, lựa chọn mục tiêu, xác định cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ. Tôi sẽ không nói lại mà chỉ nhấn mạnh thêm mấy ý sau đây:

1. Xét cho cùng, những sai lầm, khuyết điểm nêu trên đây đều gắn liền với một *nguyên nhân chung* là chưa thật sự đi sâu làm sáng tỏ những đặc điểm, yêu cầu cụ thể có tính đặc thù về phát triển kinh tế, xã hội của nước ta trong chặng đường đầu tiên quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để có những chủ trương sát hợp cả về cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Về lựa chọn mục tiêu, xây dựng cơ cấu kinh tế, sai lầm lớn nhất vừa qua là đã không thực sự quán triệt chủ trương chiến lược coi *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xây dựng một cách cản đối, có hiệu quả *những cơ sở công nghiệp nặng* phục vụ trực tiếp nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, ưu tiên đầu tư cho việc *khôi phục, đồng bộ hoá và mở rộng cơ sở sản xuất đã có đi đôi với sắp xếp lại sản xuất, phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước nhằm sử dụng hết lao động, đất đai và khai thác tối đa năng lực sản xuất sẵn có*. Chúng ta đã không làm đúng như vậy mà lại đề ra nhiều mục tiêu vượt quá khả năng thực tế, thiên về xây dựng mới, với quy mô không phù hợp. Kết quả là đã chậm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, chậm đáp ứng những nhu cầu cấp bách về hàng tiêu dùng; chưa giải quyết đủ việc làm cho người lao động; để phí nhiều đất đai và cơ sở vật chất kỹ thuật, làm cho đời sống của nhân dân và tình hình kinh tế, xã hội nói chung không ổn định kéo dài và *chậm tạo ra tiền đề thuận lợi cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa*.

Về *cơ chế quản lý*, thiếu sót lớn là đã để kéo dài cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chậm chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chậm tìm ra những hình thức cơ chế quản lý cụ thể phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của nước

ta, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý tập trung của Nhà nước, vừa bảo đảm phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, của địa phương và ngành, phát huy được khả năng của mọi thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế thống nhất, mà vai trò chủ đạo thuộc về kinh tế quốc doanh; các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng chiếm địa vị thống trị.

2. *Nguồn gốc* của những sai lầm và khuyết điểm của chúng ta có mặt khách quan là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, trong những hoàn cảnh phức tạp cụ thể của nước ta, thật sự là một sự nghiệp đầy khó khăn và mới mẻ. Đi vào sự nghiệp ấy, chúng ta rõ ràng là *thiếu kiến thức và kinh nghiệm*, và do vậy không khỏi phải trả giá nhất định cho những vấp váp. Song *chủ yếu là do những khuyết điểm chủ quan* của chúng ta, trước hết của các cơ quan trung ương. Chắc chắn là chúng ta sẽ phạm ít sai lầm hơn nếu những cán bộ lãnh đạo và quản lý từ trung ương đến địa phương, đều cố gắng đi sâu vào thực tế cuộc sống, bám sát thực tiễn, phát huy thật sự năng lực làm chủ và trí tuệ tập thể của nhân dân lao động, nhất là ở cơ sở, phát huy thật sự dân chủ nội bộ; đồng thời chăm lo nâng cao hiểu biết của mình về lý luận chủ nghĩa Mác - Lenin, về khoa học kỹ thuật, nhất là về kinh nghiệm thực tiễn của quân chung, của cơ sở, và chú trọng học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả của những nước khác.

Cân khẳng định điều đó, vì sự thực là năng lực nghiên cứu, tổ chức, chỉ đạo, điều hành của chúng ta còn rất thấp so với đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Điều đó bộc lộ trước hết ở các cơ quan quản lý cấp trung ương, song cũng bộc lộ rõ ở mọi ngành, mọi cấp.

Về cách làm việc, tôi muốn nói thêm một vấn đề chưa được nêu rõ trong báo cáo. Lâu nay việc quyết định những chủ trương về phát triển kinh tế thường thiếu nghiên cứu những phương án cụ thể, những khả năng cân đối vững chắc, các điều kiện thực hiện và phân tích kỹ hiệu quả kinh tế; thiếu sự cân nhắc lựa chọn giữa những phương án khác nhau về đầu tư, lao động, vật tư...

Cũng tương tự như vậy khi quyết định các chủ trương về quản lý kinh tế, chúng ta thường không có ngay những chính sách, chế độ, quy định cụ thể cần ban hành đồng bộ. Vì vậy mà nhiều nghị quyết không được thực hiện nhanh chóng, thậm chí không được các cấp, các ngành hiểu và làm một cách thống nhất. Thường xảy ra những lệch lạc, thậm chí có khi nghị quyết không được thi hành hoặc trở thành lạc hậu với thực tế đã biến đổi.

Trách nhiệm của những sai lầm, khuyết điểm về chỉ đạo chiến lược, chấp hành đường lối của Đảng trong 5 năm qua trước hết thuộc về Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, nhất là Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong việc chỉ đạo thực hiện; đồng thời mỗi ngành, mỗi cấp có trách nhiệm của mình trong phạm vi mình phụ trách.

II- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1986-1990

Nhu đã trình bày trong báo cáo, bài học lớn rút ra từ thực tiễn lãnh đạo và quản lý công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, xã hội ở nước ta 10 năm qua cho thấy phải quán triệt và cụ thể hóa đường lối của Đảng thành *chiến lược* đúng đắn

cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch 5 năm, hàng năm.

Chiến lược ấy là sự thể hiện và cụ thể hoá những quan điểm cơ bản trong đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, được xây dựng xuất phát từ đặc điểm và tình hình thực tế của kinh tế, xã hội nước ta hiện nay và dựa vào những dự báo triển vọng của thời gian tới. Chiến lược ấy là chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân ta nhằm từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Chiến lược bao gồm một hệ thống các *mục tiêu* về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh được xác định dựa theo các quan điểm cơ bản của Đảng ta và phù hợp với những *nguồn lực* (lao động, đất đai, tài nguyên, cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có...) mà chúng ta có thể huy động được ở trong nước cùng với nguồn vốn có thể tranh thủ được ở bên ngoài, thông qua việc thực hiện những phương hướng, chủ trương và biện pháp có tính chiến lược, chủ yếu được thể hiện trong bố trí *cơ cấu kinh tế* và trong việc xác định và vận dụng *cơ chế quản lý* thích hợp.

Trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chặng đường đầu tiên là một đoạn thời gian vô cùng khó khăn, gian khổ và có những diễn biến phức tạp nhất.

Như đã nêu trong bản báo cáo, đó là tất cả khó khăn, phức tạp trong những *bước đầu* đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, trình độ sản xuất thấp, nông nghiệp còn chiếm phần rất lớn và giữ vị trí rất quan trọng, công nghiệp còn rất yếu. Thu nhập quốc dân sản xuất của ta tính theo đầu người hiện nay thuộc loại thấp

trên thế giới. Nền kinh tế vẫn còn mất cân đối nặng, nhất là về lương thực, năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải..., rất thiếu ngoại tệ và chưa có tích luỹ từ thu nhập quốc dân sản xuất trong nước, còn phụ thuộc quá nhiều vào bên ngoài. Còn nhiều thành phần kinh tế, tuy thành phần xã hội chủ nghĩa đã chiếm vị trí chủ yếu, nhưng cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn gay gắt, phức tạp. Tình hình tiêu cực trong kinh tế và trong đời sống xã hội còn nặng nề. Từ sản xuất đến phân phối, lưu thông và đời sống của nhân dân đều có tình trạng không bình thường, không ổn định. Sự phát triển kinh tế, xã hội trên các vùng đất nước chưa đồng đều, còn có những sự khác biệt tương đối lớn.

Hoàn cảnh quốc tế nói chung có nhiều thuận lợi, nhất là sự phân công, hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế; nhưng những thế lực phản động quốc tế đang tiếp tục chính sách bao vây phá hoại kinh tế nước ta. Đất nước ta còn phải thường xuyên chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và đề phòng chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn.

Căn cứ vào đường lối và các quan điểm chiến lược của Đảng, theo những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra, xuất phát từ tình hình thực tế trước mắt, trong *những năm còn lại* của *chặng đường đầu tiên*, nhân dân ta phải phấn đấu theo năm mục tiêu đã nêu trong báo cáo (ổn định tình hình, xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, quan hệ sản xuất và cơ chế quản lý, quốc phòng và an ninh). Ở đây xin nhấn mạnh *hai yêu cầu cơ bản* về kinh tế và xã hội:

Một là, ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ; ổn định và cải thiện một bước đời sống của

nhân dân trước hết là về ăn, mặc, chữa bệnh, học hành; tiến tới ổn định toàn diện và vững chắc tình hình kinh tế, xã hội.

Chỉ có ổn định tình hình kinh tế - xã hội vững chắc mới có thể phát huy được những thế mạnh hiện có để phát triển sản xuất, giải quyết những nhu cầu cấp thiết về đời sống, đồng thời mới tạo ra những tiền đề, những điều kiện cần thiết cho bước phát triển tiếp theo, đẩy mạnh *công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa* trên quy mô lớn và với tốc độ cao.

Để đạt được sự ổn định vững chắc, đương nhiên phải có sự phát triển mạnh của cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả kinh tế và văn hoá, xã hội; phải sắp xếp lại và tạo cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hợp lý, đồng thời phải tạo ra cơ chế quản lý mới thích hợp; phải khắc phục về cơ bản các hiện tượng không bình thường, không lành mạnh trong kinh tế và xã hội, chủ yếu bằng sự phát huy mạnh mẽ các yếu tố tích cực, tạo nên phong trào cách mạng của quần chúng lao động trong sản xuất cũng như phân phối lưu thông, tích luỹ, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, tạo ra được một mức tích luỹ đáng kể ở trong nước để cùng với việc tranh thủ nguồn vốn của bên ngoài, có thể đáp ứng được yêu cầu tiến hành công nghiệp hoá trên quy mô lớn, tập trung xây dựng công nghiệp nặng ở chặng đường tiếp theo. Ổn định tình hình là để phát triển sản xuất, tạo ra thu nhập quốc dân đủ dùng và có tích luỹ. Chúng ta nhấn mạnh mục tiêu ổn định và cải thiện một bước đời sống, nhưng nhất thiết phải đặt vấn đề đời sống *trong phạm vi thu nhập quốc dân làm ra*, và hết sức xem trọng và chăm lo *tạo ra nguồn tích luỹ* (chủ yếu từ trong sản xuất với năng suất,

chất lượng, hiệu quả ngày càng cao) và phân phối hợp lý nguồn tích luỹ đó theo yêu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, và theo tính toán sơ bộ, muốn công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa phải có mức tích luỹ trên 25% thu nhập quốc dân sử dụng, trong đó một nửa là nguồn tích luỹ ở trong nước.

Cùng với việc giải quyết hai yêu cầu cơ bản về kinh tế, xã hội nêu trên, còn phải luôn luôn đáp ứng được yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do của Tổ quốc và những thành quả của chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta đối với nhân dân hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia trong khối liên minh toàn diện và đặc biệt của ba nước Đông Dương.

Do đến nay chúng ta còn chưa đạt được mục tiêu cơ bản ổn định tình hình kinh tế, xã hội như Đại hội lần thứ V của Đảng đã đề ra và vẫn chưa tạo được tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế, nên thời gian để đạt mục tiêu của chặng đường đầu tiên có thể kéo dài thêm một ít năm, sau năm 1990, tuỳ theo sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta và cũng còn tuỳ theo diễn biến của tình hình quốc tế và trong khu vực.

Vì lẽ đó, kế hoạch 5 năm 1986-1990 thật sự là một bước có ý nghĩa quyết định để đạt tới các yêu cầu mục tiêu nêu trên làm chuyển hẳn tình hình kinh tế và xã hội sang một thế mới ổn định và đi lên toàn diện và vững chắc, bằng việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương và cũng vì lẽ đó, các phương hướng, chủ trương định ra cho những năm còn lại của chặng đường hiện nay đồng thời là của kế hoạch 5 năm 1986-1990; chỗ khác biệt chỉ ở mức độ cần đạt được của 5 năm thấp hơn của cả chặng đường.

Xuất phát từ những yêu cầu cơ bản nêu trên, đồng thời tính tới những đặc điểm và điều kiện thực tế của kinh tế và xã hội nước ta hiện nay và trong những năm sắp tới, Bộ Chính trị cho rằng chúng ta phải ra sức thực hiện các phương hướng và chủ trương lớn như đã được nêu trong bản báo cáo trình Trung ương. Ở đây tôi xin trình bày rõ thêm về một số vấn đề cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

VỀ CƠ CẤU KINH TẾ

1. Vấn đề cơ bản nhất trong cơ cấu kinh tế là *quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp* và điều quan trọng là xác định cho thật rõ cần làm gì, đến mức nào trong công nghiệp và nông nghiệp. Đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của Đảng trong chặng đầu tiên là "tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp hàng tiêu dùng, với công nghiệp nặng thành một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý".

Tiếp tục thực hiện đường lối ấy trong những năm còn lại của chặng đường này, chúng ta phải tập trung sức của cả nước, cả trung ương và địa phương, vào việc thực hiện chương trình *phát triển nông nghiệp toàn diện* trong cơ cấu nông - công nghiệp, chủ yếu là trên *địa bàn huyện*, nhằm *sử dụng hết lao động xã hội, khai thác phần lớn đất đai* còn bỏ trống, phát triển mạnh các ngành nghề, giải quyết vũng chắc

vấn đề lương thực, tăng thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, đây là một sự *lựa chọn chiến lược quan trọng nhất, hợp lý nhất*. Đây cũng là sự thể hiện tập trung nhất của đường lối nhân dân lao động làm chủ tập thể, trước hết là làm chủ sức lao động và đất đai, làm chủ trên *địa bàn huyện*. Để thực hiện những mục tiêu nêu ở trên, không có con đường nào khác là phải sử dụng hết lực lượng lao động xã hội với số người chưa có việc làm hiện nay hàng triệu người và mỗi năm tăng thêm một triệu người, và quỹ thời gian lao động chưa được sử dụng còn rất lớn. Như đã phân tích ở phần trên, một thiếu sót lớn nhất của chúng ta những năm vừa qua là đã để kéo dài tình trạng không sử dụng hết lao động. Tình hình đó chẳng những ngăn trở sự phát triển của kinh tế, mà còn gây ra những hậu quả tai hại về mặt xã hội. Điều càng đáng nói là lao động để thừa trong khi hơn 10 triệu hécta đất còn bỏ trống và trên nhiều vùng, vòng quay sử dụng đất còn rất thấp, nhất là ở Nam Bộ, chỉ mới được khoảng trên một lần, trình độ thâm canh còn chưa cao. Phải bằng mọi cách để trước hết lao động kết hợp với đất đai, tạo ra nguồn sản phẩm. Về vấn đề này, có ý kiến cho là không thể làm nhiều, làm nhanh được vì chúng ta có ít vốn. Thực tế đã có những nơi làm được tốt vì biết tổ chức kết hợp, kết nghĩa giữa nơi đưa lao động đi và nơi tiếp nhận đến; với số vốn không phải là quá lớn vẫn có thể đạt được những kết quả khả quan, chẳng hạn như Thái Bình đưa người đi đến Krông Pa (Đắc Lắc). Kết hợp lao động với đất đai để phát triển nông - lâm nghiệp là phương hướng chủ yếu. Đồng thời, ra sức sử dụng lao động vào các ngành nghề thủ công nghiệp,

tiêu công nghiệp ở cả nông thôn và thành phố cũng hết sức quan trọng. Từ nguồn nguyên liệu nông, lâm, hải sản mà phát triển công nghiệp chế biến, đồng thời tạo thêm nguồn nguyên liệu từ việc khai thác các loại khoáng sản khác có sẵn ở trong nước, trong từng địa phương, và cả nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nhất là nhập khẩu để làm ra sản phẩm xuất khẩu, kể cả hình thức gia công cho nước ngoài và các loại dịch vụ, phải tạo ra nhiều việc làm để thu hút hết lao động nhàn rỗi. Hiện nay và trong thời gian tới khả năng nhận gia công hàng may mặc cho Liên Xô rất lớn, hằng năm có thể lên tới hàng tỷ rúp. Vấn đề là phải tổ chức lại, phải có chính sách đúng, có vốn đầu tư ban đầu cần thiết, và phải có phong trào cách mạng của quần chúng. Đây là trách nhiệm chỉ đạo của cả trung ương và địa phương, nhưng quan trọng nhất là công việc của từng huyện, từng quận. Tất cả sức chỉ đạo và giúp đỡ của trung ương, của các ngành, của các cấp uỷ tỉnh và thành phố phải nhắm vào giải quyết vấn đề ở từng huyện, từng quận. Mục tiêu và chính sách của chúng ta là: mỗi huyện phải có cơ cấu nông - công nghiệp phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của mình, giải quyết được vấn đề phân công và phân bổ lao động của mình để phát triển sản xuất, bảo đảm và cải thiện đời sống, đẩy mạnh xuất khẩu trang trải nhập khẩu và có tích luỹ cho bản thân mình, góp phần ngày càng nhiều cho tích luỹ chung của cả nước. Trong một số năm trước mắt, từng huyện phải cố gắng tự tích luỹ rồi tiến lên có đóng góp cho tích lũy tập trung ở trung ương.

Mục tiêu phấn đấu là đến năm 1990, cơ bản sử dụng hết lao động và đất nông nghiệp, đến năm 1995 cơ bản sử dụng

hết đất đồi núi còn bỏ trống. Đến năm 1990 giải quyết được lương thực với mức 400 kg/người và không phải điêu lương thực từ Nam ra Bắc, lương thực dồi ra ở đồng bằng sông Cửu Long dành cho dự trữ quốc gia và xuất khẩu. Từng bước tạo ra được những mặt hàng xuất khẩu chủ lực là cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày với diện tích khoảng vài ba triệu hécta với những vùng chuyên canh lớn về một số cây, có tỷ suất hàng hoá cao. Ra sức đẩy mạnh chăn nuôi cATTLE đối với trồng trọt, kể cả chăn nuôi xuất khẩu, phát triển mạnh lâm nghiệp, thuỷ sản để cung cấp một nguồn sản phẩm lớn cho cả sản xuất, tiêu dùng trong nước và cho xuất khẩu. Phải phát triển đồng bộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản với công nghiệp chế biến, kho tàng, vận tải. Có đủ phân bón, thuốc trừ sâu, năng lượng, nhiên liệu, công cụ, thiết bị, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng cần thiết, kể cả có phần nhập từ bên ngoài. Hệ thống kết cấu hạ tầng, dịch vụ phải được xây dựng và tổ chức đồng bộ cho yêu cầu nói trên. *Không có sự tác động tích cực đó của công nghiệp, dứt khoát không thể có sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp để đạt được mục tiêu đề ra.*

Cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phải củng cố và hoàn thiện không ngừng *quan hệ sản xuất mới*, liên kết và phát huy được hết tác dụng các thành phần kinh tế ở trên từng địa bàn, chủ yếu là trên từng huyện, xây dựng văn hoá mới, con người mới ở nông thôn, tức là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật thật sự là then chốt, thay đổi rõ rệt bộ mặt kinh tế, xã hội của nông thôn theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Làm được như vậy sẽ làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc để đẩy mạnh công nghiệp hoá.

Việc thực hiện chương trình nông - công nghiệp như nói trên cũng thể hiện một nội dung cơ bản, một đặc thù của cơ cấu kinh tế trong chặng đường đầu tiên này.

2. Trong khi tập trung sức rất cao để thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện trong cơ cấu nông - công nghiệp, chúng ta không một chút nào xem nhẹ sự phát triển cân đối đi cùng của công nghiệp (bao gồm cả công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng) *trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp* để bảo đảm mục tiêu chung ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân, cũng như để xây dựng từng bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà nền tảng không thể gì khác hơn là nền công nghiệp nặng; làm như vậy cũng là để chuẩn bị một bước gối đầu cần thiết cho chặng đường sau, *đẩy mạnh công nghiệp hoá trên quy mô lớn và tốc độ cao*. Ở đây không thể có sự do dự, chập chờn về vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp kể cả công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, nhưng bước đi và quy mô của công nghiệp nặng phải được tính toán rất chặt chẽ, phù hợp với khả năng thực tế và đạt hiệu quả nhất. Chúng ta khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhưng luôn luôn đặt nó trong cơ cấu công - nông nghiệp, *kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu* và xây dựng ngay công nghiệp một cách cân đối, nhằm vừa phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, vừa xây dựng từng bước bảm thân ngành công nghiệp nặng. Không có nông nghiệp làm cơ sở thì không xây dựng được công nghiệp; ngược lại không có công nghiệp thì không xeo nông nghiệp lên được, không thực hiện được chương trình phát triển nông

nghiệp toàn diện và từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển của công nghiệp trong những năm tới đây phải nấm vững những phương hướng và yêu cầu chủ yếu là: phát huy hết những năng lực sản xuất hiện có, trên cơ sở sắp xếp lại, cải tạo và đầu tư đồng bộ. Chỉ cần làm được việc đó, sản lượng công nghiệp có thể tăng lên gấp đôi và nhiều hơn nữa. Việc này chúng ta đề ra đã lâu, nhưng thực hiện quá chậm, còn là một sự trì trệ lớn hạn chế hiệu quả và đó chính là tình trạng không bình thường, không ổn định trong sản xuất. Phải tập trung những nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư mà chúng ta có được trong 5 năm tới vào chương trình nông - công nghiệp và phát huy hết năng lực của công nghiệp hiện có cùng những công trình mới sắp hoàn thành sẽ đưa vào sử dụng.

Bên cạnh đó, nhằm vào nguồn tài nguyên khoáng sản, nhất là một số loại có triển vọng khá, phải xúc tiến khai thác ngay, càng nhanh càng tốt để tạo ra những nguồn năng lượng, nhiên liệu, nguyên vật liệu mới quan trọng. Đó là *đầu khí* đang thăm dò và khai thác ở thềm lục địa phía nam, sẽ mở ra cả thềm lục địa phía bắc khi mà điều kiện hợp tác cho phép. Đó là *than* hiện đang vô cùng quan trọng đối với toàn bộ sản xuất và đời sống kinh tế của đất nước. Phải bảo đảm đầu tư và sự chỉ đạo, cải tiến tổ chức quản lý, chăm lo đời sống của công nhân ngành than để đưa sản lượng than lên đáp ứng cho được nhu cầu tối thiểu của nền kinh tế (vào năm 1990 phải có 8-9 triệu tấn). Ngành điện cũng phải bảo đảm đúng tiến độ xây dựng các công trình then chốt và mở mang

thêm những công trình mới đã được lựa chọn và nhất là phát triển thủy điện vừa và nhỏ.

Năng lượng, cùng với *giao thông vận tải* là kết cấu hạ tầng quan trọng nhất của nền kinh tế lúc này phải được ưu tiên một bước trong xây dựng và phát triển để đáp ứng nhu cầu cấp bách trước mắt và để chuẩn bị cho những năm sau.

Các loại khoáng sản khác như thiếc, đồng, chì, kẽm, vàng phải được đẩy mạnh khai thác kể cả với quy mô nhỏ và bằng lao động thủ công... Đối với bauxit, phải xúc tiến hợp tác với nước ngoài để có thể khai thác sớm. *Đất hiếm* là một thế mạnh trong tài nguyên nước ta, cũng không thể để chậm trễ, cần hết sức tranh thủ làm được lớn bằng vốn vay và hợp tác với nước ngoài.

Gang thép là vật liệu chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá đất nước, phải tận lực phát huy năng lực hiện có, và ráo riết chuẩn bị cho các công trình mới. Trong khi chưa sản xuất được nhiều, phải đẩy mạnh xuất khẩu để nhập thép và trong sản xuất, trong xây dựng mới, phải đi ngay vào các loại thép có chất lượng cao, các loại hợp kim dựa trên nguồn nguyên liệu có sẵn ở nước ta (đất hiếm, kim loại màu).

Cơ khí - xương sống của công nghiệp nặng, phải được rất coi trọng. Trong bước này, chúng ta dồn sức của ngành cơ khí phục vụ cho các yêu cầu nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản, cho giao thông vận tải và khai thác mỏ. Từ công cụ, phụ tùng, sửa chữa đến thiết bị và phương tiện loại tương đối đơn giản là những sản phẩm mà ngành cơ khí phải vươn lên bảo đảm cho được, chuẩn bị để tranh thủ khởi công một số công trình then chốt mới.

Ngành hóa chất phải bảo đảm được phân lân cho sản

xuất nông nghiệp. Sau khi có dầu khí, phải xây dựng thêm nhà máy sản xuất phân đạm lớn và sản xuất sợi tổng hợp.

Vật liệu xây dựng, từ ximăng đến gạch ngói, đều có khả năng để tăng nhanh sản xuất. Khai thác thêm các nguồn than địa phương để mở rộng sản xuất các loại vật liệu này, có thêm vật liệu xây dựng để trao đổi giữa Nhà nước và nông dân.

Về *hàng tiêu dùng*, như trên đã nói, không thể để thiếu và cảng thẳng như hiện nay. Chúng ta hoàn toàn có khả năng đáp ứng những nhu cầu về hàng tiêu dùng thông thường, trước hết là vải, giấy, đồ sành sứ thuỷ tinh, đồ nhựa, gỗ tre, v.v.. Không có những thứ này, không thể bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, không thể có quan hệ bình thường giữa Nhà nước và nông dân. Huy động mọi khả năng của công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương, nhất là tiểu thủ công nghiệp, để tận lực phát triển sản xuất; phải tạo ra nguyên liệu, cấp đủ năng lượng cho các cơ sở sản xuất đã có, kể cả các nhà máy lớn và cả khu vực tiểu thủ công nghiệp. Phải tạo ra sản phẩm có chất lượng cùng với số lượng - thứ gì cũng phải cố làm tốt, bền, đẹp với khả năng cho phép. Dùng hàng trong nước là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Phải giáo dục nhân dân dùng hàng sản xuất trong nước, hết sức hạn chế hàng nhập khẩu loại xa xỉ.

Tóm lại, công nghiệp phải xeo được nông nghiệp lên ngay trong chặng đường hiện nay, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

3. Cơ cấu nông - công nghiệp nói trên phải và chỉ có thể hình thành được trong sự bố trí đúng đắn mối quan hệ giữa *tiêu dùng* và *tích luỹ* trong chiến lược phân phối sử dụng thu

nhập quốc dân. Nhân dân ta đang có nhu cầu bức bách phải được bảo đảm ổn định và cải thiện một bước đột song. Do đó, chính sách của Đảng và Nhà nước ta khẳng định dứt khoát phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và bộ máy quản lý, tạo ra đủ việc làm cho người lao động, thực hiện ráo riết việc giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm cho được đời sống của nhân dân với mức ăn và tiêu dùng tối cần thiết để tái sản xuất sức lao động bình thường phù hợp với yêu cầu làm việc có năng suất và chất lượng tốt. Đối với thế hệ trẻ, phải phấn đấu nâng dần từng bước các chỉ số trung bình về tầm vóc, thể trọng để bảo đảm tương lai của cả dân tộc. Mặt khác, Đảng và Nhà nước ta cũng cần thăng thắn nói rõ với nhân dân và cán bộ: Hiện nay và trong nhiều năm nữa, chúng ta phải chấp nhận một mức sống phù hợp với hoàn cảnh đất nước còn nghèo, còn phải hết sức chắt chiu để xây dựng cơ đồ: tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và củng cố quốc phòng. Mọi người, mọi ngành từ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, cho đến nội thương, ngoại thương, ngân hàng..., mọi cấp từ trung ương đến cơ sở đều phải thấu suốt và làm tất cả những gì cần thiết để bảo đảm được *đời sống*, để có *tích luỹ* cho tái sản xuất mở rộng ở ngay đơn vị mình, và để đóng góp ngày càng nhiều hơn cho tích luỹ, tập trung cho sự nghiệp công nghiệp hóa của cả nước. Đó là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ tập thể, là phẩm chất và đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là kết quả của việc đổi mới quản lý, vận dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hành tiết kiệm triệt để, tạo ra năng suất cao, chất lượng tốt và hiệu quả lớn.

Muốn giải quyết được mối quan hệ tiêu dùng - tích luỹ, tạo được nguồn vốn cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, điều cơ bản là phải tạo ra một khối lượng thu nhập quốc dân ngày càng lớn. Nhưng có nguồn rồi thì phải có đường lối, chính sách phân phối đúng, thích hợp với chiến lược chung của chặng đường đầu tiên.

Trong điều kiện hiện nay, như trên đã nói, mọi người phải chấp nhận một mức sống phải chăng, phù hợp với trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội, sống giản dị, tiết kiệm, để dành vốn tích luỹ cho xây dựng, cho công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Nguồn vốn tích luỹ ấy được phân bổ cho tái sản xuất mở rộng theo cơ cấu kinh tế dự kiến, và theo một cơ chế ba cấp làm chủ: tích tụ cho tái sản xuất mở rộng của đơn vị sản xuất - kinh doanh, tập trung tạo thành nguồn vốn của Nhà nước, trong đó có phân chia ra nguồn vốn tập trung của địa phương để địa phương chủ động phát triển kinh tế địa phương, và nguồn vốn tập trung của trung ương để phát triển kinh tế trung ương và xây dựng những cơ sở có ý nghĩa và trên quy mô toàn quốc. Tập trung nguồn vốn lên trên mà bỏ qua hoặc xem nhẹ yêu cầu khách quan của quá trình tích tụ của cơ sở là tập trung quan liêu, là trái với yêu cầu tạo ra quyền chủ động kế hoạch hóa và kinh doanh, quyền tự chủ tài chính của cơ sở, là cắt đứt nguồn tái sản xuất mở rộng của tế bào cơ sở, và từ đó cũng cắt đứt nguồn tạo ra vốn tích luỹ tập trung cho Nhà nước. Nhưng mọi nguồn vốn tích luỹ tập trung của Nhà nước xét cho cùng cũng bắt nguồn từ giá trị mới và sản phẩm thặng dư do các đơn vị sản xuất - kinh doanh, các cơ sở tạo ra. Cho nên mỗi đơn vị phải rất xem trọng làm nghĩa vụ tạo nguồn và giao nộp đầy

đủ nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Về vấn đề phân bổ nguồn vốn tập trung giữa trung ương và địa phương, trung ương khuyến khích mạnh các địa phương phát triển kinh tế địa phương, tạo ra nhiều nguồn tích luỹ ở địa phương, trên từng huyện, và trong những năm trước mắt, cần dành một phần quan trọng của nguồn tích luỹ ấy để trực tiếp trang trải cho các nhu cầu hợp lý của địa phương (tỉnh, huyện). Đồng thời, trung ương yêu cầu từng địa phương, từng ngành làm đúng những quy định về giao nộp, đóng góp nguồn tích luỹ cho trung ương để lo chung cho cả nước, không được có chủ nghĩa cục bộ, địa phương. Đó là một quá trình thống nhất của hai mặt, từ dưới lên và từ trên xuống, tích tụ và tập trung, thể hiện sự kết hợp gắn bó giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong tổng thể kinh tế quốc dân thống nhất. Đó cũng là sự kết hợp hài hoà giữa quá trình tự tạo nguồn vốn ở trong nước với tranh thủ nguồn vốn từ bên ngoài để thực hiện công nghiệp hoá.

Nguồn vốn tích luỹ thể hiện chủ yếu trên vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải bao gồm cả nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn tín dụng, bao gồm cả vốn trong nước và vốn ngoài nước, cả vốn của bản thân xí nghiệp và hợp tác xã, của địa phương, của các ngành và của trung ương... Tất cả nguồn vốn đó phải được phân bổ và sử dụng có kế hoạch một cách hợp lý nhất, đầu tư có hiệu quả nhanh nhất, không được sử dụng phân tán vào những công trình không có hiệu quả, càng không được phân tán vào tiêu dùng, kể cả vào việc nhập những ngoại hoá tiêu dùng không cần thiết, những hàng xa xỉ, vừa không bảo hộ mà làm hại cho nền công nghiệp trong nước, vừa tạo nên một lối sống không lành mạnh.

Trong 5 năm tới, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư đó phải được bảo đảm theo đúng thứ tự ưu tiên là:

- Công trình chuyển tiếp có ý nghĩa quan trọng;
- Cải tạo, đồng bộ hoá trên cơ sở sắp xếp lại để phát huy hết năng lực sản xuất hiện có và đầu tư chiêu sâu;

- Mở rộng và khởi công mới một số công trình được lựa chọn rất kỹ, trước hết là trong chương trình nông - công nghiệp (phân công và phân bố lao động, sử dụng có hiệu quả đất đai) và khai thác dầu - khí, tăng sản xuất than, điện, bảo đảm giao thông vận tải.

Cùng với nguồn vốn bên trong (mà chủ yếu là đi từ lao động, đất đai, rừng, biển, khoáng sản, các cơ sở vật chất - kỹ thuật, các ngành nghề hiện có...), nguồn vốn từ bên ngoài có vị trí cực kỳ quan trọng. Toàn bộ nguồn vốn có được sẽ phân bổ theo hướng: nguồn vốn tích tụ ở cơ sở và tập trung ở địa phương chủ yếu là để đầu tư cho đồng bộ hoá và cải tạo cơ sở hiện có, cho những công trình nhỏ và vừa của kinh tế địa phương, còn nguồn vốn tập trung của trung ương (kể cả vốn vay và hợp tác với bên ngoài) là để đầu tư vào những công trình then chốt, những cơ sở có ý nghĩa toàn quốc.

Để thực hiện được đường lối phân phối trên, phải có *chính sách giá* đúng đắn, xem giá là một công cụ phân phối rất có hiệu lực, đồng thời là một đòn bẩy rất nhạy bén trong cơ chế quản lý. Chúng ta đã có Nghị quyết Trung ương 8, là một nghị quyết có ý nghĩa cách mạng to lớn không chỉ về bản thân giá - lương - tiền, mà còn về cả đường lối, chính sách phân phối thu nhập quốc dân và cơ chế quản lý chuyển từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị

quyết 28 của Bộ Chính trị, chúng ta đã xây dựng và bắt đầu thực hiện các phương án giá - lương - tiền... Chúng ta đang điều chỉnh và uốn nắn những sai lầm, khuyết điểm trong phương án cũng như trong chỉ đạo thực hiện. Từ trong thực tiễn cuộc sống, chúng ta có thể khẳng định phương hướng tiếp tục thi hành một chính sách giá - lương - tài chính - tiền tệ phù hợp với chiến lược chung về kinh tế, xã hội.

Về *giá cả*: phải kiên quyết *giữ mặt bằng giá cả Nhà nước* đã được thiết kế trên cơ sở lấy *giá thóc làm chuẩn*, với những quan hệ hợp lý giữa giá nông sản với giá hàng công nghiệp (tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng), và trên cơ sở làm chủ thị trường mà thi hành nhất quán *chính sách một giá, giá chỉ đạo của Nhà nước*. Nếu để giá cả trôi nổi theo sự biến động của thị trường tự do còn đầy rẫy những hoạt động đầu cơ, buôn lậu và sự phá hoại của địch, nếu không lập lại trật tự trong hệ thống cơ quan nhà nước và hệ thống các tổ chức kinh tế, sản xuất - kinh doanh của Nhà nước, chấm dứt tình trạng tuỳ tiện nâng giá, không tôn trọng giá Nhà nước quy định, nhất là giá do trung ương quy định; nếu vì áp lực của thị trường và vì sự rối loạn trong hệ thống giá Nhà nước mà vội thay đổi giá chuẩn của thóc, gạo thì toàn bộ hệ thống giá bị đảo lộn, toàn bộ sự phân phối thu nhập quốc dân, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa tích luỹ - tiêu dùng, giữa trong nước và ngoài nước phải thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đất nước và đời sống của nhân dân. Hệ thống giá - lương đã được thiết kế là đã trải qua một quá trình tính toán, bàn bạc, cân nhắc đi lại nhiều lần. Tuy chưa thể hoàn chỉnh, nhưng về cơ bản nó thể hiện những quan điểm, nguyên tắc,

phương hướng của Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị. Mức lùi bù lỗ của Nhà nước (chủ yếu thông qua nhập khẩu), mức duy trì một phần sự bao cấp của Nhà nước (chủ yếu thông qua hệ thống giá vật tư nhập khẩu và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu) như trong phương án thiết kế là vừa phải, không nên đòi hỏi hơn nữa.

Vấn đề chủ yếu hiện nay không phải là nâng hệ thống giá nông sản nhất là giá thóc, hay lùi hệ thống giá hàng công nghiệp nói chung, đặc biệt là giá vật tư; vấn đề chủ yếu là làm sao với hệ thống giá mới, các ngành sản xuất và lưu thông (nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, vận tải, cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương...) phải đi vào *sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, thực hiện cơ chế quản lý mới, tăng cường quản lý, nắm vững và hạ các định mức tiêu hao vật tư, sắp xếp lại lao động, bỏ những khâu trung gian vô ích, giảm định mức tiêu hao lao động, nâng cao hệ số sử dụng công suất máy móc, thiết bị...* để từ đó có giá thành và phí lưu thông hạ hơn, giá bán của Nhà nước không đội giá thị trường. Thực tế trong mấy tháng qua chứng minh tiềm năng và khả năng hiện thực trước mắt để hạ giá thành là *rất lớn*. (Có nhiều ví dụ tốt trong ngành dệt, cơ khí...). Đó là con đường duy nhất đúng đắn đưa Nghị quyết 8 về giá - lương - tiền đi vào cuộc sống như là khâu đột phá để mở đường đi vào cơ chế quản lý mới để sản xuất và kinh doanh có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo cơ sở cho hệ thống giá ngày càng ổn định và hợp lý.

Cần đặt vấn đề giá - lương trong tổng thể sự phân phối thu nhập quốc dân, trực tiếp là trong ngân sách nhà nước. Với hệ thống giá - lương mới, tuy chưa hình thành hoàn

chỉnh, sơ bộ tính toán ngân sách nhà nước thì sự thâm hụt của ngân sách kể cả của trung ương và địa phương là rất lớn. Con đường để giải quyết khó khăn về ngân sách không phải bằng cách nâng giá bán theo thị trường, thậm chí đội giá thị trường để tăng thu, ăn chênh lệch giá, không phải là hạ giá vật tư và hàng công nghiệp của Nhà nước và nâng giá nông sản...; con đường chủ yếu là phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn, tạo ra thu nhập quốc dân và sản phẩm thặng dư nhiều hơn cho bản thân và cho Nhà nước.

Để thực hiện được chính sách và chủ trương giá nói trên, vấn đề có ý nghĩa quyết định là *cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường*, mở rộng hệ thống tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, kiên quyết thực hiện ngay việc Nhà nước *thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực* và các mặt *hang chiến lược quan trọng khác*, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, cải tạo và quản lý chặt chẽ tiểu thương, loại bỏ những phần tử thoái hóa trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế quốc doanh, lập lại trật tự, kỷ luật và kỷ cương trong nội bộ Đảng và Nhà nước. Phải khẳng định rằng chúng ta hoàn toàn có đủ sức mạnh để làm được việc đó: sức mạnh về kinh tế, về chính trị, về hành chính, về vai trò làm chủ tập thể của quần chúng lao động. Đó là sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản. Để cho thị trường tự do phát triển, lấn chiếm và lũng đoạn thị trường xã hội chủ nghĩa có tổ chức, nhất là trong điều kiện kinh tế còn mất cân đối, thì không có cách nào giữ được các quan hệ tỷ giá hợp lý luôn luôn bị bóp méo bởi quan hệ cung cầu tự phát và các hoạt

động đầu cơ, phá hoại vốn có của thị trường tự do không được cải tạo và quản lý chặt chẽ.

4. Về *cơ cấu thành phần kinh tế* và *công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới*. Đây là một vấn đề rất quan trọng trong quan điểm và phương hướng chiến lược của chúng ta trong những năm tới. Trên vấn đề này, thật sự đã và đang có nhiều suy nghĩ tìm tòi, nhiều ý kiến cọ xát trong thảo luận. Bản báo cáo đã nêu ra những quan điểm cơ bản thể hiện sự quán triệt và cụ thể hoá đường lối và những chủ trương đã có của Đảng, đồng thời cũng có phần phát triển và làm rõ hơn. Có thể nêu lại tóm tắt như sau:

- Chúng ta nhận rõ một đặc điểm của kinh tế, xã hội hiện nay là sự tồn tại năm thành phần kinh tế, trong khoảng một thời gian đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên này. Sự tồn tại năm thành phần kinh tế đặt ra vấn đề: một là các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa không phải song song cùng phát triển, mà vận động trong cuộc đấu tranh với nhau, cho nên phải tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường, đi đến xoá bỏ và cải tạo xong các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa; hai là trong một thời gian nhất định, trong chặng đường đầu tiên, khách quan còn tồn tại các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa, thì chúng ta phải biết sử dụng nó, sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn, đi đến cuối cùng biến nó thành xã hội chủ nghĩa. Đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên, nền kinh tế nước ta về cơ bản sẽ *chỉ còn hai thành phần*: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, và gắn liền với nó là kinh tế gia đình như một bộ phận hữu cơ của hai thành

phân kinh tế ấy. Kinh tế cá thể và tư nhân nếu còn, sẽ không đáng kể.

- Sau khi đã cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mà vẫn còn thành phần kinh tế tư nhân và cá thể trong một phạm vi nhỏ hẹp và trong một thời gian nhất định tức là chúng ta để cho các thành phần không xã hội chủ nghĩa ấy tồn tại với tư cách rất thứ yếu và ngày càng ít ý nghĩa và tác dụng. Chủ trương như vậy không phải vì chúng ta cố ý muốn kéo dài tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mà là thừa nhận một tất yếu khách quan trong sự phát triển của kinh tế, xã hội, đồng thời cũng là một nghệ thuật vận dụng tính quy luật của sự phát triển ấy trong đường lối, chính sách của Đảng. Các thành phần kinh tế ấy tồn tại ở những lĩnh vực khác nhau, chủ yếu trong một số ngành nghề, trên những địa bàn nhất định với những mức độ khác nhau.

Không phải vì nền kinh tế có đặc điểm năm thành phần mà ngành nào, ở đâu cũng có năm thành phần và với mức độ phát triển như nhau. Đặc biệt là trong lĩnh vực *nội thương* (về những mặt hàng chủ yếu), *ngoại thương*, *ngân hàng...* thì *không thể để tồn tại thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa*. Nhưng trên một số ngành như tiểu công nghiệp, chế biến nông, lâm, thuỷ sản, một số dịch vụ... thì thành phần kinh tế tư nhân và cá thể có khả năng kinh doanh có lợi. Như vậy là tận dụng được mọi khả năng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế và xã hội. Muốn nhanh chóng xoá bỏ nó trên những lĩnh vực này là chủ quan nóng vội, có hại cho nền sản xuất xã hội. Nhưng thừa nhận sự tồn tại và phát triển trong chừng mực nhất định thành phần kinh tế tư nhân, không có nghĩa là kéo dài sự tồn tại nền kinh tế năm thành

phân, sự tồn tại của kinh tế tư nhân, mà qua mỗi bước càng đưa họ đi gần đến chủ nghĩa xã hội hơn. Phải tạo ra những điều kiện cần thiết để làm được việc ấy. Một trong những điều kiện quan trọng nhất là phải đặt họ trong sự quản lý, hướng dẫn bằng kế hoạch, chính sách và cả sự kiểm tra giám sát của Nhà nước và trong mối quan hệ liên kết chặt chẽ với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế cụ thể. Không làm được như vậy mà lại để cho họ mặc sức tự do phát triển là không nấm vững chuyên chính vô sản, là làm hại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tế nhiều năm qua, kể cả thực tế thi hành chính sách giá - lương - tiền vừa qua đã làm bộc lộ rõ những nhược điểm của kinh tế xã hội chủ nghĩa và năng lực quản lý của Nhà nước ta, và khả năng phá hoại và gây rối loạn của kinh tế tư nhân nhất là của tư thương và thị trường tự do; thực tế cũng cho thấy có những lúc, những nơi trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa bị kinh tế tư nhân bao vây, rỉa rái, xâm lấn chính là như vậy. Tình hình kinh tế, xã hội chưa ổn định, một phần cũng là ở đó.

Trong khi chủ trương như trên, chúng ta luôn luôn khẳng định dứt khoát rằng: *kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể phải là nòng cốt, chủ đạo trong toàn nền kinh tế*, phải được củng cố, phát triển không ngừng, ngày càng mạnh lên cả về cơ sở vật chất - kỹ thuật và chế độ quản lý. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, kinh tế quốc doanh phải thật sự đi đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả, làm trụ cột thu hút và lãnh đạo các thành phần kinh tế khác. Trong nông nghiệp, kinh tế quốc doanh và tập thể phải tiến tới hơn hẳn cá thể. Trong thương nghiệp, phải phát triển

mạnh thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cả về lượng và về chất, phải khẩn trương cải tạo tư thương và sắp xếp lại tiểu thương. Các đơn vị công tư hợp doanh trong công thương nghiệp cũng phải có tính chất đích thực của nó, phải xoá bỏ những "tổ hợp" trá hình. Kinh tế gia đình sẽ được coi trọng và khuyến khích phát triển đúng hướng, nhất là trong chặng đường hiện nay đang cần tạo đủ việc làm cho mọi người lao động và trong lúc đổi sống của cả nông dân và công nhân viên chức đều còn có nhiều khó khăn.

5. Về kinh tế đối ngoại

Phát triển kinh tế đối ngoại trong toàn bộ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong chặng đường đầu tiên và thời kỳ quá độ là một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. Đường lối chung của Đảng ta là xây dựng một nền kinh tế *độc lập, tự chủ*; nhưng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài cũng là đường lối chiến lược kinh tế cực kỳ quan trọng. Khắc phục những khó khăn gay gắt trước mắt, tạo vốn cho công nghiệp hóa, tranh thủ kỹ thuật hiện đại, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ngày càng đi vào hiện đại, một phần có tính quyết định tuỳ thuộc ở chỗ chúng ta làm tốt được xuất nhập khẩu và mở mang quan hệ hợp tác kinh tế với bên ngoài đến mức nào. Đường lối kinh tế đối ngoại của ta trước hết là mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia, đó là những đồng minh chiến lược lâu dài, những trụ cột vững chắc trong quan hệ quốc tế. Chúng ta chủ trương mở mang quan hệ với các nước bạn Ấn Độ và thế giới thứ ba, với các nước khác trong khu vực châu Á, Thái Bình Dương, Bắc Âu, Tây Âu...,

các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài. Chính sách của chúng ta với các nước ngoài khu vực xã hội chủ nghĩa là sẵn sàng "mở cửa" và hoan nghênh bất cứ một sự hợp tác thiện chí nào, trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Tình hình sắp tới có nhiều triển vọng. Tuy vậy, khả năng biến thành hiện thực được đến mức nào, lúc nào, một phần rất quan trọng tuỳ thuộc khả năng bản thân của chúng ta, ở sự đổi mới cung cách làm ăn để xây dựng lòng tin, tạo ra sức hấp dẫn trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mặt trận chủ yếu của chúng ta ở đây vẫn là phải đẩy mạnh *xuất khẩu*, và các hoạt động thu ngoại tệ bởi vì mọi thứ vay được của nước ngoài cuối cùng cũng phải bằng xuất khẩu để trả nợ. Phương hướng, mục tiêu và cơ cấu xuất khẩu, như trong báo cáo đã nêu rõ, phải tập trung tạo ra được các mặt hàng, nguồn hàng chủ lực từ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày: lạc, đỗ tương, đay, thuốc lá, cao su, cà phê, chè, một số cây có dầu (dừa, trái, thầu dầu), rau quả, dược liệu; từ nguồn hải sản, chăn nuôi, lâm sản. Một triệu hécta đất đai sẽ khai phá chủ yếu là để dành cho mở mang trồng cây công nghiệp; lâu nay chúng ta làm chưa có kết quả và hiệu quả nhiều bởi lẽ công tác nghiên cứu thị trường, điều tra đất đai, phân vùng quy hoạch chưa đầy đủ, chưa có chính sách khuyến khích thoả đáng người trồng cây công nghiệp, chưa tổ chức tốt sản xuất cả nông nghiệp và công nghiệp chế biến, kho tàng, vận tải... Những nhược điểm này phải được kiên quyết khắc phục.

Khu vực hàng công nghiệp nhẹ và tiểu, thủ công nghiệp cũng có tiềm năng to lớn. Chúng ta có thuận lợi rất lớn là có thị trường của Liên Xô và các nước anh em khác. Như trên

đã nói, mỗi năm có thể làm hàng tỷ rúp hàng gia công may mặc quần áo, giày dép, những nghề mà ta hoàn toàn có thể đáp ứng được về số lượng lao động và cả tay nghề.

Ngoài dầu khí là sản phẩm chiến lược hàng đầu mà ta đang tập trung sức đẩy nhanh việc thăm dò, khai thác, phải chú trọng đến nguồn khoáng sản, kim loại quý, nhất là bôxcít và đất hiếm.

Từng bước, chúng ta sẽ tham gia ngày càng nhiều hơn vào quá trình phân công hợp tác trong lĩnh vực cơ khí, điện tử với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, và đây là con đường làm ăn lâu dài với những triển vọng to lớn. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang tạo ra những tiền đề rộng lớn trong những lĩnh vực này mà nhiều nước anh em đều đặc biệt quan tâm. Các hoạt động để thu ngoại tệ như du lịch, vận tải viễn dương, dịch vụ hàng không, xuất khẩu lao động kỹ thuật, kiều hối... đều phải mở mạnh ra nhiều hơn nữa.

Trong kế hoạch 5 năm tới, phải phấn đấu tăng được gấp đôi mức kim ngạch xuất khẩu và các hoạt động thu ngoại tệ khác. Yêu cầu đó hoàn toàn có khả năng đạt được, và đó cũng là mức tối thiểu cần thiết để đạt các mục tiêu của chặng đường này và đẩy mạnh công nghiệp hóa ở chặng đường sau.

Về cơ chế quản lý trong lĩnh vực xuất khẩu và ngoại tệ, Bộ Chính trị đã cho ý kiến nhiều lần, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã từng bước hướng dẫn thực hiện. Những vướng mắc vừa qua cần được giải quyết sớm để phát huy nhanh các khả năng của tất cả các địa phương và các ngành. Tinh thần chung là tạo mọi điều kiện vật chất, tổ chức cần thiết và giải quyết thoả đáng lợi ích của cơ sở, của

địa phương, của ngành, để tạo ra nhiều hàng xuất khẩu, dưới sự quản lý thống nhất của Trung ương, và tập trung được những nguồn ngoại tệ cần thiết để trang trải cho nhu cầu chung của cả nước và của địa phương.

VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Trong những năm tới, cùng với việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chúng ta quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý, đó là một chủ trương chiến lược cực kỳ quan trọng, thực sự là cái chìa khoá để nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn bộ kinh tế quốc dân, để tạo ra nguồn động lực mạnh mẽ đối với người lao động, khơi dậy những khả năng tiềm tàng, kích thích mạnh mẽ việc đưa nhanh những tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nói tóm lại là thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển toàn diện của kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới, và qua đó mà rèn luyện, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ tài năng của con người Việt Nam chúng ta. Có thể nói sự nghiệp của chúng ta tuy thuộc rất nhiều ở việc này. Đó là kinh nghiệm của rất nhiều nước trên thế giới. Nhưng đây là một việc không dễ dàng, mà rất phức tạp.

Mấy năm nay, nhất là từ sau Nghị quyết 6 của trung ương, chúng ta đã làm nhiều việc theo hướng này, đã thu một số kết quả tích cực, cũng có những vấp váp, và cũng từ đó mà có nhiều bài học quý báu. Trước mắt nhiều việc đang đòi hỏi tiếp tục theo dõi, xử lý rất khẩn trương, nhạy bén, và cũng phải rất bình tĩnh, tỉnh táo. Tuy nhiên, chúng ta *khẳng định quyết tâm* sẽ kiên trì phấn đấu xây dựng một hệ thống cơ chế

quản lý mới, đồng bộ, phù hợp với đòi hỏi của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của nước ta trong chặng đường trước mắt. Vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để ngày càng làm tốt hơn.

Nội dung và tư tưởng chỉ đạo của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được trình bày trong báo cáo. Tôi chỉ xin nói thêm một số ý.

Nội dung thực chất nhất của việc đổi mới cơ chế quản lý là kiên quyết xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế sang *hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch hoá làm trung tâm* và thực hiện đầy đủ nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Tinh thần cơ bản của cơ chế quản lý mới là *phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, thể hiện tập trung ở việc *phát huy quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của cơ sở*.

Việc xây dựng cơ chế quản lý mới phải nắn vũng hai yêu cầu sau đây:

- + Phải luôn luôn nhằm đúng cái đích là phục vụ việc xây dựng nền *kinh tế mới* (sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế mới), *chế độ mới* (làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa), và *con người mới* xã hội chủ nghĩa.

- + Phải thích hợp với những *điều kiện kinh tế, xã hội thực tế của nước ta trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ* mà những đặc điểm nổi bật là: sản xuất đang trong quá trình từ nhỏ lên lớn; về quan hệ sản xuất, kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị, song chưa bao quát được hết toàn bộ nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần, và chất lượng của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa còn phải từng bước nâng cao.

Cơ chế quản lý phải biến đổi theo với sự biến đổi của những đặc điểm cơ bản này.

Nội dung quan trọng của cơ chế quản lý mới là thực hiện *hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Điều này xuất phát từ thực tế nền sản xuất trong thời kỳ quá độ là nền sản xuất hàng hoá; việc quản lý nền sản xuất ấy tất yếu phải sử dụng các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, phải rất xem trọng các công cụ giá cả, lợi nhuận, vận dụng quy luật giá trị, quy luật cung cầu mà trong cơ chế quản lý bao cấp thường bị xem nhẹ, hoặc vận dụng một cách rất hình thức. Song mặt khác, trong nền sản xuất hàng hoá ở nước ta, kinh tế xã hội chủ nghĩa đang chiếm vị trí thống trị, ngày càng lớn, đó là *nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, phát triển có kế hoạch*, nhằm phục vụ những nhu cầu sản xuất và đời sống của xã hội. Phù hợp với nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa ấy, cơ chế quản lý mới phải bảo đảm vận dụng đúng đắn hệ thống các quy luật kinh tế, trong đó các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối, đóng vai trò *chủ đạo*, đồng thời quy luật giá trị phát huy tác dụng rất quan trọng; việc thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh phải *theo hướng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm*, không ngừng nâng cao vị trí và chất lượng của kế hoạch, làm cho *công tác kế hoạch hoá ngày càng có tác dụng quyết định* đến những phương hướng phát triển và các lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, điều khiển được hoạt động của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, hướng dẫn được hoạt động của các thành phần kinh tế khác.

Kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác với kinh doanh tư bản chủ nghĩa cơ bản là ở chỗ:

- Về mục đích, một bên là kinh doanh nhằm phục vụ sản xuất và đời sống của xã hội, thoả mãn những nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân; một bên là nhằm thu được nhiều lợi nhuận bất kể sản xuất mặt hàng gì, bán cho ai, với giá cả nào, miễn là có lời.

- Về phương pháp, một bên là kinh doanh trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm, xét tới quy mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như đối với từng địa phương, từng ngành, từng cơ sở; một bên là cạnh tranh, chèn ép lẫn nhau.

Sự khác biệt cơ bản đó không phải để dẫn đến kiểu quản lý theo một "kế hoạch" cứng nhắc, quan liêu, bao cấp, tách rời sản xuất với thị trường, tách rời giá trị sử dụng với giá trị, không tính toán thị trường tiêu thụ, giá cả, lợi nhuận... chúng ta chống cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, nhưng cũng kiên quyết chống cơ chế quản lý lấy thị trường thay kế hoạch, dùng thị trường điều tiết kế hoạch.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, và Nhà nước còn chưa bảo đảm cân đối vững chắc các điều kiện sản xuất ngay cả cho các cơ sở quốc doanh thì phương pháp *kế hoạch hoá* vừa phải là *kế hoạch hoá trực tiếp bằng các chỉ tiêu pháp lệnh* với mức độ thích hợp; đồng thời chúng ta cần coi trọng hơn nữa các phương pháp *kế hoạch hoá gián tiếp, thông qua hệ thống đòn bẩy*, các chính sách giá cả, thuế, tín dụng, lợi nhuận, tiền lương, mà bảo đảm điều khiển các cơ sở sản xuất, lưu thông kinh doanh *theo phương hướng mục tiêu của kế hoạch nhà nước*. Cơ chế kế hoạch hoá phải tiến tới tạo điều kiện khuyến khích các ngành, các cấp, các cơ sở tự cân

đối, tự bảo đảm tối đa những nhu cầu về vật tư tiền vốn, kể cả việc qua xuất khẩu để bảo đảm nhu cầu nhập khẩu.

Coi trọng kế hoạch hoá gián tiếp cũng là coi trọng kế hoạch hoá và quản lý các công cụ đòn bẩy, trong đó việc *kế hoạch hoá và quản lý giá cả* là đặc biệt quan trọng. Chính vì thế chúng ta khẳng định Nhà nước phải quản lý giá (trong đó có phân cấp giữa trung ương, ngành, địa phương, cơ sở), phải quản lý mặt bằng giá, trước hết là giá những sản phẩm quan trọng, thiết yếu đối với sản xuất, đời sống. Đối với giá những sản phẩm này và mặt bằng giá chung không thể phó mặc cho thị trường, để nó hình thành và biến động tự phát; phải có kỷ luật nghiêm ngặt trong nội bộ Nhà nước các cấp, không thể tùy tiện. Về mặt này, việc duy trì *kỷ luật về giá* mua lúa và giá bán các vật tư và hàng công nghiệp thiết yếu hiện nay, khắc phục những hiện tượng nâng giá tự tiện, vô nguyên tắc là vấn đề rất cấp bách. Mặt khác, phải tiếp tục xem xét cải tiến cơ chế định giá và quản lý giá sao cho trên cơ sở bảo đảm Nhà nước quản lý được mặt bằng giá chung, các ngành, địa phương và cơ sở sản xuất được quyền tham gia định giá trong phạm vi và mức độ thích hợp để thích ứng được với điều kiện sản xuất, tình hình thị trường, quan hệ cung cầu còn nhiều biến động và rất đa dạng hiện nay, nhằm tạo điều kiện cho ngành, địa phương và cơ sở kinh doanh năng động hơn, lưu thông hàng hoá được thông suốt nhanh nhẹn, làm chủ được thị trường. Đây là vấn đề rất phức tạp chúng ta cần tiếp tục giải quyết.

Bảo đảm nguyên tắc *tập trung dân chủ* là yêu cầu lớn của cơ chế quản lý mới. Chúng ta nhận định rằng cơ chế quản lý hiện nay vừa còn tập trung quan liêu, chưa bảo đảm

quyền chủ động cho cơ sở, ngành và địa phương, còn gò bó cơ sở, ngành và địa phương về nhiều mặt; song mặt khác lại có tình trạng phân tán, cục bộ, chưa bảo đảm yêu cầu về quản lý tập trung thống nhất của trung ương. Phải tìm ra những cơ chế quản lý cụ thể trong các chế độ kế hoạch hoá, quản lý tài chính, tiền tệ, giá cả, thị trường, vật tư... sao cho vừa "mở" thêm quyền chủ động chính đáng cho bên dưới, vừa bảo đảm tốt hơn yêu cầu quản lý tập trung, chứ không thể chỉ nhấn mạnh một mặt nào.

Cơ chế quản lý hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa được thể hiện chủ yếu bằng *mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và xác lập chế độ tự chủ tài chính của cơ sở* (trước hết là cơ sở sản xuất), bảo đảm Nhà nước nắm vững sự quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, theo kế hoạch, theo đường lối chính sách và pháp luật; đồng thời phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh; khuyến khích mạnh mẽ người lao động, gắn bó chặt chẽ trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ với lợi ích, tăng cường kỷ luật lao động và công tác, nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng kinh tế, xoá bỏ mọi biểu hiện tập trung quan liêu và bao cấp trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Cơ chế quản lý mới gắn liền với cơ cấu kinh tế mới phải bảo đảm *trung ương* nắm chắc và giải quyết những vấn đề then chốt, những cân đối cơ bản, những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, đồng thời phải phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của *địa phương*, nhất là của *cấp huyện*, tạo điều kiện cho huyện chủ động về kế hoạch hoá, về phát huy các tiềm năng lao động, đất đai, tài nguyên, về sử dụng các

nguồn thiết bị, vật tư, vốn tài chính, về phân phối và lưu thông, về sắp xếp cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động nhằm nhanh chóng xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn 400 huyện. Cơ chế quản lý mới phải có tác dụng phát huy vai trò làm chủ của các *ngành*, tạo điều kiện chủ động hơn trong việc xây dựng các ngành kinh tế, kỹ thuật, nhất là các ngành chủ yếu có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; thực hiện nguyên tắc *kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ*, làm cho kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, công nghiệp và nông nghiệp gắn bó với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong *một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất và trong một hệ thống quản lý thống nhất*.

Bộ Chính trị đã thành lập Tiểu ban chuẩn bị đề án về bảo đảm *quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh*. Công tác của tiểu ban này rất quan trọng, đang triển khai, và sẽ liên quan đến nhiều ngành, đặc biệt là các ngành quản lý tổng hợp, trước hết là Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành tài chính, ngân hàng, giá cả, vật tư. Sắp tới, tất cả các ngành này phải có sự tham gia rất chủ động và nhạy bén vào công việc này.

*
* *

Cuối cùng, tôi xin nêu lại một số vấn đề đề nghị Trung ương thảo luận, chủ yếu về mặt quan điểm và tư tưởng chỉ đạo.

1. *Đánh giá tổng quát* tình hình, rút ra những kết luận lớn và bài học kinh nghiệm.

2. Chặng đường đầu tiên và kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 cần đạt những mục tiêu gì, trong đó mấu chốt nhất là những mục tiêu nào?

3. Có phải sự lựa chọn chiến lược quan trọng nhất, hợp lý nhất trong những năm tới là tập trung sức thực hiện chương trình *phát triển nông nghiệp toàn diện* trong cơ cấu nông - công nghiệp, sử dụng hết lao động, khai thác mạnh đất đai. Đồng thời phải bảo đảm sự phát triển cân đối, đồng bộ của *công nghiệp, giao thông vận tải* vừa để phục vụ yêu cầu của nông nghiệp vừa thực hiện ngay một bước công nghiệp hoá và có sự chuẩn bị cần thiết cho chặng đường tiếp theo?

4. Quan điểm và chính sách của chúng ta về vấn đề *tiêu dùng và tích luỹ, về sử dụng các thành phần kinh tế* trong giai đoạn hiện nay. Phương hướng và biện pháp tiếp tục xử lý vấn đề *giá - lương - tiền*, nhất là làm thế nào để làm chủ được thị trường, giá cả. Vấn đề quan hệ giữa tập trung và dân chủ, kế hoạch và thị trường trong việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍNH BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA V)**

Ngày 11 tháng 12 năm 1985

*Thưa đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khóa V) có nội dung rất phong phú và có ý nghĩa rất quan trọng. Những vấn đề thảo luận ở Hội nghị Trung ương lần này sẽ là một phần quan trọng trong nội dung Báo cáo chính trị trình ra Đại hội lần thứ VI của Đảng. Trong Hội nghị này, chúng ta cũng quyết định nhiệm vụ kế hoạch năm 1986, năm bắt đầu của kế hoạch 5 năm 1986-1990; đồng thời kiểm điểm việc thi hành Nghị quyết Trung ương tám trong thời gian vừa qua, thảo luận và quyết định những biện pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Để bảo đảm sự thành công của hội nghị, chúng ta cần giải quyết các vấn đề theo cách nhìn *tổng quát*, làm rõ những *tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt quá trình* từ việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV và Đại hội V, các Nghị quyết Trung

ương 6,7,8 vừa qua đến việc xác định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 và kế hoạch năm 1986. Trên cơ sở những tư tưởng chỉ đạo đó mà đánh giá tình hình 10 năm qua, rút ra bài học kinh nghiệm; cụ thể hóa thêm một bước đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV và Đại hội V đã vạch ra, bổ sung, làm phong phú và rõ thêm cách vận dụng đường lối đó vào thực tế; xác định những chủ trương, chính sách đúng đắn, những biện pháp thiết thực, những bước đi vững chắc với hình thức, quy mô, tốc độ thích hợp.

Chúng ta đang thực hiện bước chuyển hướng quan trọng trong công tác lãnh đạo kinh tế của Đảng, đứng trước nhiều vấn đề rất khó và rất mới, nên có những quan điểm, cách nhìn, cách nghĩ còn khác nhau là chuyện bình thường. Điều quan trọng là cần nắm vững *nguyên tắc tập trung dân chủ* trong sinh hoạt Đảng, đề cao tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, lắng nghe ý kiến của nhau, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, thảo luận thẳng thắn với thái độ chân thành để cùng nhau tìm ra chân lý nhằm đạt đến nhất trí cao.

Theo tinh thần trên đây, tôi xin phát biểu một số ý kiến.

I- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Mười năm qua, từ sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng bước vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, thiên tai, địch họa, chúng ta đã làm được nhiều việc quan trọng, đạt được những thành tựu to lớn trên

mọi lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đến văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế... Song chúng ta cũng đã phạm nhiều khuyết điểm và sai lầm, do đó đã hạn chế những thắng lợi của chúng ta đáng lẽ còn to lớn hơn.

Bản báo cáo đã nói nhiều về những thành tựu cũng như những khuyết điểm, sai lầm đó. Tôi không nhắc lại toàn bộ mà chỉ nhấn mạnh, phân tích thêm một số khuyết điểm chủ yếu của chúng ta, thể hiện tập trung trên hai mặt: cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý.

Về cơ cấu kinh tế, những khuyết điểm nổi bật là:

Chưa thực hiện đúng chủ trương lấy "nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu" như Đại hội V đã khẳng định. Rất nhiều vấn đề của bản thân nông nghiệp như cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng ở từng vùng, từng khu vực, giống má, phân bón, thuốc trừ sâu, thủy lợi..., cũng như nhiều vấn đề khác trực tiếp liên quan đến nông nghiệp như kho tàng, bảo quản, vận tải, chế biến... chưa được tập trung giải quyết đúng mức, dẫn đến tình trạng mất đồng bộ trong bản thân nông nghiệp, gây ra lãng phí nghiêm trọng các loại nông sản, khiến cho khó khăn về lương thực, thực phẩm diễn ra triền miên.

Chưa coi trọng đúng mức việc phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và công nghiệp nhẹ để giải quyết công ăn việc làm, sản xuất ra nhiều hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thu mua nông sản và ổn định đời sống nhân dân.

Trong khi đó vốn đầu tư lại bị dàn đều, xây dựng cơ bản ham quy mô lớn. Nhiều công trình xây dựng dở dang, vật tư bị phân tán, vốn bị ứ đọng; hiệu quả hoạt động của nền kinh tế giảm sút, cân đối năng lượng, vật tư, vốn sản xuất chẳng những không thu hẹp mà có xu hướng ngày càng doãng ra.

Đầu tư dàn đều đã gây nên tình trạng mất cân đối trên quy mô toàn bộ nền kinh tế cũng như đối với mỗi công trình. Chúng ta đã để *lãng phí* to lớn cả nguồn viện trợ bên ngoài, cả nguồn vốn bên trong.

Tình hình trên đây khiến cho đến nay ít có công trình nào đủ điều kiện hoạt động bình thường, chưa nói gì đến phát huy hiệu quả cao. Trong tình hình đó, việc *đầu tư đồng bộ hóa, đầu tư chiều sâu*, cải tạo các cơ sở, xí nghiệp để tận dụng công suất hiện có trở nên việc làm quan trọng nhất trong 5 năm tới và phải bắt đầu ngay từ việc vạch kế hoạch năm 1986.

Về cơ chế quản lý:

Trong nhiều năm qua, chúng ta đã duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, gây tổn thất lớn cho nền kinh tế quốc dân, làm phát sinh rất nhiều tệ nạn tiêu cực trong xã hội, ảnh hưởng sâu sắc đến lòng tin của nhân dân. Đảng ta đã phát hiện khuyết điểm này từ lâu, song việc khắc phục làm quá chậm; phải đến các Hội nghị Trung ương 6, 7 và nhất là Hội nghị Trung ương 8 vừa qua mới có những nghị quyết cụ thể để sửa chữa. Những nghị quyết Trung ương đó hết sức quan trọng, có tính cách mạng sâu sắc, làm chuyển biến một cách cơ bản tư tưởng, nhận thức và hành động của chúng ta; đánh dấu một bước tiến quan trọng của Đảng ta trên con đường nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế khách quan vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam.

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa V), đồng chí Lê Duẩn đã nói "Cơ cấu kinh tế và cơ chế

quản lý gắn bó với nhau thành một tồn tại, trong đó cơ cấu kinh tế quyết định cơ chế quản lý và cơ chế quản lý phục vụ cơ cấu kinh tế, thúc đẩy sự hình thành cơ cấu kinh tế" (*Năm vững quy luật, đổi mới quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1984, trang 25). Tôi tán thành nhận định đó. Tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng để phục vụ được cơ cấu kinh tế, thúc đẩy được sự hình thành cơ cấu kinh tế mới, nhất thiết phải có một *cơ chế quản lý đúng*. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, không tính đến và không đòi hỏi làm ăn có hiệu quả, nên chẳng những không làm được việc đó, hơn nữa còn *làm sai lạc, bóp méo* cơ cấu kinh tế của chúng ta. Với cơ chế đó, không thể sắp xếp lại được sản xuất, không thể phát triển được sức sản xuất, cũng không thể hoàn thiện được quan hệ sản xuất phù hợp với sức sản xuất; vì vậy nó không thể thúc đẩy được sự hình thành cơ cấu kinh tế đúng.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương đã ra Nghị quyết về giá - lương - tiền nhằm xóa bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, từng bước khôi phục bức tranh chân thực, đưa nền kinh tế trở lại hoạt động và phát triển bình thường; song chúng ta lại phạm một loạt sai lầm, khuyết điểm trong chỉ đạo thực hiện. Tại Hội nghị Bí thư và Chủ tịch các tỉnh và thành phố, các đồng chí đã nói nhiều về những khuyết điểm, sai lầm đó. Tôi chỉ nhấn mạnh thêm một số khuyết điểm chính sau đây:

a) *Sự mất đồng bộ* do xóa bỏ bao cấp không gắn liền với xóa bỏ tập trung quan liêu ngay trong từng bước; điều chỉnh một bước giá, lương, tiền không tiến hành đồng thời với việc mở rộng một bước quyền chủ động của cơ sở để chuyển sang

hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Vừa qua, chúng ta đã bước *một bước dài* trong việc giảm bớt bao cấp, nhưng lại gần như chưa nhích được bước nào trong việc giảm bớt tập trung quan liêu, gây nên tình trạng *mất thăng bằng* nghiêm trọng. Chúng ta đã nặng về điều chỉnh mặt bằng giá và lương mà coi nhẹ sửa đổi cơ chế quản lý.

Bù giá vào lương là một biện pháp đầu tiên trong việc xóa bỏ bao cấp từng bước, chuyển từ phân phôi trực tiếp hiện vật sang phân phôi thông qua trả lương bằng tiền, thực hiện chính sách bán lẻ theo một giá, qua đó đã thấy có nhiều đổi mới quan trọng. Những nhu cầu giả tạo giảm bớt hoặc mất đi, căng thẳng trong cung cầu đối với những mặt hàng thiết yếu như gạo, thịt giảm xuống, công nhân, viên chức gắn bó hơn với sản xuất và công tác, Nhà nước nắm hàng và quản lý thị trường khá hơn, tệ nạn tiêu cực được khắc phục một bước rõ rệt. Cán bộ, đảng viên, quần chúng rất phấn khởi.

Lẽ ra, sau khi có Nghị quyết 8, tiếp tục mở rộng bù giá vào lương ra cả nước, chuyển các cơ sở một bước sang hạch toán, kinh doanh, đưa tiền lương đã được bù vào giá thành sản phẩm, để các cơ sở phấn đấu hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; đồng thời, thêm một thời gian chuẩn bị kỹ bước sau. Tôi đã đề nghị tổng kết bù giá vào lương trước khi ban hành chính sách mới về giá, lương, tiền, song đề nghị đó đã không được thực hiện.

b) *Sự mất đồng bộ* trong việc đề ra chủ trương mới với việc bố trí người thực hiện. Chủ trương mới chuyển hướng hoạt động kinh tế đòi hỏi người thực hiện phải thông suốt về quan điểm, có nhiệt tình, luôn luôn tìm mọi biện pháp khắc

phục khó khăn để thực hiện tốt. Nghị quyết 8 có đề cập vấn đề này, song chúng ta đã không làm như vậy.

c) Từ hai khuyết điểm lớn trên đây, chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm khác khi xử lý cụ thể giá - lương - tiền, như:

- *Đã tiến hành đổi tiền* trong thế bị động; lẽ ra có thể giải quyết việc thiếu tiền theo cách khác. Khi đổi tiền lại mắc nhiều khuyết điểm cả về phương pháp cũng như về nghiệp vụ; không xuất phát từ yêu cầu *thúc đẩy sản xuất là chủ yếu* mà vẫn thiên về yêu cầu quản lý tiền chặt theo kiểu tập trung, quan liêu. Địch và kẻ xấu lợi dụng khuyết điểm của ta để phá hoại.

- Sau đổi tiền đã *tăng giá đột ngột* lên nhiều lần và trên diện rộng, với ý muốn chủ quan xóa bao cấp ngay lập tức. Trong một thời gian dài, chúng ta đã không chấp nhận giá trị thị trường xã hội là giá quen thuộc đối với mọi người tiêu dùng, nhưng lại bị coi là giá đầy rẫy những yếu tố đầu cơ. Từ cách nghĩ chủ quan đó, ta đã *nhảy từ cực nọ sang cực kia*. Trước kia, định giá rất thấp, tạo ra chênh lệch giá lớn, gây thiệt hại cho Nhà nước, làm phát sinh nhiều tiêu cực. Nay ta lại sửa bằng cách ngay một lúc tăng giá lên nhiều lần, đội giá thị trường xã hội, trong khi hầu như chưa đi bước nào chống tập trung quan liêu trong sản xuất và quản lý. Kết quả là chúng ta đã đem tất cả những định mức và chi phí bất hợp lý lâu nay nhân với giá mới và tiền lương mới, nên giá thành vống lên rất cao, không mua được, cũng không bán được, gây đình đốn sản xuất, bế tắc lưu thông; tiền vừa đổi đã mất giá ngay, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước.

Về *tư tưởng chiến lược*, chúng ta phải triệt để xóa bỏ tập

trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Song về sách lược, trong mỗi bước đi cần có tính toán, cân nhắc thận trọng.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị Trung ương 7 (từ 10 đến 17-12-1984), tôi có nói về việc thiết lập mặt bằng giá mới như sau: "Nếu có những khó khăn về kỹ thuật, để tránh xáo trộn một lúc quá nhiều thì có thể *chia ra từng bước*, mỗi bước làm một mức, nhưng phải khẩn trương đưa dần lên đến mức cần phải đạt, song *nhiều nhất thiết phải bảo đảm tính đồng bộ và có hệ thống ngay trong mỗi bước*" (trang 16). Ý kiến đó đã không được các đồng chí có trách nhiệm điều hành chú ý đúng mức khi xử lý giá cụ thể vừa qua.

Chúng ta đã đưa ra *hệ thống lương mới*, có tiến bộ là thay việc trả lương bằng hiện vật sang trả lương bằng tiền, người ăn lương được chủ động hơn. Song việc chuyển từ hệ thống lương cũ sang hệ thống tiền lương mới có nhiều phức tạp; các thang, bảng lương có những chỗ chưa hợp lý, chưa sát thực tế; đến nay nhiều nơi vẫn chưa làm xong. Khi người lao động chưa cầm được lương mới trong tay thì đã phải chịu đựng ngay giá mới, đời sống thêm khó khăn. Đặc biệt quan trọng là *sự vênh nhau* giữa giá và lương ngay sau khi công bố (giá tăng cao hơn mức giá quy định khi thiết lập hệ thống lương).

Với những khuyết điểm trên, việc xử lý giá, lương, tiền vừa qua, nhất là *tiền và giá là hai đòn đánh mạnh* vào sản xuất và đời sống, làm sai lạc tinh thần nội dung Nghị quyết Trung ương 8, gây hoài nghi trong cán bộ và nhân dân.

Nguyên nhân của những khuyết điểm đó là gì?

- Nhận thức của chúng ta về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

xã hội, về những đặc điểm cơ bản và việc vận dụng những quy luật trong thời kỳ đó, bao gồm cả chặng đường đầu tiên, đến nay vẫn chưa rõ và chưa nhất trí.

- Từ nhận thức không rõ, chúng ta đã "vừa chủ quan, nóng vội, lại vừa bảo thủ, trì trệ" đúng như Đại hội V đã nhận định một cách khái quát. Trong tư tưởng chiến lược, có xu hướng muốn làm nhanh, đốt cháy giai đoạn; không xuất phát từ thực tế để định ra những bước đi vững chắc, phù hợp với tình hình cụ thể. Trong khi đó thì lại duy trì tập trung quan liêu quá lâu, không bám sát phong trào cách mạng của quần chúng, không thật sự phát huy được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, không thực hiện được nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Từ nhận thức không rõ và do tư tưởng "vừa chủ quan, nóng vội, vừa bảo thủ, trì trệ", trong chủ trương của chúng ta có nhiều mâu thuẫn, nổi lên là những mâu thuẫn dưới đây:

a) Mâu thuẫn giữa chủ trương muốn đưa nông nghiệp lên mặt trận hàng đầu với việc muốn nhanh chóng triển khai xây dựng công nghiệp trên quy mô lớn. Sức ta có hạn, lại bị căng ra cả hai đầu, trên hai mặt trận, không dồn được vào khâu then chốt, quyết định.

b) Mâu thuẫn giữa chủ trương sử dụng hết lao động, đất đai, tận dụng các nguồn vốn, giải quyết nạn thất nghiệp, làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa với việc muốn nhanh chóng hoàn thành cải tạo quan hệ sản xuất, sớm xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Chúng ta muốn đẩy quan hệ sản xuất vượt xa sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Mác đã nói: "Những quan hệ sản xuất mới, cao hơn quan hệ sản xuất cũ, không bao giờ xuất hiện khi những điều kiện

tồn tại vật chất của những quan hệ sản xuất đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Cho nên, nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những vấn đề mà mình có thể giải quyết được; vì khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân vấn đề chỉ nảy ra khi những điều kiện vật chất để giải quyết vấn đề đó đã có, hay ít ra cũng đang hình thành". (C.Mác, Ph.Ăngghen: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, tập 1, tr.577-578).

Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta là phải ra sức phát triển lực lượng sản xuất, tạo những điều kiện tồn tại vật chất để cho quan hệ sản xuất mới ra đời. Công tác cải tạo phải là một quá trình liên tục diễn ra trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những bước đi, hình thức thích hợp nhằm luôn luôn tạo ra quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở mỗi thời kỳ.

c) Mâu thuẫn giữa chủ trương ba cấp cùng làm chủ, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động với việc duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu, áp đặt từ trên xuống; các địa phương, cơ sở không đủ quyền hạn để giải quyết nhanh chóng những vấn đề cấp bách do thực tế đặt ra hằng ngày, thậm chí hằng giờ.

Những mâu thuẫn trên đây là *biểu hiện tập trung mâu thuẫn giữa nhận thức của chúng ta với tình hình thực tế*. Bản dự thảo mới về Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Liên Xô nói đến việc phải "sửa chữa những sai lầm của bệnh chủ quan và duy ý chí". Chúng ta cũng phải phân tích rõ và kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm do khuynh hướng, "chủ quan, nóng vội và bảo thủ, trì trệ" gây ra.

II- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NHỮNG NĂM CÒN LẠI CỦA CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Lê nin nói: "...làm thế nào để trên thực tế thực hiện được bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản cũ, quen thuộc, mà mọi người đã từng biết, sang chủ nghĩa xã hội mới chưa hình thành hẳn, chưa có một cơ sở vững chắc, đó là nhiệm vụ khó nhất. Trong trường hợp tốt nhất thì bước quá độ ấy cũng chiếm mất nhiều năm. Suốt cả thời kỳ đó, trong chính sách của chúng ta, lại chia ra thành nhiều bước quá độ nhỏ hơn nữa" (V.I.Lê nin: *Toàn tập*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, tập 40, tr.119).

Đối với nước ta, những nhiệm vụ phải giải quyết trong thời kỳ quá độ rất lớn và phức tạp. Nhiệm vụ đó lại càng nặng nề vì nước ta đi từ một nền kinh tế phô biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chúng ta có những yếu tố rất thuận lợi của thời đại và của dân tộc, như sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, trước hết là của Liên Xô; nhân dân lao động nước ta có nhiệt tình cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động, lại có lực lượng khoa học, kỹ thuật khá..., nên có thể phấn đấu rút ngắn thời kỳ quá độ được một phần. Song do điểm xuất phát của chúng ta quá thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, hiện nay vẫn còn ở trong tình trạng bị kẻ thù thường xuyên xâm lấn, khiêu khích, phá hoại, cộng với những thiếu sót, sai lầm chủ quan, cho nên thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta dù sao cũng sẽ khá dài, không thể nôn nóng được. (Mông Cổ đi lên chủ nghĩa

xã hội từ 65 năm nay, đến nay chưa kết thúc thời kỳ quá độ).

Về *chặng đường đầu tiên*, nhiệm vụ trong những năm còn lại của chặng đường này là *tiếp tục tạo tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở chặng đường tiếp theo* của thời kỳ quá độ. Trong chặng đường đầu tiên, phải phấn đấu hoàn thành nhiều việc, trong đó quan trọng nhất là *ổn định tình hình kinh tế - xã hội; bảo đảm thường xuyên tái sản xuất sức lao động; có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, đủ sức tiếp nhận sự giúp đỡ, hợp tác với bên ngoài để triển khai xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Lương thực, thực phẩm phải đủ ăn và có một phần dự trữ, chấm dứt về cơ bản nạn thiếu lương thực triền miên lâu nay; có đủ hàng tiêu dùng thông thường, bảo đảm nhu cầu của nhân dân và để trao đổi lấy sản phẩm nông nghiệp...*

Để đạt được những mục tiêu đó, cần thấu suốt những *tư tưởng chỉ đạo* sau đây:

Một là, phải quan niệm rõ nền kinh tế trong chủ nghĩa xã hội nói chung và trong thời kỳ quá độ nói riêng là một nền *sản xuất hàng hóa* với nội dung mới: *sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa có kế hoạch*. Trải qua 68 năm từ ngày Cách mạng Tháng Mười thành công, đến nay dự thảo mới về Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Liên Xô lại trở lại vấn đề: "Cần sử dụng triệt để hơn quan hệ tiền - hàng cho phù hợp với nội dung vốn có ở chủ nghĩa xã hội".

Đối với nước ta, điều này lại càng quan trọng. Do những điều kiện lịch sử, nhìn chung chúng ta chưa trải qua một nền sản xuất hàng hóa phát triển (miền Nam có chừng nào, miền Bắc rất ít); sản xuất nhỏ mang tính tự cấp, tự túc, khép kín còn đang in dấu khá rõ trong nền kinh tế. Vì vậy, chúng ta

lại càng phải ra sức phát triển sản xuất hàng hóa, cả trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp; hệ thống lưu thông phải được tổ chức thích ứng với nền sản xuất hàng hóa đó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa *cần và hoàn toàn* có khả năng kiểm soát, chỉ đạo, hướng dẫn và chi phối nền sản xuất hàng hóa thông qua kế hoạch hóa, hợp đồng kinh tế, hệ thống pháp luật, hệ thống chính sách. Sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát phải nhằm mục tiêu làm cho sản xuất hàng hóa phát triển với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, giá thành ngày càng hạ, hàng hóa ngày càng trở nên phong phú, dồi dào cả về chủng loại và khối lượng, theo đúng quy đao đi lên chủ nghĩa xã hội. Tóm lại là có thể đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; song nhất thiết *không thể bỏ qua* phát triển sản xuất hàng hóa.

Để phát triển sản xuất hàng hóa, làm cho khối lượng hàng hóa nông sản và hàng hóa tiêu dùng ngày một dồi dào, chúng ta phải tuân theo những quy luật của nền sản xuất hàng hóa, trước hết là *quy luật giá trị và quy luật cung cầu*. Dưới chủ nghĩa xã hội, các quy luật đó mang *nội dung mới* do chịu sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội như quy luật kinh tế cơ bản, quy luật phát triển cân đối, có kế hoạch, quy luật phân phối theo lao động... Chủ nghĩa tư bản đã triệt để khai thác các quy luật của sản xuất hàng hóa để bóc lột người lao động và thu lợi nhuận tối đa. Chủ nghĩa xã hội, trong khi vận dụng những quy luật của chính mình, phải đồng thời vận dụng một cách chủ động quan hệ hàng hóa - tiền tệ và các quy luật của sản xuất hàng hóa, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực nhằm phục vụ cho lợi ích của Nhà nước và của nhân dân, góp phần phát huy tác dụng

của quy luật kinh tế cơ bản và các quy luật khác của chủ nghĩa xã hội. Để thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động theo quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội, phải sản xuất ra *nhiều hàng hóa*. Nếu sản xuất hàng hóa không phát triển thì ngay cả nhu cầu tối thiểu cũng không đáp ứng được, nói gì đến thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng.

Hai là, trong tình hình người nhiều, việc ít, vốn ta nghèo, Nhà nước chưa đủ sức đầu tư để tạo ra đủ việc làm cho tất cả mọi người thì chúng ta phải *công nhận và sử dụng trên thực tế các thành phần kinh tế khác nhau*. Làm như vậy tức là tuân theo và vận dụng đúng quy luật về sự phù hợp tất yếu giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất vào điều kiện cụ thể nước ta hiện nay. Quá trình xóa bỏ các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa gắn liền với quá trình sử dụng nó theo phuong châm: "sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn". Quá trình đó sẽ chấm dứt khi kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh đến mức có thể thay thế hoàn toàn, không cần đến sự tồn tại của thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa nữa.

Để phát triển sản xuất hàng hóa, phải thật sự sử dụng mạnh mẽ các thành phần kinh tế trong nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và cả trong lưu thông, đặc biệt là trong thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp và dịch vụ. Đây là con đường để tạo ra việc làm, ít đòi hỏi hoặc không đòi hỏi đầu tư vốn, giảm bớt gánh nặng của biên chế, giải quyết nạn thất nghiệp, mọi người đều có điều kiện tham gia lao động, phát triển sản xuất hàng hóa, làm ra sản phẩm, nhanh chóng phát triển lực lượng sản xuất. Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phải

vươn lên nắm vững vai trò chỉ đạo, tập hợp các thành phần khác thành những vệ tinh, hướng họ đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Cách đúng đắn là làm cho sức sản xuất của các thành phần kinh tế đều phát triển, đều cùng *tăng một cách tuyệt đối*, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phấn đấu đạt mức tăng tuyệt đối cao hơn và do đó chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, tức là *tăng một cách tương đối*.

Phải thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", kể cả *khuyến khích nhân dân tự bối vốn ra làm*, bao gồm cả Việt kiều đầu tư vốn và kỹ thuật vào trong nước. Có nhiều *hình thức thích hợp* như liên doanh, hợp tác, kinh tế cá thể, kinh tế gia đình; trên một số lĩnh vực, chấp nhận cả hình thức tư bản tư nhân, tư bản nhà nước (liên doanh thực chất cũng là một hình thức tư bản nhà nước), có luật đầu tư thích hợp để khuyến khích đầu tư vào các công trình nhằm phát triển sản xuất, dịch vụ như du lịch chẳng hạn.

Ra sức phát triển sản xuất hàng hóa, thật sự sử dụng các thành phần kinh tế, chúng ta không sợ con đường tự phát tư bản chủ nghĩa, vì ta luôn nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, có những chính sách thích hợp, có pháp luật bảo vệ người lao động, giới hạn sự bóc lột của tư bản tư nhân, của tiểu chủ trong phạm vi cho phép, hạn chế mặt tự phát của sản xuất hàng hóa, phát triển mặt tích cực của nó.

Phải *thay đổi* những quan niệm, định kiến tồn tại lâu nay trong xã hội: người lao động ở khu vực hợp tác xã hoặc kinh tế cá thể không được coi trọng, ít được Nhà nước chăm sóc, dễ bị nhân viên các cơ quan quản lý, các ngành, các cấp

chèn ép, bắt nạt, coi thường. Do chế độ bao cấp tràn lan, do những định kiến đó mà ai cũng muốn "thoát ly" đi làm cán bộ nhà nước, bộ máy biên chế cứ phình ra mãi.

Nay phải thay đổi quan niệm đó, thể hiện trong chính sách của chúng ta. Dù là người làm ở khu vực nhà nước hay ở bên ngoài, có đóng góp làm ra nhiều sản phẩm chất lượng tốt, giá thành hạ, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp và chính sách đều phải được *coi trọng một cách bình đẳng*, không phân biệt đối xử. Ngược lại, dù ở đâu mà chây lười, vi phạm kỷ luật và pháp luật thì đều phải xử trí nghiêm minh. Đó chính là thực hiện công bằng xã hội, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực hiện quyền làm chủ thật sự của *toàn thể nhân dân lao động*. Bác Hồ nói: "Lao động là vinh quang". Hiện nay lao động làm ra nhiều của cải cho xã hội cũng như chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đều là vinh quang bậc nhất.

Ba là, phải tiếp tục tập trung sức hơn nữa thực hiện cho bằng được Nghị quyết Đại hội V: *coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, nhằm thực hiện mục tiêu bảo đảm lương thực, thực phẩm, có dự trữ, có nguyên liệu cho công nghiệp, có nông sản xuất khẩu. Phải phấn đấu đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn, với *năng suất lao động và tỷ suất nông sản hàng hóa cao*. Mục tiêu của chúng ta khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng *cơ cấu công - nông nghiệp*. Nhưng trong chặng đường đầu tiên, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, hướng phấn đấu là nhằm xây dựng *cơ cấu nông - công nghiệp*; từ đó chuyển dần sang *cơ cấu công - nông nghiệp* ở bước tiếp theo.

Phải chú trọng *phát triển công nghiệp nhẹ*, công nghiệp

thực phẩm, bao gồm cả thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp; bảo đảm hàng tiêu dùng và chế biến nông sản, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu đời sống và xuất khẩu, thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Đối với *công nghiệp nặng*, cần tập trung cho những công trình *trực tiếp phục vụ* phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như than, điện, dầu khí, cơ khí, nhất là cơ khí chế tạo phụ tùng, chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; hóa chất cơ bản, phân bón các loại, thuốc trừ sâu. Chú trọng đầu tư thích đáng cho *giao thông vận tải*, cải tạo đường sá (cả đường thủy, đường sắt, đường bộ), nâng cao năng lực vận chuyển.

Trong những năm trước mắt, cần hết sức *hạn chế* xây dựng những công trình mới, chỉ khởi công những công trình gối đầu, không có khống được mà thôi. Việc lựa chọn quy mô cũng rất quan trọng, *ưu tiên cho quy mô nhỏ và vừa*, thích hợp với điều kiện của ta, có thể hoàn thành sớm (làm gang thép cũng theo phương châm đó). Đối với những *công trình chuyển tiếp*, cũng phải lựa chọn thích đáng, tập trung hoàn thành có trọng điểm, hết sức tránh dàn đều, kéo dài thời gian xây dựng các công trình, gây ứ đọng vốn.

Bốn là, phải ra sức đẩy mạnh *kinh tế đối ngoại*. Trước hết phải khẳng định nguồn vốn trong nước là *quyết định*. Cần có cơ chế đúng và chính sách đúng để phát huy cao độ nguồn vốn đó. Đồng thời, nguồn vốn bên ngoài là *rất quan trọng*, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy nguồn vốn bên trong.

Một số đồng chí muốn Liên Xô giúp ta nhiều hơn nữa. Tất nhiên, nếu có nhiều hơn càng tốt, song mức Liên Xô giúp ta vừa qua cũng không phải ít; đáng tiếc là chúng ta đã để

lãng phí rất nhiều; 5 năm tới, Liên Xô giúp nhiều gấp rưỡi trước đây; chúng ta cần sớm thay đổi cách làm ăn để phát huy nguồn vốn đó.

Khả năng của ta hợp tác với Liên Xô còn rất lớn, thị trường Viễn Đông của bạn là nơi ta có thể phát huy *thể mạnh xuất khẩu* của mình. Song, nếu ta làm ăn không tốt, mất tín nhiệm kéo dài, thì không phải là không có nguy cơ bị mất thị trường đó. *Thực hiện các cam kết với Liên Xô là ưu tiên số một* trong chính sách của ta về xuất khẩu nói riêng và kinh tế đổi ngoại nói chung. Cả nước phải tập trung thực hiện tốt các cam kết và mở rộng việc làm ăn với Liên Xô, chắc chắn sẽ làm cho bạn tin cậy, hợp tác tốt với ta hơn và *sẽ giúp chúng ta nhiều hơn nữa*.

Đồng thời, phải hợp tác tốt với Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chúng ta cũng mở rộng quan hệ buôn bán, xuất nhập khẩu và hợp tác với Ấn Độ, các nước thế giới thứ ba, các nước phương Tây, với các tổ chức và tư nhân; chú trọng Việt kiều. Phải sửa đổi luật đầu tư, tạo điều kiện hợp tác, thu hút vốn và tận dụng khai thác tốt các nguồn vốn đó.

Về cơ chế *quản lý xuất nhập khẩu*, cần phân cấp hợp lý; thông qua *chính sách thuế* để khuyến khích các địa phương, cơ sở nhập vật tư phát triển sản xuất, hạn chế nhập hàng tiêu dùng, nhất là hàng tiêu dùng cao cấp.

Năm là, phải tích cực *đổi mới cơ chế quản lý*, chuẩn bị từng bước để chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trong đó có hai điều quan trọng nhất là: phải mở rộng quyền chủ động của cơ sở và phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính Nhà nước với chức năng quản

lý sản xuất, kinh doanh. Nên sản xuất hàng hoá đòi hỏi phải chống cả bao cấp lẫn tập trung quan liêu *một cách đồng bộ*, không thể chỉ chống một trong hai cái đó, càng không thể dùng cái này để chống cái kia được.

Có ý kiến cho rằng trong cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trong nền sản xuất hàng hoá có kế hoạch, quyền chủ động là cái *vốn có* của cơ sở, song cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã tước mất quyền đó; vì vậy nay không phải là *trao* mà là *trả lại* quyền cho cơ sở, trả lại cái mà lâu nay cắp trên đă tước mất. Tôi tán thành cách nói đó.

Trong nền kinh tế hàng hoá, Nhà nước nhất thiết phải vươn lên nắm hàng, nắm tiền, quản lý tốt thị trường. Song nắm hàng, nắm tiền không phải là thu hàng, tiền vào kho rồi phân phối, không phải thông qua những biện pháp hành chính là chủ yếu. Nắm hàng, nắm tiền, quản lý thị trường phải nhằm mục tiêu phát triển sản xuất, làm cho mọi người hăng hái làm ra nhiều sản phẩm và bán sản phẩm cho Nhà nước, thúc đẩy nhanh sự vận động của tiền, hàng trong lưu thông.

Việc đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện vai trò quản lý của Nhà nước phải bắt đầu ngay từ *đổi mới kế hoạch hoá*. Kế hoạch hoá phải *xuất phát từ nhu cầu của xã hội* và thực hiện bằng các hợp đồng kinh tế. Thông qua kết hợp kế hoạch hoá trực tiếp với kế hoạch hoá gián tiếp (bằng các chính sách đòn bẩy như giá cả, tiền lương, tín dụng, thuế...) mà thực hiện việc *kiểm soát* nền sản xuất hàng hoá, quản lý tốt toàn bộ thị trường xã hội. Đối với những xí nghiệp và khu vực cần tiến hành kế hoạch hoá trực tiếp thì phải kiên quyết tập trung sức thực hiện cho bằng được. Muốn vậy cũng phải tận dụng

đúng đắn các quy luật kinh tế, các chính sách đòn bẩy. Làm như vậy, vai trò của kế hoạch hoá trong thời kỳ quá độ chảng những không giảm đi mà còn tăng lên hơn nữa, phần đấu để kế hoạch hoá trở thành *khâu trung tâm của nền sản xuất hàng hoá*, làm cơ sở cho hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý.

Cơ chế quản lý hiện nay dựa trên cơ sở duyệt giá thành, định giá bán. Xí nghiệp được nhận tỷ lệ lãi định mức tính theo phần trăm trên giá thành sản phẩm. Như vậy thì giá thành càng cao, xí nghiệp sẽ nhận được lãi định mức càng nhiều. Với việc duyệt giá thành, định giá bán cộng với một hệ thống nhiều chỉ tiêu pháp lệnh ràng buộc chặt, trên thực tế cấp trên đã can thiệp rất sâu vào hoạt động của xí nghiệp, can thiệp sâu vào "cái hộp đen" như các đồng chí nói, khiến cho xí nghiệp không còn quyền chủ động nào. Cấp trên đã làm thay hầu hết việc của giám đốc xí nghiệp, nhưng lại hoàn toàn không sát, không chịu trách nhiệm gì về kết quả sản xuất, kinh doanh; không thể biết thật sự giá thành do xí nghiệp trình lên và mình đã duyệt là sai hay đúng. Cơ chế đó, cộng với chế độ bao cấp theo giá quá thấp và do đời sống công nhân thiếu thốn nên xí nghiệp phải tìm nguồn bù đắp để duy trì sản xuất, đã dẫn đến kết quả là *tất cả các loại định mức kỹ thuật đều ngày một sai lạc đi*, các số liệu ngày càng xa thực tế; không ai quan tâm đến hợp lý hoá sản xuất, đến tiết kiệm vật tư, năng lượng... Cơ chế đó chảng những không khuyến khích hạ, mà còn *khuyến khích khai tăng giá thành*.

Do hạch toán không đúng sự thật, nên trong một thời

gian dài, chúng ta đã đưa ra quyết định trên cơ sở *những thông tin sai lạc*, làm cho nhiều quyết định của chúng ta xa rời thực tế.

Nay cần nhanh chóng xoá bỏ cơ chế đó. Phải thay cơ chế duyệt giá thành, định giá bán nặng tính quan liêu, trong đó giá thành càng cao thì xí nghiệp càng có lợi, sang cơ chế mới trong đó *giá thành càng hạ thì xí nghiệp càng có lợi*. *Khả năng hạ giá thành* hiện nay khá lớn, có thể thực hiện trong thời gian tương đối nhanh, miễn là có cơ chế đúng.

Cơ chế mới đó dựa trên cơ sở rút bớt các chỉ tiêu pháp lệnh đến mức tối thiểu và có thể dùng *cách định thuế* để thu vào ngân sách. Xí nghiệp càng hạ giá thành thì làm ăn càng có lãi, đóng thuế cho Nhà nước tăng lên, xí nghiệp có điều kiện đầu tư mở rộng sản xuất, đời sống cán bộ, công nhân được cải thiện.

Để đổi mới cơ chế quản lý, *trước mắt* cần sửa chữa những khuyết điểm trong quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 8. Chúng ta cần điều chỉnh một số giá, điều chỉnh phụ cấp tiền lương, song không thể thay đổi toàn bộ hệ thống giá đã hình thành vì như vậy sẽ làm cho tình hình càng thêm rối. Vấn đề quan trọng nhất là *thay đổi ngay cách làm hiện nay* vẫn theo kiểu tập trung quan liêu, trên ngồi bàn định giá từ một trung tâm, tiếp tục xa thực tế và không chịu trách nhiệm gì về những quyết định của mình, dưới thì hoặc phải chờ đợi, không mua, không bán, không sản xuất được, hoặc để hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao thì phải "trợ giá", "kê hàng", "mua chui" và "bán chui"; tình hình sẽ tiếp tục rối, không gỡ ra được.

Phải chuyển sang cách làm khác, tức là phải *thay đổi cơ*

chế định giá, cơ chế điều chỉnh tiền lương, chứ không phải chỉ thay đổi một số giá và phụ cấp tiền lương. Tôi đề nghị Trung ương định ra nguyên tắc và hướng dẫn cho dưới thi hành, *giao cho địa phương xử lý những vấn đề cụ thể* như điều chỉnh giá bán lẻ hàng tiêu dùng, định giá mua nông sản (trung ương có thể định khung giá thích hợp), định tỷ lệ phụ cấp đắt đỏ. Thực ra, đây là việc các địa phương đã làm khi thực hiện bù giá vào lương; tình hình lúc đó nói chung diễn biến bình thường, không có gì đáng lo ngại. Mặt khác, để làm tốt nhiệm vụ của mình, *các cấp ủy đảng* phải đề cao tinh thần trách nhiệm, bám sát thực tế, kịp thời xử lý các diễn biến của tình hình, tuân theo đúng các quy định về báo cáo và xin ý kiến Trung ương. Chúng ta kiên quyết chống tập trung quan liêu, song không thể vì vậy mà sinh ra cục bộ, bản位, tự do chủ nghĩa, vô tổ chức. Phải kiên quyết giữ vững nguyên tắc *tập trung dân chủ*.

Trước những khó khăn hiện nay, lại có ý kiến muốn quay về chính sách hai giá. Làm như vậy, chênh lệch giá sẽ lại phát sinh, tiêu cực lại tăng lên, hàng, tiền lại thất thoát, chúng ta lại đưa xã hội đi thụt lùi, tiếp tục mắc sai lầm của thời kỳ bao cấp. Đề nghị kiên quyết khắc phục mọi khó khăn, *giữ cho được chính sách một giá*. Các địa phương được phân cấp sẽ tìm ra mọi biện pháp giữ vững chính sách một giá, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh ở địa phương mình; nếu duy trì tập trung quan liêu thì không thể nào giữ được. Tình hình hiện nay phức tạp hơn khi thực hiện bù giá vào lương; các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương phải chủ động hướng dẫn, tạo điều kiện cho các địa phương làm tốt.

Đồng thời, khẩn trương chuyển hoạt động kinh tế sang cơ

chế mới, hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bộ Chính trị đã quyết định lập Tiểu ban chuẩn bị đề án về mở rộng quyền chủ động của cơ sở sản xuất, kinh doanh; đề nghị Tiểu ban tập trung, khẩn trương làm việc, sớm có đề án trình Bộ Chính trị. Phải phấn đấu để *năm 1986 là năm ra đời và xác lập cơ chế mới*. Việc mở rộng và hoàn chỉnh cơ chế đó sẽ làm dần trong thời gian tiếp theo.

Đổi mới cơ chế quản lý là con đường giải quyết một cách cơ bản nhằm chống tập trung quan liêu trong sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành, từng bước *tạo ra giá đúng và tiền lương đúng*, góp phần quan trọng để tiếp tục xử lý giá - lương - tiền trong những bước sau, ổn định và cải thiện đời sống, củng cố lòng tin của nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, khắc phục một bước tệ nạn tiêu cực, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chỉ loay hoay lo sửa giá và lương theo kiểu tập trung quan liêu thì chẳng những không giải quyết được vấn đề mà sẽ lại càng thêm rối.

Khi xí nghiệp có đủ quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình thì mới có tiền đề để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. *Tiềm năng khoa học, kỹ thuật* của ta khá lớn, lực lượng cán bộ, công nhân không ít và có trình độ khá. Song với cơ chế tập trung quan liêu, khoa học kỹ thuật đã *đứng ngoài lề* cuộc sống, vì sản xuất không có yêu cầu thật sự phải nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Chuyển sang cơ chế mới, các tiềm năng sáng tạo đó nhất định sẽ được phát huy mạnh mẽ.

Cán bộ khoa học, kỹ thuật là những người trực tiếp tiếp thu và vận dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ

thuật trên thế giới hiện nay vào thực tế nước ta. Chính sách và cơ chế quản lý khoa học, kỹ thuật đúng đắn sẽ thúc đẩy anh chị em phát huy hết khả năng để góp phần to lớn phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, tạo điều kiện cho cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật *trở thành then chốt* trong ba cuộc cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang tiến hành.

III. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để bảo đảm cho cơ chế mới phát huy tác dụng, các vấn đề về tổ chức, quản lý cần được xem xét và điều chỉnh cho thích hợp.

Trước hết, phải tách chức năng quản lý hành chính nhà nước các cấp ra khỏi chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cơ quan nhà nước các cấp, từ trung ương đến địa phương, cơ sở phải tập trung vào *chức năng quản lý hành chính*, bao gồm cả việc quản lý hành chính đối với kinh tế mà nội dung cụ thể sẽ được xác định sau. Nhà nước phải và có điều kiện *nắm lấy* những khâu chủ yếu, *giữ vững* quyền kiểm tra, giám sát, bảo đảm luật pháp được thi hành nghiêm minh; định ra chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển ở từng địa phương, từng ngành và trong cả nước, bảo đảm đời sống vật chất và văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục... cho các vùng dân cư, bảo đảm hậu cần cho sản xuất, chăm lo xây dựng cấu trúc hạ tầng tại địa phương mình, tổ chức tốt các khâu dịch vụ... *Chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh* được giao cho các cơ sở, xí nghiệp, liên hiệp xí nghiệp, các công ty và tổng công ty kinh doanh. Thực hiện chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, các cơ sở phải nghiêm chỉnh thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của

Nhà nước, thực hiện tốt kế hoạch thông qua các hợp đồng kinh tế; thực hiện đúng các chế độ thông tin, báo cáo, xin ý kiến; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Phải đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, tìm mọi cách khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần tích luỹ để công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết chống tập trung quan liêu, đồng thời kiên quyết chống tự do chủ nghĩa, cục bộ, bản vị.

Từ đó mà soát xét, *điều chỉnh* lại chức năng của các bộ phận trong bộ máy quản lý cho thích hợp với tổ chức và nhiệm vụ được giao, nhằm thực hiện tốt cơ chế mới. Có thể nêu lên một số ví dụ sau đây.

Hiện nay, hàng năm Hội đồng Bộ trưởng giao cho các tỉnh, thành phố mua lúa và nông sản. Muốn mua được lúa với giá do trên định, tỉnh phải rào ngắt lại, không cho lúa ra khỏi địa phương mình, coi đó là một biện pháp chính để bảo đảm mức được giao. Đến lượt mình, tỉnh giao cho huyện, huyện giao cho xã. Huyện và xã cũng làm như vậy. Kết quả là cả nước có bao nhiêu xã thì có bấy nhiêu thị trường lương thực; thị trường bị cắt rời ra hàng ngàn, vạn mảnh; mọi sự di chuyển lương thực (nông dân mang bán ở xã khác, huyện khác) đều bị coi là bất hợp pháp, tất yếu để ra ngăn sông cấm chợ tràn lan. Quanh năm cấp uỷ, chính quyền chỉ lo thu mua, nhiều công việc thuộc trách nhiệm của mình lại không làm xuể. Nông dân thì lo đổi phó với chính quyền, tìm cách để đưa lương thực đến chỗ có thể bán với giá cao hơn. Chuyển sang cơ chế mới, nên giao nhiệm vụ đó cho *Tổng công ty kinh doanh lương thực*, có hệ thống dọc thống nhất trên cả nước, thay cho cách tổ chức mua và định giá mua theo khu vực hành chính. Với tư cách là cơ quan kinh doanh, Tổng công ty

kinh doanh lương thực sẽ quyết định giá mua và giá bán lương thực trên các thị trường chính theo chính sách lương thực của Đảng và Nhà nước. Làm như vậy thì khái niệm vùng giáp ranh và giá giáp ranh không còn nữa, cả nước thành một thị trường thống nhất. Có đồng chí nói: cả nước có mười chị Ba Thi thì giải quyết xong vấn đề mua lương thực. Tôi cho rằng chuyển chức năng như trên thì nhất định sẽ xuất hiện không phải mười mà hàng trăm, hàng nghìn chị Ba Thi. *Kinh doanh là con đường để Nhà nước thống nhất quản lý và độc quyền lương thực.*

Ngân hàng nên tách ra thành hai hệ thống, một hệ thống trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, đại thể như tổ chức ngân hàng hiện nay, lo bảo đảm phát hành, làm chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ; hệ thống thứ hai bao gồm các ngân hàng chuyên ngành, làm nhiệm vụ kinh doanh, tín dụng và dịch vụ ngân hàng, có vai trò tự chủ như một *xí nghiệp kinh doanh tiền tệ*. Nếu để lẫn lộn hai chức năng vào một hệ thống như hiện nay thì không thể bảo đảm cho sản xuất và lưu thông được bình thường.

Trong bất kỳ tình huống nào, ngân hàng phải bảo đảm có tiền để thu mua lương thực đúng mùa vụ, bảo đảm cho sản xuất, kinh doanh tiến hành được bình thường. Muốn bảo đảm chủ động, cần phấn đấu sớm in được trong nước tất cả các loại tiền.

Điều chỉnh chức năng của *Ủy ban Vật giá Nhà nước*, theo hướng giảm bớt việc duyệt giá và định giá, thay vào đó, tăng cường chức năng tham mưu giúp Nhà nước định ra các chính sách giá cả nhằm hướng dẫn sản xuất, điều tiết tiêu dùng.

Các công ty hoặc tổng công ty vật tư sẽ làm nhiệm vụ

cung ứng vật tư cho sản xuất theo phương thức kinh doanh; *Bộ Vật tư* trở thành cơ quan tham mưu trong việc định ra chính sách, thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính trong lĩnh vực vật tư.

Cùng với việc mở rộng quyền chủ động của các xí nghiệp, cơ sở, chức năng của các bộ được điều chỉnh lại, có thể *sáp nhập một số bộ* để làm nhiệm vụ quản lý hành chính - kinh tế, không nhất thiết phải để nhiều như hiện nay, vì sẽ không có việc làm. Đồng thời với việc sáp nhập, thu gọn bộ máy, xét cần thiết vẫn phải *lập thêm* những bộ phận khác, ví dụ lập Ban nghiên cứu chiến lược kinh tế, bao gồm cả Viện nghiên cứu quản lý kinh tế hiện nay.

Trên đây nêu lên một số ví dụ sơ bộ có tính chất gợi ý. Phương hướng rà soát lại bộ máy là phải thiết lập kiến trúc thượng tầng *phù hợp* với cơ sở hạ tầng. Kiến trúc thượng tầng "đô sộ" hiện nay, với bộ máy và biên chế hết sức cồng kềnh, với rất nhiều khâu trung gian, đã vượt xa đến mức *trở thành gánh nặng* của cơ sở hạ tầng đang còn nhỏ bé. Kiến trúc thượng tầng chẳng những không thúc đẩy mà còn cản trở sự phát triển của cơ sở hạ tầng, tạo ra rất nhiều khe hở trong quản lý, như nạn ức hiếp quần chúng, hối lộ, tham ô...

Việc xác định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh, sắp xếp hợp lý tổ chức, bộ máy từ trung ương đến các cấp là những việc làm rất quan trọng nhằm khắc phục vướng mắc kéo dài trong mối quan hệ giữa trung ương với địa phương, giữa tập trung thống nhất với phân tán, cục bộ; tạo điều kiện thuận lợi tinh giản bộ máy, giảm nhẹ biên chế, loại bỏ các khâu trung gian thừa.

Làm cho bộ máy gọn nhẹ, có hiệu quả là cách làm *vừa*

nâng cao được hiệu lực điều hành của cấp trên, *vừa mở rộng* được quyền chủ động của cơ sở; *vừa chống tập trung quan liêu, vừa chống vô tổ chức, vô kỷ luật*. Hai mặt đó đang cùng tồn tại ở tất cả các cấp, từ trung ương, địa phương đến cơ sở. Mỗi cấp phải căn cứ vào tình hình cụ thể của mình và có biện pháp tích cực khắc phục.

Sau khi đã có chủ trương, *vấn đề cán bộ trở thành khâu quyết định*. Việc chuyển hướng nền kinh tế theo Nghị quyết 8 của Trung ương đòi hỏi phải bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ cho thích hợp với cơ chế mới. Cần phân công, phân cấp quản lý cán bộ một cách hợp lý, xoá bỏ tập trung quan liêu ngay trong công tác tổ chức và cán bộ.

Công tác tổ chức phải có chuyển biến mạnh mẽ về quan điểm, nhận thức trong việc đánh giá con người; nhìn nhận phẩm chất, tài năng một cách cụ thể trên cơ sở những đóng góp thực tế của cán bộ trong nhiệm vụ quản lý hành chính, hoặc trong nhiệm vụ quản lý sản xuất, kinh doanh cũng như trên các mặt công tác khác.

Đội ngũ cán bộ của ta không thiếu, nhiều người đã trải qua thử thách, rèn luyện trong thực tế, có kiến thức và cách nghĩ, cách làm mới. Vấn đề là phải qua thực tế, qua những phuơng án, những sáng kiến để xuất mà nhanh chóng phát hiện và bố trí vào những vị trí thích hợp nhằm phát huy hết tài năng của anh chị em. Qua việc thực hiện cơ chế mới, sẽ xuất hiện nhiều cán bộ ưu tú, trưởng thành từ phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở. Phải tiếp tục bồi dưỡng để anh chị em đủ sức đảm nhiệm được những nhiệm vụ nặng nề hơn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng.

Đồng thời, phải tổ chức huấn luyện lại cán bộ, soạn lại

các giáo trình về kinh tế, tổ chức nghiên cứu, thảo luận, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo nội dung của cơ chế mới.

Phát triển sản xuất hàng hoá, thật sự sử dụng các thành phần kinh tế, đẩy mạnh hợp tác kinh tế với nước ngoài, bên cạnh mặt tích cực, tất nhiên sẽ xuất hiện mặt tiêu cực; cần tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, có biện pháp ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực; đề cao cảnh giác, chống địch phá hoại, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, kể cả trong kinh tế. Chính nhân dân lao động là những người trực tiếp tạo ra những thành tựu của chúng ta. Đồng chí Lê Duẩn thường nhắc nhiều đến làm chủ tập thể, song ta chưa làm tốt. Tôi cho rằng chính cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã kìm hãm sức sáng tạo của quần chúng; cấp trên trong khi chưa làm tốt công việc của chính mình (chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, định ra các chính sách đúng...), nhưng lại can thiệp sâu vào công việc cụ thể của cấp dưới, của cơ sở; người này làm việc của người kia, trong khi nhiều việc lại không có ai làm. Chức năng chồng chéo, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm lẩn lộn dẫn tới hạn chế, thậm chí triệt tiêu động lực của cách mạng. Trong tình hình đó, khó thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý mới là điều kiện để phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của người lao động *trên thực tế*. Mọi người làm đúng trách nhiệm của mình, nhất định sẽ có nhiều đóng góp tốt, cùng nhau phấn đấu tạo ra những thành quả to lớn của sự nghiệp cách mạng. Với cơ chế mới, nguyên tắc *Đảng lãnh đạo, Nhà nước*

quản lý, nhân dân làm chủ được thể hiện thông qua việc xác định *vị trí, chức năng, nhiệm vụ* rành mạch, rõ ràng. Trong cơ chế cũ, tập trung quan liêu, bao cấp, nguyên tắc đó tuy được nói đến nhiều, song vẫn mơ hồ, không thể hiện được trên thực tế.

Để nâng cao trách nhiệm của cán bộ, phải thưởng, phạt nghiêm minh, có công phải được thưởng, có lỗi thì phải phạt; mỗi người làm việc phải chịu trách nhiệm về việc mình làm; không thể theo lối "hoà cả làng". Sự công bằng tạo nên lòng tin của quần chúng; khi sự công bằng trong trách nhiệm và lợi ích bị vi phạm hoặc không rõ ràng thì lòng tin giảm sút, đó là điều chúng ta cần hết sức chú ý.

Thưa các đồng chí,

Điều quan trọng nhất của Hội nghị Trung ương lần này là làm rõ *tư tưởng chỉ đạo* của Đảng trong lãnh đạo kinh tế - xã hội những năm sắp tới, cùng nhau thảo luận để đi đến nhất trí cao. Trên cơ sở đó mà cụ thể hóa đường lối thêm một bước bằng các chủ trương, chính sách, phương hướng và nhiệm vụ trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, trước mắt là của kế hoạch 5 năm 1986-1990 và phải bắt đầu ngay từ kế hoạch 1986. Theo tinh thần đó, tôi đã trình bày một số ý kiến đề nghị bước đầu để Ban Chấp hành Trung ương xem xét.

Chúng ta tin tưởng và quyết tâm chuẩn bị tốt để Đại hội VI là Đại hội chuyển hẳn cơ chế quản lý, sắp xếp lại nền kinh tế, ra sức phấn đấu để có thể *hoàn thành về cơ bản* chặng đường đầu tiên và *tiếp tục củng cố* trong vài năm sau đó, tạo ra tiền đề vững chắc đẩy mạnh công nghiệp hoá khi

bước vào chặng đường sau của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng ta đã vạch ra: "xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa".

Xin cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)
Số 30-NQ/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1985
**Về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế,
xã hội năm 1986**

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp vào trung tuần tháng 12 năm 1985, sau khi thảo luận báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1985 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1986, đã quyết định những vấn đề chủ yếu sau đây:

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1985

Năm 1985 đánh dấu một bước tiến bộ trong lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế của Đảng và Nhà nước ta với việc triển khai thực hiện Nghị quyết các Hội nghị 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Mặc dù bão lụt và hạn hán xảy ra liên tiếp ở nhiều tỉnh, sản lượng lương thực cả nước năm 1985 vẫn tăng 40 vạn tấn so với năm 1984; các mặt chăn nuôi, trồng cây công nghiệp,

nghề rừng, nuôi trồng và khai thác thuỷ sản đều phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 7,4%, trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương tăng 8,5%. Ngành giao thông vận tải cố gắng bảo đảm vận chuyển các mặt hàng quan trọng. Một số công trình xây dựng cơ bản bảo đảm được tiến độ thi công và đưa vào sử dụng đúng thời hạn.

Công tác thu mua nhiều mặt hàng nông sản đạt khá, việc nấm hàng công nghiệp cũng có những tiến bộ mới; mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tiếp tục mở rộng. Kim ngạch xuất khẩu tăng 7,6% so với năm 1984.

Các tỉnh Nam Bộ hoàn thành về cơ bản hợp tác hoá nông nghiệp với hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh, quản lý thị trường được tăng cường.

Công tác khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, xã hội, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, thông tin đều có cố gắng và tiến bộ.

Đáng chú ý là trong cả nước đã có nhiều xí nghiệp, nhiều huyện quán triệt tốt các Nghị quyết 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương, đổi mới cách lãnh đạo và quản lý, chỉ đạo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn, thể hiện rõ xu hướng tiến lên.

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trên các địa bàn, trước hết ở các tỉnh biên giới phía bắc, có những tiến bộ mới.

Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp đều chưa ổn định, năng suất, chất lượng và hiệu quả rất thấp, một số sản phẩm quan trọng không tăng, thậm chí có loại còn giảm. Kim ngạch xuất khẩu tăng chậm, chất lượng hàng xuất khẩu

không đáp ứng các hợp đồng đã cam kết và không theo kịp yêu cầu của thị trường thế giới. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh còn yếu. Lưu thông - phân phối còn nhiều khó khăn. Nhìn chung, nền kinh tế cho đến quý III đã có đà phát triển tốt, song từ quý IV - 1985, do có những khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị về giá - lương - tiền, nên giá cả, thị trường có nhiều biến đổi phức tạp, ảnh hưởng không tốt đến nhiều mặt hoạt động kinh tế, xã hội.

Có thể nói, đến hết kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, bên cạnh những tiến bộ mới, những nhân tố mới cần được khẳng định và ra sức phát huy, *nền kinh tế nước ta vẫn đứng trước những khó khăn gay gắt*, các cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân như lương thực, năng lượng, ngoại tệ, vật tư, tài chính còn rất căng thẳng. Cơ cấu kinh tế chưa có chuyển biến đáng kể. Cơ chế quản lý mới chưa hình thành rõ rệt. Tổ chức sản xuất và quản lý sản xuất chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, phân tán. Quan hệ sản xuất mới còn ở trình độ thấp; kinh tế xã hội chủ nghĩa chưa được củng cố vững chắc. Lao động, đất đai, năng lực công nghiệp chưa được sử dụng tốt. Chất lượng các hoạt động văn hoá, giáo dục chậm chuyển biến. Kỷ luật của Đảng, Nhà nước và pháp chế xã hội chủ nghĩa không được chấp hành nghiêm chỉnh. Công tác chỉ đạo, điều hành có nhiều khuyết điểm.

Những khó khăn và những mặt yếu kém nói trên phải được tất cả các cấp, các ngành kiên quyết khắc phục, để đưa các hoạt động kinh tế, xã hội trong năm 1986 tiến lên vững chắc.

II- NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1986

Năm 1986 là năm mở đầu kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, kế hoạch có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ mà Đại hội V đã đề ra. Năm 1986 phải là năm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được phát huy, phong trào cách mạng của quần chúng sôi nổi trong cả nước, công tác lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước được cải tiến rõ rệt để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trong việc thực hiện những mục tiêu đã đề ra.

Phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch năm 1986 là:

- Tiếp tục *coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, trước hết là tăng nhanh lương thực, thực phẩm, phát triển mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu* và các ngành *công nghiệp nặng then chốt* phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và giao thông vận tải. Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.

- Đẩy mạnh phân công và *bố trí lại lao động, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất* trên địa bàn cả nước, nhất là trên địa bàn huyện, các thành phố, khu công nghiệp lớn và cơ sở; sử dụng tốt lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có để phát triển mạnh sản xuất và kinh doanh.

- Giải quyết tốt các vấn đề về phân phối, lưu thông; *Nhà nước làm chủ thị trường, từng bước ổn định tình hình giá cả, tài chính, tiền tệ và đời sống nhân dân*.

- Tiếp tục *cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa* trong cả nước, với những hình thức

và bước đi thích hợp. Nâng cao trình độ và chất lượng hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ và đẩy mạnh cải tạo công thương nghiệp tư doanh, cải tạo và tổ chức lại tiểu thương, tăng cường khu vực kinh tế xã hội chủ nghĩa và thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ.

- Hình thành *cơ chế quản lý mới*, đặc biệt là bảo đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh; nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của các huyện trong việc tổ chức và quản lý kinh tế.

- *Chấn chỉnh tổ chức bộ máy quản lý nhà nước*; phân biệt chức năng quản lý hành chính với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh; giảm nhẹ biên chế, sắp xếp lại hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh, bố trí lại cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý.

- Củng cố và tăng cường *quốc phòng, an ninh*, bảo đảm các yêu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, đánh bại các hoạt động lấn chiếm ở biên giới và chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

Kế hoạch năm 1986 phải tập trung giải quyết những nhiệm vụ quan trọng nhất, những nhu cầu bức thiết nhất, *từng bước ổn định tình hình kinh tế, xã hội, ổn định đời sống, tạo nguồn tích luỹ*, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho những bước phát triển mạnh hơn trong những năm sau.

Những nhiệm vụ chính của kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1986 trên từng mặt công tác lớn là:

1. Về nông nghiệp

Nhiệm vụ số một là phấn đấu đạt cho được 20 triệu tấn *lương thực*. Cùng với lúa, phải phát triển mạnh các loại màu, gắn sản xuất với chế biến và từng bước cải tiến cơ cấu bữa ăn.

Đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, nhất là đối với đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, khôi phục hệ thống kênh mương, đê đập và các công trình tưới tiêu ở các vùng bị bão lụt. Tăng thêm sức kéo và bơm nước để mở rộng diện tích lúa đông xuân và hè thu. Cùng với việc tăng nhanh phân chuồng, phân xanh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, bảo đảm giống, các ngành trung ương và các địa phương phải tìm mọi biện pháp bảo đảm cung cấp đủ và kịp thời phân hoá học, thuốc trừ sâu cho yêu cầu thâm canh. Các địa phương phải dành một số ngoại tệ thu được để nhập thêm tư liệu sản xuất cho nông nghiệp.

Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phải thực hiện triệt để tiết kiệm lương thực và làm thật tốt công tác huy động lương thực; có chính sách và biện pháp thích hợp bảo đảm cho Nhà nước huy động được tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hoá và thực hiện Nhà nước thống nhất quản lý kinh doanh lương thực, bảo đảm cung ứng lương thực cho lực lượng vũ trang, các khu công nghiệp tập trung và các thành phố lớn.

Khuyến khích phát triển mạnh *cây công nghiệp ngắn ngày*, nhất là lạc, đỗ tương, thuốc lá, mía, đay, bông, dâu tằm, dứa sợi, cói, thầu dầu... Đối với *cây công nghiệp dài ngày* như cao su, cà phê, chè... Nhà nước tập trung đầu tư thâm canh trên diện tích đã có, đồng thời mở thêm diện tích trồng mới để bảo đảm hiệp định đã ký với các nước. Đẩy mạnh phong trào trồng dừa, trầu, sở, hồi, que và cây ăn quả. Thực hiện phương châm "lấy ngắn nuôi dài", "Nhà nước và nhân dân cùng làm", kết hợp chặt chẽ quốc doanh, tập thể và gia đình, để tăng diện tích, bảo đảm được chất lượng cây trồng.

Phát triển mạnh *chăn nuôi* các loại gia súc, gia cầm, thỏ, dê, ong... Khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò và mở rộng giao lưu trâu bò giữa các vùng; phát triển đàn lợn lên 13 triệu con; tăng nhanh đàn lợn nái sinh sản và lợn lai kinh tế; phát triển mạnh vịt xuất khẩu ở đồng bằng sông Cửu Long và các vùng ven biển trong cả nước.

Về *lâm nghiệp*, phát động rộng rãi phong trào trồng cây, trồng rừng, đẩy nhanh tốc độ phủ xanh đồi trọc, đất trống, bảo vệ vốn rừng hiện có. Tiếp tục giao một phần đất và rừng cho xã, hợp tác xã, đơn vị quân đội và gia đình quản lý kinh doanh. Ban hành những chính sách khuyến khích thu hút thêm nhiều lao động làm nghề rừng. Ngăn ngừa nạn cháy rừng, phá rừng, làm nương rẫy và khắc phục tình trạng phá rừng để "khai hoang". Thực hiện nghiêm túc việc khai thác gỗ theo quy định và kế hoạch nhà nước, bảo đảm quy trình kỹ thuật. Phát triển mạnh việc chế biến gỗ để tận dụng cành ngọn, nâng cao hiệu quả khai thác gỗ.

Về *thuỷ sản*, đẩy mạnh đánh bắt cá biển, tiếp tục phát triển mạnh nuôi trồng thuỷ sản, nhất là nuôi tôm xuất khẩu, ở ven biển, tận dụng và thâm canh tốt diện tích nuôi cá nước ngọt ở khắp các vùng. Tổ chức tốt dịch vụ trên biển để phục vụ đánh bắt và thu mua sản phẩm. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến thuỷ sản phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Về *công nghiệp*

Ưu tiên bảo đảm cân đối đồng bộ các điều kiện vật chất cho những sản phẩm trọng yếu nhất có tác dụng chi phối nền kinh tế quốc dân, phấn đấu đạt 6 triệu tấn than, 5,9 tỷ kWh điện, 47 - 50 vạn tấn phân lân, 1,8 - 2 triệu tấn ximăng, 1,4

triệu m³ gỗ, 375 triệu mét vải (quy đổi), 8 vạn tấn giấy và một số sản phẩm quan trọng khác. Đó là những mức tối cần thiết, phải tiếp tục tìm nguồn cân đối bổ sung để đạt cao hơn, đồng thời tích cực chuẩn bị cho sản xuất năm 1987 với mức phát triển nhanh hơn.

Tiếp tục ban hành các chính sách và biện pháp cụ thể khuyến khích tăng nhanh hàng công nghiệp tiêu dùng để đáp ứng yêu cầu đời sống nhân dân và yêu cầu trao đổi hàng hoá với nông dân; phát triển mạnh các mặt hàng tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của hợp tác xã và gia đình.

Nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là chất lượng hàng xuất khẩu; quản lý chặt chẽ sản phẩm làm ra.

Triệt để tiết kiệm, giảm tiêu hao vật tư, năng lượng, mở rộng liên kết kinh tế để tăng nguồn nguyên liệu, sử dụng phế liệu để huy động tối đa công suất nhà máy, tăng khối lượng sản phẩm, mở thêm mặt hàng mới, giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra sau khi sáp xếp lại sản xuất.

Phải trên cơ sở sáp xếp lại sản xuất, bố trí lại cơ cấu mặt hàng và đổi mới cơ chế quản lý mà sáp xếp lại lao động trong từng ngành, từng xí nghiệp phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế, bảo đảm cho xí nghiệp thực sự sản xuất, kinh doanh có lãi.

3. Về *giao thông vận tải - bưu điện*

Hoàn thành việc sáp xếp sản xuất và phân phối lại lao động trong toàn ngành giao thông vận tải - bưu điện. Phấn đấu tăng năng suất, hạ giá thành, giảm tiêu hao nhiên liệu, vật tư; tổ chức tốt công tác bốc xếp ở các nút giao thông. Nâng cao chất lượng vận tải hàng không. Bảo đảm các điều

kiện vật chất đồng bộ để huy động cao nhất các phương tiện vận tải nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải trong nước, ngoài nước phục vụ kinh tế, đời sống và quốc phòng, an ninh.

Sửa chữa các đường giao thông và xây dựng các công trình giao thông mới có trọng điểm. Kết hợp vốn đầu tư của trung ương với địa phương và vốn các ngành có liên quan trực tiếp đến công trình, huy động lao động nghĩa vụ của nhân dân và lao động của quân đội.

Tăng cường năng lực cơ khí sửa chữa, khôi phục các phương tiện vận tải, thiết bị chuyên dùng bưu điện.

Nâng cao chất lượng thông tin, bưu điện.

4. Về xây dựng cơ bản

Trong điều kiện khả năng nguồn vốn của Nhà nước còn hạn chế, cần tập trung vào các công trình trọng điểm, chấm dứt tình trạng đầu tư dàn đều, triệt để tiết kiệm vật tư và các chi phí khác trong xây dựng cơ bản; động viên các nguồn vốn của địa phương, xí nghiệp, hợp tác xã và của nhân dân vào xây dựng, nhưng phải đưa vào kế hoạch, cân đối chặt chẽ. Phải huy động lao động nghĩa vụ, huy động quân đội khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, làm đường sá, làm thuỷ lợi, xây dựng các trạm thuỷ điện, các xí nghiệp, bệnh viện, trường học... Bằng các biện pháp đó, với số vốn tập trung của Nhà nước chỉ bằng năm 1985, phải phấn đấu đạt khối lượng xây dựng cao hơn năm 1985 và sớm đưa các công trình vào sử dụng.

Vốn đầu tư phải bố trí theo thứ tự: ưu tiên cho các công trình trọng điểm chuyển tiếp quan trọng nhất về than, điện, dầu khí, hoá chất, cơ khí, giao thông, các công trình hợp tác

với nước ngoài, cho mục tiêu sử dụng lao động và đất đai; chú trọng đầu tư đồng bộ hoá, đầu tư chiều sâu có chọn lọc, cải tạo các xí nghiệp, bảo đảm tận dụng công suất các xí nghiệp hiện có; kiểm tra chặt chẽ việc mở công trình mới, kể cả bằng vốn tự có của địa phương vào cơ sở. Chú trọng đầu tư thích đáng cho công cuộc xây dựng Thủ đô Hà Nội.

5. Về xuất, nhập khẩu và kinh tế đối ngoại

Coi trọng việc đầu tư để tạo thêm năng lực mới sản xuất hàng xuất khẩu trong nông nghiệp, thuỷ sản, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, bảo đảm cung ứng vật tư cho sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu; thi hành tốt và tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các chính sách đã được ban hành theo tinh thần Nghị quyết 19 của Bộ Chính trị về xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại, để khuyến khích mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu.

Sắp xếp lại và tổ chức công tác xuất, nhập khẩu nhằm tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu, bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong xuất, nhập khẩu.

Kim ngạch xuất khẩu phải đạt ít nhất là 800 triệu rúp và đôla. Những mặt hàng chiến lược quan trọng như cao su, cà phê, chè, lạc, dỗ tương, dầu dừa, tôm..., địa phương có nhiệm vụ giao sản phẩm cho trung ương theo kế hoạch để bảo đảm các cam kết quốc tế, Nhà nước bảo đảm lợi ích thoả đáng cho người sản xuất và các địa phương.

Xúc tiến thực hiện các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác theo các hiệp định đã ký kết trong kế hoạch 5 năm 1986 - 1990.

Mở rộng hợp tác và liên kết kinh tế với Lào và Campuchia

với tinh thần giúp đỡ lẫn nhau; đẩy mạnh việc hợp tác giữa các ngành và giữa các địa phương một cách toàn diện, theo hướng phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, mở rộng kinh doanh nghề rừng, khai thác, chế biến nông lâm thuỷ sản, sản xuất hàng tiêu dùng.

Khuyến khích các ngành sản xuất vay vốn bên ngoài hoặc liên kết với các địa phương để tăng thêm khối lượng và mặt hàng xuất khẩu.

Mọi hoạt động xuất, nhập khẩu của địa phương và ngành đều phải được quản lý chặt chẽ, đưa vào kế hoạch. Giáo dục, khuyến khích nhân dân dùng hàng của ta sản xuất ra. Hết sức tiết kiệm ngoại tệ, cấm nhập hàng xa xỉ, hàng tiêu dùng cao cấp và những mặt hàng mà khả năng trong nước có thể sản xuất và cung cấp. Dành ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất là chủ yếu.

Bổ sung, sửa đổi quy chế, thủ tục nhập cảnh, cải tiến dịch vụ hàng hải, hàng không để vừa bảo đảm an ninh, vừa tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh công tác du lịch thu ngoại tệ.

Ban hành pháp lệnh đầu tư và tổ chức tốt công tác kiều hối để thu hút người nước ngoài và Việt kiều bỏ vốn kinh doanh sản xuất hoặc gửi ngoại tệ về nước.

6. Về phân phối lưu thông

Tiếp tục quán triệt những tư tưởng và quan điểm cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, giải quyết tốt các vấn đề về giá - lương - tiền theo đúng tinh thần và nội dung kết luận của Bộ Chính trị trong Thông báo số 68-TB/TW. Trước mắt phải:

- Trên cơ sở phát triển sản xuất, Nhà nước làm chủ thị trường giảm chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, phấn đấu ổn định giá cả để ổn định đời sống và thúc đẩy sản xuất phát triển.

Giữ mặt bằng giá đã được hình thành với hệ thống giá mới do Nhà nước vừa quy định. Phải trên nguyên tắc, lấy giá thóc làm chuẩn và quan hệ tỷ giá đúng đắn giữa nông sản và hàng công nghiệp mà tiếp tục xác định các loại giá và sửa lại một số giá không hợp lý. Trung ương cũng như các địa phương phải kiểm tra chặt chẽ các cơ quan nhà nước và các tổ chức sản xuất, kinh doanh trong việc định giá và chấp hành giá; tăng cường kỷ luật giá ở các ngành, các cấp.

Về giá thóc, giá mua trong hợp đồng phải theo đúng giá chuẩn Trung ương đã quy định. Trước mắt, để bảo đảm Nhà nước mua hết lương thực thừa của nông dân, các địa phương được mua ngoài hợp đồng theo giá linh hoạt ở từng vùng, có sự hướng dẫn của Trung ương.

- Sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp (bao gồm cả nội thương, ngoại thương, lương thực, vật tư...), bỏ các khâu trung gian bất hợp lý; tổ chức lại công tác thu mua và bán hàng, để Nhà nước nắm được phần lớn hàng hoá nông, lâm, thuỷ sản và hàng tiêu thụ công nghiệp, nắm toàn bộ sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh, bảo đảm cho Nhà nước làm chủ thị trường. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ. Tổ chức phân phối hàng hoá đến tận tay người tiêu dùng, với giá cả được công bố rõ ràng.

Khẩn trương tiếp tục cải tạo và tổ chức lại tiểu thương, tăng cường quản lý thị trường, quản lý giá cả, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu phá rối thị trường.

Sửa đổi các chính sách về tài chính nhằm bảo đảm quyền tự chủ tài chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh và tạo cho ngân sách có nguồn thu lớn ổn định. Bổ sung chính sách thuế xuất nhập khẩu, thuế hải quan, thuế hàng hoá, định mức lợi nhuận và phân phối lợi nhuận.

Thực hiện triệt để *chính sách tiết kiệm* trong sản xuất, kinh doanh, trong đời sống, trong chi tiêu hành chính, phấn đấu giảm bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt.

Ngân hàng phải nhanh chóng chuyển mạnh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hoạt động tín dụng phục vụ sản xuất và xây dựng cơ bản.

7. Về lao động

Ngay từ đầu năm 1986, phải sắp xếp lại tổ chức và bộ máy của Nhà nước, của Đảng và của các đoàn thể ở trung ương và các tỉnh, thành, bố trí lại cán bộ, nhân viên cho đúng người, đúng việc, để mọi người làm việc có chất lượng, có hiệu quả; chuyển số người dôi ra sang khu vực sản xuất, dịch vụ.

Các thành phố, thị xã cần tổ chức liên kết với các địa phương khác để đưa lao động đến vùng nguyên liệu hoặc tạo vùng nguyên liệu từ nông sản, lâm sản, để mở mang công nghiệp địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, mở rộng việc gia công hàng xuất khẩu, chế biến lương thực, thực phẩm và phát triển mạng lưới thương nghiệp, dịch vụ. Sắp xếp, sử dụng phần lớn lao động trong huyện, trong tỉnh, theo hướng liên kết giữa xã với xã, huyện với huyện, mở thêm cơ sở của hợp tác xã, vừa phát triển kinh tế tập thể, vừa phát triển kinh tế gia đình.

Đẩy mạnh việc đưa lao động đi khai khẩn các vùng đất

mới trên địa bàn cả nước theo phương châm "nơi dễ làm trước, nơi khó làm sau", "dựa vào sức dân là chính, có sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước"... Trong năm 1986, tiếp tục đưa dân di sản xuất theo kế hoạch đã định; bố trí lực lượng khoé đến trước các địa bàn đã được xác định, xây dựng cơ sở vật chất và chuẩn bị các điều kiện để mùa khô năm 1986 - 1987 và năm 1987 đưa dân đi mạnh hơn. Cơ cấu lao động đưa đi phải bố trí đồng bộ từ cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật. Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải lãnh đạo chặt chẽ việc đưa dân đi cũng như tiếp đón dân đến, chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào ở những vùng kinh tế mới.

Xúc tiến việc chuẩn bị để ban hành Pháp lệnh về nghĩa vụ lao động, bảo đảm mọi người trong độ tuổi lao động và có sức lao động đều có việc làm và phải làm việc có ích cho xã hội.

Tiếp tục thực hiện định canh định cư cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Tăng thêm các điều kiện, phương tiện cần thiết và bổ sung các chế độ, chính sách để tiếp tục *giảm mạnh tốc độ tăng dân số* năm 1986.

8. Về khoa học và kỹ thuật

Tổ chức và sử dụng có hiệu quả hơn tiềm lực khoa học và kỹ thuật, trước hết là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu nhằm góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về sản xuất, đời sống, về cải tiến quản lý và về quốc phòng. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật trước hết phải phục vụ cho nhiệm vụ sản xuất lương thực và thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng xuất khẩu và các sản phẩm công nghiệp trọng điểm, tạo ra nguồn nguyên liệu, vật liệu thay thế và nguyên liệu, vật liệu mới, góp phần tạo ra những vùng cao sản, những vùng kinh tế mới, những huyện và xí nghiệp sản xuất và kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao. Cải tiến về tổ chức và chính sách để có thể áp dụng ngay vào sản xuất các thành tựu đã có kết luận.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, chú trọng việc thực nghiệm; thực hiện các biện pháp đồng bộ để sớm có những công nghệ thích hợp nhất cho từng ngành, từng cơ sở sản xuất, kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống.

Chú ý tổ chức nghiên cứu cơ bản phục vụ sự phát triển trước mắt và trong những năm sau. Tăng cường công tác nghiên cứu tổng hợp các vấn đề về điều kiện tự nhiên, về tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề về kinh tế xã hội ở nước ta, đẩy mạnh công tác dự báo chiến lược về khoa học và kỹ thuật, làm cơ sở khoa học cho việc lập quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng chính sách sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái.

Hoàn chỉnh cơ chế quản lý khoa học và kỹ thuật, từng bước áp dụng chế độ hạch toán trong các hoạt động khoa học.

9. Về văn hóa, xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt chương trình cải cách giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa về mọi mặt đạo đức, kiến thức,

thể lực, về ý thức lao động xây dựng xã hội mới và tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất thích hợp ở các trường phổ thông.

Hướng dẫn và tổ chức tốt việc sản xuất ở các trường công nhân kỹ thuật.

Sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, phân công đào tạo hợp lý. Cải tiến chế độ tuyển sinh cho năm học 1986 - 1987 nhằm gắn chặt hơn nữa đào tạo với bố trí sử dụng, chú ý đúng mức cho nhu cầu của các huyện.

Thể chế hoá phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong việc xây dựng sự nghiệp giáo dục.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, nghệ thuật và các hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới. Động viên phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, chống hủ tục, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội.

Nâng cao chất lượng phục vụ của mạng lưới y tế hiện có, tăng cường vệ sinh phòng dịch, kịp thời phát hiện và dập tắt các ổ dịch, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho công nhân, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân.

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách và biện pháp chăm sóc chu đáo đời sống vật chất và tinh thần đối với thương binh, cán bộ hưu trí, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, giúp đỡ những người có nhiều khó khăn trong đời sống.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao thành phong trào nhằm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa toàn diện.

10. Về quốc phòng và an ninh

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, phải tích cực tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh bại dạng chiến tranh lấn chiếm ở biên giới, chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và làm tròn nhiệm vụ quốc tế; giữ vững trật tự an ninh và an toàn xã hội; xây dựng đất nước mạnh lên cả về kinh tế và an ninh, quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế phải được quán triệt trong toàn bộ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1986.

Phấn đấu bảo đảm các nhu cầu của lực lượng vũ trang, ưu tiên cho các lực lượng chiến đấu ở các tuyến trước. Các mặt hàng sản xuất và cung cấp cho nhu cầu quốc phòng phải được cân đối vật tư, năng lượng như những sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế quốc dân và ghi thành chỉ tiêu pháp lệnh, chú trọng cải tiến mặt hàng cho phù hợp với nhu cầu.

Huy động một lực lượng lớn quân đội làm kinh tế, bảo đảm tính toán hiệu quả kinh tế, giao nộp sản phẩm và nộp ngân sách nhà nước. Tổ chức lại sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất của các xí nghiệp quốc phòng để vừa sản xuất cho quốc phòng, vừa sử dụng thích đáng năng lực của các xí nghiệp quốc phòng và lao động kỹ thuật để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KẾ HOẠCH HOÁ VÀ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Thực hiện một bước đổi mới rõ rệt *công tác kế hoạch hóa* gắn với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, bắt đầu hình thành một cơ chế kế hoạch hóa năng động và có hiệu lực, xoá bỏ tập trung quan liêu, hành chính bao cấp, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch năm 1986 phải phản ánh đầy đủ những khả năng mới của các địa phương và các ngành, trước hết là từ các xí nghiệp, các huyện, nhằm đạt cao hơn mức tính toán hiện nay.

Hội đồng Bộ trưởng xác định lại danh mục các sản phẩm trọng yếu và các công trình xây dựng cơ bản trọng điểm Nhà nước để tập trung cân đối đầy đủ, đồng bộ và chặt chẽ hơn. Sửa đổi, bổ sung chế độ kế hoạch hóa đối với một số lĩnh vực quan trọng đang có nhiều vướng mắc, như dầu tư xây dựng cơ bản, cung ứng vật tư, hàng hoá, xuất nhập khẩu, lao động, tiền lương, tài chính... Sửa đổi lại hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh theo hướng mở rộng quyền chủ động cho các ngành, các cấp, nhất là cho đơn vị cơ sở và huyện, quận.

Việc xây dựng kế hoạch năm 1987 của các ngành, các địa phương phải được tiến hành sớm và thật sự làm từ cơ sở, từ huyện, quận lên.

2. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm sẵn có, Bộ Chính trị cần khẩn trương chỉ đạo việc nghiên cứu để sớm có nghị quyết về *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*. Trong năm 1986, phải hình thành được cơ chế quản lý mới trên hai mặt: bảo

đảm quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất kinh doanh, xác định và tăng cường chức năng quản lý hành chính - kinh tế của bộ máy nhà nước các cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất - kinh doanh thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là biện pháp quan trọng bậc nhất để bảo đảm thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1986 và các nhiệm vụ kinh tế, xã hội trong những năm tới.

3. Cải tiến công tác chỉ đạo, điều hành

Phải chỉ đạo và điều hành theo kế hoạch, tập trung đồng bộ cho những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch. Thống nhất và tập trung điều hành vào một đầu mối, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc mâu thuẫn nhau trong các quyết định.

Chỉ đạo chặt chẽ việc sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, xây dựng, gắn với việc cải tạo, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phân công, phân cấp trong từng ngành kinh tế - kỹ thuật và trên từng vùng lãnh thổ.

Tổ chức nghiên cứu và ban hành gấp các chính sách, trước hết là chính sách khuyến khích sử dụng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có; các chính sách về tài chính, ngân hàng; về xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ; chính sách tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng; ban hành sớm pháp lệnh về đất đai, pháp lệnh về nghĩa vụ lao động, pháp lệnh về đầu tư, v.v..

Tăng cường kiểm tra việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước, đề cao kỷ luật của Đảng và pháp chế xã hội chủ nghĩa, thưởng phạt nghiêm minh và kịp thời.

Kiện toàn hệ thống thông tin kinh tế để các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước nắm tình hình kinh tế, xã hội nhanh chóng, đầy đủ, đúng sự thật.

4. Tăng cường công tác tư tưởng và công tác vận động quần chúng; phát động rộng rãi phong trào cách mạng của nhân dân lao động, của cán bộ, đảng viên, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực tự cường, ra sức lao động sản xuất và thực hiện triệt để tiết kiệm, lèn án mạnh mẽ các hiện tượng tiêu cực dưới mọi hình thức; đập tan các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.

Phát huy vai trò và trách nhiệm của các đoàn thể nhân dân, nhất là Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phối hợp chặt chẽ hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể để đẩy mạnh ngay từ đầu năm phong trào thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1986.

Đặc biệt quan trọng là các cấp uỷ đảng và các cơ quan nhà nước phải kịp thời phát hiện, tổng kết và vận dụng những kinh nghiệm tốt về tổ chức và quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị cơ sở và các huyện, quận, động viên sức mạnh tổng hợp của Nhà nước và nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng để khai thác tốt nhất các nguồn khả năng thực tế về lao động, đất đai, ngành nghề, chủ động tìm kiếm vật tư, nguyên liệu, tiền vốn, góp phần khắc phục các mất cân đối hiện nay, quyết tâm tạo ra bước chuyển biến mới trong sản xuất và đời sống.

5. Kiện toàn tổ chức, bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ, sửa đổi lề lối làm việc

Ngay từ đầu năm 1986, phải sắp xếp lại bộ máy của

Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cắt bỏ những tổ chức trung gian không cần thiết, sắp xếp lại lao động của các cơ quan hành chính sự nghiệp ở trung ương và địa phương, giảm biên chế gián tiếp ở các cơ sở sản xuất và kinh doanh. Đánh giá đúng năng lực và cống hiến của cán bộ các ngành, các cấp để bố trí cho phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới; tăng cường cán bộ cho các huyện, các đơn vị cơ sở và những nơi đang có khó khăn. Bằng động viên, giáo dục kết hợp với chính sách ưu đãi, khuyến khích để thu hút nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế về cơ sở, đi miền núi, Tây Nguyên, các vùng kinh tế mới.

Cải tiến lề lối làm việc của các cấp, các ngành, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đi sát cơ sở; kiên quyết khắc phục tác phong quan liêu, mệnh lệnh cũng như tư tưởng địa phương, cục bộ, hẹp hòi. Coi trọng làm thủ và sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong Đảng và các cơ quan nhà nước.

*

* * *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng tin tưởng rằng, với ý thức trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của các ngành, các địa phương và cơ sở, phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong cả nước, trên cơ sở quán triệt sâu sắc các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, 7, 8 và Hội nghị Trung ương lần này, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ra sức khai thác mọi khả năng hiện có để bổ sung kế hoạch đạt những mức phát triển cao hơn, đồng thời phấn đấu quyết liệt trong lao động sản xuất và thực hành triệt để tiết kiệm, thực hiện

thắng lợi kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1986, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế quốc dân, lập thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHOÁ V)**

Số 30b-NQ/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1985

**Về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VI của Đảng**

- Thi hành quy định của Điều lệ Đảng,
- Theo đề nghị của Bộ Chính trị,

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)
QUYẾT ĐỊNH:**

1. Triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng vào cuối quý IV năm 1986. Ngày cụ thể do Bộ Chính trị quyết định.

2. Nội dung của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V (chủ yếu là thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội) và về phương hướng, nhiệm vụ các mặt công tác trong thời gian tới (chủ yếu là về phương hướng

chiến lược kinh tế, xã hội và nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước 5 năm 1986-1990).

- b) Quyết định một số điểm sửa đổi trong Điều lệ Đảng.
- c) Bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI).

3. Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chuẩn bị các đề án và chuẩn bị nhân sự của Đại hội. Ban Bí thư chỉ đạo việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp, xúc tiến việc chuẩn bị phục vụ Đại hội và các công việc khác cần thiết cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng.

(Nghị quyết này đã được Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí thông qua trong phiên họp sáng 17-12-1985).

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH
TẠI PHIÊN HỌP KẾT THÚC
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍNH
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ V)**

Ngày 17 tháng 12 năm 1985

Thưa các đồng chí,

Sau chín ngày làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị chúng ta đã hoàn thành chương trình nghị sự.

Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội 10 năm qua, phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1986-1990. Đây là một bước quan trọng chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương ghi nhận những ý kiến đã phát biểu, giao trách nhiệm cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc tiếp tục nghiên cứu, thảo luận, làm rõ thêm những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đi đến những kết

luận cần thiết, căn cứ vào đó mà chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1986-1990, đồng thời chuẩn bị tốt bản dự thảo Báo cáo chính trị để Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và thông qua. Do chưa có kết luận về các vấn đề chiến lược kinh tế - xã hội và kế hoạch 5 năm, nên Bộ Chính trị yêu cầu các đồng chí không phổ biến trong cấp uỷ và cán bộ, đảng viên về nội dung các báo cáo và các ý kiến đã thảo luận.

Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1986. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị và Đoàn Chủ tịch Hội nghị nhấn mạnh một vài điểm mà chúng ta cần tập trung chỉ đạo thực hiện:

Một là, cần làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nhận thức một cách sâu sắc tình hình hiện nay của nước ta, trong bất kỳ tình huống nào cũng phải phấn đấu thực hiện tốt cả *hai nhiệm vụ chiến lược*: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những nhiệm vụ kinh tế - xã hội phải được đặt ra trong hoàn cảnh đất nước vừa có hoà bình, lại vừa phải đối phó với âm mưu và hành động khiêu khích, lấn chiếm, phá hoại của địch, sẵn sàng đánh thắng ngay từ đầu chiến tranh xâm lược của địch nếu chúng liều lĩnh gây ra. Cùng với việc ra sức đẩy mạnh phát triển kinh tế, phải củng cố quốc phòng và an ninh, chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng lớn mạnh. Đồng thời, cùng với việc chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, cần chú trọng tổ chức cho quân đội tham gia xây

dụng kinh tế, góp phần giải quyết những khó khăn của đất nước nói chung và cải thiện đời sống bộ đội nói riêng. Chính sách đổi mới với quân đội, bao gồm cả chính sách hậu phương, phải bảo đảm cho bộ đội yên tâm đứng vững trên tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, tích cực và từng bước *đổi mới cơ chế quản lý*, bảo đảm quyền chủ động của cơ sở nhằm mục tiêu phấn đấu đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Trên cơ sở đó mà kiên quyết sắp xếp lại sản xuất, lưu thông, phục vụ cho việc hình thành cơ cấu kinh tế mới. Biện pháp quan trọng bậc nhất là *thực hiện triệt để tiết kiệm*, hợp lý hóa sản xuất, *giảm mạnh chi phí* lao động và vật tư trong sản xuất để tăng thêm sản phẩm xã hội, hạ giá thành, phấn đấu bảo đảm với hệ thống giá vật tư mới, giá bán ra không đội giá thị trường hiện nay. Tiểu ban chuẩn bị đề án về mở rộng quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh cần làm việc khẩn trương, tổng kết kịp thời kinh nghiệm của các nơi để trình Bộ Chính trị bàn và quyết định sớm vào đầu năm 1986. Các ngành và các địa phương có trách nhiệm tích cực tham gia chuẩn bị đề án này.

Năm 1986 phải là *năm hình thành được cơ chế quản lý mới* với nội dung sau: vừa bảo đảm quyền chủ động của cơ sở, vừa xác định và tăng cường chức năng quản lý hành chính - kinh tế của bộ máy nhà nước các cấp, tạo điều kiện thật tốt cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh đi vào hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trên cơ sở *đổi mới kế hoạch hoá*, chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà *tiếp*

tục giải quyết tốt các vấn đề về giá, lương, tiền, gắt chặt với đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công thương nghiệp với những hình thức, bước đi thích hợp; tăng cường quản lý, phấn đấu làm chủ thị trường; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức kinh doanh phục vụ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa nhằm từng bước ổn định thị trường, giá cả, thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và có tích luỹ để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

Phải dùng mọi biện pháp kinh tế, hành chính và giáo dục, trong đó biện pháp kinh tế là *chủ yếu*, để thực hiện cho được chủ trương Nhà nước độc quyền kinh doanh lương thực. Phải tổ chức lại bộ máy kinh doanh lương thực trong cả nước, kiên quyết xoá bỏ tư nhân buôn bán lương thực.

Trước mắt, cần đặc biệt chú trọng giải quyết tốt vấn đề giá cả, nhất là *giá mua thóc* trong vụ mùa này như quyết định của Hội nghị Trung ương lần này.

Về mặt bằng giá và những mối quan hệ về giá cả, sau Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng sẽ tiếp tục xem xét để giải quyết theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị.

Điều rất quan trọng là phải *sửa lại cơ chế định giá và quản lý giá*, phân công, phân cấp hợp lý trong việc định giá nhằm bảo đảm cho hệ thống giá của Nhà nước sát hợp với tình hình thực tế của sản xuất và đời sống, bảo đảm cho các địa phương và cơ sở có thể kịp thời vận dụng linh hoạt, nhạy bén chính sách giá và các khung giá của Nhà nước, làm cho sản xuất, kinh doanh sống động, lưu thông thông suốt và có hiệu quả.

Bốn là, phải phấn đấu để năm 1986 có một bước chuyển biến mạnh trong việc sử dụng lao động, đất đai và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có. Đi đôi với phân bối lại lao động tại chỗ ở từng huyện, từng tỉnh, phải đẩy mạnh phân bối lại lao động giữa các vùng trong cả nước; kết hợp lao động với đất đai, ngành nghề nhằm tạo ra nhiều của cải cho xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

Trong điều kiện khả năng đầu tư của trung ương có hạn, phải thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, trung ương và địa phương cùng làm". Phải *lấy huyện làm địa bàn, làm điểm tựa* để sử dụng tốt nhất lao động, đất đai.

Năm 1986 cũng phải là một năm có chuyển biến thật sự trong việc *sắp xếp lại* bộ máy các cơ quan, các tổ chức của Nhà nước, của Đảng và các đoàn thể, kiên quyết bỏ những khâu trung gian thừa, những tổ chức trùng lắp, bố trí lại cán bộ, nhân viên cho đúng người, đúng việc, mọi người làm việc có chất lượng, có năng suất, giảm nhẹ biên chế, chuyển bớt người đi làm việc khác. Chúng ta phải phấn đấu nâng cao năng suất lao động ở từng cơ sở, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã..., đồng thời phải nâng cao *năng suất lao động xã hội*.

Năm là, mươi năm qua, vượt qua khó khăn chồng chất, thiên tai, dịch họa, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn. Đó là thuận lợi rất cơ bản, tạo ra tiền đề để chúng ta tiến lên mạnh mẽ. Tuy nhiên, những khó khăn vẫn còn rất lớn, tình hình còn nhiều mặt phức tạp, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu lâu dài, gian khổ để vượt qua.

Để làm tốt việc đó, chúng ta cần nắm vững nguyên tắc *tập trung dân chủ* trong chỉ đạo, điều hành, đề cao tự phê

bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, cùng nhau phấn đấu nhằm đạt đến nhất trí cao. Các cấp ủy đảng phải đặc biệt chú trọng công tác chính trị, giáo dục tư tưởng trong Đảng, trong các lực lượng vũ trang và trong nhân dân, dấy lên phong trào cách mạng sôi nổi trên khắp các vùng, trong mọi tầng lớp nhân dân, phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của quần chúng, phát huy truyền thống vẻ vang từ trước Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chống bọn..., thường xuyên nâng cao tính chiến đấu, đề cao cảnh giác cách mạng, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục giành những thắng lợi mới to lớn hơn nữa trong những năm sau, bắt đầu ngay từ năm 1986, đưa sự nghiệp cách mạng không ngừng tiến lên.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương chúng ta đã thành công tốt đẹp. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi khen ngợi các bộ phận phục vụ đã tận tụy làm việc, góp phần vào thành công đó.

Nhân dịp này, xin chúc tất cả các đồng chí một năm mới dồi dào sức khoẻ, hạnh phúc và thắng lợi. Chúng ta quyết tâm cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu tạo ra những chuyển biến cơ bản trong năm 1986, năm đầu của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, thiết thực chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

hiện sự cố gắng của anh chị em hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật trong cả nước, sự tiến bộ về chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, của Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, của Bộ Văn hoá và các Hội Văn học, nghệ thuật.

Sự chuyển biến nói trên mới bắt đầu, chưa thật vững chắc. Đời sống văn hoá của nhân dân ta vẫn còn nghèo, nhất là ở nông thôn, miền núi. Số lượng tác phẩm mới quá ít, chất lượng nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật còn thấp. Công tác tổ chức và quản lý của nhiều cơ quan văn hoá, văn nghệ chưa được củng cố. Việc vận dụng chính sách giá mới và thang lương mới trong ngành văn hoá còn nhiều vướng mắc.

2. Để thúc đẩy các hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa, phục vụ kịp thời và có hiệu quả hơn các nhiệm vụ chính trị - xã hội của Đảng và Nhà nước ta năm 1986, các cơ quan văn hoá, văn nghệ cần *tổng kết hoạt động văn hoá - văn nghệ 10 năm qua*, phân tích rõ những kết quả đã đạt được để phát huy, những yếu kém, thiếu sót cần khắc phục và xây dựng chương trình công tác năm 1986 cho thiết thực, sát với yêu cầu và nhiệm vụ mới.

3. Cần nắm vững *mục đích của công tác văn hoá, văn học nghệ thuật là xây dựng cuộc sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*. Hoạt động kinh tế trong văn hoá không nhằm mục đích thu lợi nhuận mà chủ yếu là để nâng cao hiệu quả đầu tư, giảm bớt một phần ngân sách của Nhà nước. Ở một số khu vực hoạt động văn hoá có doanh thu, một mặt cần chống thất thu, mặt khác, phải đề phòng xu hướng chạy theo doanh thu đơn thuần làm hại mục đích giáo dục.

Cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự ra đời các tác phẩm văn học nghệ thuật thể hiện mạnh mẽ và

THÔNG BÁO

Số 71-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1985

Ý kiến của Ban Bí thư về công tác văn hoá - văn nghệ

Ngày 19-11-1985, sau khi nghe Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương báo cáo tình hình công tác văn hoá - văn nghệ từ đầu năm đến nay và dự kiến phương hướng chỉ đạo công tác văn hoá - văn nghệ từ nay đến cuối năm 1986, Ban Bí thư đã có một số ý kiến chính như sau:

1. Vài năm nay, nhất là năm 1985, hoạt động văn hoá - văn nghệ có chuyển biến tốt trên nhiều mặt, cả trong hoạt động chuyên nghiệp và phong trào quần chúng, ở trung ương và địa phương, về sáng tác, biểu diễn cũng như về lý luận, phê bình. Chất lượng sáng tác ở bộ môn văn học (nhất là văn xuôi) và các bộ môn nghệ thuật có tiến bộ rõ rệt. Công tác lý luận, phê bình bước đầu khắc phục tình trạng yếu kém từ nhiều năm trước. Hoạt động xây dựng đời sống văn hoá ở các đơn vị cơ sở có tiến bộ; phong trào xây dựng nếp sống mới khá hơn trước.

Những chuyển biến tốt của hoạt động văn hoá, văn nghệ trong tình hình kinh tế - xã hội đang có nhiều khó khăn thể

chân thật những đề tài về hai nhiệm vụ chiến lược và ba cuộc cách mạng, về cuộc sống mới làm chủ tập thể và con người mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời chăm lo cho sự ra đời những tác phẩm có chiều sâu và có sức khái quát cao về hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cần có nhiều sáng tác và hoạt động văn hoá phong phú thích hợp phục vụ sự nghiệp giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng. Đẩy mạnh công tác lý luận, phê bình, thông qua lý luận, phê bình, cổ vũ khuynh hướng sáng tác gắn liền với cuộc sống cách mạng lao động sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân và các lực lượng vũ trang.

4. Tiếp tục nghiên cứu *vận dụng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương vào ngành* một cách toàn diện, đồng bộ.

Bộ Văn hoá sắp xếp lại các tổ chức trong ngành cho hợp lý, trước hết là các đoàn nghệ thuật ở trung ương và các địa phương, sắp xếp lại ngành in, các cơ quan báo chí và xuất bản; phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng một số chính sách (như chính sách trợ cấp, bù lỗ, chế độ nhuận bút mới, quy định về quyền tác giả, v.v.) nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động văn hoá, văn học nghệ thuật tiếp tục phát triển.

Bộ Văn hoá và Bộ Lao động cần xem xét để giải quyết sớm những điều chưa hợp lý về lương diễn viên.

Ban Tổ chức và Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương cùng với các Hội Văn học, nghệ thuật và Uỷ ban Trung ương Liên hiệp Văn học, nghệ thuật dự thảo cơ cấu tổ chức của các hội trình Ban Bí thư vào cuối quý I-1986. Cần xác định đúng

vị trí của các Hội Văn học và nghệ thuật trong đời sống chính trị và xã hội, tạo ra cho các hội những điều kiện cần thiết để mở rộng hoạt động.

5. Ban Bí thư đồng ý với phương hướng chỉ đạo công tác văn hoá, văn học, nghệ thuật năm 1986 do Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương trình bày. Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương cùng Bộ Văn hoá và các Hội Văn học, nghệ thuật chuẩn bị ý kiến về mặt văn hoá, văn nghệ góp phần vào các dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
VÕ CHÍ CÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

1.1 Trang

- *Lời giới thiệu tập 46* V
- Thông báo số 54-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1985, ý kiến của Ban Bí thư về một số công tác của báo *Nhân dân* 1
- Thông tri của Ban Bí thư, số 41-TT/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1985, về việc tặng "Huy hiệu Đảng" cho các đảng viên lâu năm 4
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 56-CT/TW, ngày 29 tháng 1 năm 1985, về việc củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn miền núi 7
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 57-CT/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1985, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp 19
- Quyết định của Ban Bí thư, số 52-QĐ/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1985, về Ngày báo chí Việt Nam 23
- Thông tri của Ban Bí thư, số 42-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1985, về việc động viên, tổ chức thanh niên hưởng ứng và tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 12 và năm Quốc tế Thanh niên 25
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 58-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1985, về kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Công an nhân dân Việt Nam 29
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 59-CT/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1985, về công tác của Tạp chí *Công sản* 33
- Thông tri của Ban Bí thư, số 43-TT/TW, ngày 13 tháng 2 năm 1985, về tổ chức kỷ niệm lần thứ 10 ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (30-4-1975 - 30-4-1985) 36

- Quy định của Ban Bí thư, số 53-QĐ/TW, ngày 27 tháng 2 năm 1985, về việc thành lập Hội đồng Quân sự cấp sư đoàn và cơ quan quân sự cấp tỉnh, thành phố 39
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 60-CT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1985, về tổ chức, nhiệm vụ và phương pháp làm việc của Đoàn chuyên gia quân sự Việt Nam tại nước Cộng hoà Cuba 41
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 62-CT/TW, ngày 11 tháng 4 năm 1985, về việc thực hiện tiết kiệm 44
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 63-CT/TW, ngày 1 tháng 6 năm 1985, về việc thực hiện các thoả thuận giữa Bộ Chính trị Đảng ta và Bộ Chính trị Đảng Lào tháng 1 năm 1985 47
- Lời khai mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương, do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc, ngày 11 tháng 6 năm 1985 50
- Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), số 237/TLHN, ngày 11 tháng 6 năm 1985, triệt để xoá bỏ quan liêu bao cấp giải quyết một số vấn đề cấp bách về giá - lương - tiền nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, làm chủ thị trường xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân 52
- Bài phát biểu của đồng chí Trưởng Chính tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), bàn về giá cả - tiền lương - tài chính - tiền tệ, ngày 14 tháng 6 năm 1985 91
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 25-NQ/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1985, về giá - lương - tiền 110
- Lời phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng bế mạc Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 17 tháng 6 năm 1985 134
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 66-CT/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985, về việc phổ biến và tuyên truyền Nghị quyết Hội

- nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng 137
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 64-CT/TW, ngày 12 tháng 6 năm 1985, về tăng cường trách nhiệm, nâng cao sức chiến đấu của các đảng bộ cơ sở phường và xây dựng các đảng bộ phường, quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh) vững mạnh 141
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 55-QĐ/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1985, về quy chế làm việc của đảng bộ phường 152
 - Thông tri của Ban Bí thư, số 44-TT/TW, ngày 14 tháng 6 năm 1985, về tổ chức kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Tám và Ngày thành lập nước (19-8 và 2-9-1945 - 19-8 và 2-9-1985) 171
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 65-CT/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1985, về việc tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thuỷ sản, nông - lâm - diêm nghiệp và ngành nghề miền biển 173
 - Quy định của Ban Bí thư, số 56-QĐ/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985, những tài liệu lịch sử lưu trữ lâu dài tại Kho Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng 181
 - Thông báo của Ban Bí thư, số 60-TB/TW, ngày 20 tháng 6 năm 1985, về việc bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Linh vào Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá V) 183
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 67-CT/TW, ngày 22 tháng 6 năm 1985, về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp 184
 - Thông báo số 62-TB/TW, ngày 22 tháng 6 năm 1985, ý kiến của Ban Bí thư về việc cho phép thành phố Hà Nội thực hiện việc bù giá vào lương cho người hưởng lương 196
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 26-NQ/TW, ngày 4 tháng 7 năm 1985, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên 199
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 27-NQ/TW, ngày 4

- tháng 7 năm 1985, về việc tiếp tục kiện toàn cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam và sự nghiệp quốc phòng 216
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 68-CT/TW, ngày 15 tháng 7 năm 1985, về việc tăng cường chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng 225
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 70-CT/TW, ngày 23 tháng 7 năm 1985, về việc lãnh đạo thi hành Bộ luật Hình sự 229
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 71-CT/TW, ngày 8 tháng 8 năm 1985, về việc phổ biến và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên" 232
 - Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 28-NQ/TW, ngày 10 tháng 8 năm 1985, về việc phê chuẩn các phương án giá và lương 236
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 72-CT/TW, ngày 13 tháng 8 năm 1985, về việc tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ xuất thân công nhân 244
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 73-CT/TW, ngày 16 tháng 8 năm 1985, về việc thi hành Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Campuchia 251
 - Thông báo số 64-TB/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1985, quyết định của Bộ Chính trị về việc xét khen thưởng huân chương cao và tặng danh hiệu Anh hùng nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập nước 253
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 58-QĐ/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1985, về việc ban hành các bảng lương cho cán bộ, nhân viên công tác ở cơ quan đảng, đoàn thể quần chúng từ trung ương đến huyện 255
 - Quyết định của Ban Bí thư, số 59-QĐ/TW, ngày 18

- tháng 9 năm 1985, về việc sửa đổi một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cũ và cán bộ cao cấp 263
- Thông tri của Ban Bí thư, số 46-TT/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1985, về việc tổ chức viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh và công tác tuyên truyền văn hoá tại Lăng của Người 265
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 74-CT/TW, ngày 19 tháng 9 năm 1985, về việc tăng cường lãnh đạo cuộc vận động kế hoạch hoá gia đình nhằm hạ tỷ lệ phát triển dân số 267
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 75-CT/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1985, một số vấn đề trước mắt về công tác tư tưởng và công tác tổ chức để bảo đảm thi hành Nghị quyết 8 của Trung ương 271
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 76-CT/TW, ngày 9 tháng 10 năm 1985, một số chủ trương về vấn đề nhà ở của cán bộ, đảng viên trong tình hình hiện nay 280
 - Thông báo của Ban Bí thư, số 66-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1985, về mức lương của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng 287
 - Thông báo số 67-TB/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1985, ý kiến của Ban Bí thư về tình hình xây dựng Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình 288
 - Thông báo số 68-TB/TW, ngày 2 tháng 11 năm 1985, ý kiến Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 29 tháng 10 – 1 tháng 11 năm 1985, về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng 291
 - Chỉ thị của Ban Bí thư, số 78-CT/TW, ngày 2 tháng 12 năm 1985, về công tác của Nhà xuất bản Sự thật 304
 - Lời khai mạc Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), do Tổng Bí thư Lê Duẩn đọc, ngày 9 tháng 12 năm 1985 307
 - Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 9 tháng 12 năm 1985, về chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và kế hoạch 5

- năm 1986-1990 310
- Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 11 tháng 12 năm 1985 352
 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), số 30-NQ/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1985, về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1986 383
 - Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), số 30b - NQ/TW, ngày 17 tháng 12 năm 1985, về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng 405
 - Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại phiên họp kết thúc Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), ngày 17 tháng 12 năm 1985 407
 - Thông báo số 71-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1985, ý kiến của Ban Bí thư về công tác văn hoá - văn nghệ 413